

MINH CHIẾU



truyện cổ

PHẬT GIÁO

Truyện cổ Phật giáo

Bìa trước : **ẢNH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT**
Chụp nguyên bản

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

MINH CHIẾU

Sưu tập

Truyện cổ PHẬT GIÁO

TẬP 3



**THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH - PL. 2536 — 1992.**

Hôn ma nhà đạo sĩ

(Truyện cổ Phật Giáo Nhật Bản)

Nam mô A Di Đà Phật.

Vị sư già đứng đó đã lâu nhưng chẳng ai để ý đến ông cả. Đó là một nhà sư mình hạc, xương mai, khuôn mặt gầy gò, vàng bệch nhưng luôn luôn tươi cười, biểu lộ đức từ bi, bác ái.

Cách mấy bước, gần đó là một nhà kiếm sĩ. Chàng ta cao lớn nhưng người khô đét. Nét mặt khắc khổ nhưng không giống vẻ khắc khổ của nhà tu. Đó là vẻ khắc khổ của một kiếm sĩ hết thời, tài nghệ không còn nuôi sống nổi thân nên đành cấp kiếm đi giang hồ, rày đây mai đó.

Kiếm sĩ vào quán một lần với nhà sư. Chàng thét gọi từ báo. Tên này chạy ra, lúng túng không biết nên tiếp ai trước giữa hai người.

Nhà sư nói với từ báo :

- Anh hãy dọn rượu thịt cho kiếm khách trước.

Ông ấy đến trước ta và dáng chừng còn nhiều việc gấp.

Nghe vậy, chàng kiếm sĩ vội xua tay :

- Tâu bảo hãy tiếp nhà sư trước. Cần giữ lễ với một vị đạo cao đức trọng, còn kẻ giang hồ khôn khó, khỏi cần trọng đãi.

Hai người cùng thi lễ - Kiếm sĩ tự giới thiệu :

- Tôi là Ta Mã Sum.

Hai người cùng ngồi một bàn với nhau - Thức ăn dọn ra chỉ có cơm trắng, măng kho và ngó sen luộc. Qua câu chuyện trao đổi, họ mới biết là cả hai cùng đang đến tỉnh Ki Ô Tô bằng con đường Tô Cai Đô. Tại sao họ không cùng kết bạn với nhau, cùng đi một lượt cho dăm dãi đỡ vắng vì có bạn đồng hành ? Sau bữa cơm, hai người đã trở nên đôi bạn. Hành lý của họ không nhiều gì lắm. Ta Mã Sum chỉ có hai thanh kiếm, còn nhà đạo sĩ thì xách một cái bị vải trông rất nghèo nàn. Họ vừa đi vừa trò chuyện rất tương đắc. Nhà sư luôn kể chuyện hành đạo còn Ta Mã Sum thì kể lại những kinh nghiệm từng trải trên bước đường giang hồ phiêu bạt của mình.

Con đường Tô Cai Đô thật nhộn nhịp. Hành khách ngược xuôi, đủ mặt các nhà sư, kiếm sĩ,

những người hành hương đi viếng các đền chùa, cả những người hát đạo, mãi võ, làm trò thủ thuật và rất nhiều hành khất đi xin ăn, đầu đội chiếc nón thật lớn, che kín mặt.

Nhiều vị lãnh chúa, thượng quan ngự trong kiệu, có quân lính theo hầu. Mỗi lần họ đi qua, dân chúng lại kính cẩn cúi mình rạp đất, tỏ sự chào mừng. Nếu có hai vị lãnh chúa cùng đi trên một đường thì vị nào chức phận cao, bổng lộc hậu sẽ được nhường đi trước.

Người ta còn thấy trên đường Tô Cai Đô những văn nhân, thi sĩ đi ngắm cảnh, tìm vần thơ hoặc những họa sĩ đang say mê ghi lại phong cảnh hữu tình trên nền lụa.

Ta Mã Sum kể cho nhà sư nghe về dĩ vãng của mình, đã theo học những ai để trở thành kiếm sĩ, đã từng dụng độ bao nhiêu trận và giết được bao nhiêu người.

Vị sư già không chê trách gì Ta Mã Sum. Theo ông, ông là người đạo đức suốt đời không hề làm hại ai, không giết ai, không gây cho ai buồn rầu, đau đớn. Nhưng, Ta Mã Sum, chàng là kiếm sĩ mà kiếm sĩ thì phải đánh, phải giết. Ông không thể khuyên chàng hay chỉ trích những hành động đó. Mỗi người có một số phận. Sau khi chết, họ sẽ đầu

thai trở lại làm người hay làm thú vật tùy theo cái nhân mà họ gây ra. Ai cũng có thể gặp cơ duyên để trở nên tốt cả nếu họ chịu tu hành. Con người, súc vật, cây cỏ một ngày kia đều có thể thành Phật.

Nhà sư luôn miệng "Nam Mô" và đem các điều đạo lý ra nói cho Ta Mã Sum nghe. Ông kể chuyện Hoàng tử Ấn Độ bị Hoàng hậu độc ác móc mắt nhưng vẫn từ bi, tha thứ cho kẻ thù vì áp dụng câu : "Lấy oán báo oán, oán oán chập chồng, lấy ân báo oán, oán ấy mới tiêu tan".

Sau mấy ngày làm bạn đồng hành, họ đã trở nên thân thiết. Nhà sư có điều gì đều nói hết cho kiểm sĩ nghe, không giấu một chuyện gì. Một hôm, ông trở cái bị vải đang đeo trên vai, nói với Ta Mã Sum :

- Ông bạn có biết cái bị vải mà tôi đeo kè kè bên mình này đựng gì không ?

Ta Mã Sum lắc đầu :

- Không biết được ! Có gì quý giá không, thưa đạo sĩ.

- Quý lắm.

- Chắc là một tượng Phật ?

- Không.

- Hay là một cuốn kinh quý giá mang lời vàng ngọc của đức Như Lai ?

- Cũng không nốt.

Ta Mã Sum nghĩ thầm : "Hay là một chiếc răng của đức Phật". Hắn định hỏi đùa thế nhưng không dám, đành tuyên bố chịu thua.

Nhà sư thông thả đáp :

- Trong chiếc bị nghèo nàn này có hai trăm nén bạc.

Ta Mã Sum cá cười :

- Đạo sĩ giỡn tôi làm chi, tội nghiệp ! Nếu người có một số tiền lớn như vậy thì người đã chẳng đi khất thực như tôi đã gặp. Nếu quả thực là chiếc bị này đựng 200 nén bạc thì người phải mặc áo đẹp, trọ ở khách sạn sang trọng, mời tôi uống rượu quý, có đâu lại trọ ở cái quán nghèo nàn, nơi chúng ta gặp nhau.

Gương mặt đạo sĩ sáng lên, hớn hờ :

- Không, bản đạo không đùa đâu. Bản đạo mang theo 200 nén bạc nhưng không phải để tiêu dùng cho mình. Bạn muốn biết để làm gì phải không ? Đã gọi là chỗ thân tình, tôi xin kể bạn nghe.

Số là một ngày nọ, tôi đi từ Ô Mô Ri đến đền I Kê Ga Ni. Có lẽ bạn biết vùng đó. (Ta Mã Sum

gật đầu). Tôi chưa hề thấy cảnh sắc vùng nào đẹp hơn vùng ấy. Thời tiết êm dịu. Lòng tôi phơi phới, thanh thản. Thốt nhiên, tôi nghe tiếng chuông báo hiệu, mời tín đồ đến hành lễ tại đền thờ. Tiếng chuông thấm sâu trong hồn tôi và tôi cảm thấy mến yêu đức Thế Tôn vô hạn. Tôi nguyện rằng suốt đời phải làm sao đức cho được một tượng Phật bằng đồng. Từ nhiều năm qua, tôi đã đi khắp nước Nhật để xin bố thí và để dành dụm được 200 nén bạc đựng trong cái bị này. Chuyến đi này đến Ki Ô Tô, tôi sẽ mượn một nhà điêu khắc lành nghề thực hiện giấc mộng mà bao lâu nay tôi ấp ủ.

Đôi mắt đạo sĩ rực sáng lên vì vui thích. Hình như ông đang hình dung trước mắt, pho tượng Phật hiện lên, kết quả của bao nhiêu năm ông đã chịu gian khổ, dành dụm thực hiện điều mình ước nguyện.

Ông say sưa nói tiếp :

- Đức Phật sẽ ngự trên một tòa sen, ngồi theo lối kiết già. Bàn tay mặt của Ngài sẽ đưa lên vai, lòng tay xoay ra ngoài để ban phước cho chúng sinh, trên trán Ngài có dấu hiệu toàn tri, toàn năng và nụ cười của Ngài sẽ là nụ cười từ bi vô lượng.

Đó, bạn đã biết lý do vì sao tôi giữ gìn cẩn trọng cái bị này.

Ông cười đùa :

- Người ta nói rằng ai mang vàng bạc trong người sẽ đeo theo mối hiểm nguy nhưng với một kẻ anh hùng mã thượng như ông bạn, tôi chẳng chút gì ái ngại hay lo lắng cả.

Ta Mã Sum nghiêng đầu một cách cung kính, tỏ lòng cảm ơn mỹ ý của đạo sĩ nhưng trong lòng gã đang ngón ngang trăm mối. Trán gã nhăn lại, cử chỉ gã có phần mất tự nhiên. Gã nghĩ :

- Suốt cả đời ta ngang dọc, tung hoành vào sinh ra tử, chưa bao giờ ta có được một phần mười số bạc mà lão sư già đang làm chủ. Ta đang đói rách, khốn khổ trong khi lão có 200 nén bạc lại nghĩ đến việc để đúc tượng Phật.

Gã thở dài :

Ta đã già rồi ! Tuổi 40 là tuổi về vườn, vô dụng. Kiếm sĩ đến tuổi đó còn hoạt động gì được nữa ? Chẳng ai thu dụng ta. Với số bạc 200 nén của lão sư già chắc chắn ta sẽ sống được một cuộc đời sung sướng. Nhưng có bao giờ lão cho ta một ít. Họa là điên mới làm thế vì xem ra, lão đang say mê chuyện đúc tượng Phật và chẳng nghĩ gì khác nữa...

Lòng ghen tức bắt đầu giày vò tâm trí Ta Mã

Sum. Đôi lúc hắn mong cho vị sư già để quên đầu đó cái bị bạc và hắn sẽ chiếm lấy, trốn đi. Một ý nghĩ táo bạo đến với hắn. Hắn chép miệng, nhủ thầm : "Đời chỉ là một cuộc phiêu lưu mà mục đích chỉ là tốt hay xấu mà thôi, gặp thời thế phải lợi dụng nó, có khi phải tự mình tạo ra thời thế..."

Ban đầu, Ta Mã Sum cố xua đuổi những ý nghĩ bất chính, nhưng lần hồi lòng tham đã làm mờ mịt lý trí của gã. Gã chỉ nghĩ cách làm sao đoạt cho được số bạc của sư già. Sư già thì chẳng hề để ý gì đến sự thay đổi của Ta Mã Sum. Ông luôn luôn tin tưởng vào người mà ông đã nhận là bạn đồng hành.

Hai người đến thị trấn Quán A. Đường đi bị gián đoạn bởi một eo biển phải dùng thuyền mới qua được. Người lái thuyền chờ cho đủ 30 khách mới lái thuyền đi. Khi bước xuống thuyền, vị sư già loạng choạng thế nào xuýt té xuống nước. Trông thấy thế, Ta Mã Sum lòng mừng khắp khởi. Hắn đã tìm ra cách thủ tiêu nhà sư để đoạt gói bạc.

Hắn đưa nhà sư đến ngồi sau lái, ở một chỗ vắng người. Gói bạc để ở giữa. Vờ trò cho nhà sư một con cá đang nhảy lên khỏi mặt nước, thừa lúc nhà sư nghiêng mình xuống xem, Ta Mã Sum bèn đẩy

nhẹ một cái. Nhà sư té ngửa ngay xuống biển. Chờ cho thuyền chạy được một quãng, Ta Mã Sum mới làm bộ la lớn :

- Trời ơi ! Bạn tôi té xuống biển rồi, ngừng lại mau ! Ngừng lại mau !

Gió lúc đó đang thổi mạnh. Buồm căng gió đẩy con thuyền đi vùn vụt. Khi người lái thuyền cố sức neo thuyền lại thì không còn thấy dấu vết nhà sư đâu nữa cả.

Ta Mã Sum gào lên, nước mắt hấn giàn giụa :

- Lão đạo sĩ đó là bạn thân thiết của tôi. Trời ơi, bây giờ ông chết đi bỏ tôi lại một mình, khổ sở thân tôi ! Mọi người trên thuyền thấy vậy đều xúc động. Ta Mã Sum lau nước mắt, đoạn nói với mọi người :

- Chúng ta phải trình việc này tới nhà chức trách địa phương, nhưng tôi nghĩ làm thế mất nhiều thì giờ khai báo, phiền đến quý vị sợ chậm trễ công việc. Tôi cũng vậy, tôi cũng có việc gấp cần đi ngay. Và lại, nếu khai báo, sợ bác lái thuyền bị nghi oan, tội nghiệp. Chỉ bằng ta cứ tiếp tục hành trình, đến Ki-ô-tô, tự tôi sẽ đứng ra khai báo việc này, khỏi phiền đến quý vị.

Mọi người, kể cả bác lái thuyền, thấy có lý, sợ phiền phức, liền lụy nên ai cũng đồng ý là giữ kín chuyện này và cứ tiếp tục hành trình.

Khi thuyền cập bến, Ta Mã Sum cặp cái bị bạc, nhẩy phóc lên bờ, trong chốc lát, không còn thấy hấn đâu nữa.

*

Tối hôm đó, trong phòng riêng tại lữ quán, Ta Mã Sum mở bị bạc ra xem. Hấn lóa mắt khi đếm đúng 200 nén bạc nằm trong chiếc bị vải cũ kỹ, rách rưới đó.

Bây giờ số bạc đó thuộc về của hấn. Hấn vẽ ra trong đầu kế hoạch dùng số bạc đó làm vốn để mai này càng ngày, càng nẩy nở thêm ra. Từ đây, hấn đã thoát cơn nghèo đói.

Hấn đến Ki-ô-tô, thay tên đổi họ, không còn là kiếm sĩ nữa mà trở nên một thương gia : Tô Cự Bi, thương gia mẽ cốc.

Hai thanh kiếm võ sĩ đạo, hấn bọc vào trong túi gấm và cất kỹ vào một chiếc hòm. Bây giờ, công việc hằng ngày của hấn là giao dịch, bán buôn, làm ăn càng ngày càng phát đạt, Tô Cự Bi lấy vợ, đẻ con. Hấn thành đạt ngoài sức

tưởng tượng. Tuy nhiên, đôi lúc hắn cảm thấy lương tâm cắn rứt. Hắn biết rõ cái sự nghiệp đồ sộ của hắn hôm nay là do tội ác mà nên. Để cố quên chuyện xấu xa và những ám ảnh ghê rợn, hắn lao đầu vào công việc làm ăn, mong nhờ những bận rộn hằng ngày xua đuổi những ý nghĩ giày vò tâm trí hắn.

Từ lúc hắn đến lập nghiệp ở Ki-ô-tô thắm thoát mà đã ba năm. Tô Cự Bi cảm thấy cần nghỉ ngơi đôi chút để dưỡng già. Hắn mua một biệt thự xinh đẹp, có một vườn hoa to rộng đầy anh đào, có thêm mấy cây tùng.

Hôm ăn tân gia, tuy được bạn bè thân thuộc chúc mừng nhưng Tô Cự Bi không khỏi một thoáng buồn rầu vì cái sản nghiệp hắn mới tạo thêm đây cũng do nơi tội ác của hắn ngày xưa mà có. Hắn cứ nguyên rủa mãi sự nghèo đói. Chính nghèo đói đã xui hắn làm bậy, tạo nên tội ác. Càng nghĩ đến nhà sư, hắn càng hối hận. Nhà sư từ bi, đạo đức bao nhiêu thì hắn độc ác, xấu xa, bẩn thỉu bấy nhiêu.

Đêm hôm đó, nhân trời có trăng, Tô Cự Bi dạo trong hoa viên. Mắt hắn chợt để ý đến một cây tùng. Cây tùng lạ lùng sao ! Hình như có một cái bóng người mờ ảo đang hiện ra từ thân và cành của cây tùng. Thân cây là thân người, cành cây là

tay, chân. Hình ảnh đó ban đầu mờ mờ, ảo ảo nhưng càng lúc càng hiện rõ ra. Đó là hình dáng một người mình hạc, xương mai, đầu trọc lóc, đôi mắt sâu, má hóp, da dẻ tái xanh như một người chết trôi sông. Người chết đó, trời ơi, đang cử động. Lại cười nữa ! Nụ cười thật khoan hòa, hi xá...

Mồ hôi Tò Cự Bi vã ra như tắm. Hắn hốt hoảng hét lên :

- Kia, nhà sư !

Thầy ma của nhà sư từ từ đi về phía Tò Cự Bi, càng lúc càng lớn dần nên làm Tò Cự Bi hoảng sợ, chôn chặt chân một chỗ, không còn đủ sức chạy trốn.

Thầy ma đạo sĩ đưa đôi tay khẳng khiu đã rửa hết thịt ra ôm choàng lấy Tò Cự Bi, khẽ bộ mặt buồn thâm sát dần, sát dần mặt tên trọc phú.

Trước hình ảnh khiếp đảm đó, đầu là một kiếm sĩ đi nửa cung phải kinh hoàng, chết giấc nhưng vì nguy hiểm đến kẻ bên mình nên Tò Cự Bi thấy máu anh hùng nổi lên. Hắn sức nhớ mình là một kiếm sĩ. Lập tức hắn chạy vào nhà lấy thanh kiếm ra. Hắn múa lên như gió bão, nhắm thầy ma của nhà đạo sĩ mà chém tới tấp. Hắn chém rất trúng

nhưng lạ thay, thầy ma đạo sĩ giống như sương
khói, hết tan lại tụ, cứ sán lại, ôm choàng lấy tên
cụu kiếm sĩ. Sốt ruột, Tô Cự Bi chém mạnh một
kiếm, chiếc đầu của nhà sư bay tung lên. Nhưng
kìa, lạ lùng thay, chiếc đầu lại rơi xuống nối liền
vào cổ và thầy ma lại lạnh lùng tiến tới.

Cuộc chiến đấu giữa người và ma cứ thế mà
kéo dài suốt đêm. Đến rạng sáng hồn ma mới
tan đi.

Đêm sau, rồi đêm sau nữa cũng vậy, thầy ma
của nhà sư xuất hiện từ cây tùng và cuộc chiến lại
tái diễn làm Tô Cự Bi cảm thấy kiệt lực. Hắn ra
lệnh đốn ngã cây tùng nhưng đêm đến, thầy ma
nhà sư lại hiện ra từ một cây tùng khác. Tô Cự Bi
dâm ra sợ đêm tối. Cứ tắt mặt trời là hắn đã hoảng
hốt, lo sợ. Cuối cùng, hắn đóng chặt cửa phòng,
giám mình trong nhà, không dám ra ngoài vườn
khi đêm đến. Nhưng lạ thay, vừa đóng cửa phòng,
hắn đã thấy thầy ma của nhà sư hiện lên trên đầu
giường, trên cửa sổ.

Tô Cự Bi phát bệnh nặng. Suốt ngày hắn vùi
đầu trong chăn nệm, miệng luôn luôn nói
sáng.

Vợ hắn tìm khắp mặt các lương y trong vùng, xin
đơn, hốt thuốc nhưng bệnh tình của Tô Cự Bi vẫn

không may may thuyền giã. Bệnh tình kỳ lạ của nhà đại phú thương Tô Cự Bi được loan truyền đi khắp vùng, ai nghe cũng lấy làm thắc mắc.

*

Trong vùng đó có một nhà sư, nghe chuyện lạ thì tìm tới. Nhà sư này nổi tiếng là đạo đức, ai gặp việc gì khó khăn cũng tìm đến ông chỉ dẫn. Con hầu của Tô Cự Bi, một hôm, đem chuyện nhà kỳ lạ của chủ nhân mình bạch với nhà sư. Nhà sư hỏi rõ ngọn nguồn, suy nghĩ một lát, đoán bảo người tớ gái của nhà đại phú.

- Nếu đã uống đủ mọi thứ thuốc thang mà không lành thì làm lễ khẩn nguyện, xin Trời Phật độ trì, may ra sẽ thuyền giã chẳng.

Vợ Tô Cự Bi nghe vậy bèn rước nhà sư về nhà, kể lễ đầu đuôi câu chuyện cho nhà sư biết. Đoạn, bà ta đưa nhà sư vào phòng của Tô Cự Bi. Vừa trông thấy nhà sư, bệnh tình của Tô Cự Bi bỗng gia tăng trầm trọng. Hắn chỉ tay vào nhà sư mà la hoảng :

- Đó... đó... Nhà sư. Rõ ràng không còn ai vào đó. Nhà sư ngày trước trở về báo thù ta. Bắt lấy hắn, bắt lấy hắn. Cứu tôi, trời ơi !

Hắn run lên cảm cấp, vợ vội mền chiếu trùm kín lên người, che kín mặt như cố chạy trốn hình ảnh người đối diện.

Nhà sư yêu cầu để ông ở lại một mình trong phòng, đoạn bước đến gần Tô Cự Bi, ông nói :

- Phải, tôi là nhà sư, bạn đồng hành của ông mấy năm về trước. Tôi chính là người đã bị ông xô xuống biển cách đây 3 năm qua.

Tô Cự Bi run lên. Tay chân hắn cử động như một thầy ma của người treo cổ bị gió đùa. Thấy ma mọi hôm ở trong vườn không hề nói một tiếng, tại sao hôm nay lại nói ? Còn hình phạt khủng khiếp nào nữa đây ?

Có lẽ đoán được ý nghĩ của Tô Cự Bi, nhà sư thông thả nói :

- Tôi không phải là thầy ma. Tôi là người sống. Tôi nhắc lại, tôi là nhà sư đã kết bạn cùng ông trên đoạn đường đến Ki-ô-tô. Tôi chính là người đã bị ông xô xuống biển cho chết chìm. Cũng may từ nhỏ tôi đã tập bơi nên hôm đó, tôi bơi được vào bờ, thoát chết.

Tôi đã tìm ông khắp chốn để xin lại số bạc hầu đúc cho được tượng Phật nhưng không tìm

thấy ông đau cả. Tôi bền tiếp tục cuộc sống lang thang, đi khắp bốn phương, khát thực, xin mọi người bố thí và tôi đã gom được số tiền đủ để đúc tượng Phật. Tượng Phật hiện đã hoàn thành.

Sự tình cờ đưa tôi đến đây. Tôi đã hiểu vì đau ông sinh bệnh. Ông đã phạm vào một tội ác kinh khủng nhất đời, đó là tội sát nơn. Tuy nhiên, tôi là kẻ tu hành, tôi tha thứ cho ông. Đức Phật đã dạy : **"Lấy đức báo oán, oán ấy tiêu tan"**. Phải chấm dứt thù oán và sẵn sàng tha thứ. Tôi không hề thù oán gì ông cả. Ông cứ yên tâm. Hãy nhìn tôi đây...

Tô Cự Bi lăm lét nhìn nhà sư. Ông ta đang mỉm cười với hắn. Ôi, nụ cười đầy khoan dung, hiền hòa vô lượng, làm lòng hắn tự nhiên cảm thấy nhẹ nhàng. Cuối cùng hắn khóc nức lên, quỳ xuống chân nhà sư :

- Tội lỗi tôi thật tày đình. Tôi đã xô Ngài xuống biển để đoạt lấy số bạc. Xin Ngài tha tội cho tôi, chỉ vì tôi quá khốn khổ...

- Phải, con người sinh ra bản tính vốn thiện nhưng rồi cuộc đời làm cho vẩn đục. Nghèo khổ đẩy con người vào mê lầm, tội ác, nhưng biết sám hối thì tội lỗi sẽ được nhẹ đi...

- Thừa đạo sĩ, con hối hận vô cùng. Đêm nào con cũng bị ám ảnh giày vò, hành hạ không nguôi. Lương tâm con không được yên ổn để hưởng cảnh giàu sang.

- Phải rồi, khi mình làm điều ác thì lương tâm không yên ổn, chỉ một thoáng gió xao động cành cây cũng đủ giật mình.

Nhà sư và cự kiếm sĩ nói chuyện với nhau y như ba năm trước họ gặp nhau trên con đường đến Ki-ô-tô vậy.

Tô Cự Bi khẩn khoản xin trả cho nhà sư 400 nén bạc, tức gấp đôi số bạc mà hắn đã cướp của nhà sư, nhưng nhà sư khoát tay, từ chối :

- Không, tôi không cần dùng đến số bạc đó nữa. Tôi đã đúc xong tượng Phật rồi.

Tô Cự Bi van nài :

- Nếu đạo sĩ không nhận tức là đạo sĩ chưa thật lòng tha thứ cho đệ tử. Xin Ngài cứ nhận rồi bố thí lại cho chúng sinh nghèo khổ.

- Nếu nhận để cho người nghèo khổ thì được, tôi nhận. Bây giờ, tôi xin phép cáo từ. Nếu ông bạn muốn tôi được vui lòng xin ông bạn hãy dọn mình cho trong sạch, từ nay nên làm việc thiện. Cần tha thứ kẻ khác và rộng lượng với những kẻ khốn nghèo.

Từ đó, nhà phú thương Tô Cự Bi hết bệnh, tâm hồn trở nên thư thái. Ông tỏ ra nhân đức, sẵn lòng cứu giúp mọi người.

Cuộc đời về già của ông được dùng để làm toàn việc thiện. Người ta thường thấy ông lim dim mắt và niệm :

- Nam mô A Di Đà Phật !

TÔ KIỀU NGÂN

"Ở thế gian này, chẳng phải hận thù trừ được hận thù, chỉ có từ bi trừ được hận thù. Đó là định luật của ngàn xưa".

Chiếc cầu muôn thuở

Đây là một khu rừng xanh tươi trong dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, lòng sông Hằng từ ngàn cao đổ về, chầm chậm chảy như muốn nghỉ ngơi sau khi đã vượt qua nhiều đoạn thác ghềnh.

Bên bờ sông phía Nam, vượt lên trên muôn ngàn cây lá xanh tốt, có một cây xoài khổng lồ. Thân cây vút tận trời. Cành xoài đâm ngang che cả một vùng rộng lớn. Nhiều nhánh ngã ngang trên giong sông, soi hình xuống đáy nước, trái xoài mập mạp, to trĩu cả cây.

Cây xoài là nơi tụ họp của một đoàn vườn đông đúc. Tám ngàn con, chúng họp thành một quốc gia hẳn hoi đứng đầu là một vườn chúa, thân hình cao đẹp, sức khỏe phi thường. Nguồn lợi thiên nhiên đủ cung cấp cho toàn đoàn lương thực trong suốt cả một mùa. Nhưng phải cẩn thận, không được để trái nào chín tới, phải ăn quả lúc còn xanh. Đó là lệnh của vườn chúa biết lo xa, và bày vườn ngoan ngoãn làm theo.

Một hôm, một điều không may xảy đến. Một trái xoài che khuất bởi một tổ kiến to, dần dà chín mùi, chín mùi, rơi xuống dòng sông. Trái xoài bị nước cuốn đi, trôi dạt vào bể bơi của vua xứ Ba La Nại vừa đúng lúc nhà vua đang tắm. Trái xoài to một cách khác thường, mập mập và thơm tho. Nhà vua bèn với nhặt lên bóc ra và ăn thử, ngài không đợi ý kiến viên cận thần. Chưa khi nào vua được ăn một trái cây ngon như thế.

Thế là sau đó, các người thợ rừng được gọi đến hỏi ý kiến. Mọi người đều trả lời là họ chưa thấy cây xoài nào trái to như vậy. Nhưng nhà vua đã quyết định sẽ tìm cho kỳ được cây xoài quý giá kia. Và ngày hôm sau cả một đội binh thuyền được huy động để vượt dòng sông, họ chuẩn bị rất nhiều lương thực, quyết dừng lại khi nào đến được dưới gốc xoài...

Sau ba ngày đường, một buổi chiều kia, người ta tìm thấy trên một triền núi xa, một cây xoài cao lớn. Tin vui mừng truyền đi rất nhanh. Cánh tay được chuyền thêm sức mạnh. Người ta chèo suốt đêm ấy và cả ngày hôm sau.

Đến chiều người ta đã gần đến được dưới cây xoài. Không thể tả hết nỗi ngạc nhiên của quân binh và vua quan. Họ chưa bao giờ thấy một cây to như thế. Đứng trước nó, đứng trước cảnh núi non

hùng vĩ, con người thấy mình bé nhỏ quá. Ai nấy đều có ít nhiều lo ngại.

Mà hình như trên cây có những con vật đang chuyển động. Không phải một vài chục, một vài trăm mà hàng ngàn. Đoàn thuyền đến gần. Người ta nhận ra đó là một thế giới vượn đang chiếm cứ cả cây xoài và sinh sống ở đây. Nhà vua đứng ở mũi thuyền cũng vừa nghiệm thấy như thế. Quả là một sự khinh mạn lớn vì tất cả những trái xoài ngon từ trước đến giờ đều bị loài vượn đáng ghét kia ăn trước hết cả. Lệnh truyền ra cho tất cả quân lính phải bao vây chặt chẽ, và chuẩn bị sẵn sàng cung tên chờ ngày mai, Khi mặt trời trở dậy, bắt đầu tàn sát tất cả đoàn vượn kia !

*

Về phía đoàn vượn, tất cả đều tỏ vẻ hoảng sợ. Chúng đoán biết có một tai nạn không tiền khoáng hậu sẽ xảy đến với chúng, mặc dầu vượn chúa đã tìm cách làm an lòng.

Trong đêm ấy, vượn chúa băn khoăn nát óc nghĩ cách cứu đoàn. Rồi thỉnh lĩnh, vượn chúa vụt trèo ra đầu cành ngả sang sông. Từ đây qua bờ bên kia còn xa lắm. Sông rộng, nước sâu khó có một con vượn nào có thể thoát được sang ngà

này. Bỗng vượn chúa nhún mình lấy hết sức mạnh, đánh một cái nhảy sang bên kia bờ. Rồi vượn chúa đi tìm những sợi mây dài, nối liền lại và loay hoay cột một đầu dây vào thân cây, còn đầu dây kia cột vào thân mình, xong xuôi, vượn chúa lại lấy hết sức để nhảy trở về cây xoài. Vượn chúa định làm một chiếc cầu bằng dây để cứu thoát cho cả đoàn mình chuyển sang bên kia bờ. Nhưng, nguy thay ! Sợi dây bị hụt đoạn chừng một sải tay và vừa đúng khi hai tay vượn chúa nắm được cành xoài đâm ra sông là sợi dây vừa căng thẳng, kéo chân vượn ra phía sau. Không còn có thể chậm trễ một giây lát nữa. Tám ngàn vượn phải chuyển sang sông đêm nay. Cho nên vượn chúa nằm ngay trong thế đó, hai tay vượn nắm kỹ nhánh xoài, chân vượn nối dài thêm sợi dây để làm cầu, vượn chúa ra lệnh cho toàn đoàn sang sông. Bầy vượn ngàn người. Phải bước lên mình vượn chúa ? Phải chuyển mình trên sợi dây đang kéo nặng thân vượn chúa ? Trước sự đau lòng ấy, nhiều con đã nức nở, chảy nước mắt. Nhưng không còn chậm trễ được. Hoặc xót thương để ngày mai phải tiêu diệt cả ? Hoặc phải cứu sống cả đoàn.

Và lệnh được lập lại một lần nữa trước sự cương quyết của vượn chúa. Bầy vượn chuyển sang sông.

Con nào con nấy đều cố sức đi thật nhẹ nhàng. Chúng cảm thấy như đang dầy vò lên một cái gì cao quý, một trái tim đã hết mức hy sinh cho chúng.

Vượn chúa đã ngắt đi nhiều lần, nhưng lại cố trấn tĩnh ngay để nắm vững thân cây. Bầy vượn qua gần hết. Con vượn cuối cùng là con vượn Devadatta. Đây là con vượn xấu xa nhất, đã nhiều lần tỏ lòng ganh ghét vượn chúa và tìm cách ám hại. Nó cho là cơ hội đã đến. Nó nhảy mạnh lên mình vượn chúa với tất cả sức mạnh của nó và nhún thật mạnh trên cầu dây. Vượn chúa tưởng chừng như dập cả buồng gan, nhưng vẫn cố ráng sức nắm chặt thân cây để nó sang sông được an toàn. Rồi vượn chúa mệt lả đi. Qua bên kia bờ sông, con vượn Devadatta quay nhìn lại. Trong ánh mờ mờ của ngày sắp dậy, nó thấy thân hình vượn chúa lông lá phờ phạc, im không cử động. Tự nhiên nó cúi mặt xuống, rơi hai hàng lệ nóng, nó hối hận, nó cảm phục đức độ bao dung của vượn chúa.

Sáng hôm sau, vua Ba La Nại truyền tiến quân. Nhưng một ngạc nhiên lớn ! Toàn thể bầy vượn đông đảo đang đêm đã trốn đi ngả nào hết. Quan quân đến dưới gốc cây xoài. Người ta nhìn lên. Cảnh tượng thật là cảm động. Một con vượn to lớn khác thường đang nổi mình với một sợi dây to bắt từ bên này sang bên kia bờ sông. Vượn nằm im

không cử động, hình như một ngất đi. Theo nhiều người thợ rừng cho biết thì đây là con vượn đầu đàn. Lúc bấy giờ nhà vua rõ đầu đuôi. Thì ra con vượn đầu đàn đã lấy thân mình nổi thành cầu để cứu thoát cho cả bầy của mình. Vượn đầu đàn đã nêu gương hy sinh cao cả làm nhà vua cảm phục lắm. Ngài đột nhiên tỉnh ngộ, nghĩ đến việc làm ích kỷ và thấp hèn của mình : Chỉ vì muốn có những trái xoài ngon ngọt mà ngài đã dùng uy quyền huy động nhiều người đến đây. Chỉ vì một ý muốn tầm thường nếu không muốn nói là sai lầm, một sự tức giận nhỏ nhen mà ngài quyết gây nên một sự tàn sát thảm khốc. Rồi ngài quay sang bọn thợ săn đang đứng yên, không còn hăm hở muốn giết hại như trước. Ngài nói to để chỉ cho họ một bài học và lập tức truyền lệnh lui quân, sau khi đã sai đưa vượn chúa xuống và tự tay ngài vuốt ve săn sóc cho vượn chúa tỉnh lại.

*

Vượn chúa đã nêu lòng hy sinh cao cả để cứu đoàn một cách cảm động trên đây, chính là tiên thân Đức Phật Thích Ca.

"Người tu hạnh Bồ Tát phải lấy Từ Bi làm gốc. Cây Bồ Đề lớn mạnh nhờ bám sâu gốc rễ trong đất, kẻ tu hành lấy Từ Bi lợi lạc hữu tình làm lẽ sống".

Tôn Giả tí hon

Thuở Phật còn tại thế, một hôm vị đệ tử Đại Trí của Ngài, Tôn Giả Xá Lợi Phất, đi khát thực trong thành Vương xá. Ngài bỗng nhớ đến một người bạn nghèo của thân phụ, và muốn đến gieo phước cho ông. Tôn giả đi đến nhà ông lão. Khi thấy Tôn giả từ xa đi lại, ông lão nghĩ thầm "Kìa là cháu Upatissa (tên của Tôn giả lúc ở đời) yêu dấu của ta ngày xưa đến khát thực. Y không biết rằng ta không còn gì để cho y". Nghĩ thế, ông lão lánh mặt, tự nhủ xin được chút gì mới cúng dường Tôn giả. Ít hôm sau, ông lão kiếm được một ít cháo và một mảnh y phục nhờ sư tụng đọc kinh điển Bà La Môn. Ông định bụng sẽ cúng dường Tôn giả. Lúc ấy Tôn giả đang nhập định quán sát thấy ông lão muốn bố thí, nên Ngài xuất định, ôm bát đến nhà ông lão. Tôn giả đứng trước cửa như thường lệ, ông lão ra đánh lễ Tôn giả mời vào nhà để cúng dường. Tôn giả chỉ nhận phân nửa bát cháo, rồi đẩy nắp bát. Nhưng ông lão năn nỉ : "Bạch Tôn

già, đây chỉ là một phần ăn. Xin Tôn già nhận tất cả, cho con trọn phước báo đời sau. Con muốn cúng tất cả cho Ngài.

Nói rồi ông lão đổ trọn bát cháo vào bát Tôn già. Tôn già Xá Lợi Phất dùng cháo ngay tại chỗ. Khi Ngài dùng xong, ông lão lại cúng nốt mảnh y phục cho Ngài.

- Bạch Tôn già, nguyện cho con đời sau sẽ có được trí huệ siêu việt như Ngài.

- Nay Bà La Môn, ngươi sẽ được toại nguyện.

Tôn già đáp, và sau khi nói lời tùy hỷ công đức, Ngài đứng lên tiếp tục du hành đến Kỳ Viên tịnh xá.

Ông lão sau khi cúng dường Tôn già thì vui mừng vô hạn, và tăng lòng ái mộ đối với Tôn già. Do sự kính ái này, ông lão thác sanh vào một gia đình thí chủ thường xuyên của Tôn già Xá Lợi Phất. Khi bà tín nữ mang thai, bà đâm ra khát khao hơn bao giờ hết là được cúng dường cháo hằng ngày cho chúng Tỳ kheo của Tôn già Xá Lợi Phất, gồm tất cả 500 vị. Bà khao khát được mặc y vàng, đến ngồi ngoài cổng tịnh xá mà chực ăn phần cháo thừa của chúng Tăng để được thừa hưởng phước trí trang nghiêm. Thân quyến và chồng bà giúp bà

thực hiện ước nguyện ấy, cúng dường cháo hàng ngày cho chúng Tỷ kheo. Có người cho rằng sự thích mặc áo vàng của bà là điềm báo trước người con trong bụng sẽ là một vị Tỷ kheo đệ tử Phật, và họ lấy làm sung sướng.

Đúng kỳ sanh nở, một hài nhi xinh đẹp ra đời, cả gia đình hân hoan đón tiếp. Họ tắm em bé bằng nước thơm, mặc cho em bé những y phục vô cùng quý giá đã may sẵn từ trước, và đặt em bé trong một chiếc nôi lộng lẫy như một hoàng cung, đắp cho em bé một mền gấm sang trọng. Rồi thỉnh Tôn giả Xá Lợi Phất và chúng Tỷ kheo đến quy y cho em bé. Khi Tôn giả đến, em bé đang nằm ngửa nhìn chăm chăm vào Tôn giả với một cặp mắt tinh anh lạ kỳ, một cái nhìn trêu mến như đối với đồng hàng quyến thuộc. Em bé nghĩ "Đây là thầy của ta đời trước nhờ Ngài mà ta được sang quý đời này. Ta phải cúng dường Ngài một cái gì". Khi người mẹ ẵm em bé lên để thọ tam quy với Tôn giả, những ngón tay của em quấn vào trong cái mền gấm. Gia nhân la lên "Kìa tay em bé kẹt trong cái mền gấm" và chạy lại gỡ ra thì em bé òa khóc như không muốn rời. Người mẹ nói : "Để vậy đừng làm em bé khóc" và ẵm con đến cho Tôn giả. Khi đến trước Tôn giả, em bé thả tay cho cái mền rút phủ trên chân Ngài. Người mẹ thông ngôn rằng :

- Bạch Tôn giả, xin Ngài nhận cho con của cúng dường này, và cho con được thọ tam quy làm đệ tử Ngài.

Tôn giả hỏi :

- Tên đứa bé là gì ?

- Bạch Tôn giả xin cho hài nhi cái tên của Ngài lúc tại thế.

- Vậy nó sẽ mang tên Tích Sa (Upatissa là tên của Tôn giả).

Khi được bảy tuổi, Tích Sa nói với mẹ :

- Thưa mẹ, con muốn xuất gia theo Tôn giả Xá Lợi Phất.

- Tốt lắm, cho con xuất gia.

Rồi bà mời Tôn giả lại nhà bạch :

- Bạch Tôn giả, đệ tử của Ngài xin được xuất gia với Ngài. Chiều nay con sẽ đưa y đến tu viện.

Sau khi được Tôn giả nhận lời, bà mẹ sắm nhiều lễ vật cúng dường và dẫn chú bé đến Kỳ Viên tịnh xá. Tôn giả nói với Tích Sa :

- Tích Sa này, đời sống của người xuất gia rất kham khổ. Khi muốn ấm thì người phải gấp lạnh, muốn mát người lại gấp nóng. Nhưng Tỳ kheo

phải sống ngược đời như thế đấy. Liệu người có sức chịu đựng không ?

- Bạch Tôn giả, con sẽ làm tất cả những gì Ngài dạy bảo.

- Tốt lắm.

Rồi Tôn giả dạy cho Tích Sa quán pháp bất tịnh bằng cách năm món đầu trong 32 món ô uế trong thân là tóc, lông, móng, răng, da. Tôn giả lại truyền cho Tích Sa thập giới và từ đó Tích Sa khởi sự cuộc đời của một chú tiểu.

Để mừng việc xuất gia của con, cha mẹ Tích Sa cúng dường toàn thể chúng Tăng ở Kỳ Viên tịnh xá suốt một tuần với một thứ cháo thập cẩm ngon lành. Những Tỷ kheo chưa chứng quả không ngớt thì thầm với nhau : "Ngon lành thật ! Đâu phải chúng ta luôn luôn được như thế này".

Sau bảy ngày thiết đãi chúng Tăng, cha mẹ Tích Sa từ giả trở về nhà. Qua ngày thứ tám, chú tiểu Tích Sa bắt đầu ôm bát đi bọc hậu đoàn Tỷ kheo do Tôn giả Xá Lợi Phất dẫn đầu vào thành Xá Vệ để khất thực.

Những người trong thành phố bảo nhau : "Nghe đồn hôm nay chú tiểu Tích Sa sẽ đi khất thực trong thành phố. Ta hãy sửa soạn tặng phẩm

cúng dường". Bởi thế, khi Tích Sa vào thành, những người quen biết cha mẹ chú tiểu đều đem phẩm vật cúng dường tới tấp. Chú tiểu nhận được 500 bát đầy phẩm vật và 500 bộ y phục đem về chùa. Hôm sau, những người chưa được cúng lại thân hành đem phẩm vật đến tịnh xá. Chú tiểu nhận thêm 500 bát, 500 y, rồi dâng tất cả 1000 y, 1000 bát cho chúng Tỷ kheo tại vườn Cấp Cô Độc. Do đó, chú được mệnh danh là thí chủ Tích Sa.

Một hôm vào tiết trời giá buốt, trong khi Tích Sa quét dọn chung quanh tịnh xá, chú tiểu thấy chư Tăng tụm năm tụm ba, đang sưởi bên đồng lửa liền hỏi :

- Bạch chư Đại đức, tại sao chư Đại đức phải hơ lửa vậy ? (trẻ con thường không biết rét là gì).

- Chú tiểu ơi, chúng tôi lạnh cóng cả người phải hơ cho ấm.

- Bạch chư Đại đức, khi nào trời rét thì ta đắp mền cho ấm. Mền sẽ ngăn cái lạnh không cho thấm vào cơ thể.

- Chú tiểu có nhiều phước đức mới có mền mà đắp, chớ chúng tôi làm sao có mền được !

- Bạch chư Đại đức, thế thì ngày mai, vị nào cần mền, xin hãy đi với con vào thành.

Rồi chú xin chư Tăng thông báo như vậy cho chúng Tỷ kheo trong tịnh xá. Bởi vậy hôm sau có 1000 vị Tỷ kheo cùng đi theo chú tiểu. Trước khi vào thành Xá Vệ, chú ghé từng nhà ở ngoài thành và đã được 500 cái mền. Khi vào thành, mọi người đều đổ xô đến cúng dường theo lời yêu cầu của chú tiểu. Tại một cửa tiệm, ông chủ đang ngồi sau một đồng mền cao ngất. Một người đi đường đến rí tai :

- Này, có một chú tiểu đang đi xin mền đó, nên giấu hết đi.

Ông chủ nói :

- Nếu tôi muốn cho, thì tôi cho. Không muốn, thì tôi không cho. Giấu làm gì ?

Nhưng khi người kia đi khỏi, ông chủ ngẫm nghĩ, và giấu bớt hai cái mền thượng hạng trong số mền bày bán. Ngay lúc ấy Tích Sa cũng vừa đến. Mới thấy mặt chú tiểu ông đã đem lòng thương mến vô cùng. Cả người ông tràn ngập sự kính yêu chan chứa. Ông nghĩ : "Coi đáng yêu chưa tề ! Trông mặt mũi một bé trai kháu khỉnh như thế kia, thì dù có đem cho cả thịt da, tim ruột của ta, ta cũng không tiếc, nói chi tới vài ba cái mền". Và lập tức ông rút ngay hai cái mền quý giá nhất đặt dưới chân Tích Sa đánh lễ mà bạch :

- Bạch Đại Đức, mong sao cho con được thấm nhuần ánh sáng đạo mà Ngài đã thấy.

- Cư sĩ sẽ được toại nguyện.

Chú tiểu chúc tụng, rồi nói lời tùy hỷ công đức. Ngày hôm ấy chú nhận đúng 1000 cái mền cho chúng Tỷ kheo. Do đó, chú được mệnh danh là người cho mền. Đó là nhờ công đức lúc mới sanh Tích Sa đã cúng dường mền cho Tôn giả Xá Lợi Phất.

Tại tịnh xá Kỳ Viên, chú tiểu Tích Sa phải tiếp đón những cậu bé bạn cũ đến thăm. Ngày nào chúng tới, hỏi han mọi chuyện, làm cho chú không có thì giờ mà tham thiền nhập định gì hết. Nghĩ rằng sanh tử là việc lớn chú đến xin đức Phật một đề mục thiền định để rút sâu vào rừng mà tu tập.

Khi đến một khu làng. Tích Sa gặp một ông lão. Chú hỏi :

- Thưa cư sĩ, gần đây có một khu rừng nào cho tu sĩ ẩn cư không ?

- Bạch Đại đức có.

- Vậy, xin người hãy chỉ đường cho tôi đến đó.

Mới nhìn chú, ông lão đã có cảm tình, nên bằng lòng dẫn chú đi. Vừa đi chú vừa hỏi ông lão địa danh những nơi đi qua. Khi tới rừng ông lão nói :

- Bạch Đại đức, đây là chỗ tốt lành. Ngài hãy ở đây và xuống làng tôi khát thực.

Tích Sa nhận lời, và từ đây ngày ngày chú xuống làng để khát thực. Dân chúng yêu kính chú khôn cùng và năn nỉ : "Đại đức hãy ở đây thật lâu với chúng tôi để chúng tôi được thọ tam quy ngũ giới với Ngài". Họ cúng dường những vật dụng cần thiết cho Tích Sa. Mỗi khi nhận Tích Sa đều chúc lành cho thí chủ như sau :

- Mong thí chủ được hạnh phúc an vui. Mong thí chủ khỏi khổ ách.

Sau hai tháng ở rừng nỗ lực tu tập thiền định, Tích Sa chứng quả A La Hán. Bấy giờ Tôn giả Xá Lợi Phất có ý định đi thăm chú, nên bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn, con sẽ đi thăm chú tiểu Tích Sa.

- Được người cứ đi.

Tôn giả đến bên người bạn cố tri của ngài là Tôn giả Mục Kiền Liên.

- Hiền huynh tôi sẽ đi thăm Tích Sa.

- Tôi cũng đi với.

Và tất cả những vị Đại đệ tử của Phật như ngài Ca Diếp, A Nậu Lô Đà, Ưu Đà Di, Phú Lâu

Na v.v... đều đi cùng Tôn giả Xá Lợi Phất để thăm chú tiểu ở rừng. Khi đoàn Thánh chúng đến, dân cư tiếp đón nồng nhiệt. Họ vô cùng hân hoan khi thấy vị Thánh đệ tử Phật nổi danh thiên hạ, và xin Ngài ban một thời pháp. Nhưng Tôn giả từ chối.

- Ta đến thăm chú tiểu Tích Sa của ta cái đã.

Khi Tích Sa được tin, chú xuống làng thi lễ và làm bốn phần của một chú tiểu đối với những vị trưởng thượng đầy uy đức của mình. Chỗ nghỉ ngơi đã được dân cư lo chu đáo tại một ngôi chùa trong làng. Họ lập lại lời thỉnh cầu nghe pháp, mặc dầu trời đã tối. Tôn giả Xá Lợi Phất nói :

- Vậy hãy đốt đèn lên và loan tin cho Phật tử xa gần đến nghe.

Khi dân làng tề tựu, Tôn giả Xá Lợi Phất bảo Tích Sa :

- Này, Tích Sa, các thí chủ của con ngỏ ý muốn nghe pháp. Con hãy nói pháp cho họ đi.

Toàn thể dân làng đều đồng thanh thưa :

- Bạch Tôn giả, vị Đại đức của chúng con đây, không biết gì ráo, ngoài ra hai câu : "Mong gia chủ được hạnh phúc an vui, mong gia chủ thoát khỏi

khổ ách. " Xin Ngài cho vị khác nói pháp cho chúng con nghe.

Khi ấy Tôn giả hỏi chú tiểu :

- Tích Sa, nhưng làm sao để được hạnh phúc an vui ? Người ta làm thế nào để thoát khổ ách ? Con hãy giảng rộng hai câu ấy.

- Thưa vâng, bạch Tôn giả.

Tích Sa thăng tòa, giảng như nước chảy về khổ đế, nguyên nhân khổ, Niết bàn và con đường đưa đến tịch diệt. Và chú kết luận :

- Bạch chư Tôn giả, đó là đường đi của một vị A La Hán để thoát khỏi khổ ách, để được an vui.

- Giải ! Con đã thông thuộc rành rẽ giáo pháp.

Những cư dân nghe xong thời pháp đều rất ngạc nhiên. Một số mừng vì lâu nay được cúng dường một vị thông tuệ, nhưng một số tỏ ý bất mãn bảo nhau :

- Không dè Đại đức ấy thuyết pháp hay như vậy. Tại sao lâu nay Đại đức cứ câm miệng hến, không chịu nói gì cả. Thật là gan lì.

Từ tịnh xá Cấp Cô Độc, Đức Thế Tôn biết được tâm niệm bất kính của những cư dân này đối với Tích Sa. Ngài động lòng từ bi, muốn cho họ thoát

khỏi tội báo xúc phạm một vị A La Hán, nên đích thân đến làng thăm chú tiểu. Khi thấy Phật đích thân đến làng chỉ vì để thăm Tích Sa dân làng mới hoàn toàn công nhận tầm quan trọng của vị Đại đức tía hơn này. Ngài bảo Tích Sa đưa Ngài lên tận núi cao nhất từ đó có thể nhìn xuống biển cả, và hỏi :

- Tích Sa, khi đứng trên đỉnh núi này, nhìn quanh con thấy gì ?

- Bạch Thế Tôn, con thấy nước biển mênh mông không bờ bến.

- Con nghĩ gì khi thấy đại dương ?

- Bạch Thế Tôn, con nghĩ : trong vô số kiếp luân hồi, ta đã đổ bao nhiêu là nước mắt để khóc vì những nỗi đau khổ, nước mắt ta có lẽ còn nhiều hơn nước trong bốn biển lớn kia.

- Đúng lắm, Tích Sa.

Rồi Ngài đi thăm động đá nơi Tích Sa cư trú.

- Con nghĩ gì khi cư trú nơi đây ?

- Bạch Thế Tôn, con nghĩ : ta đã chết vô số lần, vô số lần thì hài ta đã nằm trên đất này.

- Đúng lắm, Tích Sa ! Không có một nơi nào trên mặt đất mà chúng sanh không xả bỏ thân mạng vô số lần ở đó.

Và Ngài hỏi tiếp :

- Tích Sa, khi con nghe tiếng hổ báo gầm trong rừng sâu con có sợ không ?

- Bạch Thế Tôn, con không sợ. Trái lại một niềm yêu thích núi rừng lại tăng lên trong tâm thắm con.

Và Tích Sa đã đọc cho Phật nghe 60 bài thơ mình đã cảm hứng từ rừng sâu.

Sau khi thăm các nơi, Đức Thế Tôn từ giả :

- Tích Sa, bây giờ ta trở về tịnh xá. Con muốn đi theo ta hay ở lại rừng ?

- Bạch Thế Tôn, nếu thầy con (chỉ Tôn giả Xá Lợi Phất) muốn con trở về, con sẽ trở về. Ngài muốn con ở lại, con sẽ ở lại.

Tôn giả đoán biết Tích Sa không muốn trở về nên bảo :

- Tích Sa, con hãy ở lại rừng, nếu con muốn vậy.

Tích Sa đánh lễ Phật và chư Tôn giả rồi quay trở về rừng, sau khi đưa tiễn các Ngài một quãng xa.

Tại Diệu Pháp đường trong tịnh xá Cấp Cô Độc, khi chúng Tỷ kheo ngồi bàn tán về hạnh xả ly của Tích Sa, họ không ngớt lời tán thán :

- Khó thay những gì Tích Sa đã làm, bỏ tất cả lợi dưỡng, cung kính, để rút vào ẩn sâu trong rừng ! Đức Phật nhân đó thốt lên bài kệ thứ 75 trong kinh Pháp cú.

"MỘT NÈO ĐƯỜNG DẪN ĐẾN THẾ LỢI, MỘT NÈO ĐƯỜNG KHÁC DẪN ĐẾN NIẾT BÀN. HÀNG TỶ KHEO ĐỆ TỬ ĐẮNG GIÁC NGỘ KHI HIỂU NHƯ VẬY, KHÔNG NÊN THAM BẮM LỢI DƯỠNG THẾ GIAN, MÀ HÃY CHUYỂN TÂM VÀO HẠNH ĐỘC CỬ THIỀN ĐỊNH."

THÍCH NỮ TRÍ HẢI,

"Mắt trông thấy sắc rồi thôi
Tai nghe thấy tiếng nghe rồi thì không
Trơ trơ lẳng lẳng cõi lòng
Nhẹ nhàng ta bước ra vòng thế gian."

Không đau ruột bằng...

Sau khi Phật nhập Niết bàn, tại Câu Xá Hi có một ông già nhờ ngài A Thù hướng dẫn thấu triệt được giáo pháp nên thường cúng dường Tỷ kheo.

Ông Trưởng giả ấy có một người con và người cháu kêu bằng cậu. Khi ông Trưởng giả già lâm chung, mời ngài A Thù đến chỉ chỗ cất vàng bạc và thừa với ngài A Thù rằng :

- Sau khi con qua đời, hai đứa nhỏ này, đứa nào tín mộ Phật - Pháp thì Ngài chỉ chỗ cất của báu đó cho nó...

Vị Trưởng giả ấy thừa xong liền trút hơi thở cuối cùng !

Sau một thời gian khi hai đứa trẻ thành niên, ngài A Thù xét thấy đứa cháu của ông Trưởng giả lại mến mộ Phật - Pháp, còn đứa con ông ta lại hoang nghịch nên ngài A Thù kêu người cháu của ông ta đến chỉ chỗ chôn cất của báu ấy.

Con ông Trưởng giả nghe được việc đó, liền đến ngài A Nan hỏi :

- Của cha mẹ để lại, ai được hưởng ?

Ngài A Nan trả lời :

- Dĩ nhiên là con của người ấy được hưởng !

Con ông Trưởng giả liền thưa lại rằng :

- Như vậy tại sao của cha tôi để lại mà ông A Thù lại cho con của em gái cha tôi ?

Ngài A Nan nghe xong liền tức tốc đến chỗ ngài A Thù và đôn dập hỏi ngài A Thù rằng :

- Tại sao... Tại sao ? Như vậy Ngài không phải Sa môn, không phải Thích chủng tử...

Ngài A Thù bình tĩnh trả lời :

- Tôi là Thích chủng tử, tôi theo đúng Kinh luật để quyết định việc đó.

Ngài A Nan giận quá hỏi vặn :

- Kinh luật nào dạy như vậy ?...

Khi đó các Trưởng lão Tỳ kheo đều công nhận ngài A Thù là phải.

Ngài A Nan và ngài A Thù bất đồng ý kiến với nhau, không hòa hợp với nhau phải trải qua một

thời gian khá lâu nên trong trú xứ của hai ngài ở không có Bồ tát, Tự tứ được.

Vấn đề ấy được đồn khắp các nơi, tất cả mười phương thiện tín đều khổ tâm và đau buồn nhất là các thiện nam tín nữ trong dòng họ Thích.

Một hôm tình cờ ông La Hầu La du hóa đến thành Ca Duy La Vệ, các nữ Thích chủng tử đều cùng nhau ra nghinh đón La Hầu La để trình bày sự việc ấy và thưa rằng :

- Tại sao Thế Tôn mới Nê hoàn (nhập diệt) chưa bao lâu mà chúng Tăng lại không hòa hợp với nhau như thế ? Chúng tôi tha thiết muốn chư Tăng hòa hợp lại mà không biết làm cách nào. Xin La Hầu La chỉ vẽ cho.

Ông La Hầu La hướng dẫn :

- Việc đó dễ lắm... Khi nào ngài A Nan đến đây các người ai có con nhỏ khi ra nghinh đón Ngài nhớ bồng theo, vừa gặp Ngài thì bỏ nó xuống đất. Dĩ nhiên là nó khóc... Chắc chắn ngài A Nan hỏi tại sao các người bỏ nó xuống đất và Ngài sẽ bảo bồng chúng nó lên. Khi ấy quý vị thưa rằng khi nào Trưởng lão (A Nan) và ngài A Thù hòa hợp thì chúng tôi mới bồng chúng nó lên...

Ông La Hầu La hướng dẫn như vậy xong, tiếp tục lên đường du hóa.

Sau đó mấy hôm, ngài A Nan đến, 500 Thích nữ bồng con ra nghênh đón Ngài và thi hành đúng như La Hầu La đã hướng dẫn, khi Ngài A Nan bồng bồng lên và nói :

- Tại sao con các người dễ ra, bỏ nó khóc như vậy, các người không đau ruột ? !

Các tín nữ dòng họ Thích liền thưa lại rằng :

- Dĩ nhiên là chúng tôi đau ruột, nhưng "Không đau ruột bằng..."

Ngài A Nan cảm thông được nỗi đau lòng của 500 Thích nữ... nên quay về yêu cầu họp chúng để giải quyết vấn đề với ngài A Thù. Khi họp chúng tiền phương tiện xong. Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- A Thù có tội gì ?

Ngài A Nan liền thủ lễ thưa rằng :

- Ngài A Thù không có tội gì, chính tôi mới là người có tội...

- Khi nghe ngài A Nan thưa như vậy, trong chúng xúc động đến nỗi đều chảy nước mắt. Ngài A Nan liền đến trước ngài A Thù để sám hối.

Vài ngày sau tin ấy loan truyền khắp nơi, mười

phương thiện tín, nhất là các Thích nữ lữ lượt kéo nhau đến dâng lễ cúng dường vui mừng không xiết kể !!!

ĐỒNG MINH

"Nhập thế thì phải tùy thời tùy duyên, đó là điều không thể chê trách, nhưng nếu vì danh vì lợi mà sân si tật đố, phá hòa hiệp Tăng, đó là điều đau buồn nhất của hàng Phật tử, mà cũng là kẻ đắc tội với Phật Pháp".

Dạy khi nói

Ngày xưa, có một ông vua nước nọ, đã hơn 70 tuổi, khi cao hứng liền ban ngay sắc chỉ xuống cho quan chức và thần dân : "Ai dạy khi nói được, nhà vua sẽ thưởng một ngàn lượng vàng, các quan ai làm được sẽ thăng chức cao, ai không làm được sẽ bị cắt chức".

Lệnh đưa ra, cả triều đình đều xôn xao, lo lắng vô cùng. Xưa nay có ai dạy khi nói được bao giờ. Đột nhiên, một ông lão hơn 70 tuổi đến xin vào yết kiến nhà vua. Lão quỳ trước bệ rồng tâu :

- Khải bẩm Hoàng thượng, thần có nghề gia truyền dạy khi biết nói, xin sẵn sàng làm theo ý Hoàng thượng.

Nhà vua hết sức hài lòng, nhưng ông lão lại nói thêm :

- Nghề dạy khi nói rất công phu, ít nhất phải 20 năm khi mới nói rõ ràng được như người. Vậy

thần xin nhận trước 500 lượng vàng để đi khắp nơi tìm một con khi thật thông minh về dạy.

Nhà vua nghe nói rất hứng thú liền ra lệnh xuất kho cho ông lão 500 lượng. Đình thần cũng mừng rỡ như trút được gánh nặng.

Nhưng khi ông lão về đến nhà, vợ con ông khóc lóc ãm ĩ nói với ông :

- Xưa nay có ai dám cả gan gạt nhà vua bao giờ, ông có biết dạy khi bao giờ đâu mà dám nhận. Như vậy thì chỉ có "tru di tam tộc" mà thôi.

Ông lão cả cười nói với vợ con :

- Nghe chi mà nghe lăm thế ! Đức Phật đã dạy đời là vô thường. Năm nay tôi đã hơn 70 tuổi, nhà vua cũng vậy, chắc chi vua còn sống được đến 20 năm nữa. Mà vua chết, tôi chết thì chuyện chi cũng đều xí xóa cả, có chi mà lo !...

THÁI THIANH

"Dù tiếc thương hoa kia vẫn rụng,
Chán ghét nhiều cỏ vẫn xanh tươi".

Mục Kiên Liên Tôn Giả

Trong hàng Thánh chúng hay trong mười đại đệ tử của Phật. Mục Kiên Liên là vị thần thông số một. Trong mọi tình huống, Mục Kiên Liên thường hay sử dụng phép thần thông, khi đi truyền giáo Mục Kiên Liên dễ dàng chinh phục được người. Nhưng pháp căn bản của sự giải thoát không phải là thần thông. Với nghiệp lực của con người thần thông không thể giải cứu. Với phép thần thông có thể khuất phục người được dễ dàng, nhưng chưa hẳn lòng người đã chữa oán giận.

Dù bị Phật quả, Mục Kiên Liên vẫn sử dụng phép thần thông để làm phương tiện. Ngày Vua Lưu Ly kéo binh đội đến vây hãm thành Ca Tỳ La Vệ, Mục Kiên Liên đã dùng thần thông đến cứu dòng họ Thích Ca bị bách hại, thành Ca Tỳ La Vệ vẫn bị hỏa thiêu. Mục Kiên Liên cũng đã không cứu được mẹ bằng phép thần thông. Ngay chính Mục Kiên Liên cũng đã không thắng được nghiệp

báo để thoát chết bởi bọn ngoại đạo, khi Mục Kiền Liên đến truyền đạo thành Thất La Phiệt.



Một hôm, trên đường đi khát thực, Mục Kiền Liên dừng chân trước một nhà bà bán bánh ít trần, thứ bánh ngọt mà không bọc lá. Thấy bà không đem vật thực ra cúng dường, đoán biết bà này có tâm keo kiệt, Mục Kiền Liên cố tình đứng lại chờ đợi, để bà gieo công đức phước điền.

Không những không cúng dường, bà còn xua đuổi Tôn giả, bà nói :

- Làm gì mà sáng sớm ông đến đứng án nhà tôi thế ? Ông có biết rằng tôi đang hong bánh chưa có bán được gì cả chẳng ? Xin mời ông đi mau cho với để sáng sớm tôi khỏi mất hên.

- Xin bà cho tôi một nắm cơm, nếu không bà cho tôi một cái bánh cũng được. Mục Kiền Liên năn nỉ.

- Tôi nghèo lắm ông ơi ! Bà già nói, ông không thấy nhà tôi đang xiêu vẹo sau trận cuồng phong, chưa sửa được đấy à ! Còn xin bánh, tôi đã bảo bánh chưa chín mà, ông này lần thần thật.

- Nếu bà không cho, tôi hóa phép làm gió thổi sập nhà bà luôn.

- À ! Thế ông biết làm phép ư ? Nếu có phép ông thử chết xem nào ? Nếu thật sự ông có thể biến hóa chết được, tôi sẽ cho.

Với thần thông đã chứng, Mục Kiền Liên rung mình ba lần rồi lăn ra chết.

Thấy thầy chết khiếp quá, nhưng vì tâm keo kiệt, bà nói :

- Đã là xác chết, còn ăn uống gì được mà cho, giờ ông lại còn báo đời, tôi phải chôn cất thầy ma, thật đến khổ !

Mục Kiền Liên đứng dậy và nói :

- Giờ này, tôi là người bình thường, ăn uống được, xin bà hãy đem vật thực cho tôi.

- Tôi đã bảo là tôi nghèo rớt mồng tơi mà, xin ông hãy dời gót gáp cho với, để tôi còn lo sanh kế nữa chứ.

- Bà đã biết tôi có phép, Mục Kiền Liên nói : Sẵn có tảng đá bên đường, nếu bà không cho vật thực, tôi sẽ mang tảng đá thả đè bẹp nhà bà ngay tức khắc.

Giận quá, nhưng lại sợ sập nhà, nhân đang hâm bánh (nấu cách thủy) bà mở vung, chọn một cái bánh nào nhỏ nhất để cho, hầu khỏi rắc rối. Lúc

này, bà thấy cái bánh nào cũng to lớn, cho thì thiệt hại cả vốn và lời. Dù bánh đã được xoa dầu để khỏi dính nhau, nhưng bà càng xáo tìm cái bánh nhỏ nhất thì bánh càng dính chùm với nhau. Giận quá, bà khuôn cả nồi để trước Mục Kiên Liên và nói : Ông hại tôi quá, làm bánh tôi dính chùm với nhau hết. Hông hết rồi, ông mang luôn cả nồi này về mà ăn cho thỏa.

Thấy ý cho bánh trong sự tức giận, nhưng thiện tâm đã bắt đầu nhen nhúm. Mục Kiên Liên gấp một cái bánh để vào bình bát, rồi tạ từ bà già và tiếp tục lên đường.

*

Một lần khác, nhân đi khát thực, ngang qua một khu vườn rất nên thơ, Mục Kiên Liên gặp một phụ nữ tuổi trung niên rất là kiều diễm. Bà này đón Mục Kiên Liên lại và mời vào rừng nói chuyện. Biết chuyện chẳng lành, chuẩn bị nếu có bị hại khi không chiều ý bà ta, thì sẽ đem sức thần thông chống trả, Mục Kiên Liên từ chối và nói :

- Bà không nên đem sắc đẹp mê hoặc tôi, con người của bà bên ngoài vui tươi, ngọt ngào nhan sắc, nhưng chắc chắn lòng bà không khác một cuộn chỉ rối. Bà đang có một tâm sự uất nghẹn nên

mượn sắc đẹp sẵn có để giết thời gian, hầu quân lãng tất cả, xin lỗi, bà chớ phiền, tôi thẳng thắn khuyên bà không nên chơi với lửa, lọt vào vũng sinh, nguy hiểm lắm ! Càng lao vào con đường truy lạc, tâm hồn càng thêm dơ bẩn. Trong vũng bùn, bà càng cố vẫy vùng thì bà càng lún sâu, khó thoát khỏi tội lỗi. Thiện tâm của bà chưa hẳn đã mất, bà nên quay hướng chưa muộn lắm đâu.

Nghe nói đúng quá, bà ta giật mình khóc sùi sụt và thưa :

- Thưa Tôn giả ! Tôi vẫn biết thế, nhưng không có con đường nào hơn. Tôi mượn lạc thú để quên hết uẩn khúc của cuộc đời, quên quá khứ đau thương.

Mục Kiền Liên bình thân khuyên :

- Thông thường, với những điều càng cố quên, thì càng nhớ, càng nhớ lại càng thấy đau... Càng đau thì lòng càng căm tức, càng oán tức lại có thể phát điên khùng. Lúc đó, hết biết phương cứu chữa, ở đời có hai con người mạnh nhất.

- Người không có tội lỗi. Người có tội lỗi mà biết ăn năn, sám hối. Thân thể, quần áo dơ bẩn dùng nước giặt rửa. Nước trên sông ô ứ khi vào biển cả đều được lóng trong. Tâm hồn nhiễm đầy trần cấu, Phật pháp có năng lực làm cho trong sạch, thánh thiện.

Nếu biết sám hối bà sẽ hết tội, tăng phước, trở nên con người gương mẫu.

- Những tội lỗi quá nhiều, sám hối bao giờ mới hết tội ? !! Bà ta nói, tôi đã mượn tiền tài và sắc đẹp làm lung lạc không biết bao nhiêu người đàn ông nhẹ dạ. Tôi đã phá tan hạnh phúc của nhiều gia đình, rồi tôi cũng bị người cùng phái nguyên rủa, có lần tôi suýt toi mạng. Nếu tôi phơi bày hết tâm sự, chắc Tôn giả càng khinh ghét tôi bội phần !

- Với giáo pháp của Phật, khi nghe bà bộc lộ tâm hồn, tôi sẽ tăng thêm từ ái, không có khi dễ gì đâu.

Nghe thế, rất yên tâm, bà ta kể :

- Tôi là con của Trưởng giả ở thành Đức Xoa Tỳ La, tên là Liên Hoa Sắc, lúc lên 16 tuổi tôi lấy chồng, chẳng may cha chồng chết sớm, mẹ chồng tôi còn xinh đẹp, và sinh lý còn cường thịnh, do đó bà khuynh đảo chồng tôi, phạm tội loạn luân. Quá buồn, tôi xin ly dị, để lại cho chồng tôi một bé gái, rồi tôi đi lang thang như kẻ mất hồn. Vì buồn, tôi lại kết bạn với một chàng thương gia trẻ tuổi. Tôi ở nhà lo việc quản gia, chồng tôi lại đi đó đi đây để buôn bán. Làm ăn phát đạt, lắm tiền của lại sinh tật. Một chuyến đi buôn xa trở về, chồng

tôi đem về một hầu thiếp son trẻ, gởi ở nhà một người bạn hữu. Thường mượn cơ đến nhà bạn hàn huyên, chồng tôi ít ngủ ở nhà. Nghe bà con xì xầm, tôi nổi cơn ghen, quyết tìm cho bằng được và ăn thua đủ với con quỉ cái đã ám hại gia đình tôi. Không ngờ khi chạm mặt nhau, hầu thiếp của chồng tôi chính là con gái của tôi với đời chồng trước.

Oan trái gì mà ghê thế ! Bà già tôi lại đi cướp chồng của tôi. Rồi con tôi và tôi lại cùng chung một chồng. Xưng hô như thế nào cho phải đạo lý ? Uẩn khúc như thế thì hỏi ai còn chịu đựng nổi ?

Khi tỉnh lại, không giữ được thăng bằng của tâm hồn, tôi lại bỏ nhà ra đi, mượn những cuộc truy hoan đó đây đùa cợt cho quên sầu. Chuyện đời của tôi quá bi thảm, Tôn giả có đủ năng lực để cứu vớt tôi chăng ?

Nghe tâm sự náo nùng của Liên Hoa Sắc, Mục Kiền Liên đem thuyết duyên sinh, thiện ác, nghiệp báo, nhân quả luân hồi giảng giải cho Liên Hoa Sắc nghe.

Khi thấy Liên Hoa Sắc có thể hồi tâm, Mục Kiền Liên hướng dẫn Liên Hoa Sắc về bái yết đức Phật. Liên Hoa Sắc hết lòng sám hối, tinh tấn tu hành, chẳng bao lâu chứng quả A La Hán và có thần thông

số một bên phái nữ. Trong khi, Mục Kiền Liên đã là bậc thần thông số một bên phái nam.

*

Trong hàng Thánh Chúng. Mục Kiền Liên không những là vị thần thông số một, bản tánh rất năng động mà còn là một vị có hiếu đạo hơn hết. Một hôm, nhớ mẹ, Mục Kiền Liên vận dụng thần thông đi khắp mọi nơi để tìm mẹ. Khi vào địa ngục, Mục Kiền Liên thấy mẹ không chỉ ở chốn địa ngục, mà còn đói khủng khiếp, cơ thể vô cùng gầy yếu. Để phục hồi sức lực cho mẹ là bà Thanh Đề, Mục Kiền Liên đem cơm dâng cho mẹ. Mừng quá, bà Thanh Đề dùng tay trái che bát để cho tù nhân khác không thấy thức ăn, tay phải bốc cơm đưa vào miệng. Nhưng than ôi ! Cơm thành than đỏ, bà không thể nào ăn được. Mục Kiền Liên rơi nước mắt, lòng buồn vô tận ! Mục Kiền Liên vận dụng đủ mọi phương tiện để cứu mẹ, nhưng vẫn không có kết quả.

Trở về bạch Phật sự tình và hỏi lý do. Với tinh thần từ ái, Phật nói : Mục Kiền Liên, lúc sanh tiền mẹ ông đã hủy báng Phật, mắng Tăng, bà không tin nhân quả luân hồi. Đặc biệt là bà rất bòn xén, chẳng bao giờ bố thí cho ai, kể cả bố thí cho con

kiến hạt gạo. Vì thế, sau khi chết bà phải chịu quả báo như thế. Ông tuy là con người hiếu đạo, thương cha nhớ mẹ, muốn đền đáp thâm ân, nhưng sức của cá nhân giới hạn, dù đã có thần thông, một mình ông cũng không thể giải cứu nghiệp lực của Thanh Đề. Ông hãy đợi đến rằm tháng bảy, ngày chُر Tăng mãn hạ, thiết lễ Vu Lan nhờ chُر Tăng chú nguyện, mẹ ông mới thoát khỏi cảnh địa ngục.

Theo như lời Phật dạy, ngày Rằm tháng bảy, Mục Kiền Liên sắm sửa trai diên, dâng cúng mười phương Tăng, và nhờ thần lực của chُر Tăng chú nguyện.

Quả như vậy, với đạo nghiệp tấn tu 3 tháng, chُر Tăng không những giúp cho bà Thanh Đề, mà nhiều người khác trong ngày đó cũng thoát khỏi cảnh địa ngục tối tăm.

Kinh Vu Lan, lễ Vu Lan, và gọi là ngày Rằm xá tội vong nhân có từ đó. Vu Lan Bồn có nghĩa là mở sợi dây treo ngược cho người có tội. Trung Quốc gọi là giải đảo huyền.



Vào thời đức Phật, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là hai cánh tay đắc lực của đức Phật. Cả

hai đã làm cho ngoại đạo phải kính sợ. Xá Lợi Phất đã dùng trí tuệ biện tài chinh phục bọn ngoại đạo. Với dũng khí kiên cường năng động. Mục Kiền Liên dùng thần thông lướt bọn ngoại đạo. Bởi thế hàng ngoại đạo rất oán ghét Mục Kiền Liên hơn hết, và tìm cơ hội bức hại.

Một hôm trên đường đi du hóa trở về, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên bị đồ đệ của Bảo Lạc Noa, thuộc phái Ni Kiền Tử, thường gọi là phái lửa hình đem gậy gộc ra chặn đường gây sự : Bọn này hỏi Xá Lợi Phất : "Trong chúng chánh mạng (lời tự xưng của phái lửa hình) có sa môn không ?" Vốn bậc trí tuệ, đoán biết được ý đồ của Bảo Lạc Noa, Xá Lợi Phất nói : "Chúng chánh mạng sa môn không. Chúng Thích Ca sa môn có, nếu A La Hán còn tham ái là không có kẻ ngu si". Không hiểu ý, tưởng đó là lời khen mình, họ để cho Xá Lợi Phất đi.

Bọn lửa hình xây qua hỏi Mục Kiền Liên. Giọng danh thép, Mục Kiền Liên đáp : "Trong chúng của các ông làm gì có quả sa môn". Cho là giọng trịch thượng, bọn lửa hình tức giận, vác gậy gộc đánh Mục Kiền Liên. Không chịu nổi trận đòn, Mục Kiền Liên bất tỉnh, tưởng là địch thù đã chết, bọn lửa hình bỏ đi... Xá Lợi Phất trở lại tìm xem bạn

như thế nào. Thấy Mục Kiền Liên bất tỉnh thân thể tím bầm, máu ra lai láng, Xá Lợi Phất lấy cà sa làm vông đưa Mục Kiền Liên về tịnh xá. Đại chúng hỏi Mục Kiền Liên : "Tôn Giả là bậc có thần thông, sao lại chịu thua thiệt đến thế ?". Mục Kiền Liên liền đáp :

- "Vì bất ngờ, hơn nữa, khi nghiệp lực đến, chỉ một chữ Thần còn chưa thể được, huống là phát Thông". Nói xong Tôn Giả vào Niết bàn. Khi nghe tin Kiền Liên bị ám hại, vua A Xà Thế đã phẫn nộ và đã hạ lệnh truy nã bọn lửa hình. Khi có tên nào bị bắt, nhà vua cho xử bằng cách ném sống vào hầm lửa.

Sau khi hỏa táng Mục Kiền Liên, ngài Xá Lợi Phất, Mã Túc và Mãn Túc đã đem hài cốt của Mục Kiền Liên về trình Phật. Phật tập hợp chúng Tỷ kheo lại và dạy :

- Nay các vị Tỷ kheo ! Hãy chiêm ngưỡng hài cốt của Mục Kiền Liên. Đã mang sắc thân, chắc chắn còn nghiệp phải trả. Nhục thể phải chịu luật vô thường. Do đó, sinh tử, trả nghiệp là chuyện thường tình. Không có gì phải hoang mang lo sợ. Khi xả báo thân con người nên giữ tâm hồn không nên mê muội, oán thù, sân giận. Trong các nghiệp, cận tử nghiệp là nghiệp nặng nhất. Mục Kiền Liên vì tuyên dương giáo

pháp mà phải tử nạn đó là một vinh dự, đáng
cho tất cả noi gương...

MINH TUỆ

"Còn thân 5 ăm là còn nghiệp lực phải trả.

Người đạo sĩ hơn kẻ thường tình là mỉm cười trước cái
chết, không oán hờn, than khóc, tiếc nuối, mê mờ..."

Bát cơm cúng dường

Thuở Đức Phật còn tại thế, hằng ngày Phật và hàng đệ tử đi khất thực để mọi người có duyên gieo hạt giống lành vào thửa ruộng phước của mình.

Trong mùa an cư, Phật thường thọ trai của thí chủ phần đông là hàng cư sĩ, luân phiên nhau mang thức ăn sẵn vào Tịnh xá cúng dường.

Trong giới tại gia của Đức Phật, có một người học trò tuy của cải không bằng ai nhưng lại khá giàu lòng tốt. Phiên chàng cúng dường thường vào những ngày cuối tháng. Những bữa cơm giản dị không phải quý giá về phẩm chất, mà quý vì chàng đặt vào đó tất cả lòng thiết tha thành kính của một đứa con thuần hiếu, mà lòng chân thành lắm khi làm cảm động đến chư Thiên...

Khi sao mai vừa ló dạng, chàng thức dậy, sửa soạn vớt chất đề hồ cho vào chiếc bình trắng trong, để lên chiếc bàn con bằng gỗ chiên đàn, một gia bảo của mẹ chàng thuộc dòng Bà La Môn để lại

cho chàng. Chiếc bàn đá mấy đời dùng làm bàn sắp đồ cúng tế trong các buổi lễ.

Kể đó, những món rau đậu chính chàng trồng lấy ở vườn nhà được tự tay chàng nấu nướng.

Hôm nào cũng như hôm nào, bữa cơm chàng sửa soạn cúng dường Đức Phật cũng mang trọn tất cả lòng thành kính vui mừng. Chàng khấn nguyện cho cơm chàng cúng dường là bữa cơm đầy Pháp vị, tuy chàng biết vốn liếng tu học của mình không được bao nhiêu và gia thế lại còn tệ hại hơn cả sự hiểu biết của mình nữa.

Nhưng không biết tại sao tâm chàng thấy hoan hỷ và tin tưởng rằng những bữa cơm đơn giản của mình mang đến cho người thọ dụng tất cả niềm thanh tịnh, hoan hỷ. Và đó cũng là nguồn an ủi lớn lao nhất trong kiếp sống hiện tại của chàng.

Mặt trời lên khá cao, chàng vui vẻ mang thức ăn đi cúng dường Đức Phật. Con đường đi vào Tịnh xá Kỳ Hoàn thật êm ả trầm lặng. Chàng không bao giờ ngắm mây bay hoa nở, bước chân chàng nhẹ nhàng thanh thoát lướt qua không kịp nhuộm bụi đường, lòng chỉ lo quá ngọ Đức Phật không kịp thọ dụng...

*

Nhưng có một hôm, ra khỏi nhà một đôi, mắt chàng dừng lại, bóng dáng một sinh vật thất thiếu dưới nắng hè. Đó là một con chó gầy guộc, lông lá rụng hết, từng mảng lở ghê loét hiện rõ dưới ánh mặt trời chói chang. Bốn chân nó khằng khiu xiêu vẹo không đỡ nổi chiếc thân vốn đã quá gầy còm !

Hình như nó đánh hơi được thức ăn đang xách trên tay nên lăm la lăm lét tiến lại gần. Nó không biết nói, nhưng đôi mắt van nài, bộ tướng ủ rũ tiêu tụy của nó, đủ nói lên được với chàng rằng : "Tôi không được ăn từ lâu lắm".

Chàng đứng khựng lại. Bấy giờ, trước mắt chàng chỉ có hình ảnh của một sinh vật đói lả, mà trong tay chàng lại có sữa, cơm và thức ăn. Thật may phước cho nó quá ! Chàng ngồi xuống bên đường, mở bình bát ra, bày các thức ăn trước mặt nó. Con chó ăn không kịp thở, chàng hồi hộp nhìn con vật cùng chia sẻ với nó sự bằng lòng, niềm vui hi hữu đang âm thầm tràn ngập tâm hồn. Trong một thoáng chiếc bình để hồ, cơm, thức ăn hết sạch. Bấy giờ con chó no, thông thả ra đi. Chàng trông theo bước chân của nó, giờ đây chắc chắn vững chải trên con đường và nở một nụ cười thoải mái. Nhưng, khi chó vừa khuất dạng sau rặng cây trước cửa Tịnh xá, chàng nhìn lại bình để hồ và liến cơm với thức ăn sạch nhẵn, lo sợ

kinh hoàng ! Mặt trời rọi bóng chàng lùn xùn trên mặt đường vậy là vừa đúng ngo. Tối thì không dám, lúi cũng không đành, sau một giây, thu hết can đảm, chàng hớn hờ rảo bước vào Tịnh xá mà nước mắt lăn tròn theo mồ hôi.

*

Đức Thế Tôn dùng huệ nhãn soi rõ sự tình. Ngài ngồi yên, đôi mắt tinh anh như hai vì sao sáng, nụ cười hoan hỷ từ bi nở tươi làm sáng một vùng trời.

Chàng nào dám ngó lên, đôi mắt e dè dán chặt xuống đôi bàn chân tê dại. Tuy nhiên, chàng quyết không dối Phật, quyết thú thật hết tội lỗi của mình, mà cũng không dám mong cầu được Phật tha thứ.

- Bạch Thế Tôn ! Hôm nay con có lỗi nặng vô cùng... và tiếng chàng rứt lại nhỏ dần như tắc nghẹn...

Đức Phật ôn tồn khuyến khích như thường lệ :
Hôm nay phải phiền con đem cơm cúng dường Như Lai đó không ?

- Bạch Thế Tôn !... Tiếng chàng nức nở trong nước mắt. Xin Ngài thứ tội cho con. Vừa rồi trước

Tịnh xá, con gặp con chó ghê dối là con lú lẫn quên mất giờ trai của Thế Tôn, con lẽ đem bình bát thức ăn cho con chó ăn hết. Tội con xuẩn ngốc, vô lễ nặng nề không biết ngần nào.

Nhưng, một vùng hào quang giữa đôi mày Đức Phật phóng ra ánh ngời Tịnh xá như những hôm Phật lên Pháp tòa khởi điểm nói bài Kinh trác tuyệt. Tiếng Ngài ngân vang, từ ái tròn đầy :

- "Mùa hạ này, Như Lai muốn cho các con biết, chỉ có hôm nay Như Lai thọ dụng một bữa cúng dường rất thanh tịnh của một vị đại thí chủ, đầy đủ pháp vị trong một bữa cúng dường".

DIỆU CHƯƠNG

"Phụng sự chúng sanh tức cúng dường Chư Phật".

Vườn Nai

Vào một thuở xa xưa, tại thành Ba La Nại nước Ấn Độ, có một khu rừng xanh tốt, rậm rạp. Một đàn nai quy tụ lại đó sinh sống. Lúc mới di cư đến chúng không khỏi phập phồng lo sợ, mỗi ngày chúng phải cật phan nhau canh phòng, nếu có gì nguy hại thì lo tìm đường tẩu thoát, nhưng dần dần dọ dẫm, một ngày, hai ngày, một tháng, hai tháng cho đến cả năm vẫn không thấy dấu hiệu gì đe dọa chỉ một tai biến có thể xảy ra, nên chúng yên lòng sinh sống một cách hiền lành thanh thản, vui vẻ. Nhưng một việc đáng buồn đã xảy ra giữa chúng - Một con nai đầy tánh kiêu hãnh, hẹp hòi, nổi máu háo danh đòi lên làm chúa đầu đàn, song lạ lùng gì tư cách, tài năng, và tâm địa của hắn, ai mà tôn hắn làm chúa đầu đàn ?

Chẳng kể phải quấy, dư luận, con nào theo hay không theo, hắn vẫn mang râu đội mũ xưng là nai chúa đầu đàn. Rồi bằng những mảnh khoe đồ sành, mua chuộc, van lơn dần dần hắn cũng

lôi được một số nai nhẹ dạ theo hần. Thế là đàn nai thuần nhất khi mới đến, bây giờ bị chia làm hai. Tuy vậy chúng vẫn sống lẫn lộn với nhau trong khu rừng đó. Năm này qua năm khác, chúng sống và tiếp tục sinh sôi nảy nở, mới đó mà bây giờ mỗi đàn của chúng đều có tới năm trăm con. Chúng sống ở đây như vậy đã không biết bao nhiêu ngày rồi mà chẳng có điều gì tai biến, nên tâm hồn chúng trở nên giản dị vô tư. Chúng tưởng mọi loài, mọi vật chung quanh cũng đều như chúng nên không đề phòng. Không ngờ, trong khi đó, ông vua Phạm Đạt Đa ở thành Ba La Nại đã nghe tin đồn về chúng, ông lập tâm để dành một ngày dò biết chúng tập trung về đó đủ cả, ông sẽ kéo quân đến vây bắt hết để làm thịt. Sớm nọ khi ông biết rõ tình hình đàn nai đã quy tụ như ý ông chờ đợi, ông cất quân đến bao vây. Cả đàn nai đều không để ý. Lúc đầu tưởng người ta đi chơi hay làm việc gì, không đề vòng vây mỗi lúc một thắt chặt, nhìn phía nào cũng thấy toàn gươm giáo, cung tên, chúng hoảng hốt lên, con này chạy báo con kia, hoang mang, nhốn nháo, sợ hãi, khủng khiếp tràn lan, bỗng chốc, khu rừng, tổ ấm an lành của chúng trở thành khu rừng lửa, phen này đành phải chết hết không còn cách gì thoát khỏi. Quả vậy, vua đã ra lệnh vây chặt khu rừng

rồi châm lửa đốt để bắt thịt cả lớn bé một lần. Trước cảnh nguy hiểm cấp bách ấy, một con nai chúa đầu đàn vốn thông minh nhân từ được tôn trọng nhất ngay từ đầu, dũng dạc đứng lên tuyên bố cho cả hai đàn nai biết, nó sẽ đi thẳng đến vua, trình bày ý kiến xin hoãn sự chết cho cả đàn và tướng thế nào cũng được nhà vua chấp thuận. Khi nghe qua lời tuyên bố, ngoại trừ con nai đầu đàn kiêu hãnh, vì tự ái không biểu lộ vẻ hân hoan, còn con nào con nấy đều sáng cả đôi mắt lên, lấy lại sự bình tĩnh để chờ đợi. Nai chúa nhân từ một mình mạo hiểm ra đi.

Khi trông thấy nó, thì bao nhiêu mũi tên, giáo mác châu lại. Nhưng, "Ồ ! Con nai này hình thù đẹp quá, để bắt sống, chớ bắn, chớ giết". Nghe một người trong đám quân nói vậy, các người khác hưởng ứng theo, con nai khỏi bị chết, nhưng đã lọt vào tay đám quân. Nó xin đưa đến trước mặt nhà vua. Vừa đến nó liền quỳ xuống trình bày :

- "Thưa nhà vua, hôm nay nhà vua hạ lệnh vây đốt rừng để bắt chúng tôi làm thịt, dầu biết mạng sống đã nằm trên dao thớt, chúng tôi không dám trái lệnh, song thiết nghĩ đàn chúng tôi có tới một ngàn con, nếu chúng tôi phải chết một lần để làm món ngự thiện, thì nhà vua cũng chỉ dùng được

đôi ba ngày đầu, đến ngày thứ tư, thứ năm chắc thịt chúng tôi sẽ sinh thúí ắt phải đổ đi, sau đó đầu nhà vua muốn dùng thịt chúng tôi nữa cũng khó lòng. Vậy điều hay nhất, chúng tôi xin hứa mỗi ngày tự đem thân đến nạp nhà vua một con để nhà vua làm thịt, như vậy món ngự thiện được tươi tắn, ngon lành mà chúng tôi cũng sống thêm được ít lúc, khỏi bị chết một cách oan uổng vô dụng".

Nhà vua nghe xong tấm tắc khen chí lý, liền truyền lệnh cho nai lui về và không quên dặn phải giữ lời hứa, và hạ lệnh giải vây, kéo quân về. Khi ấy ông liền yết lệnh cho toàn dân biết không ai được phép xâm phạm khu rừng bắt nai. Nếu ai thấy nai đi về phố thì phải dẫn đến cung vua, không được phá phách, ngăn chặn hay bắt giết. Còn đàn nai thì lo sắp đặt thứ tự đi nạp mình. Sáng này một con nai xấu số bị thui trên lửa. Sáng nọ lại một con nai xấu số khác bị đưa vào cổ ăn của nhà vua...

Ăn thịt nai vài ba hôm, nhà vua lại hạ lệnh cho hoãn 10, 15 ngày lại tiếp tục con nai khác đến nạp mạng. Lần này đến phiên một con nai đang chứa, nó đến trước nai đầu đàn kiêu hãnh của nó van xin cho nó đi phiên sau, bây giờ chọn con nai khác đi thay, viện lẽ nó sắp sinh. Đến phiên nó nạp mạng,

nó không có tránh né, đưa đẩy kêu oan, nhưng nghĩ đến đứa con trong bụng sắp sinh, chưa đến phiên mà phải chết thì rất tội, chỉ bằng cho nó sinh xong, nó sẽ đi nạp mạng. Nhưng con nai đầu đàn kiêu hãnh khu khu không chịu, nộ nạt mắng nhiếc : "Mày không đi, đây ai đại gì đi chết thế cho mày". Con nai chưa rú rú ra về tìm đến nai chúa nhân từ ở đàn nai kia cầu khẩn. Vừa nghe qua, nai chúa nhân từ chấp nhận liền. Nó suy nghĩ chọn con nào đi thế bây giờ để gì đã có, thôi ta hãy đi nạp mạng, nếu không thì tức khắc chết rụi hết cả đám, nó liền bình tĩnh ra đi. Khi vừa đến phố thì mọi người xúm lại chỉ trỏ, trầm trồ : "Con nai đẹp quá !". Có người muốn chặn lại, nhưng nhớ lệnh nhà vua nên tức tốc đưa nó đến cung đình.

Vừa thấy nó nhà vua ngạc nhiên hỏi : "Nay tới phiên ngươi sao ?" Nai chúa nhân từ đáp : "Không phải" và trình bày đầy đủ lý do mà nó đi nạp mạng sớm như vậy. Nhà vua nghe xong liền đổi ra dáng dăm chiêu nghi ngại : "Không ngờ, không ngờ, trong loài thú mà có con nai đầu đàn này vừa thông minh, vừa nhân từ đại độ, vừa can đảm thành tín như vậy. Nó là chúa đầu đàn của chúng nó, nó biết thương yêu đùm bọc, biết can đảm hy sinh cho sự sinh tồn của đàn nó như vậy. Còn ta, ta là người, là chúa đầu đàn của một đám thần dân

rộng lớn, ta có bằng nó không ? Liệu khi thần dân ta bị bao vây sát hại, ta có đủ trí lực thông minh, nhân từ, can đảm để đối phó với sự nguy hiểm như nó không ? Có lẽ ta sẽ không bằng ! Không bằng ! Nếu bây giờ ta chỉ nghĩ đến một chút khoái khẩu trong giây lát mà giết nó, thì khác nào ta tự chôn vùi lương tâm sâu thêm một từng nữa. Ta giết nó tức là giết một đạo lý sống cao thượng, giết một tình thương rộng lớn, một lòng quả cảm hy sinh, tức là giết hết những gì cao quý nhất của cuộc đời. Ôi ! Nếu cuộc đời không từ bi, thiếu trí tuệ, không dũng cảm, chỉ là cuộc đời trống rỗng tối tăm, ta còn mặt mũi nào để xưng mình là một ông vua trong loài người ở trên chúng nó".

Con nai chúa nhân từ vẫn đương quỳ yên đợi lệnh, nhà vua sau một hồi chầm dấm trong ý nghĩ miên man, vụt ngồi thẳng mình, lộ vẻ hân hoan như vừa tìm ra chân lý, ông dùng hết lời ca ngợi nai chúa, hạ lệnh đưa nó trả về rừng và truyền cho toàn dân từ nay không ai được phép xâm phạm đến khu rừng, cũng như không ai được phép phá nai, bắt nai, giết nai làm thịt. Từ nay đàn nai trở lại đời sống yên lành như trước dưới sự thương yêu chăm sóc của nai chúa sáng suốt nhân từ (một tiền thân của đức Phật) và cũng từ đây khu rừng này mang tên là Rừng Nai hay Vườn Nai (Lộc Uyển).

Lúc Đức Phật ra đời, Vườn Nai này lại một lần đặc biệt nổi tiếng, trở thành một trong bốn chỗ động tâm của Phật giáo⁽¹⁾. Vì sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài liền tìm đến năm ông đạo sĩ nhóm Kiều Trần Như đang tu tại Vườn Nai để chuyển bánh xe pháp lần đầu tiên cho họ nghe.

Lại một thuở xa xưa khác, có 500 vị tiên vừa đi ngang qua chỗ này thì gặp đoàn cung nữ nhà vua đi du ngoạn, liền động lòng mê đắm mà bị sa đọa, nên chỗ này cũng có tên là Chư Tiên đọa xứ (Isipatana - chỗ các vị tiên bị đọa).

GIỚI ĐỨC

Người biết "đạo" tất không khoe.

Người biết "nghĩa" tất không tham.

Người biết "đức" tất không thích tiếng tăm lừng lẫy.

(1) Bốn chỗ động tâm của Phật giáo: Vườn Lâm Tỳ Ni, nơi Đức Phật đản sanh; Bồ Đề Đạo Tràng, nơi Đức Phật thành đạo; Lộc Uyển, nơi Đức Phật chuyển Pháp luân; và rừng Ta La Song Thọ, nơi Đức Phật nhập Niết bàn.

Duyên xưa nghiệp cũ

Câu chuyện sau đã xảy ra ở một nhà giàu tại Trung Quốc ngày xưa. Truyền thống "Cải gia vi tự" (biến nhà thành chùa) bắt nguồn từ đó.

Một gia đình rất giàu sửa soạn nhà cửa đón dâu. Phú ông đang bận rộn với việc đám cưới thì gia nhân vào báo, có một vị sơn Tăng đến khát thực hóa duyên. Vốn là người mộ đạo, Phú ông vội vàng ra nghinh tiếp, mời Sư vào nhà, thỉnh ngồi ở ghế thượng khách. Nhưng vị Sư chỉ chống tích trượng đứng cười ha hả. Lạ lùng trước cử chỉ của nhà Sư, nhưng phú ông không dám có ý nghĩ đây là người cuồng. Bởi, trông mọi dáng vẻ Ngài đều có tiên phong đạo cốt, phú ông quyết đây không phải là người thường giả bộ. Ngược nhìn đôi mắt sáng như sao của nhà Sư, phú ông bất giác rơi lệ quý mọp xuống :

- Bạch Hòa Thượng, đệ tử ngu dốt, nay có phước duyên được người chiếu cố, xin người từ bi dạy bảo !

- Hà hà. Chúng sanh mê muội, làm tội ác tày trời còn hí hửng đánh trống thổi kèn.

Trong khi nhà Sư nói vậy, thì từ nhà sau vọng lên tiếng lợn kêu thống thiết. Vị Sư tiếp :

- Con heo đó là cha người ngày trước. Vì tham tiếc cái gia tài, ông đã tái sanh làm con heo sau chuồng nhà người.

Phú ông đầm đìa nước mắt, bạch :

- Bạch Hòa Thượng, quả đúng như vậy, cha con khi sắp chết cứ thao thức tiếc cái gia tài của cái một đời mồ hôi nước mắt này, và dần đi dần lại chúng con phải giữ gìn đừng hoang phí.

Nói rồi, vội báo gia nhân đình chỉ việc giết heo. Nhà sư lại nói tiếp :

- Còn đứa con gái người sắp cưới cho con người là ai biết không ?

- Bạch Hòa Thượng, đó là con gái nhà láng giềng của con. Hai trẻ có cảm tình với nhau từ nhỏ, nên khi chúng thành niên, con cho tác hợp thì có gì sai quấy.

- Hà hà. Mới bà bà cháu cháu đó, mà nay là vợ chồng chồng. Than ôi, chúng sanh có mắt như mù,

- Bạch Hòa Thượng, xin Hòa Thượng từ bi khai thị cho kẻ ngu muội. Con không được rõ thánh ý.

- Có gì là mờ mịt đâu, chỉ vì người không thấy ! Đứa con gái kia là mẹ người ngày trước. Do vì khi sắp chết, người lưu luyến đứa cháu nội không nỡ rời, nên thần thức đâu thai lại cõi đời để sống gần nó.

Phú ông nhầm lại, thì quả nhiên cô gái thua cậu con 4 tuổi, nghĩa là cô ra đời đúng lúc bà mẹ ông mất, lúc con trai ông lên 4.

- Bạch Hòa Thượng, quả như Ngài nói, mẹ con khi mất đã cầm chặt tay cháu nội, bà rất yêu cháu vì nó là đứa cháu trai duy nhất. Nay sự tình vậy thì con không dám làm việc ác tày đình thế kia. Xin Hòa Thượng chứng minh cho con được thế phát xuất gia biến nhà thành chùa.

Rập trang hoàng cho tiệc cưới trong chốc lát được sửa lại thành đạo tràng. Phú ông cung thỉnh Sư lên pháp tòa thuyết pháp cho bá tánh đến dự và coi đám cưới. Nghe xong thời pháp, mọi người đều xin quy y Tam Bảo, từ bỏ sát sanh, chú rể xin cha theo vị Hòa Thượng về núi tu hành, còn cô dâu nguyện trọn đời ở vậy phụng dưỡng cha mẹ

cho đến khi hai thân khuất núi, rồi cô cũng xuất
gia.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Cuộc thế tựa rạp cao, con người như kếp hát
Đổi thay nhiều lớp, biết ai mẹ ai con ?
Luân chuyển lâu đời, tưởng người đứng người lạ
Đời nay thù oán, tề ra cha mẹ trước không hay !"

Ca Lưu Đà Di

Ưu Đà Di (UDÀYI) là một viên đại thần rất được sủng ái của Đức Vua Tịnh Phạn. Ông có biệt tài tổ chức các vấn đề kinh tế hành chánh và ngoại giao... Nhưng cũng có một tật khá lớn là vô cùng háo sắc, đắm nguyệt say hoa. Chính ông là người đã hiến kế cho đức vua Tịnh Phạn lập tam cung lục viện, tuyển mộ cung phi đem sợi tóc mỹ nhân để cột chân Hoàng tử Tất Đạt Đa dạo ngoạn.

Khi được tin con mình đã thành đạo, đi bố giáo nhiều nơi mà chưa chịu về thăm nhà, vua Tịnh Phạn vô cùng nôn nóng, liền tiếp Ngài phái liên chín vị cận thần thân tín đi mời đức Đạo sư về thành Ca Tỳ La Vệ. Đáp lại sự chờ mong của đức vua, sau khi gặp Phật và được nghe pháp, chín vị sứ giả đều tỉnh ngộ, quên phứt đi sứ mệnh của mình, xin cáo túc sống đời Sa môn và lần lượt đắc quả cả. Lần thứ mười Ưu Đà Di phụng mạng ra đi, thỉnh được đức Đạo sư trở về thăm quê cũ, dù ông cũng rất lấy làm cảm động khi nghe những thời

pháp của Ngài, nhưng Ưu Đà Di vẫn trở về phò vua giúp nước như trước.

Mãi đến lúc vua Tịnh Phạn mất, Ưu Đà Di mới từ quan, bỏ lại hàng chục tòa dinh thự nguy nga cùng hàng trăm thê thiếp lộng lẫy, cạo bỏ râu tóc sống đời khất sĩ. Để ghi dấu lần đổi thay vĩ đại này ông đổi tên là Ca Lưu Đà Di (KALUDĀYI).

Tuy đã thay đổi thức ăn, hình thức, cùng nếp sinh hoạt nhưng các cố tật của Ca Lưu Đà Di vẫn còn, vì thế ông đã gây ra khá nhiều rắc rối cho đức Đạo sư, Tăng đoàn cũng như chính bản thân ông.

Vừa gia nhập Tăng đoàn, Ca Lưu Đà Di đã đến gặp đức Đạo sư than phiền rằng diện tích tám tọa cụ do Ngài hạn định cho chư Tăng thật là khiêm tốn so với thân hình to béo của Sư. Đức Thế Tôn liền chế luật cho phép Sư được mở rộng kích thước tám nệm ngồi, mỗi bề thêm nửa tấc.

Có được tám tọa cụ ưng ý, Ca Lưu Đà Di vẫn chưa tọa thiền được, vì tiếng quạ kêu ồn ào làm tâm tư xao động. Thế là trong lúc các bạn đồng phạm hạnh đang ngồi thiền định, Ca Lưu Đà Di liền đi chẻ tre, chuốt cung tên để đi bắn quạ. Sau giờ tĩnh tọa, các thầy Tỷ kheo kinh hoàng khi thấy xác quạ nằm đầy vườn, vì vua quan thành Ca Tỷ La vốn lừng danh với tài xạ thủ. Chuyện đến

tai Phật, Ca Lưu Đà Di bị Ngài khiển trách một trận nên thân. Chưa hết, một hôm trên đường đi kinh hành, đức Đạo sư bắt gặp một sàng tòa cao ngất ngưỡi đặt giữa ngã ba đường, Ca Lưu Đà Di đang nằm đông đưa trên chiếc giường dây này... Đương sự được mời xuống và đức Đạo sư phải chế thêm một giới cấm nữa : "Không được giăng võng quá cao".

Nhờ sự hướng dẫn của đức Đạo sư và các bạn đồng phạm hạnh Ca Lưu Đà Di gọt rửa dần những tập khí quan liêu vương giả, duy có một điều gây rắc rối không ít cho Sư và Tăng đoàn là Sư khó lòng tự chủ khi thấy bóng mỹ nhân.

Một hôm đang ngồi trong tịnh thất, chợt thoảng thấy một thiếu nữ diễm lệ đi ngang, quên phứt là mình đã xuất gia, Ca Lưu Đà Di liền tụt xuống giường thien chạy ra chặn đường người đẹp. Chuyện đến tai Phật, Sư bị rầy la nặng nề và thề chừa hẳn.

Lời thề chỉ giữ được một nửa : lần khác Ca Lưu Đà Di không chạy ra chặn đường người đẹp nhưng ngồi trong tịnh thất sư không nín được dăm lời trêu chọc. Lần này Ca Lưu Đà Di lại phủ phục dưới chân đức Đạo Sư nguyện... sẽ không chộc ghẹo người đẹp nữa... Xui xẻo cho Sư nhiều Hoàng phi và cung nữ của vua Bình Sa, trên đường đi lễ Phật

lại đi ngang qua tịnh thất của sư. Đường sự liền khua chìa khóa lằng kếng để gọi sự chú ý của thiên hạ. Để trừ hậu hoạn, đức Đạo sư cho phép Ca Lưu Đà Di được dời tịnh thất ra cuối vườn để tránh cảnh.

Chuyện rắc rối lại xảy đến với nhà sư đa tình này trên đường đi khát thực : Ca Lưu Đà Di ôm bát đứng bất động trước nhà mỹ nhân... Đức Đạo sư đành chế giới :

"Tỳ kheo khát thực xong phải đi không được nấn ná lại nhà người đẹp".

Điều luật này được Ca Lưu Đà Di hết sức tôn trọng, Sư chỉ đứng ngoài đường lộ dòm vào thôi. Có người mách Phật, Ngài lập tức chế giới. Ca Lưu Đà Di liền ngồi trên ngạch cửa, đức Đạo sư cấm ngồi nơi cửa, Sư bèn chui vào kẹt cửa của gia chủ... Nhiều phen Sư bị các ông bố hoặc đấng phu quân của mỹ nhân vây đánh phải chạy thực mạng, vất cả y cùng bát.

Tai tiếng của Ca Lưu Đà Di bay tới tấp đến hương thất của đức Đạo sư, sau các lời khiển trách, Ngài từ bi đích thân giáo hóa Sư, cấm không được rời xa Ngài. Nhờ vậy, Ca Lưu Đà Di dần dần bỏ được thói cũ, tinh cần tu tập, không bao lâu đắc A La Hán quả.

Việc lớn đã xong, Tôn giả Ca Lưu Đà Di dùng hết năng lực của mình để phụng sự mọi người. Tôn giả tỏ ra rất xứng đáng xuất sắc trong việc giúp đức Phật tổ chức Tăng đoàn và hướng dẫn quần chúng bình dân, vì hành chánh và ngoại giao là một trong những biệt tài của Tôn giả. Tôn giả còn được đức Đạo sư phái đi giảng hòa những vụ tranh chấp trong dân chúng. Và bất cứ cuộc hiềm khích nào, dù gay go cách mấy, khi Tôn giả đã nhúng tay vào đều được hòa giải rất tốt đẹp.

Về sau do những dư nghiệp của quá khứ, Tôn giả Ca Lưu Đà Di đã đâm nhiên thị tịch dưới nhát dao của tên quan hung bạo, khi Tôn giả muốn cứu hấn ra khỏi bùn nhơ của dục vọng.

*

"Đốn cây mà chưa đào hết cội rễ thì nhánh vẫn ra hoài, đoạn trừ ái dục mà chưa sạch căn gốc thì khổ não sanh trở lại mãi".

Phật pháp nan văn

Một thuở nọ, Phật ngự tại tịnh xá Kỳ Hoàn có 500 thiện tín đến xin Ngài giảng pháp. Đức Thế Tôn không hề phân biệt giai cấp dòng họ sang hèn. Với ai, Ngài cũng giảng dạy bình đẳng như nhau, giống như nước mưa rơi từ không trung xuống thấm nhuần ngàn cây nội cỏ một cách vô tư.

Nhưng dù Ngài ân cần giảng dạy, mấy người kia ngồi nghe pháp một cách lơ đãng. Ông thì ngủ gục; ông lấy tay gõ hoài trên mặt đất; người cứ lay mãi một nhánh cây; kẻ ngó móng lung trên trời; chỉ có một người chăm chú nghe. Tôn giả A Nan đứng quạt hầu Phật, ngạc nhiên về cử chỉ của năm ông khách nên khi họ vừa ra về, Ngài liền hỏi Phật :

- Bạch Thế Tôn, thời pháp của Ngài giảng như sấm rền vang không trung, mà chỉ có một người chăm chú nghe, còn mấy người kia đều lơ đãng hết sức.

- Nay A Nan, ông chưa biết rõ về nhóm người ấy ?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Người đầu tiên đã làm thân rắn 500 đời, thường khoanh tròn nằm ngủ nên đến kiếp này hấn cũng còn giữ cố tật ấy, chẳng có lời nào của ta lọt vào tai hấn.

- Bạch Thế Tôn. Những kiếp ấy xảy ra liên tiếp hay có xen kẽ ?

- Khi thì hấn mang thân người, lúc mang thân trời. Khi khác làm rắn. Không thể nào kể được những kiếp luân hồi của hấn. Nhưng có 500 kiếp liên tiếp, hấn làm rắn và thường ngủ li bì.

Người dùng tay gõ gõ trên mặt đất, đã 500 đời làm mối kết tổ trong lòng đất nên kiếp này hấn vẫn còn giữ thói quen ấy.

Người cứ lay động nhánh cây, là 500 đời làm khi quen leo trèo nên bây giờ hấn không tài nào ngồi yên một chỗ.

Người hay nhìn mông lưng lên trời, đã từng làm chiêm tinh 500 đời, nên bây giờ vẫn còn thói quen.

Người chăm chú nghe lời ta, đã từng đọc tụng kinh Vệ đà 500 đời nên quen chăm chú cần mật như lúc nghe mật chú.

- Nhưng Bạch Thế Tôn, lời Ngài dạy, con thấy thấm tận xương tủy, mà tại sao họ lại lơ là ?

- A Nan, bộ ông tưởng giáo lý của ta dễ nghe lắm sao ?

- Bạch Thế Tôn ! Chẳng lẽ Ngài cho nó khó nghe ?

- Đúng thế.

- Tại sao ?

- Nay A Nan, những người này trong vòng luân hồi đã trải qua nhiều kiếp chưa từng nghe đến tên Tam Bảo, cho nên bây giờ họ không thể thâm nhập giáo pháp. Ra vào cuộc tử sanh vô tận, họ chỉ quen nghe tiếng nói của súc sanh. Hơn nữa, họ còn tiêu phí gần hết thì giờ trong việc ăn uống, vui chơi, múa hát, và không thể nghe lời ta giảng.

- Bạch Thế Tôn ! Vì lý do gì họ không thể nghe pháp ?

- Nay A Nan ! Vì tham ái, vì sân hận, vì si mê, họ không thể nghe pháp.

Không lửa nào mạnh như lửa tham ái, đốt cháy hết mọi loài chẳng chừa một cọng cỏ. Vào kiếp hỏa, hỏa tai thiêu rụi toàn thể giới không chừa lại một thứ gì nhưng lửa này cháy có giới hạn trong một thời gian, trong vòng một thái dương hệ. Vì thế ta

nói rằng không lửa nào bằng lửa tham ái, không
kèm kẹp nào bằng sân hận, không lưới nào như
lưới si mê, và không dòng sông nào bằng sông ái
dục. Ngài nói kệ :

Lửa nào bằng tham dục ?

Ngục nào bằng tâm sân ?

Lưới nào bằng mê đắm ?

Sông nào bằng ái hà ?

(Pháp cú 251)

THÍCH NỮ NHƯ THỦY - NHƯ ĐỨC

"Chiều chiều nghe tiếng chuông ngân

Lòng như xóa hết Tham Sân hận thù.

Cuộc đời là kiếp phù du

Sớm còn, tối mất, mau tu thân mình".

Tâm nhìn

Xưa có một vị Tỳ kheo, cất một cái am trên một sườn núi vắng vẻ để tu tập thiền định. Dưới chân núi là một con sông, có một chuyến đò qua lại. Vị Tỳ kheo muốn hạ sơn hóa đạo phải đi qua chuyến đò ấy. Kê đưa đò là một lão mẩu tuổi trên 50, còn khỏe mạnh.

Một hôm, khách qua sông ngạc nhiên thấy kẻ đưa đò không phải là lão mẩu nữa, mà một thiếu nữ rất duyên dáng đẹp đẽ, dung nghi trang trọng, cử chỉ thanh cao. Hỏi ra mới hay rằng, người con gái không biết người ở xứ nào, một ngày nọ, tới xin lão mẩu ở trọ và giúp bà một tay đưa khách qua sông. Thấy nàng xinh đẹp, lại đoan trang, lão mẩu vô cùng thương mến.

Từ đó, khách sang sông thăm thầy ngoạn cảnh mỗi ngày mỗi đông. Có lẽ ai cũng thích qua đò để được ngắm dung nhan giai nhân và cái vẻ thướt tha mềm mại của tay ngà đưa mái chèo nhẹ trên

mặt nước. Thầy Tỳ kheo thỉnh thoảng có việc phải hạ sơn, cũng qua đò. Nhưng có điều lạ, khi qua bên kia sông rồi, khách chỉ trả có một tiền, cô gái đòi thầy phải trả hai tiền. Vị Tỳ kheo ngạc nhiên hỏi tại sao lấy tiền đắt hơn. Cô gái cười nói : Mọi người qua đò chỉ có qua đò thôi. Còn thầy, ngoài việc qua đò, thầy còn ngắm tôi nữa nên phải trả gấp đôi. Không lý cái cọ lỏi thôi với một cô gái, vị Tỳ kheo đành phải chịu trả cho cô hai tiền.

Lần sau, có việc phải hạ sơn. Vị Tỳ kheo bước xuống đò không dám nhìn cô mà úp mặt xuống lòng đò. Đến bến, mọi người lên trả tiền đò, đến lượt thầy, cô gái bắt trả gấp tư. Thầy hỏi : Lần trước, cô bảo tôi qua đò nhìn cô nên phải trả gấp hai, nay tôi không hề nhìn cô mà chỉ úp mặt xuống đò, tại sao cô đòi gấp tư ? Cô gái nói rất nghiêm trang : Mấy lần trước, thầy chỉ dùng mắt nhìn nơi mặt và bên ngoài của tôi. Hôm này thầy dùng tâm và nhìn hết toàn thân bên trong của tôi nên phải trả gấp tư. Nghe xong, thầy Tỳ kheo phát lên cười và hình như có sở ngộ. Ngoảnh lại cô gái đò đã biến đi, đâu mất. Từ đó, chỉ còn lão mẩu đưa khách sang sông...

Tâm không vọng động, pháp pháp toàn chơn. Tâm là nguồn gốc của Thiện Ác. Muốn đoạn cội rễ trước phải chế ngự Tâm. Tâm có định, ý mới sáng suốt, sau mới chứng Đạo.

Năm tro tàn

Ngày xưa... thuở Đức Phật còn tại thế, một hôm có người mẹ ôm xác con tìm đến Đức Phật để khóc lóc và xin cứu sống cho đứa con của bà vừa mới chết.

Người mẹ đau khổ tin vào thần thông và lòng từ bi vô biên của Đức Phật sẽ cứu sống cho con mình.

Đức Phật thông cảm nỗi khổ đau của người mẹ mất con và truyền cho bà đi xin một nắm tro mang về Ngài sẽ cứu. Nắm tro đó phải ở trong một căn nhà mà 3 đời chưa có người thân thích chết.

Người mẹ đau khổ vâng lời và ôm xác con vào xóm để xin tro tàn theo lời Đức Phật dạy. Nhưng đi từ trưa đến tối, nhà này sang nhà khác, bà mẹ đau khổ đều nhận được những câu trả lời giống nhau : "Gia đình chúng tôi cũng có người đã chết". Chưa tuyệt vọng, người mẹ đau khổ vẫn cố gắng đi thêm vài nhà nữa. Vì sợ nắm tro xin trong một

gia đình có người chết sẽ không linh nghiệm nên bà mẹ thương con vẫn cố gắng kiếm tìm.

Vẫn như những lần trước, bà mẹ đau khổ đều nhận được những cặp mắt e ngại, những cái lắc đầu.

Suy đi tính lại, đã hơn một buổi và không nhớ rõ là đã vào mấy gia đình, người mẹ tuyệt vọng lẩm bẩm : "Nhà nào cũng có thân nhân đã qua đời : thân thích, họ hàng ba đời biết bao nhiêu, làm sao tránh được cái chết".

Trên đường trở về tìm Đức Phật, người mẹ mất con không còn kêu gào thảm thiết như lúc trước, tuy lòng thương nhớ con vẫn chưa nguôi. Quý trước Đức Phật, người mẹ mất con kể rõ chuyện đi vừa rồi và thuật lại những lời từ chối của chủ nhà.

Nhân đó, Đức Phật giảng về sự sanh tử, vô thường của kiếp người. Có sanh tất có khổ, có sống tất có chết.

Người mẹ mất con đã thấu rõ lẽ sanh tử, vô thường, không riêng gì mình đau khổ vì có thân nhân qua đời, mà hầu hết mọi người đều nhận chịu định luật hủy diệt đó.

Cuối cùng, người mẹ đành ôm xác con về chôn cất.

MINH HUNG

"Chiều nay một tiếng than buồn diệt,
Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời."

Sự tích chim tu hú

Ngày xưa, có hai nhà Sư Năng Nhẫn và Bất Nhẫn. Hai người cùng cạo đầu xuất gia từ ngày còn trẻ và cùng tu ở một ngôi chùa hẻo lánh. Sau một thời gian dài tu luyện thì bỗng một hôm, Năng Nhẫn được Đức Phật cho thành chánh quả.

Bất Nhẫn thấy mình tu hành không kém gì bạn mà không được hưởng cái may mắn sớm như bạn thì rất buồn bực. Chàng đến trước tòa sen hết sức kêu nài với Đức Phật, bày tỏ lòng chân thành tu đạo cùng mọi sự khổ hạnh đã trải qua của mình. Đức Phật bảo chàng :

- "Nhà ngươi chuyên tâm cầu đạo, lại là người trong sạch, thật đáng khen ngợi. Nhưng tính tình nhà ngươi vẫn như con trâu chưa thuần, chưa thể dắt đạo được. Vậy hãy cố gắng tỏ rõ tấm lòng nhẫn - nhục trong một cuộc khổ hạnh trường kỳ, rồi sẽ theo bạn cũng chưa muộn".

Bất Nhẫn nghe lời bèn lên núi chọn một gốc cây

bắt chước người xưa ngồi xếp bằng tu theo lối trường định. Chàng cương quyết ngồi im lặng như thế mãi trong ba năm, dù có phải thế nào cũng không chịu dậy.

Từ hôm đó, Bất Nhẫn như một vật vô tri vô giác. Những con sâu con kiến bò khắp người chàng. Những con thú cào vào người chàng. Những con chim ỉa phẹt lên đầu chàng. Chàng đều không hề bận tâm. Chàng chỉ tâm tâm niệm niệm những nghĩa lý của đạo Phật.

Cứ như thế, trải qua hai mùa hè và sắp sửa qua một mùa hè thứ ba là kết liễu cuộc tu luyện. Tự dưng một hôm có hai vợ chồng con chim chích ở đầu đến làm tổ ngay trong vành tai của Bất Nhẫn. Chàng cứ để yên, mặc chúng muốn làm gì thì làm. Chúng đi về tha rác lên đầu, lên mặt. Rồi chim mái đẻ trứng. Rồi cả một thời kỳ hai vợ chồng thay phiên nhau ấp. Cho đến lúc những con chim con kêu léo nhéo suốt ngày. Nhưng Bất Nhẫn không lấy thế làm khó chịu.

Một hôm, lúc ấy chỉ còn mười ngày nữa thì Bất Nhẫn hết hạn ngồi dưới gốc cây. Hôm đó, chim vợ đến lượt đi tìm thức ăn cho con. Suốt cả một buổi chiều nó vẫn không kiếm được một chút gì. Mãi đến gần tối, lúc lượn qua một cái hồ, chim vợ mới thấy một con nhện đang giăng tơ trong một đoá

hoa sen. Nhện nhác thấy chim liền ẩn vào giữa những cánh hoa làm chim mất công tìm mồi. Không ngờ hoa sen vừa tắt ánh mặt trời đã cúp ngay những cánh của nó lại, nhốt chim vào trong. Chim cố tìm lối chui ra nhưng những cánh hoa vây bọc dày quá đành chịu nằm lại đó.

Ở nhà chim chồng hết bay đi kiếm vợ lại trở về. Đàn con đói mồi nháo nhác suốt đêm. Mãi đến sáng mai, chờ lúc hoa nở, chim vợ mới thoát được bay về tổ. Một cuộc cãi lộn nổ ra bên tai Bất Nhẫn. Ghen vợ, chim chồng nhiếc vợ hết lời, nhưng chim vợ hết sức bày tỏ nỗi lòng trinh bạch của mình. Cuộc đấu khẩu kéo dài suốt cả một buổi sáng và có cơ chưa chấm dứt. Bất Nhẫn rất khó chịu. Thêm vào đó, đàn chim con khóc đói chiu chít điếc cả tai. Nhè một lúc vợ chồng chim tiếp tục cuộc cãi vã. Bất Nhẫn bỏ tay lên tai giật cái tổ chim vất mạnh xuống đất và nói : "Đồ khốn ! Chi có mỗi một chuyện đó mà chúng mày làm điếc tai ông từ sáng đến giờ !".

Thế là công sức tu luyện của Bất Nhẫn sắp hoàn thành thốt nhiên vứt bỏ nó trong chốc lát.

Nhưng Bất Nhẫn vẫn không nản chí. Trước tòa sen, chàng hứa sẽ kiếm cách tỏ rõ sự hối lỗi của mình. Chàng tìm đến một khúc sông nước chảy xiết, tình nguyện làm người chèo đò đưa khách bộ

hành quá giang mà không lấy tiền. Chàng quyết chờ cho đến người thứ một trăm mới chịu nghỉ tay.

Lần ấy Bất Nhẫn tỏ rõ một người rất nhẫn nại. Tuy bến sông thường vắng khách, chàng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Luôn trong hai năm chàng chờ được chín mươi tám người mà không xảy ra việc gì.

Một hôm vào khoảng giữa thu, nước sông tự nhiên tràn về chảy xiết hơn mọi ngày. Trời bỗng đổ trận mưa lớn, giữa lúc đó có một người đàn bà dắt một em bé đòi qua sông. Hắn có vẻ là vợ một viên quan sở tại, chưa bước xuống thuyền đã dọa Bất Nhẫn :

- Chú nhớ chèo cho vững nghe không. Che mũi cho kín. Nếu để chúng ta mà ướt thì liệu chừng kéo roi quất dít nó.

Nghe nói thế Bất Nhẫn bưng bưng nổi giận, nhưng chàng nín được và vẫn giữ vẻ mặt tươi cười đáp :

- Bà và cậu đừng sợ gì cả. Tôi xin cố sức.

Rồi chàng vận dụng hết tài nghệ để đưa hai mẹ con nhà họ qua bên kia sông được vô sự. Lúc sắp lên bờ, người đàn bà bỗng kêu lên :

- Ta quên khuấy đi mất. Có một gói hành lý bỏ quên ở quán bên kia. Vậy nhà người chịu khó chèo sang lấy hộ.

Bất Nhẫn nín lặng cầm cổ chèo qua sông giữa sóng gió. Mãi đến gần tối, chèo vệt lấm chằng mới đưa được gói hành lý sang cho người đàn bà. Nhưng khi soát lại gói, người đàn bà nọ lại kêu lên :

- Thôi rồi ! Còn một đôi giày của thằng bé bỏ gầm giường. Thế nào người cũng phải gắng lấy cho ta một lần nữa.

Người đàn bà nói chưa dứt lời thì Bất Nhẫn đã giơ tay chỉ vào mặt :

- Cút đi đồ chó ghê ! Ta có phải sinh ra để hầu hạ mẹ con nhà mày mãi đâu.

Nhưng người đàn bà ấy vốn là Đức Phật Quan Âm hiện hình xuống thử lòng người đệ tử khổ tu đó, bấy giờ lại hiện nguyên hình và cất tiếng bảo chàng :

- Nhà người vẫn chưa thực tâm nhẫn nhục, như thế thì tu gì mà tu. Có tu hú !

Bất Nhẫn then quá đành cúi đầu nhận lỗi.

Phật Bà Quan Âm sau đó bắt Bất Nhẫn hóa thành một giống chim mà người đời sau quen gọi

là chim tu hú. Họ bảo thứ chim đó vào khoảng cuối hè sang thu hay xuất hiện, đúng vào lúc xảy ra câu chuyện giữa Bất Nhẫn với Phật Bà.

NGUYỄN ĐỒNG CHÍ
Truyện cổ Việt Nam Tập II

*

"Sân si nghiệp chướng không chừa
Bo bo mà giữ tương đưa làm gì !"

Ông trưởng giả keo kiệt

Cách thành Vương Xá không xa có một gia đình ông Trưởng giả mệnh danh là keo kiệt. Bởi vì, mặc dầu ông sở hữu tài sản kho dựn chất đống, gia súc ruộng vườn mênh mông bát ngát, ông không bao giờ sử dụng của ấy cho vợ con hay cho chính mình, nói gì đến người thiên hạ.

Một buổi sáng, sau khi có việc đến cung vua trở về, ông keo kiệt trông thấy một người ăn xin đang gặm một miếng bánh tiêu giữa đường (thứ bánh làm bằng bột mì trộn đường bỏ vào dầu sôi phồng lên thành một cái bánh rỗng ruột). Ông thèm quá định bụng về bảo vợ làm như vậy. Nhưng về đến nhà, ông suy nghĩ : "Nếu ta nói cho bà ấy biết ta thèm bánh tiêu bà ấy sẽ làm cho cả nhà cùng ăn, thì sẽ tốn kém quá nhiều bột, đường, mè, dầu mỡ, và các thứ khác. Chi bằng lặng thinh tốt hơn". Nghĩ vậy ông keo kiệt lặng lẽ vào phòng, leo lên giường nằm thở dài sườn sượt, chiến đấu với cơn thèm,

nhưng sợ hao tổn ông không dám thử lộ cùng ai nổi thêm khát ấy.

Bà vợ thấy chồng buồn bã, đến bên hỏi han :

- Sao ông buồn rầu như vậy ? Có chuyện gì không ?

- Không có gì đâu, bà ạ

- Vua có rầy rà gì ông chẳng ?

- Không có.

- Các con trai, con gái, dâu, rể, cháu chắt, người ăn, kẻ làm, tôi tớ trong nhà, có đứa nào làm ông phật lòng hay không ?

- Tuyệt đối không có chuyện ấy.

- Vậy thì, ông đang ao ước một điều gì ?

Ông keo kiệt nghe vợ nói vậy, càng sợ tổn hao của cải, nên nhất quyết không hờ môi, vẫn nằm bất động mà thở dài. Bà vợ năn nỉ :

- Này, ông hãy nói đi, ông muốn cái gì thì bảo ?

Ông Trương giả nuốt nước bọt đánh ực một cái rồi mới thở dài nãi nãi mà bảo :

- Phải tôi đang thèm một chuyện.

- Thèm chi, ông nói ra thử tôi nghe.

- Tôi thèm ăn một cái bánh tiêu.

- Trời đất quỷ thần ơi ! Bộ mình nghèo lắm sao ?
Tại sao ông không bảo tôi ngay ? Thứ bánh đó làm
dễ ợt. Tôi có thể làm ngay một mớ bánh tiêu, cho
dân chúng cả thành phố này ăn.

- Này, nhưng tại sao bà nghĩ điên rồ như vậy ?
Dân chúng ai làm nấy ăn, mắc gì tới bà ?

- Vậy thì, tôi có thể làm bánh cho hết thầy
người ở con đường này ăn.

- Cái đầu của bà làm sao vậy hả ? Tại sao lại cứ
nghĩ chuyện ngoài đường ?

- Vậy, tôi có thể làm bánh cho cả nhà ăn.

- Bà điên mất rồi. Bà có biết nhà ta đông đến
mấy trăm mấy ngàn miệng ăn không ?

- Vậy, tôi sẽ làm bánh cho ông, tôi, và các con
chúng ta ăn.

- Tại sao bà phải bận tâm tới chúng nó ?

- Vậy, tôi sẽ làm bánh cho ông và tôi ăn thôi.

- Nhưng còn bà, bà ăn bánh tiêu làm gì đã chứ ?

- Vậy, tôi chỉ làm bánh cho một mình ông thôi.

- Bà nói vậy nghe mới được. Nhưng ở trong cái
nhà này, chúng ta làm gì cũng nhiều người trông

thấy. Vậy bà hãy đem bột, đường, dầu, mè và các thứ soong chảo, lò bê đi lên tuốt trên tầng lầu thứ 7, ở chót vót trên cao ấy, chúng ta mới làm bánh được, khỏi bị ai nhòm ngó.

- Được rồi.

Bà vợ soạn tất cả dụng cụ và vật dụng làm bánh, lễ mễ bung lên tầng lầu chót. Ông Trưởng giả xách xâu chìa khóa đi theo, khóa hết các lối đi lên. Sau khi đến tầng lầu cuối, khóa cửa xong, ông mới bắt đầu bảo vợ khuấy bột chiên bánh.

Lúc ấy, tại Kỳ Viên tịnh xá, đức Đạo sư bảo Tôn giả Mục Liên :

- Nay Mục Liên, trong thành phố kia, có ông Trưởng giả keo kiệt đang ngồi trên tầng lầu chót mà chiên bánh vì sợ mọi người thấy. Vậy ông hãy vận thần thông mà đến đó, đem tất cả người và bánh lại đây cho ta. Trưa nay ta và chúng Tỷ kheo sẽ độ họ bằng rổ bánh ấy và cải hóa Trưởng giả keo kiệt.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Mục Liên vâng lời vận thần thông đi đến chỗ trưởng giả Ngài hiện hình đắp y chỉnh tề đứng giữa hư không, ngay trước cửa sổ. Ông keo kiệt nhìn ra giặt mình tự nhủ : "Chính vì sợ gặp

những người như vậy mà ta mới leo tận đây, thế mà Sa môn này cũng lò dò tới được, lại đứng ngay trước cửa sổ ! Rồi ông tức giận nói lớn :

- Này Tỳ kheo kia, muốn gì mà đứng như trời trồng ở đó ? Dù người có đi tới đi lui cho mỏi cả chân, cho thành một con đường mòn giữa hư không, người cũng không được gì đâu.

Tức thì vị Tôn giả đi tới đi lui. Ông keo kiệt tức mình bảo :

- Người đi tới đi lui làm chi cho mất công ! Dù người có ngồi kiết già giữa trời, người cũng không được gì đâu.

Vị Tôn giả liền ngồi kiết già giữa hư không. Ông keo kiệt bảo :

- Ngồi kiết già làm chi đó ? Vô ích mà thôi ! Cho dầu người có phun ra khói đi nữa, người cũng không được gì đâu.

Tôn giả liền phun khói vào cửa sổ, khói lên đầy đặc cả căn phòng. Sợ Tôn giả sẽ làm cho căn phòng phát hỏa nên ông keo kiệt không dám nói thêm "Dù người có phun lửa người cũng không được cái bánh nào ! Ông tự nhủ : "Sa môn lì lợm này có lẽ nhất quyết ăn cho được bánh của mình mới chịu đi". Rồi ông bảo vợ :

- Nay bà, thôi thì hãy chiên một cái bánh nhỏ xiu đưa cho ông ta đi cho xong.

Bà vợ lấy một ít bột bỏ vào chảo dầu. Nhưng cái bánh phồng lên đầy cả chảo. Ông bảo bà :

- Bà lấy nhiều bột quá để tôi lấy cho.

Ông lấy một chút bột dính đầu muống bỏ vào chảo. Do thần lực của Tôn giả, cái bánh này còn lớn hơn cái trước. Ông keo kiệt cứ tưởng mình lấy nhiều bột, nên tiếp tục chiên cái khác nhỏ hơn mỗi đem cho. Nhưng càng ngày bánh cứ càng lớn, không thấy cái nào nhỏ cả, ông bèn bảo bà :

- Thôi bà hãy lấy đưa cho ông ấy bất cứ cái nào, một cái một mà thôi.

Bà vợ lấy một cái từ nơi rổ bánh đã chiên. Nhưng bà không rút ra được cái nào, nên bảo :

- Ông ơi, bánh mắc dính với nhau. Tôi không thể nào gỡ ra được một cái.

- Để tôi gỡ cho.

Rồi ông cầm một cái bánh đã chiên, bà cầm rổ bánh, cả hai cố kéo ra một cái mà biểu vị Sa môn. Nhưng ông không tài nào rút ra được, mồ hôi đổ ra nhễ nhại, ướt cả mặt mày y phục. Mất hai vợ chồng đồ ngầu vì khói do Tôn giả phun ra, cuối

cùng ông trưởng giả mặt nhài, không thiết gì nữa, bảo vợ :

- Này bà, tôi không ăn uống gì nữa hết. Bà hãy đem hết rổ bánh cúng đường vị Sa môn đi.

Mục Liên Tôn giả thu hồi thần lực làm cho hết khỏi, rồi thuyết pháp cho ông keo kiệt nghe. Nghe xong ông phát sinh lòng tin thanh tịnh đối với Tam bảo, cung kính mời :

- Bạch Tôn giả, xin ngài hãy tới đây, ngồi trên chỗ này mà dùng bánh của con.

- Này trưởng giả, đức Đạo Sư đang chờ để dùng bánh này. Ta hãy đem tới cúng dường Ngài.

- Bạch Tôn giả, nhưng hiền Ngài ở đâu ?

- Ngài đang ở Kỳ Viên tịnh xá, cách đây chừng 45 dặm.

- Quý thần ơi, xa như vậy làm sao chúng con tới kịp giờ Ngài dùng ngọc ?

- Trưởng giả, nếu người muốn, ta sẽ đưa người, vợ người và bánh đến nơi Ngài trong chớp mắt. Định cầu thang ở nguyên chỗ, nhưng cái chân cầu thang này sẽ ở ngay chỗ vào tịnh xá. Các người sẽ đến đó trong thời gian ngắn hơn đi bộ xuống bảy tầng lầu.

- Bạch Tôn giả, như vậy rất tốt.

Tôn gia liền hóa phép cho cái chân cầu thang ở ngay cổng tịnh xá trong chớp mắt. Vợ chồng ông keo kiệt xuất hiện trước đấng Đạo sư, đánh lễ và thỉnh Phật dùng bánh. Khi Phật và chúng Tỷ kheo ngồi vào bàn ăn ông trưởng giả đặt một cái bánh vào bát của ngài. Tặng chúng thì dùng bánh từ nơi rõ do bà vợ dâng lên. Vợ chồng trưởng giả cũng được dùng bánh thỏa thích. Sau khi đức Phật, Tăng chúng và hai cư sĩ dùng xong bữa, rõ bánh vẫn còn nguyên vẹn như cũ. Đức Phật bảo đem bánh ấy để ngoài cổng tịnh xá cho chim ăn. Đến nay nơi ấy vẫn còn được gọi là động bánh.

Đức Phật thuyết tùy hỷ pháp cho hai cư sĩ. Khi nghe xong thời pháp của Phật, ông bà trưởng giả đều đắc quả Dự lưu (nhập dòng thánh). Họ đánh lễ Phật bước lên cầu thang và do thần lực của Tôn giả Mục Liên, đến ngay tầng bảy của lầu đài mình. Đức Thế Tôn nhân đấy đã khen Tôn giả Mục Liên một lời mà sau được ghi vào kinh Pháp cú như sau :

"NÀY CÁC TỶ KHEO, MỘT VỊ TỶ KHEO MUỐN CẢI HÓA MỘT GIA ĐÌNH MÀ KHÔNG LÀM MẤT TÍN TÂM CỦA HỌ, KHÔNG PHIỀN NHIỀU HỌ, THÌ PHẢI NHƯ ONG HÚT MẬT HOA, CHỈ GIỮ LẤY MÙI VỊ, KHÔNG LÀM TỐN THUƠNG HƯƠNG SẮC

VÀ NHU VẦY CHÍNH LÀ HẠNH CỦA PHÁP TỬ
MỤC LIÊN !

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

*

"Nhân quả kia kia có sai đâu
Thử xem trần thế khắp hoàn cầu
Giàu nghèo, sướng khổ sang hèn đó
Khác biệt do nhân tạo thuở nào".

La Hầu La xuất gia

Lúc Đức Phật còn tại thế, một hôm Phật bảo ngài Mục Kiền Liên rằng : "Ông hãy về thành Ca Tỳ La Vệ kính thăm Phụ vương, Thúc phụ và bà Di mẫu của ta, ủy dụ mẹ của La Hầu La hãy cắt tình ân ái cho La Hầu La xuất gia làm Sa di. Tình ân ái giữa mẹ con thương nhau chỉ trong giây lát, chết rồi bị đọa vào địa ngục, không bao giờ được biết nhau. Nếu La Hầu La xuất gia chứng đạo, thời sẽ trở lại độ cho mẹ, trọn đời ra khỏi luân hồi sanh tử như ta ngày nay vậy".

Ngài Mục Kiền Liên liền đến thành Ca Tỳ La Vệ trình bày ý định của Đức Phật, bà Da Du Đà La nghe tin có sứ giả của Đức Phật đến tìm bắt La Hầu La, liền đem con lên trên một tòa lầu cao và đóng bít tất cả ngõ vào. Ngài Mục Kiền Liên liền dùng thần thông vào tiếp kiến, bà Da Du Đà La bất đắc dĩ phải làm lễ kính thăm Đức Thế Tôn và hỏi sứ mệnh của Ngài đến đây có việc gì. Ngài Mục Kiền Liên nói rằng : "Thái tử La Hầu La nay đã

chín tuổi nên cho xuất gia tu học Thánh đạo để tự giải thoát và giải thoát cho mọi người. Chính bốn ý của Đức Phật là như vậy".

Bà Da Du Đà La đáp : "Đức Thích Ca Như Lai khi còn làm Thái tử cưới hỏi tôi làm vợ, tôi phụng thờ Thái tử như phụng thờ một vị Thiên thần. Chưa được ba năm, Thái tử vượt thành xuất gia tu đạo, lòng tôi sầu khổ biết bao, tự nghĩ sau khi Thái tử thành Đạo, chắc có thể cùng nhau tương kiến. Nhưng từ khi Đức Phật thành đạo, hoàn toàn quên hết tình nghĩa cũ đối với những người thân cận, lạt lẻo hơn người dung nước lã, khiến tôi phải sống cô độc khốn cùng. Ngày nay Ngài lại muốn chiếm đoạt con tôi, thời còn gì tàn khốc hơn nữa. Thái tử thành đạo tự nói là từ bi nhưng nay Thái tử làm cách biệt mẹ con tôi, thời từ bi của Ngài ở chỗ nào ? Mong Ngài hãy trở về bạch lên với Đức Thế Tôn, nỗi lòng của tôi cho Ngài rõ."

Đức Mục Kiền Liên liền từ tạ, đến kể lại công chuyện cho vua Tịnh Phạn hay. Vua liền báo bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề đến khuyên nhủ nàng Da Du Đà La, bà đến khuyên ba lần, nàng nhất quyết không nghe và thưa rằng : "Ngày tôi còn ở nhà, vua của tám nước tranh nhau đến cầu tôi, cha mẹ tôi đều từ chối, để dành riêng tôi cho Thái tử là bậc xuất chúng hơn người. Nếu Thái tử không

muốn ở đời, thời ân cần cầu tôi làm gì ? Phàm ở đời, lập gia đình thành vợ thành chồng, đều mong có con cháu nối giòng, đó chính là chánh lẽ ở đời. Thái tử đã đành tâm bỏ đi rồi, nay lại đòi đem La Hầu La đi, cho tuyệt hẳn giòng dõi truyền thống thời còn có nghĩa lý gì nữa".

Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề liền im lặng không biết nói gì. Đức Phật hiểu được tâm trạng câu chấp và buồn khổ của nàng Da Du Đà La, liền dùng vị hóa nhơn đến nói rằng : "Nàng còn nhớ thệ nguyện xưa của nàng không ? Thời ta còn làm vị Bồ tát lấy 500 đồng tiền bạc mua 5 bông sen của nàng để dâng cúng Đức Phật Định Quang, nàng còn gởi hai bông sen nhờ ta dâng cúng Đức Phật, và cầu xin đời đời kiếp kiếp làm vợ của ta. Ta có nói với nàng : Ta là vị Bồ tát, có nguyện bố thí tất cả, nếu nàng muốn làm vợ ta, thời nếu ta có bố thí cả quốc thành thê tử cho đến tự thân, nàng phải hoan hỷ. Nàng đã thỏa thuận cùng ta rồi, sao nay nàng lại thương tiếc La Hầu La không muốn rời bỏ".

Nàng Da Du Đà La nghe nói liền biết sự lỗi lầm của mình, làm lễ sám hối với ngài Mục Kiền Liên, ân cần giao phó cho Ngài, và khất lóc từ biệt con. La Hầu La biết mẹ sầu muộn liền khuyên giải mẹ và từ tạ mẹ mà đi. Vua Tịnh Phạn liền báo các nhà

hào tộc, mỗi nhà cử cho một người con trai cùng xuất gia với La Hầu La.

La Hầu La cùng với 50 vị công tử đến đánh lễ Đức Phật. Đức Phật sai ngài A Nan cắt tóc cho La Hầu La và 50 vị công tử, cho xuất gia, bảo ngài Xá Lợi Phất làm Hòa thượng, ngài Mục Kiền Liên làm A Xà Lê truyền trao 10 giới Sa Di. Đức Phật giảng kinh Phiến Đà La nói về tội báo các đời trước cho các vị Sa di nghe.

*

La Hầu La nghe kinh, trong lòng lấy làm ưu sầu, bạch Phật rằng: "Bậc Hòa thượng đại trí đức, thọ lãnh các món cúng dường tối thượng, kẻ tiểu nhi ngu mà không có đức, ăn đồ tín thí của người, đời sau chịu khổ như Phiến Đà La. Vậy nên chúng con rất lo lắng, nguyện Phật cho chúng con bỏ đạo về nhà để khỏi các tội lỗi".

Đức Phật dạy: "Nhu có hai người bị đói, gặp được người chủ đãi bữa cơm ngon, tham ăn quá no. Một người có trí, liền uống thuốc xổ, gìn giữ nghỉ ngơi nên giữ được mạng sống. Một người vô trí sát sanh tế lễ để cầu được sống, không ngờ đồ ăn chất chứa không tiêu, nên bị đau phải chết, dọa vào cõi địa ngục. Người sợ tội mà xin bỏ đạo về nhà thật

là kẻ vô trí. Các con đã có nhơn lành được gặp ta, thời nên uống thuốc cứu khổ, thời khỏi phải chết".

La Hầu La nghe lời Phật dạy, hiểu rõ chơn nghĩa của sự tu hành, đánh lễ chân thật, vâng theo lời giáo huấn của đấng Thế Tôn.

*

La Hầu La chưa chứng đạo, nên tâm tánh còn thô tháo chưa được thuần thực, lời nói ít thành tín.

Một hôm, Phật bảo La Hầu La :

"Người hãy về ở tại tịnh xá Hiền Đề, giữ miệng, nhiếp ý, siêng tu kinh giới".

La Hầu La vâng theo lời Phật dạy, về ở tịnh xá Hiền Đề 90 ngày, tâm quý tự hồi, ngày đêm không dừng nghỉ. Đức Phật đến thăm La Hầu La hoan hỷ đánh lễ, sửa soạn chỗ ngồi thỉnh Phật an tọa, nhiếp tâm đứng hầu một bên Phật. Phật bảo La Hầu La :

- Người hãy bưng chậu nước đến đây, rửa chân cho ta.

La Hầu La vâng lời rửa chân Đức Phật. Khi rửa xong Đức Phật bảo La Hầu La :

- Người có thấy nước rửa chân trong chậu kia không ?

- Bạch Thế Tôn, con thấy.

- Nước ấy có thể dùng để ăn uống súc miệng được không ?

- Bạch Thế Tôn, không thể dùng được. Nước ấy trước kia trong sạch, nay vì rửa chân trở thành nhớp dục nên không thể dùng.

Phật dạy :

- Người cũng như vậy, là con ta, là cháu vua Tịnh Phạn, bỏ sự vui sướng ở đời, làm vị Sa môn, nếu không tinh tấn, nhiếp thân giữ miệng, thời sẽ bị ba món độc là tham, sân, si làm nhơ nhớp tâm ý, cũng như nước kia không thể dùng được.

Phật lại bảo La Hầu La :

- Hãy đổ chậu nước kia đi.

La Hầu La liền đổ nước trong chậu ra.

Phật dạy :

- Chậu kia nay không còn nước nhớp nữa, vậy có thể dùng để đựng đồ ăn uống được không ?

Bạch Thế Tôn, không thể dùng được, vì đã

mang cái tên chậu đựng nước rửa và đã từng chứa nước không sạch.

Phật dạy La Hầu La :

- Người cũng như vậy, tuy làm vị Sa môn, miệng không nói thành tín, tâm tánh lại càng cường, chẳng niệm tỉnh tấn, thường bị tiếng đồn không tốt. Thật cũng như cái chậu rửa kia không thể đựng đồ ăn được,

Đức Phật lại lấy ngón chân hất cái chậu rửa, khiến chạy lăn tròn, nghiêng qua nghiêng lại vài lần mới dừng lại. Phật lại hỏi La Hầu La :

- Người có tiếc cái chậu này bị bể không ?

- Bạch Thế Tôn, cái chậu để rửa chân là vật không quý giá gì. Trong ý tuy cũng có tiếc đôi chút, nhưng không đến nỗi thiết tha lắm.

Phật bảo La Hầu La :

- Người cũng như vậy, tuy làm người Sa môn, không nhiếp thân và miệng nói lời thô ác làm hại nhiều người, thời trong chúng không ai thương, người tri thức không ai tiếc, thân chết bị luân chuyển trong ba đường dữ, sống chết vô lượng, các vị Hiền Thánh không ai thương tiếc, cũng như người mới không tiếc cái chậu vậy.

**La Hầu La nghe lời Phật dạy lấy làm hổ thẹn
và sám hối tất cả lỗi lầm đã phạm...**

MINH CHÂU

**"Hãy xem người thợ rèn dùng sắt, phải cạo bỏ tất cả sét
bẩn, mới trở nên đồ dùng tốt.**

**Người học Đạo phải bỏ tất cả thói xấu, mới trở nên
trong sạch được"**

Đạo đức trở về

Trị vì kinh thành Ba La Nại, một thời kia, là giòng họ Sudasa. Nhà vua thì ham mê săn bắn hơn chăm lo đến đời sống dân chúng. Trong một cuộc săn, nhà vua mãi miết đuổi theo đàn hươu tơ nên lạc vào rừng sâu. Đến khi dừng lại, mệt quá, vua ngủ thiếp đi. Và lúc ngài thức giấc, ngài thấy một con sư tử cái đang ngồi cạnh liếm chân ngài ra chừng luyến ái. Ngài cũng vuốt ve hẳn một cách thân mật như quen biết nhau từ thuở nào...

Câu chuyện lạ lùng trên đây lần lần theo thời gian xóa mờ đi thì một hôm kia ngạc nhiên khác đến. Người ta thấy đi vào trong thành Ba La Nại một con sư tử cái to lớn, trên lưng nó cõng một đứa bé mới sinh. Nó đi thẳng vào cung điện, trao đứa bé cho nhà vua rồi trở lại rừng sâu.

Nhà vua không có con nên nhận đứa bé làm con mình và đặt tên cậu là Kamasa (Chân Vằn). Kamasa lớn lên rất nhanh chóng và được vua cho

đi học ở Ta Xi La. Tại đây, Kamasa làm quen với nhiều hoàng tử ở nhiều nước, trong đó có hoàng tử Su Ta Ma mà ta sẽ biết đến sau này.

Đến sau vua cha mất, Kama được lập lên ngôi, kế tục giòng họ Sudasa cũng nhớ các vua trước, Kama duy trì được nề nếp cũ nhưng chỉ mỗi một điều khác là nhà vua rất thêm thết. Đó là bản tính mà ông thừa hưởng của mẹ. Người đầu bếp biết tính vua nên bữa nào cũng sửa soạn đầy đủ nhiều món thịt kho nướng ngon lành. Cho đến một hôm kia, trước bữa ăn, vì sơ ý anh ta không cất đặt đồ ăn kỹ lưỡng nên tất cả các món thịt đều bị bọn chó săn chén hết sạch. Hôm ấy là ngày lễ nên các cửa tiệm đều đóng cửa. Và chạy dù mọi nơi cũng không thể mua được mẫu thịt nào, tình thế thật là nguy cấp. Vợ người đầu bếp bỗng nảy ra một sáng ý. Chị ta lén xẻo một miếng thịt đùi của người tù vừa bị xử trảm đem vào cho chồng. Rồi hai vợ chồng hồi hả chiên xào với nhiều đồ gia vị thơm tho...

Mới ngồi vào bàn ăn nhà vua đã để ý ngay đến mùi vị khác thường. Rồi nhà vua gạn hỏi tên đầu bếp về món thịt mới lạ này. Người đầu bếp sợ hãi nói quanh và đến cuối cùng phải thú thật. Rồi hấn nén thở chờ sự trừng phạt mà hấn dự đoán sẽ rất nặng nề. Nhưng, nhà vua không tỏ vẻ giận dữ mà trái lại khen ngợi hấn, nhà vua lại còn dặn dò kỹ

lượng rằng sau này nhà vua chỉ thích một món thịt ấy mà thôi.

Ở miền khí hậu nóng của xứ Ấn Độ khó mà giữ được thịt tươi sang đến ngày hôm sau, nên cứ mỗi ngày phải hạ thịt một người. Những tên tù lần lượt đem ra chém để lấy thịt dọn cho vua. Nhưng rồi cũng đến cái ngày mà nhà tù hết người. Thế là cái tên đầu bếp khốn nạn lại phải đi săn người. Những người đi về khuya thường bị bắt cóc, trẻ con đi chơi một mình thường bị mất tích, gieo một kinh khủng trong khắp kinh thành mãi cho đến một hôm người ta bắt được hung thủ. Tên đó chẳng phải ai khác là tên đầu bếp của nhà vua. Người ta dẫn hắn ra trước pháp đình với cả xâu thịt đùi treo ở cổ hắn. Hắn nhận tất cả tội lỗi và cung khai là hắn làm theo lệnh nhà vua. Dân chúng rất đổi ngạc nhiên. Rồi nhớ đến cái giòng giống sư tử của ông vua khát máu, người ta đều hiểu được sự thật. Mọi người phẫn uất, định nổi dậy lật mặt nạ thật ông vua độc ác. Nhưng Kama đã đứng dậy, vung gươm vạch một lối thoát để trốn vào rừng sâu cùng với tên đầy tớ.

*

Cũng vào thời kỳ đó, trong lúc ở thành Ba La Nại cái màn khủng khiếp diễn ra thì ở xứ Indra

(gần Đền Ly bây giờ) không khí sinh hoạt lại khác hẳn. Nhà vua thuộc giòng họ Khu Ra và Thái tử Su Ta Ma (tiên thân của Đức Phật) là người đức hạnh. Dân chúng sống yên ổn thanh bình. Người ta thường đọc lên rất nhiều bài thơ ca ngợi hạnh phúc và lòng đạo đức của Thái tử. Thái tử Su Ta Ma còn trao nhiều giải thưởng quý giá cho những đoạn văn thơ lỗi lạc. Hơn một lần Thái tử đã thưởng hàng chục lạng vàng cho những áng thơ tuyệt tác đến nỗi vua cha phải tìm cách khuyên can. Nhưng Thái tử đều một mực xin cha được như nguyện vì theo ý ngài thì không có kho của cải nào trên đời này quý giá bằng những ý tưởng cao đẹp thoát lên từ những lời thơ hay.

Một buổi sáng đầu mùa, lúc Thái tử đi đến vườn hoa để dự hội mùa Xuân, Ngài gặp một ông lão Bà La Môn, ông lão từ Ta Xi La đến, quần áo còn dính đầy bụi đường, đến tìm Ngài để đọc cho Ngài nghe bốn đoạn thơ tuyệt tác với hy vọng mong ở Ngài một phần thưởng xứng đáng. Vì còn phải dự lễ nên Thái tử hẹn sẽ gặp lại ông già khi Ngài trở về. Ngài không quên dặn người nhà phải đối đãi với ông già rất tử tế...

Buổi lễ đã khai diễn. Người ta chào đón Thái tử trong những điệu múa tươi đẹp như hoa hồng nở, trong những lời ca trong lành như gió reo ánh

sáng. Bỗng một tiếng gầm lớn. Cuộc vui dừng lại. Đoàn lính hầu cận Thái tử đã sẵn sàng để bảo vệ Ngài chống với một kẻ lạ mặt cao lớn, thân hình đầy lông lá trông vô cùng man rợ đang tiến về phía Thái tử, Thái tử Su Ta Ma bình tĩnh hơn bao giờ hết và nhận ra kẻ lạ mặt là Kama, bạn cùng học tại Ta Xi La. Ngài khoác tay cho lính dừng chống cự. Kama rống lên như một thú rừng rồi nhảy xổ tới, trông khỏe như voi và nhanh như gió bão. Hắn công Thái tử lên vai và chạy biến vào rừng sâu.



Kama đã làm gì trong rừng này từ sau khi rời bỏ kinh thành Ba La Nại. Thật khó kể hết những hành vi tàn bạo của hắn. Râu tóc hắn mọc dài ra. Áo quần hắn rách tươm, dính đầy bùn và máu. Hình thù khủng khiếp ấy đã làm nhiều người đi trong rừng chết ngất, trước khi biến thành thịt ngon để vào bụng hắn.

Một hôm kia, hắn săn suốt ngày mà không tìm được một người nào. Lúc trở về dưới gốc cây đa dùng làm nhà cho hắn lâu nay, Kama đói cào ruột. Hắn bỗng thấy một bóng người, hắn nhảy xổ đến, giết chết. Hắn gọi tên đầu bếp. Hắn gọi đã năm bảy lần mà vẫn không thấy trả lời. Tức giận hắn

định đứng dậy đi tìm thì bỗng hấn nhìn kỹ lại xác người nằm dưới chân hấn. Đó ! Người nằm dưới chân hấn không ai khác là tên đầy tớ của hấn. Không một chút cảm động, hấn tự tay phanh thịt tên đầu bếp tại chỗ mà trước đây tên kia đã quay thịt rất nhiều người. Thế là từ ngày ấy hấn phải đích thân làm đầu bếp.

Cũng chưa bằng lòng, Kama còn đón bắt 99 vị hoàng tử, phần lớn là bạn bè của hấn hồi ở Ta Xi La về giam dưới gốc cây đa. Hấn định bắt đủ một trăm để cùng chọc huyết một lượt lấy máu tế thần cây, và Thái tử Su Ta Ma là người thứ một trăm.

Tất cả đều đã sẵn sàng. Hấn đặt Thái tử Su Ta Ma xuống đất với một cử chỉ thẳng trợn. Hấn tuyên bố cho Su Ta Ma biết ý định của hấn. Su Ta Ma không hề mất bình tĩnh nhưng bỗng nhiên mất Thái tử rướm rướm ướt. Kama cười chế nhạo, hấn nói :

- Thái tử còn tiếc nhiều điều lắm phải không. Và danh vọng và thú vui và vợ con ngài...

Phải ! Đối với Kama hấn chỉ hiểu đến chừng ấy. Làm sao mà hấn có thể biết rằng hiện Thái tử Su Ta Ma đang nghĩ đến ông lão Bà La Môn, đến bài thơ tuyệt tác mà ông ta sắp đọc cho Ngài nghe, đến hy vọng được khen thưởng của ông lão, đến lời

hứa của Ngài với ông lão chưa thực hiện được. Ông ta sẽ thất vọng buồn khổ biết bao nhiêu !

Suy nghĩ một lát, Thái tử Su Ta Ma bèn tỏ cho hần biết và xin hần để cho mình được trở về làm tròn lời hứa. Ban đầu hần nhất định không thuận vì hần không tin rằng Su Ta Ma sẽ trở lại với hần. Nhưng đến khi Su Ta Ma chỉ vào gương mình mà thề lời thề danh dự của người Su Ta A. Với ngay cả Kama, phải chăng lời thề danh dự có tác động đến tâm hần. Hay là hần muốn thử lòng thử tín của người bạn hần chẳng. Chỉ biết rằng cuối cùng hần chịu để cho Thái tử Su Ta Ma trở về gặp ông lão Bà La Môn.



Su Ta Ma được mọi người đón mừng nhưng việc đầu tiên của Ngài là đến gặp ông lão Bà La Môn để ông ta khỏi chờ đợi. Thái tử chăm chú nghe ông ta đọc bốn đoạn thơ tuyệt tác. Bốn đoạn thơ có mãnh lực phi thường ! Nó kích động tận tâm can những đức tính cao đẹp của con người. Ngài ghi sâu bài thơ vào lòng. Ngài thương cho ông lão rất hậu. Rồi Ngài ghé lại từ biệt vua cha. Vua cha không muốn Su Ta Ma trở lại một mình sợ thiệt hại đến tính mạng Thái tử, lại còn muốn cử một đội binh hùng mạnh

để chấm dứt cuộc đời tàn bạo của Kama. Nhưng Thái tử can vua. Và giữ đúng lời hứa trước mặt kẻ thù, Su Ta Ma trở lại một mình.

Su Ta Ma trở về đúng hẹn làm Kama phải kinh ngạc. Sự coi thường cái chết của Ngài đã làm cho nó cảm phục. Rồi tự nhiên đến lượt hắn, hắn tò mò muốn nghe bốn đoạn thơ huyền diệu. Su Ta Ma từ chối vì cố rằng những lời thơ hay không thể để lọt vào tai kẻ không xứng đáng. Hắn chột dạ nhưng lòng muốn biết lại mạnh hơn, nên cố gắng nén tức giận. Hắn từ tốn xin Thái tử đọc cho nó nghe. Một lát sau biết là đã đến lúc hắn bình tĩnh để hiểu. Su Ta Ma đọc lên toàn bài thơ một cách nồng nhiệt như ông lão Bà La Môn trước đây đã đọc cho Ngài. Bài thơ có tác dụng kỳ diệu. Nó khơi dậy các điều lành trong tâm của một kẻ hầu như đã mất hẳn tánh người. Nghe xong Kama yên lặng suy nghĩ rồi đáp lại hắn hứa cho Thái tử ao ước bốn điều.

Sau khi cân nhắc, Thái tử Su Ta Ma phát biểu lần lượt các điều ước của mình. Đầu tiên, Ngài ước cho Kama, người bạn của Ngài thời niên thiếu được sống lâu. Thật không thể ngờ được, Kama không thể ngờ được người sắp bị hắn ăn thịt lại không có một ác ý gì với hắn, trái lại còn đặt nhiều cảm tình với hắn.

Điều thứ hai, Ngài ước rằng 99 vị hoàng tử đang bị giam cầm sẽ được trả lại tự do. Kama chấp thuận điều này một cách dễ dàng.

Điều thứ ba, các vị hoàng tử sẽ cùng được thả ra cùng trong một lúc ở đây, Kama hơi do dự một chút vì hấn sợ sẽ bị trả thù nhưng sau hấn cũng bằng lòng.

Chỉ còn một điều ước cuối cùng. Đã ba lần rồi, Su Ta Ma chưa ước gì về Ngài cả. Kama đoán chắc thế nào lần này hấn cũng sẽ nghe Thái tử Su Ta Ma ước về sự giải thoát của mình. Nhưng hấn làm vì Su Ta Ma đang ước ao một lần nữa về hấn. Ngài ước rằng : từ nay về sau Kama sẽ từ bỏ cuộc đời man dã. Thật là một lời sét đánh, trong tâm Kama đang có một cuộc nổi loạn. Hấn, kẻ đã từ bỏ của cải, đất đai ngôi báu để sống theo bản chất hung hấn, giờ đây hấn trở về con đường hiền lành của con mồi của hấn ? Chưa khi nào hấn có ý nghĩ như thế. Nhưng lần này có một sức mạnh đang truyền khí lực vào những cái gì tốt còn sót lại trong tâm hấn. Và bài thơ ban nãy, và người đang đứng trước mặt nó, quả đã tiếp sức cho nó một nguồn lực, một nguồn lực tinh thần dồi dào. Cho nên trong cuộc chiến đấu bên trong, Kama đã tự thắng được mình.

Kama đã tự thấy được tội ác của mình. Nó hối hận quá, sụp xuống chân Thái tử Su Ta Ma tỏ lòng

muốn quay về đường lành. Trong lúc đó trên khắp cõi trời đất vạn vật đều rung động tỏ nỗi vui mừng chào đón sự thắng lợi của Thái tử Su Ta Ma.

Thái tử hoan hỷ đỡ Kama dậy, giúp Kama thực hiện những điều đã thuận thi hành, Kama cất giầy cởi trời, trả lại tự do cho 99 vị hoàng tử trước sự vô cùng ngạc nhiên của họ.

Những điều quan trọng cần phải giải quyết là việc đưa Kama trở lại kinh thành Ba La Nại. Làm thế nào bảo không còn sự căm hờn của dân chúng, của những kẻ bị mất con, mất chồng, mất người thân thuộc ? Tội ác của tên đầu bếp, hấn đã nhận cái hậu quả tai hại trong dạ dày của chủ hấn rồi. Còn tất cả tội lỗi của Kama, Kama phải chuộc bằng tất cả việc lành sau này của mình. Ai phải bảo đảm điều đó với dân chúng ? Giải quyết khó khăn này, không thể trông cậy vào người nào ngoài Su Ta Ma.

Thái tử Su Ta Ma cùng với 99 vị hoàng tử Kama về thành. Ngài đứng ra phân giải với dân chúng. Tin ở Ngài, dân chúng bằng lòng tiếp đón Kama.

Ngày hôm sau khắp kinh thành mở hội. Trước mọi người, Kama hứa giữ gìn tập tục tốt và đức hạnh. Rồi mời 99 vị hoàng tử và Thái tử Su Ta Ma

cùng dự bữa tiệc chào mừng ngày trở về của đức hạnh trong tâm can con người, ngày thắng lợi của lẽ phải, ngày hết âu lo của kinh thành.

QUẢNG HIỆP

"Thắng lợi thì bị oán thù, thất bại thì bị đau khổ, kẻ nào không màng đến thắng bại, kẻ ấy sẽ sống một cuộc đời hòa hiếu an vui".

Không biết mình điên

Ngày xưa, tại một xứ nọ trong nước Ấn Độ dân chúng sống đời bình yên, mưa thuận gió hòa, chưa khi nào gặp phải thiên tai hạn hán.

Nhưng chẳng ngờ, một chiều hôm đó, bầu trời mây đen giăng kín và trút xuống cơn mưa, ngập tràn hồ ao sông biển, dân chúng uống phải thứ nước mưa ấy ai nấy thấy đều loạn tâm, cuồng trí, cời bỏ y phục, nhảy múa như những kẻ điên. Họ hốt đất bùn tô trét đầy mình mẩy, mặt mày. Trải qua bảy ngày như vậy mọi người mới tỉnh cơn cuồng loạn, nhưng họ chẳng biết do nguyên nhân nào gây nên sự kiện này.

Trong triều đình, vị vua đang trị vì xứ ấy là một bậc minh quân, tài trí, một hôm thấy trời kéo mây đen, nhà vua biết được đó là cơn mưa độc sắp trút xuống, bèn lấy đồ đẩy miệng giếng lại. Lúc ấy cả thành, nước mưa độc tràn xuống ao hồ sông suối, dân chúng uống thứ nước ấy đều bị cuồng loạn như lần trước.

Sáng hôm sau, nhà vua lâm triều thấy quần thần, bá quan văn võ đều trần truồng, bùn đất dính khắp thân thể, ngồi châu hai bên. Chỉ có một mình nhà vua vì không uống phải thứ nước độc ấy nên bình tĩnh sáng suốt, mình mặc áo long phụng, đầu đội mào cừu long gắn đầy châu báu, ngồi trên long ý. Quần thần thấy vậy, ngơ ngác, chỉ chỏ nói với nhau rằng : "Ồ kìa ! Thằng khùng ! Nó làm cái gì mà dị hình dị tướng như vậy, chắc là nó điên. Nó quần cái gì cùng mình chẳng giống ai, chúng ta hãy lên hỏi tội nó".

Nhà vua nghe quần thần bàn tán với nhau như vậy sợ hãi, liền nói rằng :

- Ta có thứ thuốc hay, có thể trị được bệnh này. Các ông hãy chờ ta một chút, ta đi lấy thuốc đem ra ngay. Nhà vua trở vào cung trút bỏ y phục trần truồng giống như bọn quần thần rồi lấy đất bùn trét lên mình mặt rồi trở ra. Bọn người thấy thế vui mừng, hớn hở, cho rằng ông ta đã hết điên, giống y như mình.

Trải qua bảy ngày chất độc tan hết, mọi người đều tỉnh lại, thấy mình trần truồng lấy làm xấu hổ, về nhà mặc quần áo rồi lâm triều nhưng khi ấy nhà vua lại ngồi trần truồng trên long ý, đầy mình đất cát nhơ nhớp, quần thần ngó thấy kinh ngạc nói rằng :

- Đại vương là bậc đa mưu trí tuệ tại sao cuồng loạn như vậy ?

Nhà vua nói :

- "Tâm ta thường vắng lặng không biến đổi, chính các ông bị cuồng loạn mà cho là ta cuồng loạn.

Đấng Thế Tôn cũng lại như vậy, chúng sanh bị màng vô minh làm mê mờ, cuồng loạn, nếu nghe bậc Đại Thánh Trí giảng thuyết về các pháp bất sinh, bất diệt, nhất tướng, không tướng... thì cho đó là lời cuồng loạn. Bởi vậy Như Lai tùy theo chúng sanh mà phương tiện, nói thiện bất thiện, hữu vi, vô vi vậy.

GIỚI DỨC



Không lửa nào có thể ví được với lửa của tham dục.

Không có ngục tù nào có thể ví được với ngục tù của oán hờn.

Không mối ràng buộc nào có thể ví được với sự rối loạn của tâm trí.

Không đau khổ nào giống như sự đau khổ của loài người.

Nhưng chẳng có hạnh phúc nào lớn bằng sự an định của tâm trí.

Chuyện chàng 4 vợ

Một chàng kia có 4 bà vợ.

Bà thứ nhất, được chồng mến yêu, đi đứng, nằm ngồi, làm lụng không rời nửa bước. Ăn uống, áo quần thường được chồng lo cho trước hết. Lạnh nóng đói khát xem sóc tùy thời, chịu theo ý muốn, chẳng bao giờ cùng nhau to tiếng.

Bà hai, đi đứng nói năng, thường ở hai bên tả hữu. Chồng gặp thì vui, xa chút thì buồn.

Bà ba, thỉnh thoảng năm thì mười họa, khi cùng cực thiếu thốn, mới được anh chồng nghĩ đến.

Bà thứ tư, hăm hiu hơn hết, bị chồng sai bảo đủ chuyện, phục dịch đủ điều, nhưng chẳng bao giờ thèm hỏi đến.

Một ngày kia, anh chồng hấp hối, kêu bà vợ thứ nhất vô bảo :

- Người phải đi theo ta.

Bà thứ nhất trả lời :

- Tôi không thể theo anh được.

Anh chồng nổi xùng, hỏi :

- Ta vốn yêu mi nhất, thường cũng chịu người đủ thứ. Tại sao chẳng chịu theo nhau !

Bà vợ này đáp :

- Anh tuy có lòng yêu mến tôi thật, nhưng tôi không thể đi.

Anh chồng bèn kêu bà hai đến bảo :

- Mình đi theo tôi đi.

Bà này đáp :

- Anh yêu mến chị cả sao không bắt chị ấy đi, tôi đâu có đi theo anh được.

Anh chồng bèn nạt nộ :

- Ngày trước, ta tìm mi thật khổ sở không thể tả xiết. Nào chịu lạnh, chịu nóng, nhịn ăn nhịn tiêu mới giữ được mi. Tại sao chẳng chịu đi với ta.

Bà hai vẫn đáp tỉnh bơ :

- Bởi lòng anh tham dục mới tìm đến tôi, chứ tôi đâu có cần gì anh. Nay sao lại đem việc gian khổ ấy mà buộc nhau làm gì !

Quá ngao ngán, anh chồng phải kêu đến bà vợ ba mà rằng :

- Mình nên đi theo tôi.

Bà ba tuy tỏ ra lưu luyến, nhưng cũng chỉ khóc lóc mà nói :

- Tôi với anh ơn nghĩa nặng lắm. Nay đến phút cuối cùng, tôi xin đưa tiễn anh tới ngoài thành mà thôi, không thể theo anh đi đến tận chỗ anh ở được.

Sau cùng, anh chàng bốn vợ đành phải kêu đến bà vợ thứ tư, người thường ngày bị chàng ta hắt hủi, mà bảo đi theo mình. Chị vợ này bảo chồng :

- Tôi đã xa lìa cha mẹ tôi đi theo hầu hạ anh, thì việc sống chết vui khổ phải có mặt với nhau. Giờ đây, tôi xin theo anh đi cho đến chỗ.

Bốn bà vợ trên là bốn thí dụ :

- Bà thứ nhất, dụ cho thân xác con người. Người đời, ai nấy ưa miễn xác thân mình như anh chồng kia mê bà nhất. Nhưng đến khi chết, nó nằm trơ nơi đất, nào chịu đi theo.

- Bà hai, dụ cho của cải tiền bạc. Khi được thì vui. Chẳng được thì buồn. Nhưng đến lúc chết của cải lại hoàn trả cho đời, nào chịu đi theo.

- Bà ba dụ cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, bạn hữu. Sanh thời lấy ân nghĩa tình ái, cùng nhau tương mến. Nhưng khi chết, dù họ có khóc lóc than van, cũng chỉ tiến đưa được nhau tới nghĩa địa là cùng, rồi ai về nhà nấy. Thương nhớ có lâu lắm cũng chẳng qua mười ngày là lại ăn uống cười nói mà dần quên người chết.

Bà tư, dụ cho tâm ý của con người. Trong thiên hạ, ai mà không có lúc tự ái, bảo thủ ý mình, buông thả tâm ý, tham dục giận dữ, chẳng tin chánh đạo. Đến khi chết, chỉ có tâm ý là chịu đi theo để phải đạo vào ác đạo.

Cho nên, phải săn sóc tâm ý, bằng cách luôn luôn nhớ tới nó mà thắng tâm chánh ý.

BÁO BÁT NHÃ



"Tâm như nhà họa sĩ, vẽ các tranh ảnh.

Tâm như người nô lệ bị các món phiền não sai khiến.

Tâm như vị quốc vương làm mọi việc tự tại.

Tâm như bọn giặc cướp khiến tự thân chịu đau khổ."

Chú tiểu hiền triết

Thuở Phật Ca Diếp còn tại thế, Ngài có một Tăng đoàn gồm 20.000 Tỷ kheo đã diệt tận các lậu hoặc. Mỗi khi du hóa một nơi nào, tất cả chúng Tỷ kheo ấy đều theo sau Phật Ca Diếp, cũng như 1250 Tỷ kheo thường đi cùng với Đức Bốn Sư Thích Ca của chúng ta.

Một hôm, Phật Ca Diếp và Tăng chúng của Ngài đi đến thành Ba La Nại, dân chúng đua nhau đến đánh lễ cúng dường và nghe Ngài thuyết pháp. Sau khi thọ thực xong, Phật nói lời tùy hỷ công đức như sau :

- "Này các cư sĩ, trong thế gian có bốn hạng người. Thế nào là bốn ? Một là những người tự mình làm phước bố thí, nhưng không khuyến khích kẻ khác làm. Hạng người này, trong tương lai được giàu có nhưng không được nhiều người theo. Hai là những người khuyến kẻ khác bố thí, nhưng tự mình không bố thí. Hạng người này đời

sau có phước báo được đông người theo, nhưng không có của cải. Ba là những người tự mình không bố thí cũng không khuyên người bố thí. Hạng người này đời sau không có của cải cũng không có người theo, phải sống cô độc, ăn cơm thừa của kẻ khác. Bốn là hạng người vừa tự bố thí, vừa khuyên người bố thí, hạng người này trong tương lai sẽ được cả hai phước báo : giàu có và đông người theo".

Khi nghe thế, có một người khởi lên ý nghĩ :
"Ta cố làm sao để được hai phước báo ấy". Rồi vị ấy đến đánh lễ Phật, bạch rằng :

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài đến thọ thực làng con vào ngày mai, để chúng con được phước cúng dường.

Phật Ca Diếp hỏi lại :

- Người muốn cúng dường bao nhiêu vị Tỷ kheo ?

- Bạch Thế Tôn, Tăng chúng của Ngài gồm bao nhiêu ?

- Hai mươi ngàn.

- Bạch Thế Tôn, ngày mai xin ngài đem theo tất cả Tỷ kheo ấy.

Đức Phật nhận lời. Cầm một mảnh bối diệp (xưa dùng lá cây khô để viết chưa có giấy) trở về

làng, người kia đi từng nhà khuyên sửa soạn cúng dường Phật và chúng Tăng tùy khả năng của mỗi gia đình. Có nhà tình nguyện cúng dường 500 vị, nhà 200 vị, nhà 100 vị, nhà 50 vị v.v... Người kia đều ghi dấu vào lá bối để hôm sau thỉnh đứng số Tỷ kheo đến từng nhà. Trong làng, có một gia đình rất nghèo đến nỗi ông chủ được mệnh danh là "ông Chúa Nghèo". Người kia cũng không quên ghé vào nhà Chúa Nghèo để tạo phước cho ông ta. Khi Chúa Nghèo nghe người kia muốn mình cúng dường chúng Tỷ kheo thì giật bắn người lên :

- Ôi bạn ơi ! Bạn coi nhà của tôi đây, đến một chỗ ngồi cũng không có, làm sao tôi cúng dường gì được ? Tôi có đồng xu nào đâu ? Hãy đến những nhà cao cửa lớn kia !

- Nay bạn, không phải chính vì vậy bạn mới nên nhân cơ hội này mà gieo giống phước sao ? Vì sao bạn phải nghèo ? Phải chăng bạn chưa từng giúp ai một chút gì cả.

Chúa Nghèo ngẫm có lý bèn ưng thuận :

- Được. Vậy thì xin bạn ghi cho tôi cúng dường một vị Tỷ kheo.

Người kia bằng lòng nhưng không ghi vào lá vì nghĩ rằng một vị thì ít quá, chẳng cần ghi làm gì. Y từ giả, tiếp tục đi phổ khuyến.

Chúa Nghèo gọi vợ ra, cho hay ý định cúng dường một vị Tỷ kheo của mình, và đề nghị với vợ cùng đi làm mượn để đủ tiền sắm sửa các thứ. Người vợ bằng lòng ngay và cả hai cùng đi đến một nhà phú hộ. Nhà này sẵn lòng mượn hai vợ chồng làm việc một buổi chiều hôm ấy để chuẩn bị cho việc cúng dường hôm sau. Họ mượn Chúa Nghèo giã gạo, còn bà vợ thì gánh nước. Hai vợ chồng làm việc rất hăng hái, nét hân hoan lộ hẳn trên gương mặt, đến nỗi chủ nhà hỏi nguyên do. Khi được biết họ làm mượn để có tiền mua thực phẩm cúng dường một vị Tỷ kheo, phú ông cảm khái, trả công gấp bội. Với số tiền nhận được họ mua ít gạo thơm hảo hạng, trái cây quý và ít đồ vật vánh để nấu nướng.

Sáng hôm sau, Chúa Nghèo dậy sớm đi hái rau bên bờ sông về cho vợ làm thức ăn. Một người đánh cá hỏi :

- Chúa Nghèo hái rau làm gì sớm thế ?
- Tôi hái rau để cúng dường một vị Tỷ kheo.
- Thế à ! Vị nào ăn rau của Chúa Nghèo cúng dường chắc là hên lắm đó. Nay, làm hộ tôi việc này được chăng ?
- Đây tôi có mấy xâu cá đồ, Chúa Nghèo đi bán dùm. Tôi bán coi lưới. Mỗi xâu hai đồng.

- Được.

Chúa Nghèo xách cá đi bán một chốc đã hết, vì nhà nào cũng đang cần thức ăn để cúng dường. Khi trở về giao tiền cho chủ, Chúa Nghèo từ già :

- Thôi tôi đi đây, sắp tới giờ cúng dường rồi.

- Này Chúa Nghèo, tặng Chúa Nghèo xâu cá đồ đây, về mà nấu.

- Cảm ơn lắm.

Chúa Nghèo sung sướng xách cá và rau đem về cho vợ.

Khi ấy, từ trong tịnh xá của Ngài, Phật Ca Diếp đã biết được một người nghèo đang thành tâm sửa soạn cúng dường một vị Tỷ kheo. Ngài cũng biết được rằng tất cả chúng Tỷ kheo đã được sắp đặt vào từng nhà, mỗi nhà sẽ cúng dường một số Tỷ kheo. Duy chỉ có nhà Chúa Nghèo là bị bỏ quên vì Chúa Nghèo chỉ cúng có một vị, người phổ khuyến quên ghi vào lá, do đó mà y đã không chùa một người nào cho Chúa Nghèo. "Vậy chỉ còn ta để cho Chúa Nghèo gieo ruộng phước". Phật nghĩ thế, và Ngài lấy làm hoan hỷ, vì Phật vốn thương những kẻ nghèo cùng. Vừa khi Ngài có ý định như vậy, thì vua trời Đế Thích cảm thấy chiếc ngai vàng đang ngồi rung mạnh, "Có chuyện gì thế ?" Vua

trời ngấm nghĩ, và biết chính tấm lòng thành khẩn của Chúa Nghèo ở dưới thế đã làm chấn động đến chư thiên. "Ta phải giúp Chúa Nghèo một tay để sửa soạn món ăn cúng dường Phật". Đế Thích cùng với vợ rời thiên cung bay xuống, hóa làm hai vợ chồng nghèo đang đi tìm việc làm. Đến gần nhà Chúa Nghèo, Đế Thích hỏi :

- Nhà có việc gì làm không ? Cho chúng tôi làm với.

- Ông lão ơi ! Chúng tôi có nhiều việc lắm, nhưng thú thật là chúng tôi không có tiền để trả công ông lão.

- Bạn làm gì thế ?

- Chúng tôi làm thức ăn cúng dường vị Tỳ kheo.

-Ồ, việc phước ấy thì tôi cũng muốn hùn. Tôi không cần trả công đâu.

- Tốt lắm. Vậy lão hãy giúp chúng tôi.

- Xin vâng.

Rồi hai vợ chồng Đế Thích bước vào nhà, Đế Thích bảo :

- Bây giờ, để chúng tôi làm thức ăn cho . Bạn hãy đi thỉnh vị Tỳ kheo của bạn đi.

Chúa Nghèo đi đến vị phổ khuyến hôm qua. Y bảo :

- Ô bạn ! Tôi quên bẵng. Không còn vị Tỳ kheo nào cho bạn thỉnh vì tất cả đều nhận lời các nhà khác rồi.

Không thể nào tả được nỗi tuyệt vọng lớn lao của Chúa Nghèo lúc ấy. Chúa Nghèo đầm ngực, lăn ra mà khóc.

- Trời đất ơi ! Bạn hại tôi rồi ! Suốt hai hôm nay, chúng tôi làm việc tới mất tất đèn để chờ đợi bữa trưa nay cúng dường một vị Tỳ kheo ! Vậy mà bây giờ bạn bảo không còn vị nào ! Bạn phải cho tôi một vị Tỳ kheo ! Không thì tôi chết mất. Hu hu.

Quần chúng bu lại xem đông. Người kia bối rối năn nỉ :

- Nay Chúa Nghèo, xin Chúa Nghèo đừng làm tội tôi nữa. Tôi lỡ đi mà. Chúa Nghèo tha cho tôi đi.

- Không biết ! Phải cho tôi một vị Tỳ kheo ! Hu hu, hu hu.

Túng quá, người kia đánh bạo đề nghị :

- Thôi Chúa Nghèo hãy đứng dậy, tôi bày cho cách này. Đấng Đạo sư chưa nhận lời mời của ai, vì rất đông vua chúa đại thần đều muốn thỉnh Ngài. Vậy bạn hãy đến thỉnh Ngài đi. Ngài rất thương những kẻ nghèo, chắc Ngài sẽ nhận lời

bạn đấy. Ngài đang ngồi trong tịnh xá nói pháp cho các bậc thượng khách nghe.

Chúa Nghèo nghe lời, đứng lên đi đến tịnh xá. Vua và đình thần đang nghe pháp, thấy Chúa Nghèo tiến tới thì ngăn lại (vì họ tưởng Chúa Nghèo đến xin đồ ăn thừa) :

- Chúa Nghèo chưa đến giờ ăn đâu.

- Tôi biết. Tôi đi thỉnh Phật về nhà tôi thọ trai.

Đức Phật mỉm cười, chìa cái bình bát của Ngài ra, trao cho Chúa Nghèo một cách thân mật. Chúa Nghèo ôm lấy bình bát của Phật vào lòng, mặt mày hớn hở như đứa bé vừa được kẹo. Các ông Hoàng và đại thần chạy theo đề nghị :

- Chúa Nghèo, hãy nhường cái bát ấy cho ta cúng thức ăn cho Phật. Ta sẽ cho Chúa Nghèo 1000 đồng.

- Không bao giờ tôi nhường cho ai cái bát này, dù có đổi bạc triệu.

Chúa Nghèo trân trọng ôm bình bát của Phật về nhà để bày thức ăn. Vua đang ngồi gần Phật ngắm nghĩ : "Lão Chúa Nghèo chắc chẳng có gì ngon lành mà cúng dường đức Thế Tôn đâu. Chi bằng ta sắm sẵn các thức ăn thượng vị đựng trong một cái bát khác, chờ khi Chúa

Nghèo dâng lên Phật ta sẽ đổi thức ăn của ta cho Phật dùng.

Đến giờ thọ thực, Phật Ca Diếp đến nhà Chúa Nghèo. Vua đi theo với ý định như trên. Nhưng khi Phật vào nhà Chúa Nghèo. Đế Thích hóa trang để dâng Phật một bát đầy thức ăn mùi thơm bay khắp không gian. Vua bèn lên cáo từ Phật trở về.

Do phước báo cúng dường Phật Ca Diếp, Chúa Nghèo được sanh lên cõi trời cho đến khi Phật Thích Ca ra đời mới trở xuống trần thế, sanh vào nhà một thí chủ thân tín của ngài Xá Lợi Phất. Khi mang thai Chúa Nghèo người mẹ bỗng thông minh khác thường, những người trong gia đình ai có bệnh tật gì đều được khỏi và trở nên thông tuệ. Do đó hài nhi được Tôn Giả Xá Lợi Phất đặt tên là Hiền Trí. Khi lên 7, Hiền Trí xin mẹ xuất gia làm đệ tử Tôn giả.

Tôn giả dạy cho chú tiểu những uy nghi phép tắc phải theo trước khi đưa chú vào thành khất thực. Lần đầu tiên ôm bát theo hầu thầy ra đường, chú hỏi Ngài khi thấy một con dê :

- Bạch Tôn giả, cái kia là cái gì ?
- Chú tiểu, đấy là một con dê.
- Bạch Tôn giả, con dê dùng để làm gì ?

- Để dẫn nước đi khắp nơi nào người ta muốn.

- Nhưng Bạch Tôn giả, nước có hiểu biết gì không ?

- Không đâu, chú tiểu. Nước là vật vô tri giác.

- Bạch Tôn giả, thế thì người ta có thể hướng dẫn một vật vô tri giác đến bất cứ chỗ nào người ta muốn hay sao ?

- Chính vậy, chú tiểu.

- Hiền Trí nghĩ : "Nếu người ta có thể hướng dẫn một vật vô tri tùy theo ý muốn thì tại sao ta lại không thể nhiếp phục tâm ý mình để chứng A La Hán quả ?

Đi thêm một quãng, chú thấy những người làm tên đang hơ những cây tên trên lửa và nheo mắt nhắm để uốn chúng cho thẳng. Chú tiểu hỏi :

- Bạch Tôn giả họ làm chi vậy ?

- Họ đang uốn những cây tên cho thật thẳng.

- Cây tên có lý trí không ?

- Không nó là vật vô tri.

Chú tiểu nghĩ : "Nếu người ta có thể uốn nắn một vật vô tri cho thẳng theo ý muốn, thì ta cũng

có thể nỗ lực điều phục tâm ý để chứng quả A La Hán."

Một lát sau, hai thầy trò gặp những người thợ mộc đang dẻo bánh xe, chú lại hỏi :

- Bạch Tôn giả, họ làm gì thế ?
- Đây là thợ mộc đang dẻo bánh xe.
- Bánh xe có lý trí không ?
- Không, bánh xe chỉ chạy theo ý người muốn.

Chú tiểu nghi : "Nếu người ta có thể lấy gỗ làm ra những bánh xe để chạy theo ý muốn mình, thì tại sao ta không điều phục tâm ý của chính mình ?

Khi ấy chú tiểu trao y bát cho thầy và bạch :

- Bạch Tôn giả, con muốn trở về.

Tôn giả Xá Lợi Phất không nói một lời đỡ lấy y bát trên tay chú tiểu. Chú tiểu vái chào thầy xong còn quay đầu lại dặn Tôn giả :

- Bạch Tôn giả, khi nào Ngài đem thức ăn về cho con, xin Ngài chỉ cho con toàn một thứ cá vàng ngon nhất ấy.

- Ở đâu ta có thể kiếm được thứ ấy, chú tiểu ?

- Bạch Tôn giả nếu Ngài không thể kiếm được nhờ phước đức của Ngài, thì Ngài cũng sẽ kiếm được do phước đức của con.

Tôn giả Xá Lợi Phất vốn cẩn thận, Ngài sợ chú tiểu ngủ ngoài trời có thể bị rắn cắn, hay sâu bọ đốt, bởi thế Ngài trao chìa khóa cho chú tiểu và bảo :

- Hãy mở cửa tịnh thất của ta mà vào.

Chú tiểu vâng lời. Vào phòng Tôn giả, chú bắt đầu tịnh tọa thiền quán. Khi ấy Đế Thích ở trên trời cảm thấy chiếc ngai rung động, và nhận ra rằng chú tiểu Hiền Trí đang ngồi thiền quyết chứng quả A La Hán trong ngày đó, nên Ngài muốn giúp chú một tay. Ngài bảo thần mặt trời phải đi chậm lại, kéo dài buổi sáng ra trọn ngày, và sắc cho Tứ thiên vương đứng gác bốn góc chùa, đuổi hết chim chóc ra khỏi vườn đừng gây tiếng động. Do đó, tịnh xá Cấp Cô Độc trở nên yên tĩnh lạ thường. Thình thoảng mới có một âm thanh rất nhỏ gây nên bởi một chiếc lá vàng lìa cành rơi xuống.

Trong khi ấy, Tôn giả Xá Lợi Phất vào nhà người thí chủ quen biết để khát thực. Gia chủ vừa mua về một mớ cá đồ nấu nướng xong đem đặt vào bát Ngài. Tôn giả định đem về cho chú tiểu như

lời chú tiểu dặn nhưng gia chủ xin thỉnh Tôn giả cứ dùng, sẽ còn phần khác để Tôn giả đem về. Tôn giả ngồi lại thọ thực.

Đúng lúc ấy, từ tư thất của Ngài, đức Đạo Sư quan sát bằng Phật nhãn thanh tịnh thấy chú tiểu có thể chứng quả A La Hán trong vài giờ nữa. Nhưng nếu Tôn giả Xá Lợi Phất mà về lúc này, đem thức ăn vào phòng cho chú tiểu thì lỡ mất dịp đắc quả của chú. Do đó đức Phật quyết định đi đến tịnh thất của Tôn giả để đón đường. Vừa khi Tôn giả trở về, Ngài gặp ngay đức Đạo Sư đứng trước cửa. Tôn giả thì lễ, đức Đạo sư hỏi vị đệ tử thông tuệ của Ngài về một số câu hỏi trong luận tạng, chỉ cốt kéo dài thời gian cho chú tiểu có thể đắc quả. Khi biết Hiền Trí đã chứng quả, Ngài bảo Tôn giả Xá Lợi Phất :

- Bây giờ, này Xá Lợi Phất, hãy đem thức ăn vào cho chú tiểu Hiền Trí đi.

Tôn giả khò cửa. Chú tiểu bước ra đỡ lấy bát trên tay Ngài đặt xuống một nơi, rồi bắt đầu quạt cho Ngài. Tôn giả bảo :

- Này chú hãy ăn sáng đi.

- Bạch Tôn giả, còn Tôn giả thì sao ?

- Ta đã ăn rồi.

Khi ấy chú tiểu mới ngồi xuống quán tướng năm điều rồi thọ thực. Khi chú đã ăn xong, rửa bát và dọn dẹp xong, thì mọi sự mới trở lại bình thường : mặt trời bắt đầu lặn, trăng từ từ lên, Tứ thiên vương hết canh gác bốn góc chùa. Đế Thích trở về thiên cung ngồi vào chiếc ngai vàng thường lệ. Chúng Tỳ kheo bảo nhau :

- Thật kỳ lạ ! Hôm nay buổi sáng hầu như dài suốt cả ngày, mà buổi chiều lại ngắn có một khoảnh khắc. Tại sao thế nhỉ ?

Đức Đạo Sư giải thích :

- Đúng thế, này các Tỳ kheo, chính vì chú tiểu 7 tuổi kia phát tâm chứng quả A La Hán, mà tất cả trời Đế Thích, Tứ Thiên Vương, thần mặt trời, thần mặt trăng đều hỗ trợ cho công việc của chú ấy. Và để canh chừng chính Như Lai cũng đã phải bỏ cả thì giờ nghỉ ngơi cho chú bé, một người nhân quán sát con dê dẫn nước, thợ làm tên, người làm bánh xe, mà quyết tâm nỗ lực thiền định để chứng quả.

**"NGƯỜI ĐÀO ĐỀ DẪN NƯỚC. NGƯỜI LÀM TÊN
UỐN TÊN:**

**THỢ MỘC ĐẪO GỖ, CÒN NGƯỜI TRÍ THÌ LO ĐIỀU
PHỤC TÂM MINH"**

(Pháp cú 80)

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

**"Không ai làm cho anh cao thượng, cũng không ai làm
cho anh thấp hèn, mà chỉ có những hành động của anh
làm cho anh cao thượng hay thấp hèn mà thôi".**

Nhờ nghe Phật pháp khỏi phải tự thiêu

Xưa tại nước Bù Phiến Xá, có một người đàn bà tên là Đề Vi, giòng Bà La Môn. Nhà rất giàu, chồng chết không con, phải ở góa một mình không người che chở. Theo phép Bà La Môn, những ai sống không được như ý thì nên tự thiêu. Các vị Bà La Môn liền đến khuyên hóa nàng Đề Vi nên tự thiêu để được sanh lên cõi trời Na La Diên, lại nên thỉnh cho đủ 100 vị Bà La Môn để thiết đại hội cúng dường và đem bò trâu của cải bảo vật cúng dường cho 500 vị Bà La Môn, rồi đem củi chất lên làm một giàn hỏa để tự thiêu trên bờ sông Hằng.

Các vị Bà La Môn sẽ chú nguyện cho nàng tiêu trừ tất cả tội lỗi nặng nhẹ, để đời sau được sống trong gia đình đông đúc, thọ mạng vô lượng và sung sướng không cùng. Nàng Đề Vi nhất thiết nghe theo và cho dựng một giàn củi để tự thiêu.

Lúc bấy giờ có vị Sa môn hiệu là Biện Tài, giới học rộng, thường lấy từ tâm giáo hóa chúng sanh làm lành tránh dữ rất nhiều. Khi Ngài được tin nàng Đề Vi muốn tự thiêu, liền đến hỏi :

- Nàng dùng giàn củi để làm gì ?

• Nàng Đề Vi thưa :

- Tôi muốn tự thiêu để diệt trừ những tội chướng đã tạo nên.

Ngài Biện Tài nói :

- Những tội chướng gây ra luôn luôn tùy theo tâm thức, đâu có thuộc về thân thể. Nay nàng thiêu thân làm sao diệt tội được. Và lại, tội phước theo tâm mà sanh, tâm niệm pháp lành thì quả báo lành, tâm niệm pháp dữ thì quả báo dữ. Trong khi tự thiêu đốt, thể nào tâm cũng sanh đau khổ áo não, thời làm sao trông mong diệt tội được quả báo lành. Về lý chắc nàng khó hiểu, nay tôi đem một vài ví dụ cho nàng rõ. Như có người đau bệnh khổ não, lại bị một người mắng chửi đánh đập, người bệnh có thể giữ thiện tâm không sầu não chẳng ? Nàng nay cũng vậy. Vì muốn diệt tội thân trước, nên thiêu thân. Trong khi lửa đốt thân thể thì đau đớn vô cùng, tâm sanh khổ não đến lúc mạn chung, liền sanh vào cõi địa ngục, chịu khổ lại kịch liệt gấp trăm ngàn vạn lần.

Lại ví dụ như con bò kéo xe, vì ghét kéo xe nên đạp gãy cổ xe đi. Nhưng nếu cổ xe trước bị hư thì cổ xe thứ hai sẽ được thay vào, làm sao tránh thoát được.

Nghiệp tội của nàng chưa hết, nếu có đốt trăm ngàn thân cũng không bao giờ xa lìa. Và lại, những nghiệp tội ở A tỳ địa ngục, phải tám vạn lần chết, tám vạn lần sống, trọn hơn một kiếp mới trừ diệt tội. Nay nàng chẳng qua thiêu thân chỉ có một lần, làm sao hết tội được.

Nàng Đề Vi thưa :

- Xin Ngài giảng cho con nghe, phương pháp diệt trừ tội lỗi.

Ngài Biện Tài đáp :

- Tâm trước tạo ác, như mây che mặt trăng. Tâm sau khởi niệm lành, như ngọn đuốc trừ tối tăm. Nguồn gốc nghiệp tội do thân, khẩu, ý nghiệp tạo các nghiệp hành. Nàng nay chân thành sám hối, cải tà quy chánh, xả thân thọ thân, chí thành Phật đạo.

Sau đó ngài Biện Tài đem pháp Thập Thiện trao dạy cho nàng Đề Vi. Nàng Đề Vi hoan hỷ lãnh thọ, dâng cúng các món trân bảo và thỉnh cầu ngài Biện Tài ở lại giáo hóa. Ngài từ tạ rằng :

- Nàng đã thọ lãnh phép Thập Thiện đó là pháp thí, nàng nên đem mà dạy bảo mọi người. Đó là chính cách đáp ân thiết thực nhất nàng đã được độ, tôi không cần lưu lại làm gì. Tôi còn phải đi giáo hóa nơi khác, và xin trả lại các món trân bảo cúng dường. Vì người tu hành không bao giờ dùng những đồ vật quý báu...

MINH CHÂU

*

"Ai biết sửa đổi lỗi lầm thì người ấy được tiến hóa trong giáo pháp của Như Lai."

Ông sư Huyền Trân

Xưa ở chùa Quang Minh, làng Hậu Bổng, huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương, có một vị sư tên là Huyền Trân, tu đắc đạo. Một đêm, nằm thấy Phật Di Đà báo mộng rằng : Nhà ngươi tu hành có công đức, trời Phật độ cho kiếp sau được làm vua nước Tàu. Nhà sư thức dậy lấy làm kỳ dị, gọi các đạo tràng báo rằng :

- Đêm, Thầy thấy mộng lạ, đến khi Thầy chết hãy lấy bút son mà viết trên vai Thầy mười chữ rằng : "Nhà sư tu ở chùa Quang Minh, nước An Nam", rồi đem thiêu, đừng có chôn !

Khi vị sư chết, tuổi đã chín mươi, các đạo tràng làm theo như lời dặn trước.

Đến đời vua Hoàng Định, nhà Lê, ông tiến sĩ tên là Nguyễn Tự Huyền sang cống vua Khang Hi nước Tàu, vua Khang Hi phán hỏi :

- Ngươi có biết chùa Quang Minh, ở nước An Nam, thuộc về tỉnh nào ?

Ông ấy tâu rằng :

- Muôn tâu bệ hạ, hạ thần chỉ biết chùa Quỳnh Lâm, chùa Thiên Phúc, còn chùa Quang Minh thì thần không rõ.

Vua nói rằng :

- Khi Trẫm giáng sinh, ở trên vai có mười chữ son, hẳn là kiếp trước Trẫm tu ở chùa ấy. Nay Trẫm muốn bỏ những chữ ấy đi, mà không phép nào rửa sạch.

Ông ấy tâu lại rằng :

- Dám xin có phải thế, thì lấy nước giếng chùa ấy mới rửa được.

Vua dặn rằng :

- Thế thì khi về, người tâu với vua Lê cho đi tìm, lấy hộ Trẫm nước giếng ấy.

Ông Nguyễn Tự Huyền về tâu lại với vua Lê như thế. Rồi ông tìm đến chùa Quang Minh, lấy một vò nước đem sang Tàu, dâng vua Khang Hi. Vua Khang Hi lấy nước ấy rửa, thì những chữ son đi ngay. Nhà vua mừng lắm, mới đưa cho ông ta ba trăm lạng vàng, nhờ đem về tu bổ chùa Quang Minh cho lịch sự.

NGUYỄN BÌNH

Truyện cổ tích Việt Nam

"Làm sao hiểu được luân hồi,

Rõ thân kiếp trước, biết nơi sau về ?"

Từ Đạo Hạnh

Từ Lộ tự là Đạo Hạnh người làng An Lãng (tức làng Lãng) huyện Vĩnh Thuận (Hoàn Long) làm thầy cúng ở chùa Thiên Phúc núi Phật Tích (tức là chùa Thầy ở Sơn Tây). Khi xưa thân phụ Từ Đạo Hạnh là Từ Vinh làm Tăng quan đô sát triều nhà Lý, thường vào chơi làng An Lãng, mới làm nhà ở đấy, lấy con gái họ Lãng sinh ra Đạo Hạnh.

Đạo Hạnh lúc bé hay chơi bời nhưng vẫn có chí cùng với Phi Sĩ, Than Ất, Lê Hoàn kết bạn, đêm thì cố công đọc sách, ngày thì đàn sáo đánh bạc làm vui. Cha thường vẫn trách mắng là biếng học, nhưng sau biết cứ đến đêm thì chăm học lắm, từ bấy giờ mới không nói gì nữa.

Về sau Đạo Hạnh thi khoa Bạch Liên, đỗ Tăng quan, không bao lâu cha là Từ Vinh dùng tà thuật phản ông Diên Thành Hầu, Diên Thành Hầu nhờ thầy phù thủy là Đại Diên dùng phép đánh chết, quăng xuống sông Tô Lịch. Thấy ông Từ Vinh trôi qua làng Yên Quyết, đến bến nhà ông Diên Thành

Hầu, bỗng nhiên đứng lên trở tay vào trong nhà suốt ngày hôm ấy không trôi đi, Diên Thành Hầu mời Đại Diên đến, Đại Diên đến nơi quát rằng :

- Thầy chùa giận không để cách đêm, dù sống dù chết cũng là một giấc mộng mà thôi.

Nói dứt lời thì thầy ngã xuống trời đi. Từ Đạo Hạnh muốn báo thù cho cha mình, rình khi Đại Diên đi chơi, muốn đón đường đánh, bỗng nghe trên không có tiếng ngân rằng : "Chớ ! Chớ !" vì thế bỏ gậy mà chạy về.

Đạo Hạnh nghĩ lấy làm tức giận lắm, muốn sang nước Ấn Độ học phép, nhưng đi qua núi Kim Sĩ, hiểm trở lắm phải trở về. Đạo Hạnh mới vào trong hang núi Phật Tích, kết thành hội Bạch Liên, để học phép Ngũ giáo. Ngày nào cũng tụng kinh "Đại Bi Tâm" và niệm câu thần chú " Đà La Ni" cứ tụng 18 vạn lần mới thôi.

Một hôm thấy thần báo mộng rằng :

- Đệ tử tức là Từ Trấn Thiên Vương đây, cảm công đức của Thầy tụng kinh cho nên lại hầu, tùy Thầy muốn sai khiến gì, tôi xin vâng lệnh.

Đạo Hạnh biết là đạo pháp mình đã thành rồi, có thể phục thù cho cha, mới đến đầu bến sông Yên Quyết, cầm cái gậy ném xuống sông. Nước

sông chảy xuôi mà gậy thì trôi ngược trông tựa con rồng, đi mãi tới cầu Tây Dương mới thôi.

Đạo Hạnh mừng nói rằng :

- Phép ta hơn Đại Diện nhiều rồi !

Đạo Hạnh mới dùng phép tàng hình đến thẳng chỗ Đại Diện ngồi chơi bảo rằng :

- Mà còn nhớ việc ngày trước không ?

Đại Diện ngẩng đầu lên trông không thấy gì, Đạo Hạnh cầm gậy đánh, Đại Diện vì thế thành bệnh mà chết.

Đạo Hạnh báo xong thù rồi, từ bây giờ tan hết oán cũ, sạch nhẵn lòng trần, mới đi chơi khắp nơi rừng núi, hồi tìm ẩn chứng. Nghe nói Kiều Trí Huyền tinh thông đạo pháp, đến hầu tận nơi. Hỏi thế nào là Chân tâm.

Có câu kệ rằng :

Lâu nay vẫn đắm hồng trần

Vàng còn chẳng biết, biết chân tâm nào !

Xin cho trò bảo làm sao ?

Cho tìm thấy rõ kẻ nao lòng người.

Kiều Trí Huyền cũng đọc một câu kệ đáp lại rằng :

Năm ấm bí quyết là vàng

Trông ra đầy mắt rõ ràng thuyền tâm.

Bồ Đề Đạo Phật u thâm

Muốn tìm tới đó muốn tìm chẳng xa.

Đạo Hạnh thấy câu kệ như vậy, chưa hiểu ý tứ ra làm sao, mới đến hỏi ông Pháp Phạm Sùng Vân rằng:

- Thưa ông, thế nào gọi là Chân tâm ?

Sùng Vân nói :

- Cái gì chẳng phải là Chân tâm !

Đạo Hạnh bây giờ mới tỉnh ra, lạy từ ông ấy rồi trở về. Tự bấy giờ pháp lực lại càng tấn tới, nội là rần độc trong núi, hùm dữ trên rừng, cũng có phép sai khiến được cả.

Có một ông thầy Tăng nói rằng :

- Khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi đó là Phật tâm.

Đạo Hạnh đọc câu kệ rằng :

Có thì có tự mây may

Không thì cả thế gian này cũng không.

Thử xem bóng nguyệt dòng sông

Ai hay không có, có không là gì ?

Bấy giờ vua Lý Nhân Tông chưa có con, có người ở Thanh Hóa ra tâu rằng :

- Ở ngoài bãi bể, có đứa con trai lên 3 tuổi, tự xưng là Hoàng tử gọi là Giác Hoàng. Nhà vua có những sự gì, y cũng biết cả.

Vua sai sứ đến xem tận nơi, quả nhiên có đứa trẻ ấy, mới đem về kinh cho ở trong chùa Bảo Thiên. Vua thấy đứa trẻ ấy thông minh thần dị lắm, muốn nuôi làm con.

Các quan can rằng :

- Nó tuy linh dị, nhưng tất phải thác sinh trong cung cấm mới được.

Vua nghe lời, thiết tuần chay to bảy đêm ngày, để cho nó làm phép đầu thai.

Đạo Hạnh nghe chuyện làm vậy bảo riêng với chị rằng :

- Đây tất là Đại Đế muốn đầu thai sinh vào cửa nhà vua để báo oán thù đây, kẻ kia dùng tà thuật làm mê hoặc người ta đã nhiều, tôi sao ngồi yên, nhìn mà không cứu, để nó làm cản hay sao ?

Mới bảo chị ăn mặc giả nhà sư, cầm giấu vài quả ấn pháp sư, giắt lên mái nhà chỗ đàn chay. Cúng được ba hôm, Giác Hoàng phải bệnh, bảo với người ta rằng :

- Khắp cả thế giới chỗ nào cũng chăng lưới sắt, không có đường nào mà đầu thai được.

Nói xong thì mất. Vua sai tìm các nơi xem có bùa chú gì không, thì bắt được mấy quả ấn kết lại, có tên Từ Đạo Hạnh. Vua giận lắm, sai bắt Đạo Hạnh vào lầu Hưng Khánh đánh trượng, rồi hội các quan lại nghị án.

Sẵn có Sùng Hiền Hầu đi qua, Đạo Hạnh kêu rằng :

- Xin Ngài rủ lòng thương mà cứu cho tôi, tôi sẽ xin đầu thai vào cung để báo ân ấy.

Sùng Hiền Hầu gật đầu. Đến lúc hội nghị Kim Hầu xin đem Đạo Hạnh chính pháp, Sùng Hiền Hầu cười nói rằng :

- Giác Hoàng nếu có thần lực, thì dù Từ Lộ giải chú thế nào cũng không việc gì. Nay vì thế mà phải chết thì Giác Hoàng còn kém Từ Lộ xa lắm. Tôi thiết tưởng bắt tội hần, tha rằng cho hần thác sinh còn hơn. Xin Bệ hạ nghĩ cho.

Vua nghe lời, tha tội cho Đạo Hạnh. Đạo Hạnh trở ra vào hầu nhà riêng Sùng Hiền Hầu, nhân thấy phu nhân đang tắm, đến sát tận nơi đứng xem. Phu nhân giận lắm, bỗng thấy một đứa trẻ con chạy vào trong thùng tắm, phu nhân kinh hãi,

nói chuyện với chồng. Sùng Hiền Hầu đã biết ý rồi, không trách hỏi gì đến. Từ đấy phu nhân có mang.

Đạo Hạnh dặn Sùng Hiền Hầu rằng :

- Khi nào phu nhân ở cũ, trở dạ đã lâu mà không sinh được, Sùng Hiền Hầu sai người ruối mau đến báo Đạo Hạnh.

Đạo Hạnh vội vàng tắm gội thay áo, dặn học trò rằng :

- Bụng ao ước của ta vẫn chưa thỏa, nay ta lại thác sinh của đế vương, tạm làm thiên tử 23 năm. Nếu khi nào thân kiếp sau của ta thác đi, thì lúc bấy giờ mới thực là chìm vào bể dâu, không bao giờ sinh diệt nữa.

Học trò nghe câu ấy, ai cũng dỏ nước mắt, Đạo Hạnh mới an ủi học trò một vài câu, rồi lột xác ra mà hóa. Người làng ấy lấy làm lạ, để cái xác ấy vào trong khám phụng thờ.

Giờ Ngọ Đạo Hạnh nhập tịch, đến giờ Mùi thì phu nhân sinh ra đứa con trai đặt tên là Dương Hoán, bấy giờ là tháng 6 năm Bính Thân niên hiệu Hội Trường Đại Khánh thứ bảy (1116).

Dương Hoán lên 2 tuổi, thông minh lắm, vua yêu mến, nuôi ở trong cung cho làm con, rồi lập

lên Hoàng Thái tử. Khi vua mất, Thái tử lên ngôi tức là vua Thần Tôn, đó là kiếp sau của ông Từ Đạo Hạnh.

Khi xưa Từ Đạo Hạnh mới vào chùa Thiên Phúc thấy có một vết chân người ở trong hang đá, Đạo Hạnh lấy bàn chân in vào thì vừa bằng nhau, tục truyền hang ấy là chỗ Đạo Hạnh lột xác.

Mỗi năm, mùng 7 tháng 3, thiên hạ đến chùa ấy lễ bái đông như Hội. Thầy Đạo Hạnh đến mãi lúc quân nhà Minh sang cướp, quân sĩ cướp mất, về sau dân đẩy lại tô tượng để thờ như xưa.

NGUYỄN BÌNH

Truyện cổ tích Việt Nam

*

Kẻ mắt ngủ cho rằng đêm rất dài, người lữ khách mệt mỏi cho rằng đường hãy còn xa thế nào ? Thì cũng thế ấy, kẻ nào chưa tìm được chân lý, hằng phải bị sanh tử luân hồi trong thời gian vô tận.

Nguyễn Minh Không

Nguyễn Minh Không người làng Đàm Xá, phủ Tràng An (Nam Định) tên là Nguyễn Chí Thành. Lúc nhỏ đi học, sảy gặp Từ Đạo Hạnh, mới theo học Đạo Hạnh hơn 40 năm. Đạo Hạnh khen là người có chí, cho ấn quyết và đổi tên là Minh Không thiên sư, cho ở riêng một chùa Quốc Thanh.

Khi Đạo Hạnh sắp hóa bảo Minh Không rằng :

- Ngày xưa Phật Thế Tôn ta, đạo quả đã tròn trặn, mà còn có báo Kim tòa, hưởng chi lâu nay phép đạo suy mòn, thì ta giữ mình làm sao cho xiết được, kiếp sau ta ở thế gian giữ ngôi nhân chủ, chắc là không khỏi được bệnh nợ, người nên nghĩ nghĩa thầy trò, đến bấy giờ phải cứu cho ta.

Đến khi Đạo Hạnh hóa rồi Minh Không trở về quê nhà, cây cấy làm ăn, trụ trì hơn 20 năm, không cần tiếng tăm với đời.

Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ tư đời vua

Thần Tồn (1136) vua bỗng sinh ra một bệnh dị kỳ, thuốc chữa thế nào cũng không khỏi tình thần phiến loạn, tiếng gào thét kinh người (tục truyền vua hóa ra hổ) các thầy thuốc, có hằng nghìn muôn người, nhưng không ai biết chữa bằng cách nào cả.

Minh Không nghe tin làm vậy, mới chống gậy đến các chỗ trẻ con chơi, cho chúng ăn quà và dạy chúng nó hát rằng :

"Tập tành vòng, có ông Nguyễn Minh Không chữa được Hoàng Thái tử".

Dần dần đám trẻ nào cũng hát câu ấy, tiếng đồn đến triều đình. Triều đình sai sứ đi hỏi thăm, mà tìm được Minh Không, Minh Không thấy sứ giả đến triệu mình, mới thối một nồi cơm con, cho bọn chèo thuyền cùng ăn.

Sứ giả nói rằng :

- Bọn chèo thuyền đông lắm, có một niêu cơm con thế kia, thì ăn làm sao ?

Minh Không nói :

- Hãy cứ ăn đi, lúc nào thiếu sẽ hay.

Minh Không mới sai giờ cơm ra rá, thì càng giờ càng nhiều, hàng mấy trăm người ăn mà vẫn không hết. Chúng cùng ngạc nhiên lấy làm lạ.

Đến lúc ăn xong, Minh Không bảo các quân chở thuyền rằng :

- Các anh hãy ngủ đi một lát, đợi lúc nào có nước chảy thủy triều lên sẽ đi.

Chúng nghe lời nằm ngủ cả trong thuyền, một lát tỉnh dậy thì thuyền đã ngược đến kinh đô rồi, ai nấy đều mừng rỡ cho là phép tài.

Minh Không đến kinh, các thầy thuốc cùng các phù thủy đang túc trực cả trên điện, mỗi người dùng một cách chữa bệnh cho vua, mà vẫn chưa thấy kiến hiệu. Trông thấy Minh Không đến, ập mặc què mùa cộc kệch, dân chúng ai cũng khinh bỉ không thèm chào hỏi đến. Minh Không lấy một cái đinh dài độ năm, sáu tấc, đóng lên trên cột nói to lên rằng :

- Hễ ai rút được cái đinh này ra, thì mới chữa được bệnh Hoàng đế.

Nói hai ba câu, không ai thèm trả lời, Minh Không mới lấy hai ngón tay trái sẽ nhổ ra, cái đinh ấy bật ngay.

Minh Không đến tận trước mặt vua hét to lên rằng :

- Đại Trượng phu đã phú quý mà làm đến Thiên tử, sao lại còn cuồng loạn như thế ?

Vua sợ hãi run lật bật, Minh Không sai lấy cái vạc to, đổ nước hòa thuốc vào đun lên, đun sôi một trăm lần, Minh Không ra tắm cho vua, tắm xong thì vua khỏi bệnh.

Vua khỏi rồi, phong Minh Không làm quốc sư, thưởng cho vài trăm nóc nhà lấy thuế mà ăn.

Đến năm Đại Định thứ hai Minh Không mất, bấy giờ đã 76 tuổi, Minh Không mất rồi thiêng lắm, nhiều sự hiển linh. Phàm dân xã cầu mưa đảo nắng tất nghiệm. Các chùa ở huyện Giao Thủy, huyện Phả Lại, đều tôn tượng Minh Không để thờ cả.

NGUYỄN BÌNH

Truyện Cổ tích Việt Nam

"Các việc làm (Nghệp) của tôi là của cái của tôi

Các việc làm của tôi là gia tài của tôi.

Các việc làm của tôi là cái thai bọc lấy tôi.

Các việc làm của tôi là hạng phái của tôi.

Các việc làm của tôi là chỗ tôi gọi thân."

Vọng phu

Khi người đang hái hoa

Lòng say mê lạc thú

Niềm vui kia chưa thỏa

Tử thần đã lời xa

Pháp cú 48

Một buổi sáng ở thiên đường, vua trời Đế Thích đi vào Lạc viên ở cung trời 33 cùng với 1000 tiên nữ hầu hạ. Năm trăm nàng leo lên cây hái hoa tung xuống, năm trăm nàng lượm hoa kết thành tràng để trang sức cho vị vua của trời, chồng của họ. Một nàng đang hái hoa trúng gió nặng, hồn lìa khỏi xác ngay khi ngồi trên cây. Thân thể nàng tan biến mau lẹ như hơi sương (vì là tiên nên thể xác nhẹ hơn người trần) và thần thức nhập vào thai cung của một phụ nữ thuộc hàng trưởng giả thành Xá Vệ. Khi xuất thai và dần dần lớn thành một thiếu nữ. Nàng vẫn nhớ kiếp vừa qua của

minh và mong mỗi được trở về cõi trời hầu hạ Đế Thích như trước. Nàng thường đến Kỳ Viên tịnh xá Cấp Cô Độc để cúng dường Phật và chúng Tăng với một ước nguyện bất di dịch : "Mong rằng với phước đức này con được trở lại với chồng con". Các Tỷ kheo đều lấy làm lạ về lời nói của thiếu nữ, và đặt cho nàng một biệt hiệu là "Vọng phu".

Vọng phu tiếp tục bố thí cúng dường như vậy cho đến khi 16 tuổi, cha mẹ gả chồng cho nàng và lần hồi sinh được bốn con. Một ngày kia sau khi đến tịnh xá cúng dường Phật và chúng Tăng trở về Vọng Phu cảm thấy nhức đầu, chóng mặt, liền lên giường nằm một lát rồi trút hơi thở cuối cùng.

Thần thức nàng trở về cõi trời 33 trong khi các thiên nữ đang bận rộn kết hoa để trang hoàng cho Đế Thích. Khi vua trời thấy nàng liền hỏi :

- Sáng nay sao ta không thấy nàng, nàng đi đâu ?

- Thừa thần thiếp chết giấc một hồi, rời khỏi thiên cung.

- Nàng nói cái gì thế ? (Đế Thích ngạc nhiên).

- Quả thế, muôn tâu thánh thượng, thần thiếp đã chết đi một lát.

- Rồi nàng tái sinh ở đâu ?

- Tàu, ở một gia đình trong thành Xá Vệ.

- Nàng ở đây bao lâu ?

- Sau mười tháng ở trong thai, thần thiếp ra khỏi thai mẹ. Khi lên 16 tuổi thần thiếp được gả chồng, có 4 con. Thần thiếp đã tu phước và bố thí liên miên, ước nguyện được trở về thiên cung sum họp với thánh thượng.

- Đời sống của con người dài bao lâu ?

- Tàu thánh thượng, chỉ có 100 năm thôi ạ !

- Ôi ngắn thế kia ư ?

- Dạ tàu thánh thượng.

- Nếu đời sống con người ngắn ngủi như vậy, thì chúng không làm được cái gì ? Chắc chúng phải tạo phước lành gấp rút lắm ?

- Dạ không, trái lại, tàu thánh thượng, con người ở dưới ấy vẫn mê ngủ, buông lung, bê tha làm như chúng sẽ được sống mãi hoài, làm như chúng sẽ không bao giờ chết.

Vua trời nghe xong, buồn rầu bảo :

- Nếu như lời nàng nói, con người chỉ sống có 100 năm mà lại mê ngủ, buông lung, bê tha, thì biết bao giờ chúng mới giải thoát khỏi khổ ?

Ngày hôm sau ở Xá Vệ khi chúng Tỳ kheo vào làng đến chỗ thường lệ vẫn được nàng Vọng phu tiếp đón, thì thấy lạnh ngắt như tờ. Không có chỗ ngồi, nước uống được xếp đặt như mọi khi. Họ hỏi :

- Nàng Vọng phu đâu rồi ?

Dân chúng thưa :

- Bạch chư Đại đức, nàng ấy đã chết chiều qua, sau khi cúng dường trở về.

Khi ấy những vị Tỳ kheo chưa chứng quả bồ đề thấy lòng buồn man mác nhớ đến những sản súc chu đáo của người tín nữ hôm qua mới đó, mà nay đã ra người thiên cổ. Trở về họ hỏi Phật :

- Bạch Thế Tôn, Vọng Phu tạo phước cúng dường nhiều cốt để được gặp chồng. Tại sao nàng vừa mới ở với chồng chưa bao lâu, hương lửa đang nồng mà đã phải chết như vậy ? Bây giờ tái sinh ở đâu ?

- Này các Tỳ kheo, không phải Vọng Phu ước được sống với người chồng hiện tại của nàng đâu. Nàng vọng là vọng cái người chồng cũ của nàng trên cõi trời thứ 33 ấy, và bây giờ đã được toại nguyện. Hiện giờ nàng trở lại hầu hạ Đế Thích trong Lạc viên. Một đời nàng trải qua dưới thế

gian này không dài bằng nửa buổi sáng trên cung trời Đế Thích.

- Ô, Bạch Thế Tôn, đời con người sao ngắn ngủi. Mới buổi sáng nàng ấy cũng dường thực phẩm cho chúng con, mà chiều đã nghe nàng ấy chết rồi.

- Quả thế, các tỷ kheo, đời con người ngắn ngủi lắm. Trong khi chúng khát khao những lạc thú cõi trần mà chưa được thỏa mãn, chúng đã bị thần chết mang đi.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI



Hoa nở để mà tàn
Trăng tròn để mà khuyết
Bèo hợp để mà tan
Người gần để ly biệt.

Hồ ly vượt bể mót vàng

Ngày trước, bên sườn núi có một khu sơn trang, trong đó, một ngôi chùa thờ Phật được dựng lên từ lâu lắm rồi.

Trong chùa, trừ vị sư già cỡ chừng 70 tuổi ra, không còn có ai nữa. Năm đó, Người đã trắng xóa đôi lông mày, và chòm râu phất phơ trước ngực tựa hồ chùm cước trắng. Tuy nhiên, Người vẫn mạnh khỏe. Các công việc trong chùa như khóa tụng sớm chiều, thổi cơm, quét đất, nhặt cỏ, giặt áo, lên đèn nhang... nhất nhất đều do hai bàn tay Người đảm đương cả.

Các người trong sơn trang, ngày ngày đi qua sân chùa thấy Người làm lụng thật cực khổ đều ra ý ái ngại hỏi :

- Thưa Hòa thượng ! Hòa thượng tuổi già sức yếu mà còn làm việc cực nhọc. Vậy không cảm thấy sự mệt mỏi sao ? Bà con chúng tôi xin lại giúp Người giặt giũ đây ! Hoặc có việc gì khác

xin cứ dạy bảo, chúng tôi nguyện tận tâm làm thay.

- Cảm tạ tấm lòng quý hóa của quý vị : hiện bàn Tăng còn có sức công tác, khi nào sức ấy kiệt quệ, quý vị có lòng giúp đỡ, lúc đó bàn Tăng đâu dám chối từ. Và chẳng, sức còn khỏe mà được phục vụ công tác, cũng là một điều khoái hoạt cho tinh thần.

Hòa thượng nói xong, để hở hai hàng lợi móm phát lên một hồi cười giòn giã : Khách... khách...

Đại khái cuộc sinh hoạt hằng ngày của Hòa thượng rất là hồn nhiên vui sướng, không bận chút phiên nào ưu tư chi hết. Các người trong thôn trang gặp sự gì khó giải quyết, hoặc không thông hiểu đều ra hỏi Hòa thượng và được Hòa thượng giải đáp một cách rành rẽ, đầy lòng từ bi hỷ xả, có khi thuận miệng, Hòa thượng còn giảng thêm kinh kệ và Đạo Phật cho nghe nên hầu hết gia đình ở thôn trang này đều tỏ ra cung kính tôn sùng Hòa thượng.

Để biểu lộ tấm lòng ấy, họ thường mang gạo, rau, dầu tương ra chùa cúng dường. Khi nào trời mưa to, gió lớn, họ ra chùa hỏi Hòa thượng xem chùa có bị hư hoại gì không, và mái có chỗ nào lủng dột ?

Hòa thượng trả lời mọi người với giọng vui vẻ :

- Cảm tạ quý vị ! Cảm ơn quý vị ! Đêm qua nước đổ giọt lên trên đầu bàn tăng, lên giường bàn tăng, đại khái, trời mưa luôn ít ngày như thế này thì nhất định giường lên nấm và lúc đó tha hồ mà ăn.

Thế là mọi người cùng xúm lại lên mái chùa dột, thay chiếc rui mục nát đi và lấp các chỗ trống lại.

Nhân vị Hòa thượng là vị đạo đức, nên dù là chùa nhỏ, cảnh nghèo, mà nhân dân hết sức ủng hộ, lại kính trọng phi thường vị Hòa thượng trụ trì. Còn Hòa thượng trụ trì này vẫn tuyệt đối không cảm thấy sự nghèo khổ là gì. Trái lại, lúc nào cũng hồn nhiên, vô tư lự, đến nỗi gian chùa nhỏ này, giường của sư nằm, nấm cứ tự do mọc, tường chái và sân chùa, cỏ cứ tự do lên. Hòa thượng vẫn giữ nếp sống vui vẻ, từ bi tự tại.

Một năm qua, mùa đông heo hút đã đến.

Hôm đó, tuyết trắng phau phau, chất đầy công mái, sân chùa, càng về chiều khí lạnh càng toát, thấu đến xương tủy. Bỗng có tiếng gõ cửa : Cách cách cách...

- Ai ? Hòa thượng lớn tiếng hỏi :

- Lão Hòa thượng ! Lão Hòa thượng ! Ở ngoài có tiếng trả lời.

Hòa thượng lấy làm kỳ dị, tự nghĩ : "Quái lạ ! Đêm đông lạnh lẽo như cắt ruột thế này mà còn có ai đến gọi ta ?" Tuy nhiên, chân Hòa Thượng đã như chiếc máy tiến tới sát cửa.

Chiếc cửa mở ra, ngó đâu chú hồ ly đang ngồi thu hình vào khe tường, ngoài trời, những tràng gió bắc vù vù thổi tới, đập vào cánh cổng ầm ầm. Khí lạnh thấu xương, chú hồ này toàn thân rung lên lay bẩy, thật là run như cây sậy !

- Té ra là mi, tội nghiệp ! Đêm hôm giá lạnh tới đây làm gì ? Hay là có chi cần đến bàn Tăng này chăng ? (Hòa thượng xúc cảnh sanh tình mà phát lên lời này, chứ ai chẳng biết rằng loài vật đâu có biết nghe tiếng người).

Nhưng thật lạ lùng ! Hồ ly này biết nghe và nói tiếng người nữa. Nó nghe Hòa thượng nói xong, liền quỳ xuống sát đất thưa với Hòa thượng :

- Lão Hòa thượng ! Hòa thượng không nhận ra con sao ? Con ở ngay phía sau núi này, hiện nay tuổi mỗi năm mỗi già, thân thể gầy ốm, không chịu nổi được sức rét của trời đông này ở trong hang, nên con đến đây trông ơn Hòa thượng từ bi cứu khổ, cho con được vào trú tạm

thời đêm nay và đốt lửa hong cho đỡ rét, phòng có được không ?

- Được, được. Vào đi !

Vị Hòa thượng từ bí này đưa hồ ly vào bếp, lấy luôn củi nhóm lửa cho hồ ly sưởi, và bảo hồ ly :

- Củi này của đồng bào thôn trang đem ra cho bản Tăng chuẩn bị mùa đông ngay từ khi trời thu mới bắt đầu. Nhưng bản Tăng nghĩ rằng sưởi một mình thì phí quá, nếu là hai người thì số củi cũng chỉ tốn như thế mà thôi. Vậy hồ ly đừng e ngại, lần sau cứ lại đây sưởi chung với bản Tăng nhé !

Hồ ly nghe câu này, cũng cảm tạ lòng thương người của Hòa thượng, thì gật đầu lia lịa.

Hòa thượng lại hỏi hồ ly :

- Xưa nay bụng đói hay làm tăng cơn rét. Chắc rằng hồ ly đói lắm phải không ? Đây bản Tăng còn cơm, bản Tăng đem ra cho hồ ly ăn, nghe không ? Nói rồi, Hòa thượng lấy ra một bát cơm lớn đưa hồ ly.

Hồ ly đỡ lấy cơm nét hoan hỷ lộ ra ngoài mắt, làm chiếc đuôi ngoe ngoáy lên trời, và chỉ nháy mắt, bát cơm to lớn đã trút hết vào bụng chỉ còn trơ lại chiếc bát.

Cơm no, sưởi ấm, hồ ly dần dần trở lại trạng

thái bình thường, tưởng đến giấc ngủ ngon liền từ biệt Hòa thượng mà về hang của mình.

Hòa thượng tươi nét mặt đáp :

- Hồ ly có tính quen ngủ trong hang, bàn Tăng cũng chẳng cần giữ lại ở đây. Duy tiết trời kỳ này lạnh lắm, vậy thường thường lại đây mà sưởi ấm nhé !

Từ hôm đó trở đi, chiều nào hồ ly cũng lại chùa sưởi ấm với Hòa thượng. Có một chiều nọ, hồ ly lụm cụm vác một cây củi lớn trên lưng đem lại đưa Hòa thượng.

Hòa thượng cười, khuyên :

- Hồ ly ! Bàn Tăng khen trí thức hồ ly mỗi ngày một mở mang, đã biết nhặt cây khô đem lại sưởi ấm, bàn Tăng rất cảm ơn. Tuy nhiên, hồ ly nên để ý chó bê bẫy cây cối của vườn người. Người ta đánh chết đấy !

Chẳng bao lâu đông tàn xuân tới, những mảng tuyết trắng phau chất đầy ngọn núi đã tan hết, để lộ cảnh cây trơ trụi đã bắt đầu lú nhú mầm non. Khí tiết cũng đổi thay với một ôn độ ấm áp như trả về bình thường cho vạn vật.

Một buổi chiều nọ, hồ ly gặp mình xuống đất nói với Hòa thượng :

- Lão Hòa thượng ! Con được bóng từ bi che chở, nếu không thì đã chết rét ngay từ đêm mùa đông vừa rồi ! Cái ân ấy to tát lắm thay, con chưa biết gì báo đáp. Vậy xin Hòa thượng có cần chi, nói cho con biết, để con tận lực làm theo ý muốn của Hòa thượng.

- Không, không, hồ ly không cần để tâm điều đó làm gì ! Bàn Tăng hiện nay, không cần chi hết.

Hồ ly từ tạ trở ra, nhưng trong lòng vẫn thắc mắc phải có dịp báo đáp được ân tình của Hòa thượng đã ban cho mới thôi, mặc dầu Hòa thượng có nói là không cần đến.

Qua mấy hôm sau, hồ ly lại đến. Trong lúc vui chuyện, Hòa thượng bất giác buột miệng than thở với Hồ Ly :

- Bàn Tăng trụ trì ở ngôi chùa nhỏ bé này đã 60 năm nay, đội ơn từ bi của Phật Tổ, và nhờ sự thôn trang ủng hộ. Nhưng 60 năm, ngôi chùa đã dần dần hư hoại, cần phải sửa chữa, tượng Phật cũng cần phải thếp vàng. Bàn Tăng nghĩ rằng, trong đời Bàn Tăng còn sống đây, thế nào cũng phải lo sửa chùa, tồ tượng, và mời thôn trang lại thọ trai một bữa để tỏ tình cảm tạ mới hả lòng này.

- Thế sao Hòa thượng không khởi sự ngay đi ? Hồ ly nghe thơ hỏi :

- Cái đó phải đợi lúc nào trong tay có được vài lượng vàng mới nói chuyện khởi sự được. Còn bây giờ, dù có nghĩ, cũng chỉ là không tưởng mà thôi !

Hòa thượng nói đây, chỉ là rối rắm bàn chơi, không ngờ hồ ly cúi đầu trầm trầm tỉnh tỉnh nghe Hòa thượng nói hầu như ngây ra không còn cử động, khiến cho Hòa thượng rất hối hận cho lời nói của mình, muốn đánh lảng sang chuyện khác, nhưng hồ ly vội vàng cáo biệt.

- Hòa thượng ! Con cần phải về, xin hẹn một buổi khác sẽ lại. Kính chào Hòa thượng.

Mấy ngày sau, không thấy Hồ ly tới chùa. Hòa thượng trong lòng nghĩ : có lẽ trời đã ấm, không cần sưởi nữa, nên hẩn không lại, nhưng nếu quá vì đó mà hẩn không lại thì cũng là thường, chuyện vài lượng vàng mà ta vô tình buột miệng nói ra, khiến hẩn không kiếm được mà mắc cỡ không lại thì đó cũng là thường không đáng quan tâm. Ta chỉ sợ, hẩn đi ăn trộm ăn cắp vàng của người khác, rồi bị đánh chết thì mới là tội nghiệp quá.

Vì Hòa thượng từ bi này nghĩ như thế thì trong lòng nổi lên hối hận, yên trí hồ ly không còn sống ở cõi đời này nữa, nên cứ sớm chiều hai buổi gắng sức tụng kinh, niệm Phật cầu cho Hồ ly kiếp sau

không phải dọa vào loài súc sinh, mà được chuyển sang làm người.

Thời gian thấm thoát như nước chảy dưới cầu. Chớp mắt trời qua đã ba năm có lẽ. Vị Hòa thượng cũng đã tám, chín mươi tuổi và vẫn trụ trì ở chùa này.

Một buổi trời mùa hạ, vào khoảng đêm lặng canh tàn, vầng trăng ngà treo lơ lửng trên không tỏa ánh êm dịu xuống khắp khu chùa. Trong bờ lau, bụi cỏ, các côn trùng đang cùng nhau hòa khúc nhạc du dương, Hòa thượng toan đi nằm, thì ngoài cổng bỗng lại có tiếng gõ và tiếng gọi :

- Lão Hòa thượng ! Lão Hòa thượng !

Hòa thượng lắng nghe, trong đêm im lặng, rõ là tiếng hồ ly, liền mau mau ra mở cửa.

À ! Hòa thượng như trút được mối ưu tư trong mấy năm trường - quả nhiên là hồ ly ! Thế ra hồ ly vẫn còn sống ? Mừng quá ! Mừng quá ! Mau vào đây !

Hòa thượng vuốt đầu hồ ly, cả hai cùng rướm rướm mắt cảm động về sự lâu ngày cách biệt, nay bỗng trùng phùng.

Hồ ly cầm tay Hòa thượng rồi đặt vào lòng bàn tay một thỏi vàng.

Hòa thượng ngạc nhiên, hỏi Hồ ly :

- Cái gì đây ? Làm sao mà có được của này ? Hồ ly đem ngay đi nơi khác, đâu trả về đây, chớ có tham lam, phải tội !

Hồ ly đặt thoi vàng xuống giường từ tốn giải bày :

- Ba năm trước đây, Hòa thượng có còn nhớ câu chuyện cần vài lượng vàng để sửa chùa, tô tượng, cùng thết cơm chay không ? Từ đó đệ tử vốn có ý niệm đi lấy trộm của người đem về cúng dường, nhưng nghĩ rằng Lão Hòa thượng là một vị cao Tăng đạo đức, đâu chịu nhận của như thế, nên con phải rút lui ý đó mà theo người ta vượt qua bể sang đảo Kim Sa, ở đấy có mỏ vàng nhân dân đang khai mỏ lấy vàng, nhưng dù sao vẫn còn tí chút vàng rơi vãi lẫn vào cát, con liền cố công nhặt kỹ luôn trong ba năm, được một số ngàn này đây, con đốt củi nung cho vàng chảy liền với nhau và đem về cúng dường Hòa thượng để khởi sự sửa chùa, tô tượng, thiết trai như ý Hòa thượng mong mỏi.

Hồ ly nói xong, nhặt thoi vàng đặt vào lòng bàn tay Hòa thượng.

Hòa thượng quá cảm động, bất giác ứa lệ, không phải ứa lệ vì mừng được vàng, mà ứa lệ thấy hồ ly có tín tâm, không quản ngàn dặm, vượt bể mót

vàng luôn trong ba năm biết bao là lao khổ, biết bao là bần gan nhần chí, thật là cái tinh thần ấy, cái nghị lực ấy, cái tín ngưỡng sắt đá ấy mới khiến cho Hòa thượng nhỏ lệ và cứ để thoi vàng đặt trên lòng bàn tay run run như thế mãi hàng giờ không hạ xuống.

PHẠM NGỌC KHUÊ

*

"Con người không phải là một vị Thánh, cũng không phải là một con thú, nhưng là cả hai. Vậy thì con thú cũng có thể là Người, cũng có thể là Thánh"

Trư hòa thượng

Ngày xưa, ở một ngôi chùa nọ, vị thiền sư trụ trì nuôi một con heo lâu năm. Tuổi heo xấp xỉ tuổi đạo của nhà sư, và cả đại chúng kể từ vị trụ trì sự tăng trở xuống đều phải nhường heo về khía cạnh thâm niên nọ. Do đó vị trụ trì đặt cho heo một biệt danh là Trư hòa thượng.

Trư hòa thượng chỉ việc ăn, nằm và bài tiết (để lấy phân bón cho vườn chùa) nên rất mập mạp đến không ngồi dậy nổi. Tuy nhiên mỗi khi tiếng hồng chung của chùa vang lên vào chiều tối hoặc canh khuya, Trư hòa thượng đều cố ngóc đầu dậy một cách mệt mỏi. Nhân đây mà thiền sư rất yêu mến Trư hòa thượng thường chỉ cho chúng xem, bảo :

- Các con thấy đó, loài súc sanh cũng có Phật tánh, chớ khinh thường.

Một hôm thiền sư có việc phải đi xa vài hôm. Ngài cho hợp chúng căn dặn :

- Trong khi tôi đi vắng, lẽ Trư hòa thượng có

viên tịch, thì các ông hãy cắt thịt, chia cho láng giềng mỗi nhà một miếng. Hãy nhớ làm theo lời dặn của tôi.

Dại chúng lấy làm quái dị về lời dặn của Thầy, nhưng không dám hỏi, cứ vâng dạ lãnh tôn ý. Có lẽ họ nghĩ rằng Thầy quá lo xa, Trư hòa thượng không bệnh hoạn gì chưa chắc đến nỗi chết. Nhưng ngờ đâu Thầy vừa đi vắng một hôm thì Trư hòa thượng ngã lăn ra chết. Dại chúng bây giờ thật khó xử nếu làm theo lời Thầy dặn thì sợ dơ dỉ nghị, nhất là trong khi vắng Thầy. Lỡ người ta nghĩ chúng Tăng nhân Thầy không có nhà đã làm thịt con heo, rồi vì ăn không hết mà đem biếu thì sao ? Thầy tri sự sau khi hội ý toàn thể đại chúng, quyết định đem mai táng Trư hòa thượng sau vườn chùa, rồi Thầy về sẽ sám hối sau.

Khi thiền sư trở về, hỏi ra mới biết chúng không làm theo lời dặn Ngài dạy :

- Thế là các ông làm lỡ việc ta rồi.

Khi đại chúng thưa hỏi, Ngài kể :

- Trư hòa thượng chỉ còn một kiếp cuối cùng là được giải thoát. Trong kiếp cuối ấy, Trư hòa thượng phải chết vì nạn "loạn đao phân thân". Nhờ có túc duyên mà Trư hòa thượng được thoát nghiệp ấy trong lúc sống, nhưng định nghiệp

không thể không trả. Do đó mà ta muốn giúp Trư hòa thượng trả xong định nghiệp bằng cách phân thân ông ta sau khi chết. Được vậy khỏi thọ sanh kiếp khác. Nhưng bây giờ vì các ông không làm theo lời ta, Trư hòa thượng sẽ phải luân hồi trở lại để trả cho xong định nghiệp.

Đại chúng nghe lời Thầy dạy đều lấy làm hối hận. Đại sư an ủi :

- Không hề gì, rồi đây các ông lại còn duyên gặp lại Trư hòa thượng.

Thời gian trôi qua nhanh chóng. Thấm thoát đã hơn 20 năm kể từ ngày Trư hòa thượng viên tịch. Một hôm, vị trụ trì mới, đệ tử trưởng kế vị thiền sư sau khi Ngài viên tịch tiếp đón vị quan huyện trẻ tuổi vừa tới nhậm chức tại địa phận chùa nhà. Quan đi quanh chùa thăm viếng tỏ ý lưu luyến như một vị cố nhân. Quan có cảm tình đặc biệt với tất cả đại chúng, và từ đấy mỗi lúc rảnh rỗi việc quan, ông lại tới chùa đàm đạo với chư Tăng.

Mỗi đạo tình đã đầm thắm ấy kéo dài thời gian cho tới một ngày...

Tin đồn quan huyện bị triệu về kinh đô vì một vụ án phản nghịch, và ngay sau đó đem ra giữa chợ phân thân, được loan đi rất nhanh đến chùa. Chư Tăng bàng hoàng sững sốt, thương cho số

phận quan huyện nhân từ, người bạn chí thiết của cả đại chúng. Tại sao một con người tốt như quan huyện lại phải chịu một cái chết thê thảm như kia ? Chư Tăng ngậm ngùi tự hỏi. Nhất là vị trụ trì người kỳ cựu nhất ở chùa, người ngày xưa đã từng săn sóc Trư hòa thượng từ lúc tập sự xuất gia đến khi Trư hòa thượng chết, và bây giờ là người bạn thân của tri huyện, vị trụ trì buồn bã mất mấy ngày.

Vào một thời tọa thiền, Ngài bỗng thấy quan huyện mỉm cười hòa nhã và một âm thanh nhẹ như hơi gió thoảng bên tai Ngài :

- Tôi là Trư hòa thượng ngày xưa, xin đến vĩnh biệt Thầy và tạ ơn tri ngộ.

Vị trụ trì bàng hoàng dụi mắt nhớ lại tất cả chuyện xưa nay.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Đừng mất thì giờ để sửa lại cho thẳng cái bóng của một cây cong".

Sự tích con muỗi

Có hai vợ chồng nhà nọ yêu nhau rất mực. Ngày mới lấy nhau, họ đã từng ăn thề hẹn không bỏ nhau. Nếu không may một trong hai người chết đi thì người kia sẽ chết theo để xuống Âm ty cho có bạn.

Sau đó không bao lâu, người vợ trẻ tự nhiên bị cái chết mang đi một cách đột ngột. Người ta không thể tả được cảnh đau thương của người chồng. Anh chàng đã mấy lần toan tự tử, nhưng bị người nhà ngăn trở và canh phòng ráo riết. Hôm sắp sửa cất đám bỗng có một đạo sĩ đến bày cho chàng phép cải tử hoàn sinh mà theo lời ông ta, đã từng có nhiều người dùng phép đó cứu người chết sống lại. Phép của ông ta rất giản dị, chỉ cần người sống gan dạ và kiên trì một chút là được. Nghĩa là người sống mỗi ngày ba lần ôm ấp và truyền hơi ấm của mình cho tử thi. Làm luôn như thế không nghỉ ngày nào, chỉ trong khoảng ba tháng mười ngày là người chết sống lại.

Người chồng cảm ơn đạo sĩ và làm đúng như lời dặn, hy vọng đưa người yêu trở lại cõi thế. Anh ta ngày ngày ôm ấp vợ, truyền sức nóng, hơi thở của mình vào cái xác đã lạnh toát.

Nhưng sau đó ba ngày, mùi thối của tử thi bay ra khắp xóm làm cho mọi người không chịu được. Họ kéo nhau đến nhà bắt anh phải chôn lập tức.

Bất đắc dĩ, người chồng nhờ xóm giềng chặt nứa làm giúp một cái bè để mình đưa xác vợ đi một nơi khác. Nhiều người vui lòng giúp anh chàng trong việc này. Chỉ trong nửa ngày, hắn đã chở xác người yêu đi biệt.

Chiếc bè theo dòng nước trôi mãi. Người chồng vẫn ngày ngày ấp ủ vợ. Cái tử thi đó trông vẫn như người nằm ngủ. Lòng anh chàng tràn trề hy vọng. Đến một nơi kia, anh ta cắm bè lại kê một bãi cỏ rộng, lên bộ nấu ăn.

Tỉnh cờ trong khi đi nhặt củi anh ta gặp một ông cụ già. Nhìn thấy ông cụ chống gậy đi một mình giữa cảnh trời nước hoang vu, lại râu tóc trắng xóa, hình dung không có gì lạ, chàng trẻ tuổi lấy làm ngạc nhiên. Hắn đang suy nghĩ thì thoáng một cái ông cụ đã đứng trước mặt. Hiếu ngay đó là bậc Tiên Phật, hắn vội phục xuống chân cụ già rồi kể lể sự tình, cuối cùng không quên

cầu khẩn ông cụ xin làm cho vợ mình sống lại. Thấy hần nài nỉ hết sức, đức Phật - vì chính cụ già đó là Đức Phật - theo xuống bà, bảo hần chích máu ngón tay nhỏ ba giọt vào miệng vợ. Tự nhiên người đàn bà mấp máy môi rồi từ từ ngồi dậy như vừa tỉnh một giấc mơ. Đức Phật trước khi ra về có hỏi người vợ :

- Anh chàng này cho vay ba giọt máu để người được hồi sinh. Vậy nhà người có yêu anh ta chăng ?

Trước câu thề bồi nặng nề của người đàn bà, đức Phật bảo :

- Không can gì. Nếu không yêu nữa thì chỉ có việc trả lại ba giọt máu cho anh ta thôi.

*

Thấy bọn họ nóng lòng trở về quê hương, Đức Phật gọi một con cá sấu khổng lồ từ dưới nước lên bảo chờ họ đi.

Cá sấu vượt sông được nửa ngày đường thì bụng đã đói. Nó bảo hai vợ chồng lên bộ để nghỉ ngơi để cho nó đi tìm cái ăn. Hai vợ chồng dắt nhau vào quán cơm. Trong quán hôm đó có một người khách thương sang trọng. Hần ta thấy nhan sắc người vợ

điểm lệ ít có ai sánh tày thì bỗng nảy âm mưu chiếm đoạt. Hắn lên la lại gần, đưa các mẫu hàng tơ lụa và đồ trang sức ra chào khách. Tuy chào khách nhưng kỳ thực là để tán tỉnh người đàn bà đẹp. Hắn nói trong thuyền hắn đậu ở gần đây còn có nhiều món hàng nữa rất quý và rất rẻ, hắn mời họ xuống xem.

Nhưng người chồng thì chẳng thiết một tí nào. Cơm nước xong, chàng bỏ mặc người khách thương dắt vợ ra bến vắng, ở chỗ hẹn với cá sấu, ngồi đợi. Họ ngồi dưới bóng cây trò chuyện một chốc rồi vì mệt quá, ngủ quên lúc nào không biết. Họ cũng chẳng ngờ rằng sau lưng họ, người khách thương kia vẫn theo hút không rời. Khi thấy hai người nằm ngủ, hắn đi nhẹ nhẹ đến thức riêng người vợ dậy, mời nàng xuống thuyền đậu kề đó để hắn biểu một món trang sức rất đẹp. - "Thuyền của tôi chỉ cách đây mười bước. Bà không phải đợi lâu đâu !" Nghe nói thế, lòng người đàn bà bỗng chuyển động. Nàng đứng lên, đi theo người khách thương xuống thuyền, bọn thủy thủ nhổ neo và giong thuyền chạy mất.

Lại nói chuyện cá sấu lúc ngồi lên chỗ hẹn thì thấy chỉ có một mình người chồng, bấy giờ vẫn đang ngủ say. Cá sấu thức hắn dậy hỏi chuyện. Anh ta ngỡ ngác không hiểu thế nào. Một mắt

mười ngò, hấn đổ tội cho cá sấu đã ăn thịt mất vợ mình. Để giải mối ngò, cá sấu mới bảo hấn kiểm cây lườn qua miệng mình, khua trong dạ dày xem thử cho biết. Anh chàng làm theo, chỉ thấy trong bụng cá sấu toàn là xương cá và đá cuội, mới biết mình ngò sai. Tìm khắp mọi nơi chẳng thấy vợ, hấn trở về bến, ôm đầu kêu khóc rất thảm thiết. Cá sấu thương tình bèn bảo hấn cưỡi lên lưng để nó chở đi đuổi theo những chiếc thuyền vừa qua lại ngang đây, dò tìm tung tích. Sau mấy lần dò hỏi, người ta cho biết một chiếc thuyền buồm vừa đi qua có một người đàn bà trẻ và đẹp. Họ tả nét mặt và hình dạng thì đúng vợ chàng. Cá sấu bèn cố công đuổi riết.

Khi nhìn thấy vợ ngồi trong thuyền khách thương, người chồng nói vọi vào :

- Nàng cứ nhẩy ra đây... tôi không thể sống xa nàng được... Tôi sẽ làm cho nàng sung sướng...

Nhưng người vợ bảo chồng :

- Chàng về đi ! Em đành phụ chàng. Chàng tha thứ cho em vậy.

Rồi đưa ra cho chồng một gói vàng :

- Chàng nhận lấy cái này và coi như em đã chết từ hôm nào rồi.

Vừa bực tức vừa thất vọng, chồng ném gói vàng xuống nước nhờ cá sấu đưa mình trở lại tìm Đức Phật. Khi Đức Phật gặp bọn họ, liền giục cá sấu hổi há rượt theo chiếc thuyền của khách thương để cho anh chàng thất tình đòi lại ba giọt máu của mình.

Lại nói chuyện người đàn bà sau khi chích máu ở tay để lấy ra ba giọt trả nợ cho chồng thì ngã vật xuống chết ngay. Người khách thương hết sức chữa chạy nhưng vô hiệu. Rồi đó hắn ném xác nàng xuống biển. Nhưng do phép màu của Đức Phật, người đàn bà ấy hóa thành con muối. Vì thiếu máu, nên lúc nào muối cũng lén lút đi chích trộm của mỗi người một tí để sống.

NGUYỄN ĐỒNG CHÍ
Truyện cổ Việt Nam tập II

*

Luân hồi vay trả, trả vay
Có vay có trả có sai bao giờ!

Phước Huệ song tu

Vào thời Đức Phật Ca Diếp, tại một thôn kia có hai anh em nhà nọ đều xuất gia làm Sa môn.

Hai anh em cùng xuất gia tu hành, người anh thì siêng năng thiền định, giữ giới, một lòng mong cầu giải thoát, nhưng tâm tánh bôn xôn không chịu bố thí. Ngược lại, người em thường thực hành hạnh bố thí, làm phước, nhưng lại giải đãi không chịu tu tập thiền quán. Trải qua nhiều kiếp, đến đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, người anh sanh lại làm người, gặp Phật xuất gia học đạo. Chẳng bao lâu diệt trừ lậu hoặc chứng quả A La Hán, nhưng vì kiếp trước ngài chẳng thực hành hạnh bố thí, nên ngày nay thường hay túng thiếu.

Trong lúc đó, người em lại bị sanh vào loài voi, được nhà vua đem về cung huấn luyện, vua rất mực thương yêu, ăn uống đầy đủ, dùng đủ thứ gấm vóc, vàng bạc, ngọc ngà, trang sức cho voi, thật cực kỳ lộng lẫy.

Một hôm thầy Sa môn đi khát thực, ngang qua cung vua, nơi vườn thượng uyển, thấy con voi của vua, thầy Sa môn biết được tiền kiếp của voi chính là em mình, liền đi đến bên voi, vuốt ve rồi bảo rằng :

- Ta cùng với ngươi đều có tội !

Voi nghe người anh nói, liền nhớ được tiền kiếp, bỗng sa nước mắt, buồn rầu bỏ cả ăn uống.

Bấy giờ lão chăn voi, thấy voi buồn rầu bỏ ăn, nên sợ hãi vào tâu với vua :

- Tâu Đại vương, chẳng biết vì sao voi buồn rầu bỏ cả ăn uống.

- Có ai đến quấy rầy voi không ?

- Chẳng có ai cả. Duy khi sáng có một vị Tỳ kheo mang bát khát thực, đi ngang qua đây, đến bên voi vuốt ve rồi đi.

Nhà vua liền hạ lệnh cho quân lính đi tìm vị Sa môn ấy. Tìm kiếm khắp nơi, đến trưa quân lính mới gặp thầy ở khu rừng, đang tọa thiền dưới gốc cây, liền bắt đem tới trước vua. Vua hỏi :

- Khi sáng Ngài có đến vuốt ve con voi của tôi ?

- Thưa vâng.

- Ngài đã nói những gì với nó ?

- Tôi chỉ vuốt ve rồi nói : "Ta cùng với người đều có tội".

Rồi vị Tỳ kheo thuật rõ nhân duyên kiếp trước của mình và voi cho vua nghe...

GIỚI ĐỨC

*

"Tu phước không tu huệ thì chỉ giàu sang phú quý,

Tu huệ không tu phước thì thông minh nhưng nghèo túng".

Quạ cú thù nhau

Xưa kia có một đàn quạ và một đàn cú, hai bên thù oán nhau. Quạ đợi đến ban ngày, biết hẳn là cú không trông thấy gì, chiêu tập tất cả đàn kéo nhau tới chỗ cú ở, dầy xéo tàn sát cú lấy thịt ăn.

Cú cũng lại đợi đến đêm biết là quạ không trông thấy gì, liền kéo nhau đến chỗ quạ ở đánh cả đàn moi lấy ruột ăn.

Một bên sợ đêm một bên sợ ngày, hai bên cùng nơm nớp sợ lẫn nhau không biết làm thế nào chấm dứt tình trạng khốc liệt đó được.

Bấy giờ trong đàn quạ, có một con khôn nhất, bảo tất cả các con kia rằng : Mỗi thâm thù này đã gây ra, quyết không thể nào mà giải cứu được, nếu cứ kéo dài mãi tình thế này, thì có ngày phải tiêu diệt hết, không thể nào mà còn cả hai bên cùng hoàn toàn được.

Nay ta cần phải tìm cách tiêu diệt hết bọn kia,

không còn mống nào, thì sau này chúng mình mới có thể hưởng những sự yên ổn được, nếu không thì thế nào cũng sẽ bị bại.

Cả đàn nghe đều cho là phải, nhưng chưa biết làm cách nào mà tiêu diệt hết bọn cú, là những kẻ thù chung, không thể đội cùng một trời với nhau được.

Con Quạ khôn kia lại bảo cả đàn rằng : nay tất cả đàn hãy nghe tôi, xúm lại đánh cho tôi sây sát mình mấy đầu óc, xơ xác lông cánh đi, làm cho máu me chảy ra, rồi tôi sẽ tìm cách tiêu diệt chúng.

Bàn xong làm đúng như thế. Khi con Quạ kia bị thương rồi coi hình thể rất tiêu tụy, lân la đến trước cửa hang chỗ Cú ở, kêu ra những tiếng nghe rất rầu rĩ có lúc hình như tắt thở.

Cú nghe tiếng chạy ra hỏi, vì có gì mà thân thể xác xơ tiêu tụy đau đớn như thế và đến đây có việc gì ?

Quạ vừa rên vừa đáp : Tất cả đàn tôi nó oán ghét tôi, nó đánh đập tôi, nó đuổi tôi đi, nay tôi bị bơ vơ không biết nương tựa vào đâu, tôi đến đây ước mong các bạn sẽ thương tình mà cứu giúp cho, tôi được cảm ơn, nếu tôi sống qua được lúc này thì không bao giờ tôi dám quên.

Con cú ra trước trông thấy thế, nghĩ tình nên thương liền bảo cho các con kia biết.

Các con kia đều nói : Đây là kẻ oán gia ở gần còn không được hưởng chi là ở chung và nuôi thì chả hóa ra là giúp sức mạnh cho quân thù đó hay sao.

Con kia nói : Nay vì bị khổ sở nên mới đến cầu cứu ta, và lại nó có một thân một mình, thì nó còn làm gì mà sợ.

Bàn xong liền cho Quạ vào ở, hằng ngày cho ăn các thức ăn còn thừa, được ít lâu thân thể lông cánh Quạ lại bình phục khỏe mạnh như cũ, Quạ liền giả cách vui mừng và lập phương kế để hành động.

Ngày ngày Quạ đi tha các cành củi và cỏ khô về chất cả chung quanh hang chỗ Cú ở tỏ ra vẻ để báo ân.

Cú thấy thế hỏi thì Quạ đáp rằng : ở đây toàn là hang đá lạnh, nên dùng các thứ này để ngăn gió rét.

Cú cho thế là phải cứ để mặc Quạ làm. Bấy giờ Quạ lại xin canh gác ở ngoài cửa để đền ơn bấy nay nuôi nấng. Quạ vẫn luôn luôn săn sóc hầu hạ canh gác ở ngoài cửa hang.

Thu qua đông tới, tiết trời thay đổi, tuyết bay

phủ khắp mọi nơi, gió bắc thổi rất mạnh, khí lạnh buốt thấu xương, rét run không được.

Tất cả chung quanh đây có bao nhiêu Cú đều vào hết cả trong hang.

Qua gặp được dịp may hiếm có, cơ hội thuận tiện rất lấy làm mừng, ra ngay chỗ lữ trề chần bỏ đốt lửa sưởi hầy còn cháy dở, tha ngay một thanh củi còn than cho vào đồng củi và củi khô đã chứa sẵn, nhờ sức gió thổi mạnh chỉ trong chốc lát mà cả đàn Cú đều bị tiêu diệt hết.

TRÍ HẢI

*

"Dò sông dò biển dễ dò,
Nào ai bẽ thước mà đo lòng người"

Vô duyên với Phật thì không được Phật độ

Trong thời Đức Thích Ca còn tại thế, khi đó có ông Trưởng giả tên là Tu Đạt, ông Trưởng giả này có một bà lão già tên là Tỳ Đề La để coi giữ nhà cửa, tất cả kho tàng vàng bạc... cũng đều tin cậy phó thác gìn giữ. Nhân một hôm ông Trưởng giả thỉnh Phật và chúng Tăng để cúng dường. Những vị Tỳ kheo có bệnh thì ông lại phải dùng mọi thứ thích nghi để cung cấp cúng dường.

Bà lão ở thấy vậy sanh lòng tham ghen ghét mà nói rằng : "Ông Trưởng giả nhà này thật là ngu si mê hoặc, đến nỗi xin thụ giáo qui y cả những Sa môn đi khát thực, có đạo nào mà như vậy".

Bà ta lại sanh ra ý niệm : "Không muốn nghe thấy cái tên Tam Bảo nữa".

Hoàng hậu của vua Ba Tư Nặc là Mạt Lợi phu nhân nghe biết chuyện đó, liền nói : "Ông Tu Đạt Trưởng giả này thương mến bà lão ở như thương

yêu nàng Liên Hoa kiều diễm vậy". Tức thời sắc cho ông Trưởng giả Tu Đạt phải sai vợ đến châu Hoàng hậu".

Trưởng giả phu nhân đến nhà vua kính lễ Hoàng hậu và tâu rằng :

- Kính thưa Hoàng hậu, người ở nhà tôi quá thật ác khẩu, bất tín phi báng Tam Bảo.

Hoàng hậu nói :

- Sào không đánh đập đuổi đi ?

Trưởng giả phu nhân thưa :

- Tâu Hoàng hậu : Đức Phật là cha của tất cả chúng sanh, thương tất cả như con đỏ, Ngài coi kẻ oán người thân như ruột thịt, huống người ở già này mà Ngài lại không thương ? Ta là con Phật, há còn đánh đập làm chi.

Hoàng hậu nghe Trưởng giả phu nhân tâu rồi, tâm rất hoan hỷ mà nói rằng :

- "Tôi muốn thỉnh Phật và Chúng Tăng, bà nên sai người ở ấy đến trợ giúp việc cúng dường cho tôi, trước khi Phật và Chúng Tăng đến".

Ông Trưởng giả liền sai người ở đem vàng bạc đến giúp nhà vua để cúng dường Phật và chúng Tăng.

Khi Đức Phật và Chúng Tăng tới cửa nhà vua, thì người ở kia thấy rồi tâm sinh ra buồn rầu tức thời muốn bỏ chạy đi. Đức Phật ở trước người kia, gơ tay hóa thành 10 Đức Phật, thần tướng trang nghiêm phóng ra hào quang sáng lớn, mỗi Đức Phật lại nói ra mọi pháp môn nhiệm.

Người ở kia ra về lại sợ thấy Phật nên không dám đi, Đức Phật bảo người đó rằng : "Người thật là vô duyên đối với ta, ta lấy Phật nhãn xem biết người chỉ có duyên với ông La Hầu La mà thôi".

Đức Phật dùng Phạm âm sai ông La Hầu La qua để hóa độ.

Bấy giờ ngài La Hầu La thừa sức uy thần của Phật dùng thần túc bay đi trên hư không mà đến, khi người ở thấy ngài La Hầu La có sức thần thông tự tại từ trên hư không mà xuống, tâm sinh ra rất vui mừng chưa từng có, liền cầu xin quy y.

Bấy giờ Ngài La Hầu La vì thương người ở kia mà nói các pháp cho nghe, nghe rồi xin thọ Tam quy, ngũ giới, liền chứng được sơ quả Thánh nhân Tu Đà Hoàn.

TÂM MINH

Thần người khó được, Phật Pháp khó nghe,
Chúng Tăng khó gặp, Tín tâm khó sanh...

Bà lão kỳ dị

"Tâm phàm phu xoay vần theo ngũ dục xoay động không thể nắm bắt. Chỉ những người nào điều phục được tâm mình mới được yên vui"

Câu thứ 35 trong kinh pháp cú có duyên khởi như sau :

Thuở Phật còn tại thế, trong xứ Kiều Tất La có một khu làng, nằm dưới chân núi là Mã Đề thôn. Tại đây có một bà lão sống một mình với một gia tài phong phú. Bà được mệnh danh là Mã Lão mẫu. Vào một ngày an cư sau khi đức Phật chỉ dạy cho chúng Tỷ kheo pháp quán 32 thể trước trong thân, có 60 vị đi đến Mã Đề thôn để thực hành thiền quán. Bà lão cho xây cất một tu viện cho 60 vị ấy cư trú và cúng dường đầy đủ về y phục, thực phẩm, dược phẩm, mền chiếu trong suốt mùa an cư. 60 vị Tỷ kheo ấy muốn tinh tiến tu hành nên cùng đặt ra một qui luật như nhau : Không được hai vị Tỷ kheo đứng hay ngồi tại một chỗ đồng

thời với nhau. Đại chúng chỉ nhóm họp hai lần trong ngày là sáng sớm trước khi vào rừng tọa thiền và chiều tối sau khi ở rừng về, để bái yết vị Thượng Tọa chúng trưởng. Tuy nhiên nếu có Tỳ kheo nào bị bệnh, thì hãy đánh lên một hồi kèn gõ tất cả nhóm lại để lo cho bệnh nhân.

Sau khi thỏa thuận quy luật trên, chúng Tỳ kheo đi vào rừng mỗi ngày. Một hôm bà lão đem thực phẩm tới chùa cúng dường, không thấy ai cả, bà bèn hỏi những người ở xung quanh, làm cách nào để gặp chúng Tỳ kheo. Có người biết quy luật nói trên, bầy cho bà lão đánh kiếng. Tức thì từ trong rừng, các vị Tỳ kheo lần lượt trở về. Bà lão lấy làm quái lạ thấy mỗi người đi từ một hướng, không ai đi chung với ai, nên nghĩ thầm : "Có lẽ các Đại đức có chuyện cái vớ nhau chăng ?" Khi họ đến gần, bà lão hỏi ngay câu ấy, và được trả lời : "Không đâu lão mẩu". Bà lão hỏi :

- Nếu quý vị không xích mích thì tại sao khi tới đây quý vị đi chung, mà bây giờ mỗi người đi mỗi ngã ?

- Lão mẩu, chúng tôi mỗi người ngồi một gốc cây riêng để thực hành một phép quán của Thế Tôn chỉ dạy.

- Thưa quý Đại đức, phép quán gì thế ?

- Lão mẫu, chúng tôi quán 32 thể trước nơi thân.

- Thưa, phép quán ấy chỉ dành cho các vị Tỳ kheo mà thôi hay cư sĩ như lão cũng được tập tành ?

-Ồ, lão mẫu, phép quán ấy ai muốn học cũng được cả, không ai cấm.

- Vậy xin Đại đức dạy cho lão với.

- Được lão mẫu hãy nghe kỹ.

Rồi một Tỳ kheo đảm trách dạy cho bà lão phép quán 32 thể trước trong thân, để đi đến nhận thức rõ ràng về hoại diệt, chết chóc luôn luôn ẩn lặng trong thân mình. Bà lão thuộc lòng ngay phép quán và tinh cần tu tập đến nỗi bà đắc được quả vị thứ ba (bất lai) trong bốn thánh quả, trước các vị Tỳ kheo. Với thiên nhân thiên định siêu nhân, bà quán thấy tất cả những vị Tỳ kheo chưa ai được đạt cái gì, và sau khi quán sát kỹ, bà thấy họ có khả năng chứng quả A La Hán. Khi nhận thấy điều này bà lão quyết định hỗ trợ cho chúng Tỳ kheo đầy đủ về mọi mặt, để họ có thể mau chứng quả. Vị nào thích hợp với món ăn nào, thức uống nào, bà cung cấp đúng nhu cầu của họ. Bà thậm trọng không cúng dường những thực phẩm có vị chua cho người nào yếu bao tử. Vị nào ưa ngủ gục

trong lúc tọa thiền bà lão cũng trà đậm, Vị nào yếu phổi, bà cũng thêm mền và áo lạnh. Trong tâm vị nào tưởng đến món ăn gì, bà lão biết ngay, và đáp ứng. Nhờ sự chăm sóc ấy, sau khi giải hạ, 60 Tỷ kheo trở về bên Phật với sắc diện hồng hào tươi nhuận, và tiến bộ khá hơn trên đường tu.

Phật âu yếm nhìn đàn con trở về và bảo :

- Nay các Tỷ kheo, chắc hẳn các con được an vui, sức khỏe, thực phẩm đầy đủ trong mùa an cư ?

- Dạ thưa vâng, bạch Thế Tôn. Chúng con được an vui, sức khỏe, và khỏi lo gì đến chuyện ăn uống. Bởi vì, có một bà lão ở Mã Đề thôn biết được tận trong tâm chúng con, đến nỗi chúng con vừa ước món gì là có ngay món đó.

Các Tỷ kheo thi nhau kể chuyện về bà lão dị kỳ cho Phật và Tăng ở Xá Vệ nghe. Một vị Tỷ kheo nghe xong, quyết đi đến Mã Đề thôn để thiền định và xin Phật :

- Bạch Thế Tôn cho con đến đó.

Phật bằng lòng, sau khi ra đề tài cho vị ấy thiền quán. Vị Tỷ kheo lên đường đi đến Mã Đề thôn khi đến ngôi chùa của bà lão bỏ văng, vị ấy nghĩ :

"Mình nghe bà lão dường như biết được tâm kẻ

khác. Vậy nay mình vừa mới tới, quá mệt vì đường xa không thể quét dọn chùa. Mong sao bà lão cho người đến quét dọn". Bà lão đang ở nhà riêng, biết được ý ấy, bèn cho một người đến quét chùa. Vị Tỷ kheo lại ao ước trong lòng "Ước chi mình có được ly nước mát lạnh mà giải khát". Bà lão cho người đem ly nước lạnh cho vị Tỷ kheo. Hôm sau, vừa thức dậy, vị Tỷ kheo ước : "Mong sao bà lão dọn cho mình một bữa điểm tâm nhiều bơ và thức ăn ngon lành". Bà lão cho người đem bữa điểm tâm như người ấy muốn. Vị Tỷ kheo suy nghĩ : "Bà lão đã cho ta mọi thứ ta ao ước. Bây giờ ta muốn gặp mặt bà, mong sao bà hãy đích thân đến, mang cho thật nhiều thứ ăn loại cứng loại mềm". Bà lão đi đến chùa cùng với thức ăn cúng dường đúng sở thích của vị Tỷ kheo. Vị Tỷ kheo hỏi :

- Lão mẫu, có phải bà là Mã lão mẫu không ?
- Thưa vâng.
- Bà có tha tâm thông à ?
- Tại sao Đại đức hỏi vậy ?
- Vì bà đã cho tôi mọi thứ tôi nghĩ đến.
- Nhiều vị Tỷ kheo cũng có tha tâm thông.
- Tôi không nói các Tỷ kheo, tôi muốn hỏi bà.

Bà lão vẫn tránh né bằng cách nói :

- Thừa Đại đức đâu cần phải có tha tâm thông mới có thể cúng dường các thứ ấy ?

Khi ấy vị Tỳ kheo bắt đầu hoảng sợ, nghĩ : "Khốn thay" Kẻ chưa chứng như ta thì có khi nghĩ tốt nhưng cũng lắm khi nghĩ bậy. Nếu lỡ có một ý bậy bạ khởi lên, bà lão sẽ tóm lấy cổ ta như tóm bắt một kẻ trộm, và liệng hành lý ta ra khỏi chùa. Ta sẽ bị khốn đốn với bà lão. Chi bằng ta hãy thoát khỏi chốn này.

Nghĩ như vậy xong, vị Tỳ kheo nói với bà lão :

- Đây là bà, tôi muốn rời khỏi nơi đây.

- Đại đức đi đâu ?

- Trở về Thế Tôn.

- Đại đức ở lại ít lâu đã.

- Không, tôi không thể ở lại. Tôi phải đi ngay.

Nói xong, vị Đại đức của chúng ta thu xếp hành lý thoát ra khỏi ngôi chùa bà lão, vừa đi vừa thở phào nhẹ nhõm cả người, như vừa trốn thoát khỏi tử nạn. Khi trở về vườn Cấp Cô Độc, đến đánh lễ Phật, Phật hỏi :

- Sao, con không ở Mã Đề thôn nữa à ?

- Bạch Thế Tôn, bà lão ấy biết hết mọi ý nghĩ trong tâm con, và con nghĩ rằng, kẻ chưa chứng

đạo như con thì có khi nghĩ tốt, nhưng cũng nhiều khi nghĩ bậy, lỡ mà con có ý nghĩ gì xấu, bà lão ấy sẽ tóm lấy đầu con như bắt kẻ trộm, và sẽ làm cho con khốn đốn.

- Con ơi, chính nơi ấy con cần nên cư trú.

- Bạch Thế Tôn, con không thể nào ở chỗ ấy được nữa.

- Nay Tỳ kheo, con có thể chỉ giữ một điều này thôi không ?

- Điều gì, bạch Thế Tôn, con chưa hiểu.

- Chỉ giữ cái tâm của con, không làm việc gì khác nữa.

Sau khi nghe lời dạy của Phật, vị Tỳ kheo trở lại làng bà lão. Với thiên nhãn bà biết được vị Tỳ kheo sắp đắc quả nên càng chu đáo cúng dường để hỗ trợ vị Tỳ kheo chóng đạt được mục đích. Do đó, chỉ trong vài ngày vị ấy đắc quả A La Hán.

Sau khi đắc quả, vị ấy suy nghĩ : "Bà lão ấy quá thực giúp ta rất nhiều. Nhờ bà lão ấy mà ta thoát ly được vòng sống chết. Không biết chỉ trong kiếp này bà ấy giúp ta, hay nhiều kiếp trước cũng vậy ? Vị La Hán nhập định quán sát các tiền kiếp thì biết được rằng trong 99 kiếp trước, bà lão đã làm vợ mình và bà ấy đã ngoại tình với những người

dần ông khác đã làm cho mình phải thất điên bát đảo. Bà lại còn âm mưu giết mạng sống của mình. Khi biết được điều ấy, vị La Hán nghĩ : "Ồ, tín nữ này đã phạm biết bao tội lỗi !"

Bà lão ngồi trong nhà riêng biết được tâm niệm của vị A La Hán. Bà nghĩ thầm : "Vị ấy đang nghĩ về tội lỗi 99 kiếp trước của ta. Nhưng trong vòng luân hồi đã qua, có lần nào ta giúp vị ấy không ? Bà lão nhập định thấy ở kiếp 100 về trước, bà đã cứu mạng sống của vị A La Hán ấy, khi vị ấy là chồng bà. Do đó, bà dùng thần giao cách cảm bảo vị La Hán :

- Hãy quán sát tiếp, đi sâu thêm nữa vào quá khứ.

Bằng Thiên nhĩ thông vị La Hán nghe được hiệu lệnh trên, và tiếp tục quán sát đến kiếp thứ 100 về trước của mình, thì thấy quả nhiên bà lão cứu mạng mình. Vị La Hán nghĩ : "Tín nữ này quả giúp ta rất nhiều". Sau khi nghĩ như vậy, ngay tại chỗ vị ấy nhập Niết bàn Vô dư y.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Ngàn sông con nước lưu giao

Mênh mông muôn dặm nơi nào không trăng

Hư không chẳng vướng mây ngàn

Minh linh hiển lộ màu xanh da trời".

Voi trung nghĩa

Từ kinh thành Ba La Nại, ngược dòng sông Hằng độ ba bốn ngày đường, người ta đi đến một khu rừng rậm của dãy Hy Mã Lạp Sơn. Khu rừng già này có rất nhiều cây gỗ quý. Ven rừng, bên triền sông, một đám nhà lá san sát nhau, đây là một làng nhỏ. Dân làng kể cả đàn ông, đàn bà và trẻ em độ trên vài trăm người. Họ sống về nghề làm gỗ. Họ hạ cây, xẻ ván ghép thành bè chở về bán tận kinh thành. Công việc tuy vất vả nhưng họ kiếm được khá tiền để nuôi miệng họ và cả gia đình.

Một hôm kia, trong lúc mọi người trong làng đang hì hục đốn cây, của gỗ trong rừng, họ nghe có tiếng chân thỉnh thoảng bước đến và tiếng rống đau đớn. Rồi một con voi khổng lồ hiện ra, nhấc bước nặng nhọc trên ba chân. Chân trước bên phải của nó nâng lên khỏi mặt đất bàn chân sưng húp lên. Nó chậm rãi, nhẩn nhẩn, tiến đến gần các thợ rừng, tỏ ý cầu cứu họ. Thấy dáng điệu hiền

lạnh của voi, một người thợ rừng đến gần, vết thương đang làm mù. Cũng khá trầm trọng, nhưng đối với các người thợ rừng quen sống trong rừng sâu và từng gặp những tai nạn như thế, họ thấy không khó khăn gì trong việc cứu chữa cho voi. Họ gỡ gai ra, nặn hết mù, rồi rửa chân voi bằng nước nóng. Họ hái lá, nhai nhỏ, rịt vào vết thương. Voi thấy dễ chịu, nhẹ hẳn đi. Và chỉ còn thời gian là vết thương sẽ lành. Voi gật đầu ba lần tỏ vẻ cảm ơn rồi từ biệt.

Thời gian qua. Người ta cũng không nhớ ra câu chuyện trên đã xảy ra đã bao lâu rồi... Bỗng một hôm, một con voi đã đi vào giữa đám thợ đang làm việc. Phải rồi chính là con voi hôm nọ. Nhưng trông nó mập mạp, tươi trẻ hơn hôm trước nhiều. Vết thương ở chân đã lành hẳn rồi. Nó bước mạnh dạn. Nó đến bên người đã cứu chữa cho nó hôm trước mà quì xuống. Nó tỏ ý muốn giúp đỡ các người thợ rừng để trả ơn họ. Không ai ngờ lại có câu chuyện như thế. Người ta đứng im xem nó làm gì. Voi đứng dậy, đến bên các cây vừa hạ xong, dùng vòi khuan các thân cây to đem đến chỗ của rồi những bó gỗ từ trại của đến bờ sông. Sức khỏe của nó thật là kinh khủng. Nó làm một cách gọn gàng công việc của vài mươi người. Thế là từ đó, trong đoàn thợ gỗ có thêm một năng lực vô cùng

đồi dào và chen vào trong tiếng cưa, tiếng búa đốn cây, lâu lâu lại có tiếng voi rống trầm hùng, vui vẻ...

Năm, tháng trôi qua, sức khỏe của voi không còn như buổi mới đến. Các người thợ rừng cũng thấy rõ điều ấy nên không để voi làm nhiều. Cho nên một hôm voi thấy không thể tiếp tục công việc nặng nhọc được nữa, nó cúi chào mọi người rồi đi lẩn vào rừng sâu. Ai cũng thương nó đã giúp quá nhiều cho họ.

Nhưng đến chiều, voi lại trở về và dẫn theo một con voi trẻ đẹp. Đây là con voi con, chịu tuân theo lời cha, đến đây để thay thế cha nó mà trả ơn cho các người thợ rừng. Thật là cảm động. Nhiều người thợ rừng đã rung rung nước mắt.

Voi con tiến đến gần. Lòng nó trắng như tuyết. Đôi mắt voi sâu, hiền lành và cương quyết. Toàn thân voi như thoát lên một oai lực làm cho mọi người kính nể. Đích rồi ! Voi con là một con voi chính thống. Cũng cần phải nhớ rằng đời xưa, voi chính thống có một thể lực lạ thường trong các trận chiến tranh. Sức khỏe nó, hơi hám nó có thể trong phút chốc làm tan rã bao đàn voi của địch quân để đem lại thắng lợi chắc chắn cho chủ nó.

Voi con làm tất cả công việc trước đây cha nó đã

làm cả ngày. Voi hết sức giúp đỡ các người thợ rừng, rồi đến chiều voi trở về làng chơi đùa với bọn trẻ con sau khi đã tắm rửa sạch sẽ. Mọi người vì thế đều thương mến và kính phục voi.

Có một điều lạ là duy có nhiều lúc phải lẫn lộn ngoài sông nhưng không bao giờ voi đại tiện bừa bãi trong dòng nước. Những đồng phân của voi khi nào cũng tìm thấy ở nơi cao ráo và kín đáo.

Nhưng cuộc đời không luôn bình thường như thế, có một lần trời mưa to suốt ba ngày. Nước sông Hằng dâng lên ngập cả vùng. Nhiều bè gỗ bị nước cuốn trôi phăng. Dân làng bị thiệt hại nhiều, và đến khi nước rút xuống, nước cũng đã rút theo các đồng phân voi. Những đồng phân to này lênh bênh trôi đi và một hôm tình cờ đưa dạt vào bờ, trong đám lau gần kinh thành Ba La Nại. Chỗ này lại là chỗ bày voi của nhà vua thường tắm.

Khi trời nắng ráo lên, bọn quân tượng nhà vua, lại dẫn voi đi tắm. Đến nơi, cả bày voi năm trăm con cùng nhận ra một mùi đặc biệt, mùi của con voi chính thống, một con voi chúa. Cả bày voi dừng lại, không con nào dám xuống nước. Rồi bỗng chúng sợ hoảng lên, dựng thẳng đuôi, cắm đầu chạy trốn mặc sức cho bọn quân tượng tìm hết cách trấn tĩnh chúng, không ai hiểu nguyên do kỳ lạ này. Sau cùng, nhờ kinh nghiệm của một quân

tượng cao niên, họ dự đoán rằng : Tất trong nước sông có điều gì khác thường. Theo ý đó, người ta tìm tòi và thấy được trong đám lau, vật "quý báu" trên kia. Điều này đã làm họ nghiệm rằng trên đây rừng Hy Mã Lạp Sơn phải có một coi voi chính thống. Họ tâu lên nhà vua điều nhận xét của họ. Vua Ba La Nại mừng rỡ vô cùng. Ngài truyền lệnh chuẩn bị thuyền lương để vượt ngược sông Hằng.

Nhà vua đã mất công tìm kiếm nhiều ngày ròng rã. Mãi đến hôm kia nhà vua đến làng của đoàn thợ rừng đông đảo. Nghe vua đến, mọi người đều nghỉ tay, cùng với vợ con họ ra bờ sông để đón tiếp. Có người đã nói với vua :

- Tàu Bệ hạ nếu ngài cần dùng đến gỗ, cần dùng đến chúng con thì không phiền gì Ngài phải đến đây, nhọc thân Ngài. Chỉ cần có lệnh của Ngài là chúng con sẽ đích thân mang đến tận tay Ngài những điều gì Ngài muốn.

Nhà vua không trả lời, chỉ dăm dăm nhìn voi. Nhà vua ngắm kỹ làn trắng tinh bạch của lông voi, đôi mắt cương quyết lạ thường của voi. Một lúc sau vua quay lại các người thợ, nói với họ :

- Điều ta muốn đòi hỏi ở các người không phải là gỗ rừng mà chính là con voi đang đứng đằng kia.

Dân làng ngơ ngác. Nhà vua thiếu gì voi mà phải băng rừng tìm cho được con voi khuôn gỗ của họ. Dâng voi cho nhà vua ? Họ thấy không tiếc cái công sức mà voi đã giúp họ, nhưng họ mến thương cái lòng trung nghĩa của voi. Tuy vậy họ cũng không dám trái ý vua. Riêng dám trề con thì tỏ ý không bằng lòng. Chúng nghĩ đến những buổi chiều trèo lên mình voi, đùa giỡn với voi và chúng muốn khóc rống lên.

Mọi người quay nhìn về phía voi đang đứng im không nhúc nhích. Nó còn món nợ ân nghĩa phải trả đối với thợ rừng. Vua dò được ý voi và hỏi thăm dân làng. Biết được câu chuyện đầu đuôi, nhà vua càng tỏ ý khâm phục voi hơn nữa. Rồi nhà vua sai khuôn vác lương thực dưới thuyền để thưởng tặng cho toàn thể dân làng, tặng cho mỗi người đàn bà 2 đồng để sắm áo quần nói là để trả ơn thay con voi. Nhưng voi chưa chịu đi, nhìn sang các bạn thiếu niên đang âu yếm nhìn về phía voi rơm rớm lệ. Nhà vua đem tiền túi phát cho mỗi đứa bé 1 đồng gọi là chút tình đối với các bạn thân mến của voi. Bọn chúng phải cầm lấy tuy trong lòng không đứa nào thích nhận cái mà hằng ngày chúng mơ ước.

Lúc bấy giờ voi mới chịu bước đi, voi đến gần vua, cúi đầu cảm tạ và chịu đi theo đoàn thuyền để

trở về kinh thành. Trước khi lên đường, voi còn nhìn lại toàn thể dân làng và núi rừng quen thuộc một lần chót, vô cùng lưu luyến.

*

Đến kinh thành nhà vua dành cho voi một sự săn sóc ân cần. Nhà vua gọi voi là voi Dống Mãnh. Rồi tự tay nhà vua thắng cho voi Dống Mãnh bộ giáp trận thật oai vệ. Vua ngồi trên lưng voi, dạo khắp các đường lớn trong kinh thành trước khi đưa voi về nhà riêng của nó. Vua xem Dống Mãnh như người bạn thân thiết và Dống Mãnh thường quần quít bên vua, xem thật hết lòng trung nghĩa.

Ít lâu sau đó, Hoàng hậu có thai. Ngày sanh đẻ gần đến thì một chuyện đau đớn bất thành linh xảy đến : Vua băng hà. Cả triều đình đều nhất trí dẫu không cho voi hay. Người ta sợ tin buồn này sẽ làm tan vỡ tim gan Dống Mãnh.

Liên ngày hôm đó, một tin hung dữ khác lại đến làm náo động cả kinh thành. Đó là tin có quân lính nước Cô Xa La hùng hổ tràn vào, và vua Cô Xa La định nhân cơ hội Ba La Nại thiếu vua, chưa có người kế nghiệp mà muốn tóm thâu đất nước, chiếm đoạt ngôi báu. Quân giặc đã vây chặt kinh thành.

Các cửa thành Ba La Nại đóng kín. Triều đình đã gửi người thương thuyết với vua Cô Xa La hoãn việc tấn công bảy ngày nữa, chờ Hoàng hậu sanh đẻ, hẹn 2 điều, hoặc là mở cửa thành khi Hoàng hậu sanh công chúa, hoặc là sẽ nghinh chiến khi Thái tử ra đời để kế tục ngôi báu. Cô Xa La bằng lòng.

Ngày thứ bảy đúng theo dự tính của các ngự y. Hoàng hậu sanh ra Thái tử. Thế là giòng vua đã có người kế nghiệp. Lệnh truyền ra cho mọi người sẵn sàng chống giặc. Thái tử mới sinh có tướng mạo khác thường đã làm vững lòng triều đình. Nhưng chuyện chống giặc, thắng giặc đâu phải chuyện dễ vì thiếu người điều khiển tối cao. Trong cơn nguy cấp này người ta còn một hy vọng mạnh mẽ, hy vọng ở tài trí của voi Dõng Mãnh.

Hoàng hậu nghiêm trang trong đồ lễ phục, mặc áo vàng cho Thái tử và tự tay ẵm Thái tử đi thẳng xuống chỗ voi ở. Nhiều vị quan trong triều cũng đi theo Hoàng hậu, đặt Thái tử trước mặt voi rồi long trọng nói với voi :

- Hỡi Dõng Mãnh ! Vua ta, chủ của ngươi và cũng là bạn thân của ngươi đã qua đời. Ta đã bảo dẫu không cho ngươi biết tin đau xót ấy sợ sẽ làm đau xót tâm can ngươi. Nhưng mà, ngươi hãy bình tĩnh : Đây là Thái tử, con vua, sẽ thay vua để chăm

sóc dân chúng, chăm sóc người. Hiện nay, kinh thành đang bị vây khốn và sắp sửa bị dày xéo bởi quân lính của vua nước Cô Xa La. Toàn nước ta đang đứng trước hai điều, hoặc là để Thái tử mới sinh phải chết dưới lưỡi gươm quân địch, hoặc là chúng ta phải gìn giữ non sông gấm vóc.

Hoàng hậu vừa dứt lời, voi Đông Mãnh rống lên một tiếng trầm dài náo ruột. Bỗng nó đứng dậy, đến bên Thái tử, quỳ xuống, lấy vòi nâng Thái tử lên cao rồi đặt xuống trên bập thít trước trán nó. Voi muốn nói sự tôn thờ trung nghĩa của nó đối với người chủ bé nhỏ cũng như trước đây nó đã hết lòng với vua cha.

Voi trao Thái tử cho Hoàng hậu rồi phủ phục chờ lệnh. Hoàng hậu khoát tay cho nó đứng dậy và dặn : "Hỡi voi Đông Mãnh. Bây giờ là lúc người hành động để tỏ lòng trung nghĩa của người, để tỏ giòng máu quật cường trong người trong một con voi chính thống" Hoàng hậu vẫy tay cho nó lên đường. Một vị đại thần mặc áo giáp cho voi, và xuống lệnh cho quân lính sẵn sàng.

Voi rống lên hùng dũng, rung chuyển cả không gian. Tiếng rống xuất trận của một con voi chính thống đã làm bầy voi địch nhón nhác. Bây giờ là lúc đánh bật quân địch. Người ta mở cửa thành cho voi xông ra. Voi Đông Mãnh rống lên một lần

nữa. Thật là kinh hoàng. Bầy voi tiên phong của Cô Xa La khiếp sợ. Trong giây phút, tất cả đều quay đầu về phía sau, cướp đường mà chạy. Hàng ngũ dịch rối loạn nhanh chóng. Voi Đông Mãnh lạnh lùng. Nó xông tới trước mặt vua nước Cô Xa La, lấy vòi nắm chặt thân vua và quay trở về trong lúc quân địch hoàn toàn tan rã. Thế là trận đánh kết liễu và thắng lợi thuộc về nước Ba La Nại.

Voi Đông Mãnh đặt vua giặc dưới chân Thái tử mới sinh chờ triều đình xét xử. Dân chúng đòi phải xử tử tên vua xâm lược tàn bạo. Nhưng Hoàng hậu thể theo sự thông cảm của mình đối với Thái tử truyền thừa vua Cô Xa La được trở về xứ sở với điều kiện là từ nay về sau, không được lợi dụng Thái tử còn nhỏ mà trả thù buổi thất trận này. Voi Đông Mãnh rộng lòng tỏ ý bằng lòng sung sướng.

Từ đấy, nhờ voi Đông Mãnh mà Thái tử mới còn niên thiếu đã truyền được sự tin cậy trong toàn thể các nước ở Ấn Độ, trị nước một cách công minh.

QUẢNG HUỆ

"Tình thương sẽ thắng hận thù,
Chùa thiêng phải dưng ngục tù phải tan"

Nhà sư vương lụy

Lúc Phật ngụ tại Trúc Lâm cùng Tăng đoàn, có một thầy Tỳ kheo trẻ tuổi là đồ đệ của ngài Ca Diếp, tinh cần tu tập đã đắc đến tứ thiền. Một hôm thầy về thăm nhà, trông thấy những đồ trang sức đủ kiểu rất đẹp mắt tại hiệu kim hoàn của người chú, thầy khởi lòng tham ái, mất định và hoàn tục. Chàng trai nhiều tham vọng này khoái ăn ngon mặc đẹp, đeo đồ trang sức, tắm dầu thơm. Nhưng ngoài những sở thích đó ra, chàng chẳng có tài cán gì cả, suốt ngày ăn rồi đi bát phở chẳng chịu làm một công việc gì. Thân quyến chú chịu hết nỗi đành đuổi ra khỏi nhà.

Du thủ du thực, chàng bèn kết bạn với mấy tên bụi đời, lập thành một băng cướp có vũ khí, chuyên "ăn hàng mà sống".

Một hôm băng bụi đời sa lưới, cả đám đều bị bắt, quân lính còng tay các đương sự đem về nha, đánh

đập đến mềm xương. Vì có nhiều thành tích bất hảo toàn băng đều bị tuyên án tử hình.

Ngày hành hình dân chúng rủ nhau đi xem rất đông. Tôn giả Ca Diếp trên đường đi khát thực gặp lại đồ đệ của mình đang bị áp giải ra pháp trường. Động lòng trắc ẩn Ngài dùng thần lực nói lòng dây trời và bảo :

- Con hãy cố gắng tập trung tư tưởng vào đề mục thiền định mà thầy đã dạy, như con từng làm lúc còn ở Tăng đường.

Nhà sư hoàn tục y lời chú tâm hành thiền ngay trên đường bị áp giải. Bị tử thần rượt nà sau lưng, thầy nỗ lực cao độ và đắc tứ thiền trở lại.

Để răn dân, nhà vua truyền lệnh lập một pháp trường tại phía nam thành phố. Cờ xí rập đất, chuông trống, thanh la, náo bạt khuá vang, dân chúng đi xem như mở hội. Ba vòng phủ quân nai nịt chỉnh tề, gươm giáo sáng ngời bao quanh pháp trường. Trước mặt đám tử tội, đao phủ bày la liệt dụng cụ hành hình : giáo mác, tên, nỏ, trường thương, đoản côn... và họ bắt đầu nung chông nhọn. Ngoại trừ sư thầy hoàn tục, các tử tội mặt xanh như chàm, mồ hôi nhò giọt, có tên lăn ra chết giắc.

Sư thầy hoàn tục được hành hình đầu tiên. Đạo phủ ngạc nhiên khi thấy tội nhân không hề đổi sắc, toàn thân còn thấm nhuần một niềm an lạc vô biên. Đám đông cũng nhận thấy điều đó, họ đồng thanh cất tiếng hoan hô :

- Thật lạ lùng ! Tên tử tội ấy chẳng sợ hãi chút nào.

- Xem đồng bọn của hắn ngất xỉu hết kia !

- Thật là một con người can đảm phi thường !

Trước hiện tượng lạ, quân canh liền phi báo cho nhà vua. Vua truyền lệnh hoãn vụ hành hình, và xa giá đến Trúc Lâm thỉnh ý Phật. Đức Thế Tôn từ Hương thất gọi một hóa thân đến pháp trường đọc bài kệ :

*"Người đã lìa dục xuất gia, ẩn mình chốn
sơn lâm rồi lại hoàn tục,
khác nào kẻ đã được mở trời rồi tự buộc
vào".*

PHÁP CÚ 344

Phật vừa đọc kệ xong, sư thầy hoàn tục đặc quã Dụ lưu, thầy dùng thần túc bay về tịnh xá dành lễ đức Thế Tôn. Và giữa hội chúng đông đảo gồm

các Tỳ kheo Tăng, Ni, vua quan, binh lính... thầy
đắc luôn quả vị A La Hán.

THÍCH NỮ NHƯ THỦY - NHƯ ĐỨC

"Hòn đảo sĩ say sưa trong cõi định
Màu thời gian không dính áo cà sa
Quên bao nhiêu ảo tưởng cõi ta bà
Để tìm lại pháp sâu xa vi diệu
Nguồn tâm thể nghĩa là kho tịch chiếu
Trải nghìn muôn ức triệu vẫn như nay
Xu không giun và xa cả tháng ngày
Xu tất cả nét thương vay đau khổ".

Sự tích cây huyết dụ

Ngày xưa, có một bác đồ tể chuyên mua lợn về giết thịt để mang bán ở chợ. Nhà bác ta ở bên cạnh một ngôi chùa làng. Hàng ngày, vào lúc mờ sáng là lúc sư cụ bên chùa theo lệ thường dậy tụng kinh. Và cũng theo lệ thường sư cụ thức chú tiểu dậy gõ một hồi chuông mai. Bấy giờ cũng là lúc bác đồ tể sửa soạn giết lợn, cho nên bác ta quen lấy tiếng chuông chùa làm chừng thức dậy làm việc hàng ngày. Cứ như thế, ngày nào cũng như ngày ấy không bao giờ sai lạc.

Một đêm nọ, Sư cụ nằm mộng thấy một người đàn bà dắt năm đứa con nhỏ đến trước mặt mình rồi vái lấy vái để, miệng nói "Xin cứu mạng ! Xin cứu mạng !" rồi rít. Sư hỏi người đàn bà :

- A Di Đà Phật ! Cứu mạng là thế nào ? Bần Tăng phải làm gì đây ?

Người mẹ có bộ điệu hãi hùng ấy trả lời :

- Ngày mai xin Hòa Thượng hãy cho đánh

chuông chậm lại. Như vậy, mẹ con tôi rất đội ơn.

Nhà Sư tỉnh dậy không hiểu thế nào cả. Nhưng tờ mờ sáng hôm đó, vâng theo lời báo mộng, Sư cụ chỉ làm rằm đọc kinh cầu nguyện mà không thức chú tiểu dậy thỉnh chuông.

Lại nói chuyện cũng hôm ấy bác đồ tể ngủ một giấc li bì. Mãi đến lúc mặt trời lên chừng một cây sào, tiếng chuông chùa mới bắt đầu vang rền làm cho bác giật mình choàng dậy. Thấy trời đã quá trưa, bác không dám giết lợn như thường lệ, vì nếu làm thịt thì khi đưa ra đến chợ, chợ đã vắng người rồi. Tức mình vì lỡ mất buổi chợ, bác ta lật đật sang chùa trách Sư cụ. Sư cụ cho biết câu chuyện nằm mộng đêm qua để phân trần với ông hàng xóm không phải lỗi tại mình.

Nhưng bước chân về chuồng lợn nhà mình thì bác đồ tể ngạc nhiên thấy con lợn nái mới mua ngày hôm qua toan giết thịt sáng đó, đã đẻ được năm con lợn con. Vừa mừng vừa sợ, bác ta kể cho mọi người biết sự lạ lùng : - *"Đúng là linh hồn người đàn bà ẩn trong con lợn cái đã tìm cách cứu bầy con của mình khỏi chết"*.

Tự nhiên bác đồ tể đâm ra suy nghĩ. Bác thấy bàn tay của mình đã từng vấy máu biết bao nhiêu

là sinh mạng. Trong một lúc hồi hận đến cực điểm, bác ta cầm cả con dao bầu chạy sang chùa bộc bạch nỗi lòng với Sư cụ. Bác ta quả quyết cầm con dao của mình trước sân chùa, thề trước Phật đài từ nay xin giải nghệ.

Không rõ bác đồ tể rồi sau đó thế nào, nhưng con dao của bác tự nhiên hóa thành một loại cây có lá đỏ như máu và nhọn như lưỡi dao bầu, người ta vẫn gọi là cây huyết dụ.

NGUYỄN ĐỒNG CHI

Truyện cổ Việt Nam tập II

*

Trăng sáng sau khi trời mới tạnh

Hiên ngoài thoang thoảng gió hương đưa.

Tiếng chuông ngân nga trong đêm vắng

Thử hỏi hồn ai đã tỉnh chưa ?

Công đức Xuất gia

Tại thành Vương Xá, vườn trúc Ca La Đà, một bài pháp tán thán về hạnh xuất gia, mà âm vang còn vọng khắp đó đây : "Nếu người nào thường hay khuyến khích, kẻ nam người nữ, dân chúng hay chính tự mình xuất gia thì công đức ấy thật nhiều vô lượng, nếu đem so sánh với những phước báo khác thì phước báo này hơn hết. Vì sao vậy ? Vì phước báo bố thí chỉ có hạn định, còn phước báo xuất gia thì vô ngần mé, nên không thể bì kịp, hoặc phước báo trì giới, hoặc phước báo của các vị thần tiên có năm phép thần thông, cho đến phước báo cùng tột của cõi trời Phạm thiên mà đem ví với phước báo của người xuất gia chơn chính trong Phật Pháp thì không thể so sánh nổi. Hơn nữa người xuất gia là kẻ đi trên con đường đến Niết bàn, thể nhập tịch tĩnh, nên nói đến phước báo này không thể nghĩ bàn.

Giả như có người phát tâm xây tháp bằng thất bảo cao ngất tận trời cao, thì công đức ấy

cũng không bằng người khuyến khích kẻ khác xuất gia, vì thất bảo kia, chắc chắn có ngày nào đó sẽ sụp đổ, hoặc bị kẻ gian ác ngu si phá hủy, còn kẻ khuyến khích người xuất gia, thì người kia tu hành phạm hạnh, tinh tấn trì giới đức, cuối cùng chứng đắc A La Hán vô sanh hoặc lậu đoạn tận, trang nghiêm chánh pháp, thì phước báo này là hơn nhất và cũng không ai hủy hoại được.

Muốn cầu các pháp thanh tịnh, ngoài Phật Pháp ra không có pháp nào có thể hơn được. Cũng như có 100 người dui gặp thầy thuốc chữa lành, thấy rõ mọi vật, hoặc 100 người bị tội móc mắt mà giải cứu được khỏi bị nạn móc mắt, hai việc làm trên tuy có lớn lao, nhưng cũng không bằng khuyên người xuất gia.

Công đức xuất gia cao cả cùng tột, vì vậy chính tự mình xuất gia hay cho người khác xuất gia, sau khi tu hành thành tựu quả vị Bồ Đề, hoàng dương giáo pháp, phổ hóa chúng sanh, chứng đắc tuệ nhân, muôn ngàn kiếp không thể hoại diệt, lại còn làm con mắt sáng cho nhân thiên nữa. Những người được hưởng phước báo trong cõi người, cõi trời, chỉ trong thời gian rồi cũng bị dục vọng làm mê hoặc, phóng túng tư tình mà không có con mắt trí tuệ để nhận xét sự vật là vô thường, hư nguy,

là hố lửa, hang sâu thiêu đốt những ai ngu si tham vọng, là con đường dẫn dắt vào tam đồ lục đạo.

Pháp xuất gia có uy lực tiêu diệt quyền thuộc ma vương, làm cho lợi ích cho dòng xuất thế của Phật Pháp, nuôi pháp lành, nhổ tội báo, tăng phước duyên rồi thành Phật.

Đức Phật dạy : Công đức xuất gia trong sáng cao như núi Tu di, sâu như biển cả, rộng như hư không. Ai đem tâm cản trở người xuất gia sẽ bị dọa vào địa ngục hắc ám, và không có mắt, chịu sự tối tăm đoanh vây.

Vì vậy, khuyến khích hỗ trợ người xuất gia hay tự mình xuất gia được công đức cao như trời xanh, lớn như biển cả. Người xuất gia lấy kinh điển làm nước để rửa sạch hoặc nghiệp ô nhiễm, tẩy trừ sự sinh, già, bệnh, chết và gây nhân thế nhập Niết bàn. Lấy giới làm chân bước trên đất thanh tịnh trang nghiêm, lấy luật làm mắt để quán sát những việc thiện ác của thế gian, đi trên chánh đạo thẳng tiến Niết bàn. Đó là pháp tối thắng của người xuất gia.

*

Thuở xưa, có một ông trưởng giả tên là Thi Lợi Bì Đề sống đã tới trăm tuổi. Một hôm, ông nghe

người ta kể cho nghe công đức của người xuất gia cao cả như vậy, ông thầm nghĩ : "Ta nay tuổi đã già, sức đã yếu, nhưng đối việc xuất gia học đạo theo Phật pháp được nhiều phước đức cao cả vậy ta hãy đến chỗ Phật xin xuất gia kéo uống lăm". Nghĩ xong gọi vợ con lên bảo :

- Này bà và các con, hôm nay tôi muốn đi xuất gia học đạo, làm đệ tử Đức Thế Tôn, vậy ở nhà hãy lo làm ăn, có đồng ý không ?

Vốn dĩ bị vợ con ghét bỏ, vì họ cho ông chỉ là kẻ ăn hại, chẳng làm việc gì cho có ích gia đình và những kẻ xung quanh, nên khi nghe ông đề nghị như vậy, vợ con đều tỏ ý vui mừng và tán đồng ngay.

- Dạ phải, ông hãy đi xuất gia đi, càng nhanh càng tốt, đi cho lủ chúng tôi nhờ.

Ông già bèn lên đường, thẳng đến Trúc Lâm nơi Thế Tôn và đại chúng trú ngụ. Nhưng chẳng may cho ông là hôm đó Thế Tôn chẳng có nơi tịnh thất, đi hóa độ nơi xa, ông già thăm hỏi các thầy :

- Bạch Đại Đức, Thế Tôn ở phòng nào ? Xin làm ơn chỉ giùm tôi.

- Đức Thế Tôn đi hóa độ chưa về.

- Bạch Đại Đức, Thế Tôn đi vắng rồi ai là bậc Tôn Túc Trưởng lão ở đây ?

Nghे hời các Tỳ kheo đều chỉ đến ngài Xá Lợi Phất, ông lão chống gậy về phía Tôn già, đến nơi, ông lão bỏ gậy, chấp tay thưa :

- Kính lạy Tôn già, con một lòng chí tín xuất gia, học đạo, cúi xin Ngài thương xót thân già, thân nạp làm đệ tử, con xin đội ơn muôn kiếp.

Tôn già Xá Lợi Phất nhìn ông lão một lúc, rồi nghĩ : "Ông lão này yếu đuối quá, vậy học hỏi tọa thiền và giúp việc chúng làm sao ông dám đang nói" nên Tôn già đáp :

- Ông già yếu lắm rồi, không thể xuất gia được đâu.

Nghे nói vậy, ông lão bèn chống gậy đến Ngài Ca Diếp, Ưu Bà Ly, A Nậu Lưu Đà... cuối cùng đến 500 vị A La Hán đều hỏi :

- Ông đã thưa vị nào chưa ?

- Trước tiên con có đến Đức Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không có ở nhà, rồi con lại đến Tôn già Xá Lợi Phất, nhưng Ngài chê con già nua, lắm ốm nên không nhận con làm đệ tử, xuất gia học đạo.

Nghे nói các vị đều nghĩ : "Tôn già Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ siêu phàm mà không dám nhận ông lão vào hàng xuất gia huống nữa là ta. Như người thầy thuốc giỏi thấy con bệnh không thể chữa

được nên các thầy thuốc khác cũng chạy luôn, có nghĩa gì. Hay Tôn giả biết trước ông lão sắp sửa chết nên không nhận, vì có nhận thì cũng không thể tu học được gì. Nghĩ vậy nên các Ngài cũng từ chối luôn.

Ông lão thất vọng, xin xuất gia mà chẳng có ngài nào chấp nhận, chán nản ông ra ngoài cổng Trúc viên ngồi than khóc một mình, nghĩ rằng : "Ta từ lúc cha sinh mẹ đẻ cho đến khi khôn lớn rồi có gia đình sự nghiệp mãi đến bây giờ, thử nghĩ lại, ta có làm điều chi tàn ác đâu, vậy tại sao ta chẳng thể xuất gia học đạo được. Còn ông Ưu Ba Ly là người bần tiện, ông Ni Đề là người hốt phân bò, ông Ương Quật Ma La là kẻ sát nhân khủng khiếp, ông Đà Tắc Ky là ác nhân làm giặc, vậy mà sao họ lại được xuất gia thâu vào hàng Tăng chúng? Còn riêng ta thì có tội chi ? " Đương cật vấn lòng mình, thì bỗng nhiên Đức Thế Tôn đi đến trước mặt, hào quang chiếu sáng, dung nghi đoan nghiêm, ông hoảng hồn chấp tay bái lạy.

- Nay Thi Lợi Bí Đề, làm gì mà khóc lóc vậy ?

Đức Thế Tôn hỏi, ông mừng rỡ quá, vội thưa :

- Bạch Đức Thế Tôn, có những chúng sinh kẻ giết người, người làm giặc, kẻ nói dối, người phi báng, kẻ hạ tiện và những người cùng đinh,

nhưng tất cả đều được xuất gia tu học, còn riêng con, tự xét từ thuở cha mẹ sinh ra, làm người đến giờ, nay là 100 tuổi rồi, con có làm điều gì bất thiện đâu, vậy tại sao con không thể tham dự vào hàng Tăng chúng xuất gia của Thế Tôn được. Bạch Thế Tôn, ở nhà thì bị vợ con ghét bỏ, nên đến đây, cầu chí nguyện xuất gia thì lại bị các Tôn giả chê là già cả, vô tích sự nên không thu nhận. Khốn nỗi quá ! Con muốn tự tử, chết quách tại đây cho xong cái thân hủ bại này.

- Ai nói người này được xuất gia, còn kẻ kia thì không được xuất gia ?

- Kính bạch Thế Tôn, Trưởng lão Tôn Túc Xá Lợi Phát đó.

- Thôi ông chớ buồn nữa, ta sẽ cho ông xuất gia học đạo, hãy theo ta vào Tịnh xá.

Nỗi lòng được xoa dịu, ước nguyện được viên thành, ông lão vui mừng hơn hở, như muốn chấp cánh bay lên hư không.

Khi về tới Tịnh xá, Thế Tôn gọi Mục Kiền Liên giao trách nhiệm và dạy bảo, làm lễ thế phát cho ông lão.

Vì Đức Thế Tôn là bậc Nhất thiết trí, với thiên nhân, Đức Thế Tôn nhìn thấy suốt tâm địa chúng

sanh, ai có duyên với người nào thì người đó mới độ được. Như người chỉ có duyên với Phật thì duy chỉ có Phật mới độ được mà thôi, còn như Xá Lợi Phất hay Mục Kiền Liên cũng chịu; hoặc ngược lại kẻ có duyên với Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên thì Phật cũng chịu không thể độ được người đó. Vì duyên ai nấy gặp, không thể thay thế. Vì vậy, ông lão này trừ Mục Kiền Liên ra không ai độ được.

Vâng lời Thế Tôn, nhận trách nhiệm dạy bảo ông lão, Mục Kiền Liên thầm nghĩ : "Ông lão này tuổi tác đã già rồi, thân hình lom khom, thì trong ba việc tụng kinh, tọa thiền, và làm việc chúng chẳng được việc nào, nhưng Thế Tôn đã giao, ta không dám trái ý".

Được vài hôm sau, Tôn giả làm lễ thế phát và mở giới đàn truyền giới cụ túc cho ông.

Từ khi ông lão được thế phát xuất gia, chính thức là một Sa môn chánh hạnh, ông rất tinh cần, ngày đêm cố gắng tu tập, nghe rành hiểu rõ giáo pháp nên chẳng bao lâu ông đã thuộc lòng kinh điển, do vì đời trước ông cũng đã gieo trồng chủng tử lành và có duyên với Phật pháp nên tuy đời này đi xuất gia muộn nhưng chưa phải là trễ, chỉ tiếc có điều là tuổi già sức yếu nên về phép tắc oai nghi đối với các bậc tôn túc không được tròn bốn phần cho lắm, vì vậy mà các vị Tỷ kheo trẻ sanh tâm

khinh lờn ông, cho rằng ông chẳng giữ lễ luật, thanh quy nơi thiền môn, cửa Phật. Thấy thái độ của các Tỷ kheo trẻ đối với ông như vậy, ông lão tự nghĩ : "Thiệt khổ ! Khi còn ở nhà thì vợ con chẳng ngó ngang gì tới, nay được xuất gia làm Sa môn đầu Phật, mong sự an nhàn, để tiến tu công đức ai ngờ lại bị các thầy Tỷ kheo trẻ tuổi hất hủi, khinh miệt, chẳng biết ta có tội gì mà nặng nề quá vậy, phiền não chẳng chịu được, chi bằng ta chết bỏ xác cho hết chuyện". Ông liền đi đến khu rừng, bên cạnh con sông chảy xiết, ông cởi áo cà sa, vắt lên cành cây, rồi quỳ thẳng chấp tay đối trước chiếc áo khóc lóc mà nguyện rằng : "Con xin bỏ mạng nơi này, nhưng không bao giờ bỏ Phật Pháp Tăng. Chiếc áo của con, xin dâng cúng các vị Tỷ kheo tinh tấn, trì giới tu hành, nguyện bỏ thân này, được sinh vào nhà giàu sang, phú quý, vui vẻ thuận hòa, chẳng ai ngăn cản các thiện pháp, ước nguyện việc làm của con và được gặp thiện tri thức, xuất gia học đạo, tu đắc quả vị vô sanh, hoằng truyền pháp Phật và thẳng tiến trên con đường cứu cánh Niết bàn". Nguyện xong, ông lão nhảy ùm xuống nước. Khi đó Tôn giả Mục Kiền Liên ở trong khu rừng trúc, dùng thiên nhãn xem ông đệ tử già của mình đang làm trò gì, thì chợt thấy ông ta nhảy tùm xuống sông, Tôn giả bèn phóng thần tức vớt ông lên bờ rồi bay tới hỏi :

- Pháp tử làm gì vậy ?

Thi Lợi Bí Đề nhìn lên thấy Thầy mình, mặc cỡ quá liền cúi đầu xuống chẳng biết thưa như thế nào cho phải. Ông thầm nghĩ : "Ta không nên nói dối với Thầy, nếu nói dối trải qua nhiều đời sẽ bị tội không lối, nhưng nói dối sao được, vì Thầy mình có thần thông mà, vậy có nói gì nữa thì cũng biết. Trên đời bậc trí tuệ, thông minh, thật thà, ngay thẳng, các ông trời cũng phải kính trọng, còn kẻ dối trá, ngu si thì sẽ bị người ta khinh miệt, chê bai, cho là đồ hèn hạ, bẩn thỉu, lắm lúc có nói thật đi nữa thì họ cũng cho là nói dối, chẳng tin. Vậy chi bằng ta hãy trình bày sự thật cho Thầy mình biết, tội gì phải nói dối, mang tội đọa địa ngục".

- Bạch Thầy, con đã chán nản cái cảnh tục lụy hồng trần này nên nguyện cắt tóc xuất gia, cầu sự an lạc, nhưng những ngày con ở đây, chẳng thấy sự an lạc gì hết, mà trái lại còn bị phiền nhiễu, bận lòng, nên con muốn chết tại đây cho xong đời, không ngờ Thầy biết được, xin Thầy rộng lượng từ bi mà tha thứ.

Tôn giả Mục Kiền Liên liền nghĩ : "Ông lão này sao lắm chán vậy, cứ đòi tự tử mãi thôi. Nếu ta không dùng một phương pháp sợ hãi thì đối với việc xuất gia của ông không thành công".

- Này Pháp tử, hãy nắm chặt chéo áo cà sa của ta, khi đi trên hư không, ông phải nhiếp niệm chớ có loạn tưởng nghe.

- Dạ, con xin tuân mạng.

Ông nắm chéo áo thật chặt, Tôn giả Mục Kiền Liên bèn vọt thẳng lên hư không, như một cơn gió thổi mạnh, cuốn theo sau một làn bụi mỏng, trong chốc lát đã tới bờ biển. Tôn giả đáp xuống trên bãi cát, hai thầy trò thả bộ dọc theo biển. Đi được một hồi, gặp một người con gái mới chết, nằm phơi xác dưới ánh nắng mặt trời, ruồi nhặng bu quanh, trên mặt có một con trùng bò ra rồi chun vô lỗ mũi, sau lại lườn ra hai mắt, rồi rúc vào lỗ tai, thấy thật ghê rợn.

- Bạch Thầy, người con gái này tạo nghiệp gì mà chết phơi thây trên bãi cát vậy ?

- Chớ vội, tí nữa sẽ hay.

Hai thầy trò đi được vài dặm lại gặp một người con gái, đội cái chảo bằng đồng đến mé biển, đổ nước đầy rồi đun lửa sôi sùng sục, cô bèn cởi bỏ áo quần nhẩy vào chảo nước sôi ấy, tóc lông rụng hết, chân tay rã rời, như nát cả thân thể, nước sôi mạnh quá làm hất tung cả xương thịt ra ngoài, nhưng xương thịt ấy gặp cơn gió thổi qua thì liền lại thành hình người như cũ, rồi cô gái ấy tự xé

thịt mình từng mảnh mà ăn nhai ngấu nghiến, trông ngon lành lắm. Thấy vậy, ông lão sợ hãi, núp sau lưng thầy mà hỏi :

- Bạch Thầy, người con gái này mắc tội gì mà tự ăn thịt mình ghê quá vậy.

- Chớ vội, tí nữa sẽ hay.

Rồi tiếp tục đi, vài dặm nữa, có một thân cây to đứng bên đường rất nhiều sâu bọ bám quanh mình, cho đến từng cành lá cũng đều bị sâu bám chặt rúc rĩa, lại nghe những tiếng kêu than thảm thiết, rợn người.

- Bạch Thầy, tiếng rên la của ai mà nghe rợn tóc gáy vậy ?

- Chớ vội, tí nữa sẽ hay.

Thầy trò lại dắt nhau đi lang thang một đôi thì gặp một trái núi rất lớn, có nhiều đao kiếm nhọn sắc, cắm ngược mũi lên trời, sừng sững như hàng cây mọc, lại có một người nằm lăn từ trên đỉnh xuống dưới chân núi cứ như vậy suốt ngày không thôi. Hình dạng rách nát, máu me đầm đìa chẳng còn hình thù một con người nữa, thấy vậy, ông lão lên cơn sốt, bám chặt sau lưng Thầy :

- Bạch Thầy, ông làm công việc như vậy để được gì, trông ghê quá !

Với giọng từ hòa cố hữu :

- Chớ vội, tí nữa sẽ hay.

Lại tiếp tục cuộc đi, qua khỏi hòn núi này, lại gặp một người con trai to lớn, quanh mình mọc ra những đầu thú to tướng, lại thấy các quỷ thần từ xa cầm cung nỏ, mỗi mũi tên có ba chia, đầu bọc sắt nhọn có tấm thuốc độc và cháy đỏ, họ thi nhau bắn vào thân hình người con trai, cháy nung da thịt, kêu gào thảm thiết.

- Ô Bạch Thầy, người chi lạ vậy, con sợ quá !

- Từ từ rồi sẽ hay, chớ vội.

Nắm chéo áo theo sau Thầy được một đôi nữa, thì có một quả núi lớn nhưng núi này toàn bằng xương ghép lại, không có đất đá, cỏ cây, cao tới bảy trăm do tuần, che kín cả một khoảng trời rộng, thầy trò bèn lên trên sườn núi mà đi. Thi Lợi Bí Đề vừa đi vừa nghĩ : "Giờ này có lẽ ta hỏi Thầy sẽ trả lời, chứ hồi nãy đến giờ Thầy chưa trả lời cho mình một câu hỏi nào hết. Nghĩ vậy liền thưa :

- Bạch Thầy, xin Thầy giảng giải những sự việc vừa rồi cho con hiểu.

- Pháp tử, hãy chú ý, lần gặp đầu tiên, người con gái chết nằm trên bãi cát đó là vợ của Tác Bạc, người nước Xá Vệ. Cô ta rất đẹp nên được chồng

quý mến và chẳng muốn xa rời. Một hôm Tác Bạc dong thuyền đi buôn, nhưng vì thương vợ quá không thể để ở nhà một mình nên cho đi theo, cùng 500 khách buôn ra biển.

Thường ngày cô vợ hay tô điểm phấn son, trâm cài, lược dắt, soi gương ngắm nhìn vẻ đẹp kiều diễm của mình và sanh lòng kiêu mạn, và quyến luyến sắc đẹp ấy chẳng muốn phai pha.

Thuyền đã ra khơi, bỗng gặp một cơn rùa khổng lồ đập thùng hông thuyền, nước tràn vào và thuyền chìm lìm xuống biển, mọi người đều chết hết, sóng gió thổi tạt những thây chết ấy vào bờ, vì tâm ái luyến và tưởng nhớ sắc đẹp nơi mặt mình, nên cô ta sau khi chết dọa làm côn trùng, nó vờ vẩn trên khuôn mặt từ mồm rúc ra lại lườn qua mũi, sang lỗ tai, chui vào mắt để ngắm xem bộ mặt đẹp đẻ, khả ái của mình mà không nỡ rời xa.

- Còn người thiếu phụ tự ăn thịt mình nơi chảo nước sôi, ấy là tội gì vậy ?

- Người con gái đó, ở Xá Vệ là đứa tớ của một người Ưu Bà Di. Người Ưu Bà Di nguyện cúng dường cho một vị Tỳ kheo trì giới thanh tịnh trong mùa an cư ở riêng trong một tịnh thất, ngày ngày Ưu Bà Di sửa soạn các món ăn ngon lành, có mùi đặc biệt, tới bữa sai đứa tớ gái ấy bung dâng

cho vị Tỳ kheo kia, nhưng khi bụng đi, người tớ gái đó bốc ăn hết những thức ăn ngon chỉ để lại các món ăn dở cho vị Tỳ kheo dùng. Qua một thời gian, Ưu Bà Di thấy nhan sắc của đứa tớ gái tươi tắn, mập mạp bèn hỏi :

- Bộ mi ăn vụng các món ăn của Thầy ta hay sao mà độ này mập mạp tốt vậy ?

- Thưa bà, đầu dám, con cũng tin tội phước lắm chứ, con đâu phải kẻ tà kiến ngu si, có lẽ nào con lại làm một việc hỗn ấu như vậy. Sau khi Thầy ăn xong rồi còn thừa cho con, con mới dám hưởng chứ. Con xin thề : "Nếu con ăn trước đồ ăn của Thầy, đời đời con tự ăn thịt thân con.

- Này Pháp tử, chính do nơi lời nói dối trá và thề thốt của người tớ gái mà sau khi chết phải chịu quả báo chính tự mình tạo ra là ăn thịt tự thân mình, sau堕 vào địa ngục, chịu khổ vô cùng tận.

- Bạch Thầy, còn thân cây to lớn hồi nãy, có các con trùng bám chặt, sao mà rên la dữ vậy ?

- Đó là một vị Tỳ kheo, giữ của thường trụ tên là Lợi Lợi Cha, lấy hoa quả và những đồ dùng khác cho anh em họ hàng và những người chung quanh, những người ấy sau khi chết, rớt vào loài súc sanh sâu trùng bám vào thân cây mà rúc rĩa, còn thân cây ấy, chính là vị Tỳ kheo giữ của thường trụ.

- Bạch Thầy, còn người bị bắn, thân thể cháy nám hết cả, là ai vậy ?

- Người này lúc sinh thời là một thợ săn, sát hại các loài thú quá nhiều, bởi tội báo đó nên bây giờ phải chịu các quỷ thần bắn tên độc vào mình, chịu khổ não muôn bề, chưa rõ ngày nào thoát khỏi.

- Cái người lăn trên núi đao, máu me đầm mình ấy, ông ta tạo tội gì mà bức bách quá vậy ?

- Người này ở thành Vương Xá, là một chiến tướng đi tiên phong, sát hại dân chúng chẳng gớm tay, vì tội báo này, phải堕 vào đại địa ngục chịu thống khổ và việc làm hiện tại của ông đó là sự trả báo cho ngày trước.

- Vậy, còn cái núi xương mà chúng ta đang đứng đây là do đâu mà có ?

- Núi xương này là của con cá Ma Kiệt, chính là tiền thân của ông. Ông còn là kẻ phạm phu chưa biết.

Nghe Thầy nói, ông lão đánh thót cả người, quỳ xuống bạch rằng :

- Bạch Thầy, tâm hồn con mê mờ, ngu tối chẳng biết đâu là đâu, vậy xin Thầy chỉ cho con biết vì tội gì mà con phải làm thân cá ?

- Sinh tử không bờ, luân hồi không bến, nhưng

đối với nghiệp báo thiện ác không sai lệch, trốn thoát được - Vào thuở quá khứ, có ông vua ở Diêm Phù Đề này, tên là Đàm Ma La Bí Đề, chăm làm việc bố thí, giữ giới nghe kinh, có tâm từ bi, tánh không bạo ác, chẳng khi nào làm tổn thương tánh mạng loài côn trùng. Xứng đáng là một ông vua đạo đức. Ông dùng chánh pháp để trị dân, làm vua được 20 năm, nhân lúc rảnh đánh bạc chơi vui, lúc ấy có người bất bình với quan tòa trong một vụ xử kiện, quan tòa nổi giận và ý mình là quan lớn nên đi ngay vào tâu láo với vua :

- Tâu bệ hạ, ngoài thành có kẻ phạm tội giết người, vậy phải trị như thế nào ?

Nhà vua ham chơi chẳng suy nghĩ :

- Cứ chiếu theo luật nước mà trị tội.

Quan tòa y theo luật, kẻ nào giết người thì bị tử hình, nên người đó bị xử trảm một cách oan ức.

Mãn cuộc chơi vua hỏi kỹ lại các quan, mới hay người ấy bị hãm hại vô cớ. Vua giựt mình, xây xẩm mặt mày, té lăn xuống đất. Các quan kêu gọi hồi lâu mới tỉnh. Vua than :

- Thôi rồi ! Hỡi các cung tần mỹ nữ ! Hỡi bá quan văn võ ngựa xe ! Ta phải堕 vào địa ngục, vì đã phạm tội giết người ! Tất cả đèn đài ngời báu

ta xin trao lại cho các khanh ngự trị, riêng ta một mình dẫn thân vào rừng sâu núi thẳm để tu hành, cầu đạo giải thoát từ đây.

Nỗ lực tiến tu, sau thời gian liên tục, cuối cùng mạng chung, vua dọa làm loài cá Ma Kiệt ở trong biển lớn, thân cá dài 700 do tuần. Một giấc ngủ trải qua một trăm năm, lúc tỉnh dậy đói quá, không có đồ ăn nên há miệng ra các loài tôm cá đều trôi vào bụng Ma Kiệt. Giữa lúc há miệng có một chiếc thuyền buôn đang theo dòng nước, xuôi thẳng vào miệng cá, mọi người trên thuyền quá khủng khiếp, gào thét, khóc la, có kẻ niệm Phật, người cầu trời khấn đất, cũng có người kêu gọi cha mẹ vợ con, kể lẽ hôm nay là phút cuối cùng từ biệt cõi đời, không bao giờ thấy lại gia đình nữa. Thuyền sắp chui vào miệng cá, sự sợ hãi lên tột độ, mọi người đồng thanh niệm to "Nam mô Phật". Bấy giờ cá Ma Kiệt nghe được tiếng Phật, động lòng từ bi liền ngậm miệng lại, đoàn người nhờ vậy được an lành. Vì lòng từ bi đó, cá Ma Kiệt lặn xuống nước nhịn đói rồi chết, sau đầu thai sinh vào thành Vương Xá, còn xác cá Ma Kiệt, nổi trên biển, các quý dạ xoa la sát kéo vào bờ và khiêng vớt lên bãi. Trải qua ngày tháng nắng mưa, da thịt đều tan hết chỉ còn tro lại bộ xương. Nay pháp tử, ông vua thuở đó nay chính là ông. Bởi tội giết

người mà phải dọa làm cá Ma Kiệt ở dưới biển, nay đã làm được thân người tại sao lại muốn chết ? Ông hãy nhàm chán sinh tử để yên tâm cầu giải thoát, chứ nếu một khi rơi vào địa ngục thì khó bề có ngày ra khỏi.

Thi Lợi Bí Đề nghe thầy mình giảng giải những báo thân ở tiền kiếp được hiểu rõ nhân quả luân hồi, và sự tạo nghiệp, trong lòng rung động, nhàm chán sinh tử. Ông chú ý quán sát đồng xương cá là kiếp trước chính thân của mình, thăm hiểu nỗi vô thường biến dịch. Trong giờ phút đó, Thi Lợi Bí Đề trút sạch các lậu hoặc, đắc quả A La Hán. Biết được đệ tử của mình đã chứng quả, Mục Kiền Liên hoan hỷ :

- Nay pháp tử, việc làm của ông đã xong, gánh nặng đã đặt xuống rồi, vậy hãy về Tịnh xá. Nói xong, Tôn giả vụt lên hư không như phượng hoàng vỗ cánh, Thi Lợi Bí Đề cũng bay theo, như chim con bay theo chim mẹ, trong chốc lát đã đến vườn trúc, trước cửa tịnh xá. Khi ấy các vị Tỷ kheo trẻ chưa biết ông đã chứng quả A La Hán nên vẫn xem thường, không cung kính có lúc lại còn la rầy nữa. Nhưng vì lòng đã từ mãn nhu nhuận nên ông hoan hỷ âm thầm chấp nhận.

Đức Thế Tôn biết được thâm ý của các Tỷ kheo trẻ khinh mạn đối với bậc đã chứng quả,

và để chặn đứng tội lỗi đó, nên giữa đại chúng Phật dạy :

- Nay Thi Lợi Bí Đề, ông mới ở ngoài biển về phải không ?

- Bạch Thế Tôn, con mới từ biển về.

- Ra biển có gì vui không ?

Thi Lợi Bí Đề cung kính thuật lại những điều đã qua cho Thế Tôn và đại chúng nghe. Phật dạy :

- Lành thay, Thi Lợi Bí Đề kể từ hôm nay nổi khổ sanh tử ông đã trút sạch, thể chứng Niết bàn. Như vậy, ông thọ nhận sự cúng dường của chư thiên và loài người, việc làm xứng đáng của một bậc A La Hán.

Nghe sự việc rõ ràng như vậy, các Tỷ kheo trẻ lo sợ, thầm nghĩ : "Chính ông lão này là bậc Trưởng lão Tôn túc, ấy mà mình không hiểu, đem tâm khinh mạn, tội này chẳng phải nhẹ, vậy giờ ta hãy bỏ bầy sám hối trước Tôn giả là hơn." Nghĩ xong, các Tỷ kheo trẻ đứng dậy đến trước Thi Lợi Bí Đề cúi lạy cầu xin sám hối.

- Tôi đối với mọi người đều có lòng thương xót, xin nguyện các thầy thân tâm được thanh tịnh.

Mặc dù đã sám hối, nhưng các Tỷ kheo trẻ vẫn thấy sợ sệt, Thi Lợi Bí Đề biết được, ông giảng giải

lý sanh tử cho nghe, từ đó các Tỳ kheo trẻ gắng tu, tinh cần công hạnh, chẳng bao lâu đều đắc quả A La Hán. Do nhân duyên này, tiếng đồn khắp thành Vương Xá :

- Thật lạ quá, ông già 100 tuổi rồi mà đi tu còn đắc đạo, thuyết pháp như nước chảy xuôi reo, chưa từng thấy. Từ đó, người trong thành noi gương ông mà lần lượt xuất gia rất nhiều.

GIỚI ĐỨC

*

"Đức Phật cao thượng hơn các bậc trí tuệ, Ngài chẳng những chỉ cho chúng sanh thấy cái quả, mà còn dẫn chúng cho thấy cái nhân. Mỗi khi đề cập cái nhân, thì Ngài tiên đoán ngay cái quả".

Vị Sa Di giữ giới

Xưa tại nước An Đà có vị Tỳ kheo sai một vị Sa Di đến nhà một người cư sĩ lấy đồ ăn. Lúc bấy giờ cả nhà đi xem hội vắng, chỉ có một người con gái tuổi 16, nhan sắc đẹp để ở nhà. Người con gái thấy vị Sa di, tà tâm nổi lên, bèn cúi lạy vị Sa di và thưa rằng :

- Nhà của tôi tiền bạc rất nhiều, nếu ngài chiều theo ý muốn của tôi thời ngài làm chủ cái nhà này, tôi nguyện xin cung cấp tất cả.

Vị Sa di suy nghĩ rằng :

- "Ta thà chịu bỏ thân mạng, quyết không phá cấm giới".

Nghĩ vậy bèn vào trong phòng, đóng cửa quỳ thẳng chấp tay phát nguyện rằng :

- "Tôi nguyện không bỏ Tam Bảo chánh giới, nguyện sanh vào nhà thanh tịnh dứt sạch mọi phiền não, thành đạt Chánh giác".

Phát nguyện xong bèn tự vẫn mà chết.

Vua trong nước nghe tin bèn tán thán cho rằng việc chưa từng có, bèn tự thân hành đến dâng lễ trước vị Sa di, để thi hài trên xe báu, làm lễ cúng dường, rồi đem các thứ gỗ thơm làm giàn hỏa thiêu thân vị Sa di : "Xả thân giữ cấm giới".

MINH CHÂU

"Giới là phao nổi để vượt qua bể khổ sanh tử, là ngọc anh lục để trang nghiêm Pháp thân"

"Giới là đèn sáng lớn

Hay thiêu tối đêm dài.

Giới là gương thật báu

Soi khắp pháp thế gian

Giới là thuyền bè lớn

Đưa người qua bể khổ.

Giới là ao thanh lương

Tắm gội trừ nhiệt não.

Mọi công đức lành, đều từ đây phát sanh".

Vạ mẹ

Ngày xưa có một nước rất là thái bình thịnh vượng, nhân dân cực kỳ đông đúc yên vui, mùa màng tươi tốt, của cải chứa chan, khí hậu điều hòa, tật bệnh không có, khắp thị thành thôn quê, đâu cũng như đâu, ai nấy đều được sung sướng như ý, không hề nghe thấy tiếng kêu ca than thở bao giờ, đi đến đâu cũng thuần những cảnh ăn uống chơi bời hát xướng vui vẻ, thật không khác chi cảnh thần tiên hiện tại.

Bấy giờ vua hỏi các quan rằng :

"Trẫm nghe nói có những thứ tai vạ, vậy không biết có những thứ gì và hình thù của nó ra sao ?

Tất cả các quan cũng đều nói là không ai biết cả. Vua liền sai một ông quan đi sang nước bên cạnh xem có thì mua về.

Lập tức ông sắm sửa để đi, sang tới nơi, vào trong một cái chợ rất đông, thấy có một người (thần hóa) đứng giữa một con vật thật kỳ quái,

hình nó như con lợn nhưng coi rất hung tợn, nên phải buộc bằng dây sắt và khóa bằng một cái khóa sắt rất cẩn thận.

Ông quan kia liền hỏi :

- Đây là con vật gì và có bán không ?
- Đây là "Vạ mẹ" ông có mua tôi bán cho.
- Bao nhiêu thì bán và hằng ngày nó ăn bằng gì ?
- Một nghìn vắn thì tôi bán, cứ mỗi ngày nó ăn hết một đấu to kim.

Khi ông quan mua được đem về, liền sức cho khắp cả toàn dân ai ai cũng phải góp kim để nuôi Vạ mẹ.

Từ đấy trở đi suốt đêm ngày khắp cả nhân dân trong nước, ai ai cũng phải lo tìm kiếm sao cho ra kim để đóng góp, từ quan chỉ dân, đi đến đâu cũng thấy diễn ra những cảnh hà hiếp bắt bớ nhau, toàn dân bỏ hết mọi sự làm ăn, thành ra vườn ruộng bỏ hoang nhân dân đói khổ, tranh giành cướp bóc lẫn nhau, trở nên rối loạn, đâu đấy đều bị lầm than khổ sở vô cùng.

Sau một thời gian, các quan thấy dân thống khổ quá lắm rồi, mới tâu vua rằng : Vì cái Vạ mẹ nó đã sinh ra cho dân biết bao nhiêu tai họa, khiến cho

toàn dân phải điều đứng khốn khổ vì nó, vậy nay xin đem giết nó đi.

Vua nói : Việc đó phải lắm !

Bấy giờ cho người đem ra ngoài thành giết, thì đâm nó không thủng chém nó không đứt, bổ nó không vào, đập nó không vỡ, đánh nó không chết, sau cùng phải đem lửa đốt nó.

Khi mình nó bị cháy đỏ hồng, thì nó chạy xông vào khắp tất cả các làng xóm, chợ búa, phố phường, nó đi đến đâu có bao nhiêu nhà cửa hàng quán đều bị thiêu ra tro hết.

Nhân dân lúc đó lại càng rối loạn khốn cùng đi đến đâu cũng nghe thấy tiếng kêu ca than khóc suốt đêm ngày, đầy rẫy những cảnh hoang tàn thảm đạm, ai ai cũng đều than vãn cho là dương yên lành, bỗng dưng đi mua cái Vạ mẹ đem về để nó sinh ra tai vạ, làm dân phải chịu lầm than khổ não.

TRÍ HẢI

*

"Muốn làm một việc gì, trước nhất phải nghĩ đến kết quả của nó.

Kẻ thường nhân sợ kết quả nhưng người trí tuệ chỉ sợ nguyên nhân".

Hòa thượng cua

Thuở trước ở miền Bắc nước ta, có một chú bé mồ côi cha sống với mẹ tại một miền quê hẻo lánh nọ. Năm chú bé được 12 tuổi, bà mẹ vẫn còn buôn bán tảo tần nuôi con. Một hôm, trước khi mang hàng ra chợ bán, bà mẹ trao cho con một giỏ cua đồng, bảo giã ra nấu canh làm cơm trưa. Chú bé y lời mẹ dặn mang giỏ cua ra làm. Bất ngờ, vừa giã chày đập con cua đầu tiên, thấy con vật quỳnh quáng, quờ quạng tay chân tìm đường sống, chú bé chợt động lòng bi mẫn, không nỡ tiếp tục, liền đem giỏ cua ra trút xuống ruộng.

Tan chợ, bà mẹ mang hàng về. Nhìn mâm cơm đạm bạc, bà ngạc nhiên hỏi :

- Thế, món canh cua đâu ?

Chú bé ấp úng :

- Khi sáng con mang cua ra làm, thấy chúng nó khóc, con thương quá, nên... thả hết rồi mẹ ạ !

Vừa đói, vừa giận, bà mẹ vợ lấy cây dứa bếp, gõ cho con một cái, chú bé hoảng sợ co giò chạy ra khỏi nhà. Chú đi, đi mãi và xa mẹ từ đó.

Ba mươi năm đã qua, bà mẹ đã già nua, vẫn bán hàng từng buổi chợ để mưu sinh. Một hôm đang buổi chợ, bà gặp một vị Tăng trung niên, ghé qua hàng hỏi thăm qua gia thế và đề nghị giúp đỡ bà bằng cách đem về chùa nuôi dưỡng. Bà cụ nhận lời và vào chùa công quả từ dạo đó.

Ngày tháng dần qua, đã đến lúc bà cụ từ giá cõi đời. Hòa thượng trụ trì, tức vị Tăng đã đề nghị mang bà vào chùa đạo trước, có việc phải đi bố giáo phương xa. Trước khi đi, Ngài dặn các môn đệ rằng nếu bà cụ mất thì chư Tăng cứ tẩn liệm nhưng đừng mai táng mà phải đợi ngài về. Mọi người đều y lời.

Bà lão mất được một hôm thì Hòa thượng trở về. Đứng trước quan tài mẹ Hòa thượng thấp hương và khấn vái rằng :

- Trong kinh Phật có dạy, một người con tu hành đạt đạo, cha mẹ sẽ được sanh thiên. Nếu lời nói ấy không ngoa thì xin cho chiếc quan tài này bay bổng lên và vỡ làm ba mảnh.

Hòa thượng vừa dứt lời, chiếc quan tài dựng thân xác bà cụ từ từ bay lên, bổng hạ xuống vỡ làm

ba mảnh. Trước sự kinh ngạc của toàn thể hội chúng, Hòa thượng bèn thuật lại thân thế của mình, chẳng ai đâu xa lạ mà chính là chú bé thả cua dạo nọ. Từ đó, người ta gọi Ngài là Hòa Thượng Cua, và cũng theo lời người kể ba mảnh vỡ của chiếc quan tài hiện vẫn còn tồn tại ở một ngôi chùa Bắc Việt để mọi người ghi nhớ câu chuyện lạ lùng và cảm động về Hòa Thượng Cua và vị thân mẫu sinh ra Ngài.

**"Tu một thuở cứu thân vĩnh kiếp
Độ mình còn cứu vớt Mẹ Cha
Thuyền to một chiếc sắm ra
Tất nhiên chở hết cả nhà xuống đi".**

Hái hoa cúng Phật

Một thời Đức Phật ở thành La Duyệt Kỳ. Lúc bấy giờ vua trong nước thường hay sai 10 người đi hái hoa. Một hôm, những người này ra ngoài thành hái hoa xong, liền trở về. Giữa đường gặp Đức Phật hào quang chói sáng tướng tốt oai nghi, như mặt trăng giữa các vì sao, như mặt trời mới mọc, xung quanh lại có rất nhiều vị Bồ tát đệ tử theo hầu.

Các người hái hoa liền đến trước Đức Phật, chấp tay đánh lễ và bạch Phật rằng :

- Mạng người rất khó bảo toàn, Đức Phật rất là khó gặp, kinh Pháp rất là khó được nghe. Nay chúng con được gặp bậc Đại Thánh, thật chẳng khác gì người bệnh gặp vị lương y. Chúng con vì lòng tham dục mà phải đi hành dịch như thế này, mỗi ngày phải đi hái hoa về dâng cho vua, nếu chậm trễ thời bị hình phạt. Nhưng ở đời được gặp vị Thánh Nhân là rất khó, trăm kiếp ngàn đời

may mới gặp một lần, đầu cho chúng con phải bỏ thân mạng, chúng con cũng rất hoan hỷ dâng hoa cúng dường Phật cùng Thánh chúng, được thọ lãnh kinh giới, nghiên cứu suy tầm Phật Pháp cao sâu, trí tuệ vô cùng tận. Chúng con trải qua vô số kiếp, bị người hãm hại không sao kể xiết, nhưng chúng con chưa được vì Phật Pháp mà hy sinh thân mạng. Nay chúng con xin dâng bó hoa Tam Bảo cúng dường Đức Thế Tôn, đầu có vì việc này mà bị hại, chúng con cũng khỏi dọa vào đường dữ, được sanh lên những cảnh giới an lạc. Chúng con xin thành tâm qui y, đánh lễ Đức Thế Tôn.

Đức Phật biết rõ tâm ý chân thành của các người dâng hoa, tâm sanh lòng thương mến vô hạn, liền đem giáo lý Đại thừa ra giảng dạy, khiến cho mọi người đều phát đạo ý, khai sáng Phật tuệ, chứng được bậc bất thối chuyển, không còn bị dọa lạc. Đồng thời Đức Phật thọ ký cho những người hái hoa tương lai sẽ thành Phật hiệu là Diệu Hoa.

MINH CHIAU

"Ở đời ai nghèo đến nỗi không có thân.

Thấy người làm việc thiện, tự mình giúp hoặc sanh tâm
hoan hỷ tán thành, như vậy cũng gọi là thí chủ, cũng
được phước đức".

Con trâu

Bác nông phu vác cày lên rồi đánh trâu ra đường, vừa đi bác vừa nhẩm tính : "Còn 3 hôm nữa là ta cấy mạ".

Bác sung sướng vì năm nay bác được mùa, bây giờ bác còn mong đợi ở thắng lợi ở mùa trái nữa, bác cười thầm, tay bác vục mạnh mấy roi vào hông trâu. Bị thúc dục trâu bết bãi bước gấp trên con đường gồ ghề của nông thôn. Làng này nằm một bên đồi hẻo lánh và hiện giờ đang ở trong cảnh yên lặng tịch mịch của ban đêm.

Màn sương vén dần, vừng đông vừa nhô lên khỏi đồi núi, những tia sáng đầu tiên lung linh xuyên qua đám mây trắng, lấp lánh chiếu trên mấy rặng thông. Trước mặt bác là cánh đồng phì nhiêu chạy dài đến tận chân đồi xa thẳm, thỉnh thoảng đôi rạch nước ánh lên vì nắng sớm.

Tắc hò ! Tắc hò ! Miệng bác nông phu lanh lảnh, con trâu nặng nề kéo, chân bác ấn mạnh lên

lưỡi cày, đất bị xẻ từng đường dài uốn cong ra hai bên, như những lượn sóng rẽ ra trước mũi thuyền. Xa xa vài người đang cao cuộc lên nền trời trong. Năm bảy con ác là khắp khểnh dớp mồi trên những sóng đất cày. Từ phía rừng tiếng chim rải rác và gà rừng gáy vang lên trong nhánh lá rậm. Mặt trời càng lên cao, người và trâu nướng mình trong nắng. Lưỡi trâu le dài và nước bọt ràn rụa, mắt trâu lơ lơ vì nắng thiêu, đuôi trâu phe phẩy như van lơn ngọn roi vun vút của bác.

Trâu tuy đã già, nhưng sức còn khỏe. Gia đình bác mỗi ngày mỗi lên, một phần lớn là nhờ trâu. Con trâu này là người bạn quý hóa của bác, rất tận tụy với bác, đã cùng bác vật lộn với cuộc sống và chịu đầm mưa giải nắng để đưa gia đình bác lên. Bác nông phu trù mẫn trâu lắm, nhưng vì quá ham công tiếc việc nên đôi khi bác quên nghĩ đến sức khỏe của trâu cũng như sức khỏe của bác.

Cày hết đám này, bác cày tiếp đám khác, con vật cằn cù ấy vẫn hỳ hục theo mệnh lệnh của bác. Cánh đồng bây giờ hoang vắng, gió bắt đầu đổi chiều. Bỗng tối sầm lại. Từ phương đông mây đen nghịt nặng nề kéo đến khuất mặt trời, rồi đổ mưa xuống. Trâu và người vẫn thân nhiên cặm cụi làm việc trong mưa gió. Gió mỗi lúc mỗi mạnh, những hàng tre ngửa nghiêng, chớp sáng loáng, sét rầm

vang. Một giờ sau mây tan dần mưa thưa hạt, rồi trời tạnh hẳn. Mặt trời lại rực rỡ xé toang màn trời cũ. Khí nóng, hơi bốc lên làm mờ những lũy tre trong làng. Bên kia đồi một vài con chim hót ríu rạc.

Bác nông phu thấy choáng váng đầu, người hơi tê lạnh, mắt loà lên, thả cày xuống lần vào gốc cây đa, nằm xuống bác thiếp ngủ.

Một hồi lâu đứng đợi mệnh lệnh, trâu không nghe thấy bên sau cử động gì, ngoảnh đầu lại thì thấy chủ đã nằm sóng sượt dưới gốc đa, và một con cạp từ đồi mon men đi xuống. Biết chủ mình lâm nguy, trâu vùng vằng một lúc hất văng dù một bên đường ruộng chạy bay vào cứu chủ. Thấy trâu hung hăng cạp lui vào bụi rậm. Trâu nhìn lên mãi không thấy bóng cạp, vui mừng đến húc chủ dậy. Bác nông phu mở mắt, trâu chỉ biết ngược mặt lên phía đồi... Đầu bác còn choáng váng, thấy trâu đến húc mình, bác tưởng trâu thù bác, vùng dậy bác bẻ cây đánh trâu túi bụi, chịu đựng không nổi trước những ngọn roi vô lý ấy, trâu bỏ chạy mà không muốn phản kháng. Bác nông phu mệt lử, vắt roi bác nằm thở hắt hắt rồi mê đi bao giờ không hay.

Trên nền trời lam biếc, từng đám mây trắng đuổi nhau không ngừng. Gió hiu hiu thổi. Bác

nông phu ngũ ngon lành. Không dần được lòng háo sất, một lần nữa cọp ra khỏi bụi rậm, lần mò xuống đồi. Nãy giờ trâu buồn rầu đứng nhìn ngó ngác giữa đồng ruộng, bỗng quay về phía rừng, trâu hoảng hốt, vì cọp đã đến gần gốc đa. Trâu không nhớ những ngon roi tàn bạo, mà chỉ nghĩ đến bốn phận của mình. Trâu chạy đến như bay, cọp nhún mình định vồ lấy bác nông phu, nhanh như chớp, bốn chân trâu nhẹ nhàng, bước đến phủ lên mình bác. Cọp tức giận phồng mang trợn mắt, phốc qua nhảy lại cố vồ cho được mồi ngon. Nhưng vô hiệu, mắt trâu đắm chiều theo mọi hoạt biến của cọp để trương sừng đối phó.

Trong khi đó bác nông phu vẫn mê man ngây đều đều, trong bầu không khí xâm chiếm và kháng cự yên lặng. Cảm cự một hồi lâu, thấy không thể tấn công được nữa, cọp nguyệt trâu lần cuối, rồi trở về núi rừng. Trâu sung sướng rống lên một tiếng mừng chiến thắng. Đang ngủ say sưa bác nông phu giật mình tỉnh dậy, thấy mình nằm dưới bụng trâu, bác khủng khiếp, lồm cồm, vừa bò bác vừa la :

- Làng xóm ơi ! Cứu tôi với, hấn giết tôi !

Trâu nghe bác la vang trời, tưởng bác mừng thoát chết, không ngờ bác vồ lấy cây roi nguy hiểm khi này... Trâu vẫn thân nhiên đứng nhìn

và chịu đựng những hành động phũ phàng của bác. Vừa đánh đập vừa nhiếc mắng :

- Đồ phản chủ ! Tao đánh chết mày.

Trên đường về Tịnh xá, từ xa đức Phật đã nhìn thấy hành động độc ác gây nên bởi sự hiểu lầm của người và nỗi oan ức của vật. Đi nhanh đến, Đức Phật vội đỡ cây roi và bảo :

- Thôi đừng đánh nó nữa, người cho ta cây roi này, vất roi xuống đất, Đức Phật vuốt ve mình trâu :

- Thế là con hết bị đánh rồi.

Trâu như hiểu lời Phật dạy cảm động, nước mắt ràn rụa.

Đức Phật đưa tay thoa nhẹ vào các lằn roi rướm máu trên mình trâu, Ngài ôn tồn bảo :

- Trâu ơi con đau khổ lắm phải không ? Nhưng thôi con đừng buồn tủi nữa, ta đã biết rõ nỗi lòng của con - lòng trung thành mà con đã được trả lại những ngọn roi oan khuất của chủ con.

Đức Phật mãi mê an ủi trâu như quên cả bác nông phu đứng bên cạnh, Ngài nói tiếp :

- Trâu ơi, một lần nữa ta khuyên con đừng buồn chán và con nên biết rằng không những một mình

con, mà chính ta cũng đã nhiều lần ném qua nỗi niềm chua chát ấy.

Con ạ, ta vì thương nhân loại nên ra đời cứu khổ, thế mà có lắm người không thấu rõ lòng ta, họ đã và đang làm le phà hoại và sỉ nhục ta. Nhưng trâu ơi, ta không nản lòng và không cho đó là sỉ nhục, mà những điều đáng sỉ nhục là khi nào không làm tròn phận sự của ta và không đem lại lợi ích, an vui cho mọi người. Con cũng thế, ta khuyên con nên vui lên, tiếp tục chân thành giúp đỡ khi an cũng như lúc nguy cho chủ con và cho tất cả mọi người, thì đó chính là một phần thưởng an ủi lớn lao cho đời con. Còn chủ con thấu hiểu lòng con hay không, điều đó không đáng kể lắm !

Nói xong đức Phật xây qua bác nông phu :

- Luôn hai lần cạp đến định vồ người, mà đều được trâu chống cự để bảo vệ tính mạng cho người. Thế mà vì hiểu lầm, người đã đánh đập trâu. Không tin người hãy nhìn dấu chân của cạp, vừa nói Đức Phật vừa đưa tay chỉ những dấu chân cạp còn lại.

Giật mình bác nông phu vang lên :

- Lạy Ngài con không biết.

Bác chạy đến ôm lấy trâu khóc nức nở :

- Trâu ơi. Con hiếu nghĩa quá !

Một lần nữa Đức Phật thoa nhẹ mình trâu và bảo :

- Thôi ta đi, con ở lại, con hãy làm tròn bốn phận của con nhé !

Từ già bác nông phu, Đức Phật khoan thai xuống đời. Trâu lẫn người bốn mắt ngậm ngùi nhìn theo.

CHÂU ĐỨC

*

Đốt nén tâm hương trước Phật đài,
Phổ Hiền hạnh cả nguyện đừng sai.
Hóa thân vô số làm muôn việc,
Cứu khổ sanh linh khỏi lạc loài.

Sư bác quán tượng

Thuở ấy, có một chàng quán tượng rất sành nghề, bỏ nhà đi tu, gia nhập Tăng đoàn và đi khất thực trên những con đường mà ngày xưa thầy vẫn thường cỡi voi đi. Một hôm, dừng bước thọ thực bên bờ sông Airavati, thầy thấy một gã quán tượng non tay đang cố gắng điều phục một chú voi con, nhưng không thành công, thầy vọt miệng nói với mấy huynh đệ đồng hành :

- Luyện voi bằng cách đó thì còn lâu nó mới nghe theo. Phải đánh nó mấy chỗ nhược da non như chỗ này... chỗ này... thì nó mới sợ.

Gã quán tượng nghe lọt tai, làm theo và quả nhiên con voi chịu phép.

Khi trở về tịnh xá, các thầy Tỷ kheo vui miệng kể cho chúng bạn ở chùa nghe và câu chuyện đến tai Phật. Phật gọi ông sư quán tượng đến, hỏi :

- Có phải ông đã mách nước như thế không ?

- Thừa phải.

Phật quả :

- Này ông thầy vô tích sự ! Ông làm như vậy, nào có ích gì. Đâu phải nhờ cỡi thú mà người ta có thể đi đến nơi giải thoát. Chỉ có người nào biết tự huấn luyện mình, người đó mới đến bờ giải thoát. Ông nên tự luyện mình, đừng có làm cái trò luyện thú như vậy.

"CHẲNG PHẢI NHỜ XE HAY NGỰA MÀ ĐẾN ĐƯỢC CẢNH GIỚI NIẾT BÀN. CHỈ CÓ NGƯỜI TỰ HUẤN LUYỆN MÌNH MỚI ĐẠT ĐƯỢC THỜI".

(Pháp cú 323)

THÍCH NỮ NHƯ THỦY - NHƯ ĐỨC

*

"Những ai thiếu chánh pháp

Tự điều phục thân tâm

Thanh tịnh không nào hại

Mới đáng gọi thương nhơn"

Cây táo núi Thiết Sơn

Xưa, trên núi Thiết Sơn có một cây táo to lớn không biết mọc từ thời đại nào, chỉ biết rằng từ xưa tới nay, chưa ai hề trông thấy cây đó có quả, dù là quả rất nhỏ. Vì thế, nhân dân ở chung quanh vùng đều đặt tên là "bất quả thọ".

Chí Hiếu - một tiểu phu ở miền kế cận, ngày ngày đem tấm thân gầy gò yếu đuối, lên núi kiếm củi bán lấy chút tiền mua rau cháo về phụng dưỡng mẫu thân.

Mẫu thân anh là một bà già hình vóc mảnh mai, tuổi ngoài lục tuần và chỉ sanh hạ ra có một mình anh. Ít tháng nay, bà cụ bất hạnh bị đau mà nhà nghèo không có tiền thuốc thang chạy chữa nên dần dần hóa chứng tê bại nằm liệt trên giường, khiến cho Chí Hiếu ngày đêm nung nấu, phần thương mẹ già bệnh hoạn, phần buồn cho mình số kiếp hẩm hiu không lo tròn bổn phận làm con.

Một tối kia, vầng trăng hiền lành từ từ nhô lên

khôl khu rừng và tủa đầy ánh sáng vào gian nhà ọp ẹp của anh. Trên chiếc chổng tre, lúc này, anh đang kể chuyện hầu mẹ để mẹ khuấy khỏa nỗi niềm đau khổ, bỗng anh thấy bà cụ im bất không trả lời, nghe hơi thở của mẹ đều đều phát ra, anh đoán chắc hôm nay bệnh của mẹ anh có vẻ dễ chịu hơn, nên mẹ anh đã ngủ giấc ngon lành. Nghĩ như thế, anh thấy lòng anh tràn ngập hân hoan liền khe khẽ đứng dậy khép cửa phòng và nhẹ nhàng bước ra nhà ngoài nơi có kê chiếc giường của anh nằm và cũng là cái bếp để thối nấu.

Động tác đầu tiên của anh là mở toang cánh liếp chắn cửa cho ánh trăng thỏa sức chiếu vào, anh giương to lồng ngực hít lấy không khí thì ít mà hít lấy ánh trăng thì nhiều, anh cảm thấy khoan khoái quá bất giác thốt lên :

- Cha chả ! Đêm nay trăng đẹp làm sao !

Nhất là khi nhìn đến mảnh vườn sạch sẽ trước sân đương tắm dưới ánh trăng vàng, khác nào như rải lên trên cảnh vật một tầng kim cương bảo thạch xem thấy vừa mát mẻ vừa mỹ lệ. Những giọt sương lấm tấm bám đọng vào lá cỏ ngọn cây lóng lánh như sao sa trông nào kém gì những hàng ngọc châu quý giá. Anh nghĩ : "Giả thử mẹ ta được mục kích cảnh tuyệt mỹ này của tạo vật an bài chắc người hoan hỷ không biết đến chừng

nào ?" Vừa nói anh vừa phóng tầm mắt nhìn về nẻo xa, bỗng một đạo hào quang trắng xóa qua ánh trăng êm đềm và bắn thẳng vào mắt anh. Hào quang đó quay mấy vòng rồi rơi xuống ngay chỗ trước mặt anh đứng.

Chí Hiếu định thần nhìn ra thì chao ôi ! Bạch hào quang là một vị Lão Hòa Thượng !

Vị Lão Hòa Thượng này xúng xính trong chiếc áo dài trắng tinh và điểm thêm một chòm râu phất phơ đến rún, trắng như bạc. Chí Hiếu hoảng sợ quá, tóc gáy dựng ngược và khắp mình gai ốc nổi đầy. Anh run lên cầm cập lưới lủi lại không nói được câu gì chỉ biết trở mặt sợ hãi nhìn vị lão Hòa Thượng.

Vị Hòa Thượng ôn tồn cất tiếng bảo rằng :

- Chí Hiếu ! Con chớ có sợ hãi ! Bàn đạo là Hòa thượng núi Thiết Sơn lại đây với mục đích chữa bệnh cho mẫu thân con, vì lòng hiếu thảo của con đã cảm động đến Tam Bảo, nhất là lòng ấy đã phát ra từ một người con nghèo nàn như con không tìm ra tiền thang thuốc cho mẹ già thì lại đáng cứu lắm !

Chí Hiếu nghe xong trong lòng xiết bao hoan hỷ, liền quỳ xuống bái tạ vị Hòa thượng. Hòa thượng độ anh dậy và vui vẻ an ủi :

- Con khỏi lo ngại cho bệnh tật của mẹ già ! Hãy mau lên đỉnh núi Thiết Sơn, tìm đến cây táo cổ thụ mà hái cho kỳ được một trái đem về dâng mẹ ăn thì bệnh chi cũng khỏi liền.

Với sự bán tín bán nghi anh áp úng một hồi rồi cung kính thưa cùng Hòa thượng :

- Bạch Hòa thượng, cây táo này đã từ bao đời chưa hề có bói một quả nào thì ngày nay có chi để hái ?

Hòa thượng hờn nhiên nhắc lại :

- Không, hãy nghe lời bàn Tăng, đừng nghi ngờ gì cả !

Chí Hiếu bần tính chất phác chậm hiểu nên vẫn còn hồ nghi, liền hỏi lại Hòa thượng :

- Thật có trái táo như lời Hòa thượng vừa nói không ? Nếu vậy thì sung sướng quá !

Hòa thượng vẫn vui vẻ xác nhận :

- Bàn đạo đâu có nói dối ai bao giờ ! Cây táo đó sở dĩ lần này có trái là vì cảm thông lòng hiếu của con đối với mẹ già. Vậy con nên mau mau hái trái táo về chữa cho thân mẫu đi !

Chí Hiếu cống quýt, thụp lạy Hòa thượng hai ba lần không ngớt, khi ngẩng đầu lên thì Hòa thượng đã biến đi đâu mất.

Đêm đó, anh hồi hộp quá không sao ngủ được, mặc dầu anh đã cố nhắm mắt hàng giờ. Khi gà gáy sáng lượt đầu, như chiếc máy, anh bật nhồm dậy, nhảy xuống khỏi giường rồi xăm xăm mở cửa, đi một mạch lên đỉnh núi Thiết Sơn, nơi có cây táo "bất quả thọ" xem có trái nào chín đỏ như lời Hòa thượng đã mách bảo đêm qua ?

Khi tới chân núi, anh sức nhớ lúc đi đã quên không sang xin phép mẹ và nói để mẹ hay câu chuyện Hòa thượng hiện hình, anh chỉ sợ mẹ anh ở nhà, lúc thức dậy, không thấy anh thì sốt ruột sanh ra lo ngại. Tuy nhiên, việc đã lỡ rồi, anh đành cố mau chân đến đỉnh núi để chóng thu được kết quả đem về.

Phong cảnh núi Thiết Sơn lúc này sương lam còn phủ kín đầy đặc, vạn vật như ngừng lại trong vũ trụ im lìm, các loại muông rừng ra săn mồi ban đêm hầu như đã rút hết vào hang núi, hay gốc cây, không còn con nào đi lảng vảng nữa. Đàn chim sơn ca cũng còn nằm yên trong tổ ấm, hoãn chiu mỏ vào cánh, để cố nín thêm một đôi chút yên tĩnh trước khi thần thái dương le lói hiện hình. Cả đến con ong, con bướm, con kiến, con sâu, giống nào giống nấy cũng e lệ sương mai làm ướt bộ cánh mỏng manh, hoặc làm dính bộ chân mềm yếu nên

chưa con nào chịu nhúc nhích lộ hình ra vội, duy có dòng thác vô tư bên sườn núi không quan tâm gì đến ngày đêm lưu chuyển, nên cứ rù rì thả một điệu nhạc trầm trầm giữa cánh núi vắng rừng hoang.

Mặc đầu trời chưa sáng rõ, nhưng đôi chân Chí Hiếu, với nhịp bước không ngừng, vẫn xuyên qua đèo ngang, rồi đến khe dọc, kể đến ghềnh đá, tới khi mặt trời vượt khỏi đỉnh non âm u, tỏa ánh hiền dịu và huy hoàng lên non sông, thì anh đã leo đến lưng chừng sườn núi. Anh chỉ còn nỗ lực một phen nữa là tới đỉnh tức là nơi có cây táo : "bất quả thọ" đang chờ đón anh theo như lời Hòa thượng đem qua.

Ngặt vì khoanh núi này ghềnh đá cheo leo, cây mọc rậm rạp, anh cố leo hết những phiến đá nhô ra như tai mèo, thì vấp phải những tấm quái thạch sừng sững như vách dựng. Nhưng với tâm thành nồng nhiệt và một chí nguyện hăng hái, anh cũng đã leo được đến đỉnh núi. Lúc đó, mặt trời vừa đứng giữa đầu.

Anh ngửa mặt lên cây táo, quả nhiên là một cây cổ thụ rườm rà, trong đám lá xanh, lộ ra một trái táo to bằng vốc tay và chín đỏ như son chẳng khác gì vùng thái dương mọc ở giữa từng mây dày đặc. Anh reo lên :

- A ha ! Quả táo đây rồi. Hòa thượng quả nhiên không nói gạt ta ! Trăm lạy Hòa thượng, người thật đã vì kẻ khổ, kẻ bệnh, kẻ nghèo mà mở đường cứu vớt.

Anh vừa nói vừa tán dương công đức Hòa thượng thì trên cành cây táo bỗng nhiên thấy nhiều quả táo xuất hiện đồng thời, và chỉ trong phút chốc quả nào quả ấy cũng vừa to vừa chín đỏ ối làm cho cành cây nặng trĩu phải rũ xuống thấp lè tè.

Anh mừng quá, hai tay ôm chặt lấy thân cây và đôi chân ngoảnh ra đằng trước lấy sức đẩy mạnh người lên trên cao như con nhái bầu ôm sát bụng vào cọc tre leo lên giàn. Khấp người anh mồ hôi nhễ nhại tuôn ra, làm ướt cả áo quần. Cũng may, cây mọc ở trên cao nên có khí trời trong có gió mát, nhờ đó làm giảm được sự trèo leo vất vả một vài phần.

Khi anh trèo được lên cây rồi, lòng tham lam bắt đầu mở rộng, anh thấy hết cảnh này đến cảnh khác, tích được một số khá nhiều, anh liền cởi áo buộc lấy, rồi thoăn thoắt đi thẳng một mạch về nhà, anh vào ngay phòng mẹ nằm, đặt bọc táo trước mặt mẹ cười cười nói nói :

- Mẹ ! (anh vừa nói vừa giở áo ra) Mẹ ăn đi ! Ăn rồi sẽ khỏi hết mọi bệnh, mẹ ạ !

Mẹ anh mở to mắt nhìn thẳng những quả táo và hỏi :

- Ô ! Ở đâu có của quý hóa thế này con ? Ai cho con ? Hay đi hái trộm của người ta ? Mẹ chắc con chả làm gì có tiền mua được nhiều táo quý đến như thế !

- Mẹ ăn đi ! Rồi con sẽ kể lai lịch để mẹ nghe.

- Không ! Mẹ không ăn đâu, nếu chưa biết rõ của này từ đâu mà có. Nếu là của phi nghĩa thì không nên ăn con ạ !

- Con đã nói là mẹ cứ ăn đi, con cam đoan không phải là của ăn trộm ăn cắp đâu mà sợ !

- Vậy con kể mẹ nghe mau lên ! Gớm, sáng nay con tự nhiên bỏ nhà đi, mẹ gọi mãi không thấy con thưa, làm cho mẹ lo hết vía.

Chí Hiếu liền đem các chuyện xảy ra kể lể : Nào vị Hòa thượng cây táo Thiết Sơn hiển hiện ra như thế nào, cùng chuyện đi lấy táo trên cây "bắt quả thọt" ra sao, nhất nhất nói cho mẹ nghe một lượt. Mẹ anh nghe rồi hết sức ngạc nhiên, hai tay cứ chấp lại vái lạy và miệng thì luôn luôn niệm Phật.

Bà cụ tạ ơn Phật, tạ ơn vị Hòa thượng trên núi Thiết Sơn, rồi cầm quả táo đưa lên miệng thấy một mùi hương ngào ngạt xông lên, khi miếng táo

lọt vào mồm rồi bồng tiết ra một thứ nước cam lồ vừa mát vừa ngọt, tưởng chừng như nước đó chảy khắp cơ thể đem theo một thần lực thấm nhuần làm cho khoan khoái các cơ quan trong người, khác gì ruộng khô mà được mưa tưới. Chỉ trong phút chốc bà mẹ của anh, nằm liệt giường hằng mấy tháng, bỗng nhiên ngồi nhồm dậy và tập tễnh từng bước nhỏ lẻ được ra đến cửa ngoài.

Tin này đồn đi, trong vài ngày khắp vùng đều biết tiếng. Cả đến thị trấn lân cận cũng lũ lượt kéo nhau đến nhà Chí Hiếu xin ban trợ cứu cho. Người đem cha mẹ lại, người đem anh chị hay vợ con lại, tất nập đầy nhà, mà toàn là những bệnh kinh niên hiểm nghèo, mười phần chết hết chín. Chí Hiếu liền đem một phần số táo chia cho mọi người, quả nhiên ai ăn xong cũng đều khỏi bệnh.

Từ đấy, nhà Chí Hiếu hết toán này đến toán khác vào. Anh nghĩ bụng : "Tại sao ta không bắt bệnh nhân mỗi người phải đóng một phần tiền phí tổn về công phu của ta đi hái táo ? Thiết tưởng làm như vậy cũng hợp lý chứ có sao đâu ? Nghĩ rồi, anh liền yêu cầu mọi người phải trả tiền thì anh mới cho táo. Thế mà số người đến mua vẫn đông, cứ vài ngày anh lại bí mật lấy táo về bán.

Chí Hiếu nhờ đó, thu vào rất nhiều tiền, tiền càng vào thì anh càng mở thêm rộng lòng dục

vọng. Trước còn thu gấp đôi gấp ba giá đã định, sau thu gấp năm gấp sáu, rồi đến gấp chín, gấp mười. Lúc này để chóng làm giàu, chứ không dòm ngó chi đến cảnh ngộ của người bệnh túng nghèo, nghĩa là có đưa đủ số tiền mới bán táo. Và chỉ thấm thoát trong vòng mấy tháng, một anh tiểu phu nghèo nàn bỗng nhiên trở nên một vị giàu có nhất vùng, khiến cho nhiều người phải lác mắt.

Một hôm có người con gái tiến vào quầy mọp dưới đất cầu khẩn van lơn anh, mỗi lời nói là một hàng lệ giàn giụa :

- Trăm lạy ông ! Ngàn lạy ông ! Xin ông bố thí cho tôi một trái táo thần để về dâng mẹ, mẹ tôi bệnh đang hấp hối, chỉ còn trông đợi ở táo thần của ông cứu mạng mẹ tôi !

Chí Hiếu lên mặt đạo đức chậm rãi nói :

- Nghe lời nói tôi cũng thấy thương. Chỉ vì lâu nay táo ít quá quá, nếu cô không trả tiền thì khó lòng mà bố thí cho cô được ! Nói xong, anh cất bước đi vào nhà trong, mặc cho thiếu nữ nức nở khóc than kêu cầu, nước mắt cứ chảy như mưa, nhưng thủy chung anh vẫn giữ một mực không có tiền là không có táo. Thiếu nữ không biết làm sao được đành thất vọng đứng lên đi về.

Đêm hôm đó, trên đỉnh Thiết Sơn, dưới bóng trăng soi vàng vặc tạo nên quang cảnh rất nên thơ, tân phú ông Chí Hiếu đứng dưới gốc cây táo thần, ngửa đầu lên ngắm nghĩa tàn cây xanh tươi, bất giác bật lên giọng cười khanh khách tỏ ra vẻ đắc ý, bỗng có một đạo hào quang vút qua rồi hiện sừng sững trước mặt anh : Vị Hòa thượng áo trắng râu bạc ngày trước. Nhưng vị Hòa thượng lần này không tươi cười mà trái lại hiện ra với sắc mặt nghiêm nghị bảo anh :

- Hỡi Chí Hiếu ! Người thiếu nữ đến nhà ngươi ngày hôm qua thật có hoàn cảnh đáng thương ! Sao ngươi không thỏa mãn lời ai cầu của kẻ nghèo nàn mà cứ nhất định đòi nhiều tiền mới bán táo cho ? Như vậy ngươi quả là người không có tâm từ mẫn mà chỉ muốn mở rộng lòng tham lam dục vọng thôi ! Từ nay, cây táo này không cấp quả cho ngươi nữa và bao nhiêu những gì ngươi đã hưởng từ trước, nhất nhất phải thu về !

Nói xong vị Hòa thượng lấy tay rút cây táo lên khỏi mặt đất và ném thẳng ra bể Đông.

Chí Hiếu sợ hãi quá, lùi thối ra về, trong lòng tuy buồn nhưng yên trí rằng nhà đã giàu có, dù có mất cây táo cũng không sợ. Kịp khi về đến nhà thì bỗng lạ thay ! Cửa nhà đã hiện nguyên hình là một túp lều tranh với chiếc lá bẹ nát y nguyên

như khi trước, còn những lâu đài mới xây cất
tráng lệ thì không biết biến đi đâu mà tuyệt nhiên
chẳng còn lưu lại một vết tích gì cả ! Ngay chiếc
áo cấm đoạn bằng thứ vóc đắt tiền mà anh mặc
trên mình lúc này cũng chỉ còn là một cái áo vừa
rách vừa vá của anh vẫn mặc khi xưa ! Anh đứng
ngắm nghĩa cơ nghiệp đã mất đành chùi nước mắt
mà hối hận cho cuộc đời trở lại nghèo nàn của anh.

Than ôi ! Tiền của ở đời,

Đã xui lòng thế bao người tham sân.

Nghĩ gì hái quả, trồng nhân...

Chí Hiếu biết hồi thì thân đã tàn !

Thôi còn chi nữa thở than ?

Cơ hàn, giờ lại cơ hàn như xưa !

PHIAM NGỌC KHUÊ

*

"Càng được càng thấy thiếu,

Càng tri niếu càng thấy chơi vơi"

Chàng ngọc

Sau lũy tre xanh kia, là gia đình của đôi vợ chồng son. Chị buồn bán đám đang, anh siêng năng chất phác. Tuy gặp nhau đã tám, chín năm mà chưa có con cái gì cả, song vợ chồng rất hòa thuận và tin yêu nhau hết lòng. Nhờ sự đồng tâm nhất chí, lại biết cần kiệm dành dụm nên không bao lâu anh chị được giàu to. Đại phạm khi lù xì thì không nói, chứ đã giàu mà thiếu chữ "sanh" sao coi không được. Và lại phương ngôn có câu : "Vợ ngoan làm quan cho chồng" chị liền đem vàng mua cho anh hai chữ "Bá hộ". Thế là khi có đình đám đâu, anh cũng có áo địa xanh, khăn chữ nhất, bệ vệ đi trước. Chị thì tóc đuôi gà, giày hàm ếch dùng đình theo sau.

Người ta thường bảo "*Phước bất trùng lai*" (phước không khi nào đến hai lần) nhưng anh chị nhà này đã "cách mạng" câu nói ấy. Vì sau khi ăn khao Bá hộ được ít lâu, thì chị sanh hạ một cậu con trai. Vì hiếm hoi nên vợ chồng đặt

tên con là "Cái ngọc". Ngọc siêng ăn, chóng lớn, dễ nuôi, thậm thoắt thế mà đã lên mười rồi đấy, vợ chồng cho con nhập học ở ngay trường làng. Xưa nay hễ phú quý thì sanh lễ nghĩa, nên anh chị nuôi một chú bé cũng trạc tuổi con để ngày hai buổi ôm tráp hầu cậu đến trường. Tưởng đặt ngọc chơi ai ngờ ngọc thật, thầy hết ăm rất cố, chữ nhất cũng không vô. Một tráp đựng đầy nghiên với bút, mà trong lòng chẳng có chút văn chương. Tuy học chậm, nhưng lớn mau. Cái Ngọc đã thành cậu Ngọc, một thanh niên mười tám tuổi.

Một hôm cha mẹ cho lên dinh chơi phố. Cậu Ngọc ngó ngang như mọi về thành nội, thấy cái gì cũng đẹp, cũng ưa. Khi đi ngang một tòa biệt thự thì cậu đứng nhìn sững.

- Ô nhà ai đẹp quá ! Ba tầng cao ngất, hai tầng dưới thì còn đẹp vừa, chỉ có tầng trên hết là đẹp nhất, có bao lớn rộng, có chậu hoa to, trang hoàng mát mẻ mà nghiêm lệ.

Cậu bảo với tên tiểu đồng :

- Không biết ai làm ngôi nhà này mà đẹp quá !

Có anh thợ nề đi qua, tình cờ nghe thế, liền đứng lại bảo :

- Nhà này là của quan Thượng thư thuê tôi làm năm trước đây.

Cậu Ngọc mừng quýnh, liền mời anh thợ cùng về với mình, để xin cha mẹ cất cho một tòa lầu như vậy.

Thợ cũng mừng quýnh, liền theo ngay cậu Ngọc về quê. Ngọc thưa cha mẹ công chuyện và bảo bác thợ vẽ bản đồ nhà ấy cho cha mẹ xem. Khi trừ giá tiền thì thấy đắt quá, cậu Ngọc cầm ngay bút quẹt hai tầng dưới, bảo :

- Thôi hai tầng dưới này không cần bác ạ, bác chỉ làm cho tôi cái tầng thứ ba kia.

Thấy bác thợ ngỡ ngàng, cậu Ngọc giải thích :

- Nếu làm cả ba tầng thì nhiều tiền quá, mà hai tầng dưới xấu tôi không ưng, vậy bác chịu phiền làm ngay tầng thứ ba cho tôi thôi.

Bác thợ tưởng món bỏ bỏ việc theo cậu Ngọc về, nay nghe cậu Ngọc nói ngờ ngẩn bác thợ chưng hửng, tức quá bác "xì" một cái thật dài rồi đi thẳng. Bác về kể chuyện lại mọi người đều cười lăn ra.

Câu chuyện này Đức Phật ví dụ với những người đệ tử Phật, không chịu bỏ dữ làm lành, giữ gìn ba nghiệp v.v... đã vậy còn chê những quả vị

thấp (Tu Đà Hoàn) mà muốn bước ngay lên địa vị A La Hán, nên bị người đời chê cười, cũng như cậu Ngốc trong câu chuyện này vậy.

THIỆ QUẢN



"Không có kẻ thù nào có thể gây tai hại cho ai nhiều bằng những tư tưởng sân hận, si mê, tham ái của chính mình".

Mảnh lực lời nguyên

Một hôm, sau khi khát thực, thợ trai xong trở về Kỳ Viên tịnh xá, đức Thế Tôn được báo cáo có một vị tân Tỳ kheo (Tỳ kheo mới thọ giới) lâu nay bỗng dưng ra thần thờ, biếng nhác, không chịu đi khát thực, không tọa thiền, không ăn uống. Phật đi đến am thất của vị Tỳ kheo ấy, thì thấy Đại Đức râu tóc mọc dài, mặt mày tiêu tụy hốc hác, Phật biết ngay đó là tình trạng của một người đã bị một con hổ cái hớp hồn. Đứng từ bi khế ngồi xuống cạnh giường người bệnh, ôn tồn thăm hỏi. Vị đệ tử sa nước mắt thú thật với Ngài :

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cứu vớt con, thật sự là con đã bị nữ sắc lời cuốn. Con cố chống cự mà dường như vô hiệu, hình ảnh "nàng" mãi ám ảnh tâm tư con, làm cho con đau khổ. Con thật không xứng đáng là Tỳ kheo. Con muốn chết.

Đức Phật mỉm cười an ủi :

- Con hãy bình tĩnh lại. Mê gái là chuyện

thường. Điều cốt yếu là con phải sáng suốt vượt qua, không có gì là trăm trọng cả.

- Bạch Đức Thế Tôn, làm sao con vượt qua được, khi mà hình ảnh mỹ miều khả ái của nàng cứ ám ảnh con hoài ?

- Đó là con mới nhìn qua một lần, mà không nhiếp tâm quán sát. Con chỉ mới thấy một cái đẹp mà chưa thấy những cái xấu, và nguy hiểm của đàn bà. Nếu con thấy được toàn diện như thế, thì con sẽ thoát ra sự đam mê. Đối với sắc, cần phải quán ba điều : vị ngọt, nguy hiểm, và sự xuất ly khỏi sắc.

- Rồi Đức Thế Tôn kể cho vị Tỷ kheo một ký ức tiền thân, Ngài cũng đã từng bị nữ sắc mê hoặc, nhưng nhờ sáng suốt mà Ngài đã vượt qua.

Thuở ấy, Ngài làm một vị vua trẻ đẹp, tài đức vẹn toàn. Vì ham việc nước, vua chưa nghĩ đến việc tuyển hoàng hậu. Giúp vua trị nước có quan tể tướng, phong tư tài mao tuyệt vời cũng chưa có vợ. Tình vua tôi tuy lễ độ mà rất tương đắc.

Bấy giờ trong lãnh thổ cai trị của vua có một nhà tỷ phú có cô con gái sắc nước hương trời, xa gần đều biết tiếng. Cô có một sắc đẹp mê hồn, làm cho thanh niên nào thấy cô là "tá hỏa tam tinh", hồn siêu phách lạc, té ngựa người ra bất tỉnh nhân sự. Cũng may

cho những thanh niên, cha cô quý cô như lá ngọc cánh vàng, và theo phong tục Ấn Độ thời đó, đàn bà con gái ra đường phải che mặt lại bằng tấm voan mỏng (chỉ chừa hai con mắt để dòm ra cho thấy đường khỏi vấp té) cho nên ít người đàn ông nào có dịp thấy cô mà phải tán đờm kinh hồn.

Vì sao cô gái ấy lại có một số phận kỳ quái như vậy ? Đó là do mệnh lực của một lời nguyền của nàng từ kiếp trước.

Tiền thân nàng là một cô gánh nước mướn nghèo khó. Một hôm đi gánh nước, cô gặp một bà mặc chiếc "Sa ri" (kiểu áo của phụ nữ Ấn, chỉ là một tấm vải rộng quấn quanh mình, phủ cả đầu, chừa cái mặt) bằng Katê vàng rất đẹp, cô ao ước được có một chiếc Sari như vậy, và hỏi : bà đã mua nó bao nhiêu tiền. Bà ta cho biết một giá tiền kinh khủng, nhằm tính ra cô phải gánh nước thuê những mười năm mới đủ tiền sắm nó. Nhưng vì quá yêu thích chiếc áo đẹp, cô nhất định phải có nó. Bà kia thấy cô khát khao như vậy, bèn đề nghị cô đến làm nô tỳ ba năm bà sẽ cho một cái áo giống hệt bà đang mặc. Cô gái đồng ý ngay.

Mãn hạn nô tỳ ba năm, cô được xấp hàng mới đem về, trở lại với cuộc đời tự do gánh nước mướn. Khi cầm xấp hàng đi giữa đường, cô gặp một vị Tỷ kheo, người quần toàn lá chuối khô để che thân,

nhạc nhiên cô hỏi : thì biết được vị ấy đi đường bị kẻ cướp đoạt hết y phục nên bây giờ phải quần tam lá chuối khô như vậy. Động lòng trắc ẩn, cô dâng cả xấp hàng cho vị Tỷ kheo. Vị Tỷ kheo đi vào bụi rậm trút bỏ lá chuối khô, khoác lên mình chiếc y vàng ấy. Khi Đại Đức từ trong bụi bước ra, người con gái bàng hoàng sững sốt trước vẻ đẹp sáng chói của Ngài, tưởng như Phật vừa giáng thế. Nàng quỳ xuống phát nguyện :

- Mong rằng nhờ phước dâng mảnh y này, kiếp sau con sẽ được một sắc đẹp siêu phàm, làm cho nam nhi thấy con thì phải mê mẩn, rụng rời tay chân (như là con thấy Ngài vậy !).

- Con sẽ được toại nguyện.

Vị Đại Đức chúc lành cho cô rồi bỏ đi.

Lời nguyện quái ác của cô gái được thành tựu. Nhờ công đức bố thí đó, kiếp hiện tại cô được sanh vào nhà giàu có, nhưng cũng do lời nguyện, cô được cái sắc đẹp làm mê mẩn hồn người như một bả phù thủy.

Bấy giờ trong triều, quan Tể tướng và đình thần bàn nhau :

- Đấng minh quân của chúng ta đã đến lúc nên tuyển ngôi chánh cung để sanh con nối dõi.

Không biết cặp mắt xanh của Ngài đã để ai lọt vào chưa ?

Quan Tế tướng nói :

- Tôi thường gần vua, thấy Ngài chỉ lo việc dân việc nước, không màng tới chuyện ấy.

- Vậy thì quan Tế tướng nên khuyên vua để chúng ta tuyển chọn một số mỹ nhân trong nước, xem Ngài vừa ý ai thì xin Ngài đặt lên ngôi chánh cung đi. Tục ngữ có câu : Trai không vợ như ghế ba chân.

Quan Tế tướng bằng lòng. Gặp lúc cùng vua nhàn tản, ông mở lời :

- Tâu bệ hạ, bệ hạ thần có trộm bàn chuyện bệ hạ nên sớm yên bề gia thất.

Vua mỉm cười :

- Bộ các khanh đã có mỹ nhân vừa ý, toan kén chọn cho ta ư ?

Quan Tế tướng tâu :

- Dạ, tâu bệ hạ, bệ hạ thần nghe tục ngữ nói : "Trai không vợ như ghế ba chân" nên bàn nhau xin bệ hạ cho đi tuyển về một số mỹ nhân để mắt rông chọn lựa.

Vua cười xòa :

- Các khanh muốn vậy cũng được. Nhưng nếu không kén chọn được người ngọc như ý thì ta thà ở góa thôi.

- Xin bệ hạ yên lòng, chúng thần sẽ ra sức tìm kiếm. Nghe đồn có một tỷ phú ở phương bắc có cô con gái sắc nước hương trời.

- Sao khanh không chọn nàng cho khanh đi ? Khanh cũng đồng tuổi với ta, mà sao mắt xanh chưa để ai vào cả.

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần muốn lo việc bệ hạ trước, kẻ hạ thần tính sau cũng không hại gì.

Được lệnh vua, triều đình mở cuộc sơ tuyển mỹ nhân khắp nước. Tụ họp lại thì quá đông, họ bèn yết bảng khắp nơi và cho người đi rao bằng ống loa rằng, nhà ai có gái đẹp hãy nộp hồ sơ bằng một tấm hình, các chi tiết về người đẹp như bề cao, cân nặng, vòng ngực, vòng eo, lưng ong, lưng tôm hay lưng ếch, giọng kim, hay giọng thổ, đi chân chữ bát hay chữ nhất... Chỉ trong vòng hai tuần lễ, hồ sơ mỹ nữ gởi đến triều đình tấp nập như bướm bướm. Xem xong mấy ngàn tấm hình họa mỹ nhân, nhà vua không vừa ý người nào cả. Quan Tể tướng cũng đồng ý với vua là không có người nào xứng đáng trong số đó. Ông bỗng sực nhớ ra, trong số mấy

ngàn hồ sơ không hề thấy hồ sơ của cô con gái nhà tỷ phú nọ. Ông bàn với vua :

- Tàu bè hạ, kẻ hạ thần xin cử một phái đoàn của triều đình gồm những quan giỏi tướng số đi đến nhà tỷ phú ấy, xem tướng cô gái ấy đẹp như thế nào, nếu quả xứng đáng vừa ý nhà vua thì xin tuyển làm chánh cung.

Nhà vua chấp thuận đề nghị ấy. Quan Tế tướng bèn chọn mười viên quan giỏi về nhân tướng và lý số đi đến nhà tỷ phú xem mặt cô gái. Người thì có biệt tài xem tướng mặt, người xem tướng lưng, người xem tướng gò má, người xem tướng đi tướng đứng tướng ngồi, tướng giọng nói mắt nhìn... Sao cho tất cả con người của cô biểu lộ cung cách của một vị hoàng hậu xứng với đức vua đẹp trai phong nhã tài tình của họ. Sắp đặt xong xuôi, triều đình báo tin cho ông tỷ phú sẽ có phái đoàn về xem tướng con gái ông để tuyển làm hoàng hậu. Cô gái rất kiêu hãnh về sắc đẹp của mình nên không thêm nộp hồ sơ, cô biết cuối cùng ngôi chánh cung sẽ về tay cô, bởi vậy cô không thêm bận tâm về việc đó. Khi nghe cả đoàn mười vị quan triều đình đến nhà để xem tướng cô, cô cảm thấy tự ái nổi lên dữ dội, định bụng sẽ cho các quan này một phen si nhục ê chề. Cô trang điểm hết sức lộng lẫy, chờ khi các quan vào phòng khách, cô từ nhà trong

xuất hiện, đưa cặp mắt sắc như dao phay liếc qua liếc lại một lượt các ông quan. Bỗng các quan đều đứng ngẩn người ra như phỗng đá nhìn trừng trừng vào sắc đẹp ghê hồn của cô. Cô cất giọng oanh vàng thô thê :

- Xin mời các quan ngồi. Dám hỏi các quan đến có điều chi dạy bảo ?

Các quan cũng không nhúc nhích. Cô gái bỗng đổi giọng danh thép giận dữ nói :

- Nghe đồn triều đình hôm nay phái người về xem tướng ta. Tướng là người, hóa ra là một lũ ngợm thế kia à ?

Rồi quát giai nhân túm từng người ném ra sân. Cô gái thi hành xong việc trả đũa dùng đinh đi vào nhà đóng cửa lại. Khi các quan không còn, trông thấy bóng dáng cô gái thì mạt lực của sắc đẹp nàng cũng tan biến, họ lồm cồm ngồi dậy đứng lên phui áo ra về, rất tức giận cô gái và quyết trả đũa. Khi trở về họ tâu vua :

- Tàu bệ hạ, cô gái ấy là một mụ phù thủy có bùa ngải, bệ hạ không nên rước cái của nợ ấy về nguy lắm !

Nhà vua dễ dãi cười xòa :

- Vậy thì hãy thôi. Tự các khanh bày đặt, chứ

ta đâu thiết gì đến chuyện ấy. Về phần nhà tỷ phú, khi chờ mãi không thấy nhà vua đề cập đến việc tuyển con gái mình làm hoàng hậu, ông bàn với con :

- Ta sẽ gả con cho quan Tế tướng, con chịu không ?

Cô gái làm bộ e lệ đáp :

- Tùy ý cha.

Thâm tâm cô cũng nghĩ đó là thượng sách để trả thù ông vua kiêu căng không thèm đoái tới cô. Tế tướng chỉ dưới vua một bậc, không được làm hoàng hậu, nhưng được làm mệnh phụ phu nhân thì cũng tốt số lắm rồi.

Ông tỷ phú cho người môi giới đến nói với quan Tế tướng, ông muốn gả con gái cho người. Quan Tế tướng thấy việc nhà vua lơ là với việc vợ con, nên không dám gượng ép Ngài nữa. Lâu nay quan cũng muốn để dành mỹ nhân cho vua, bây giờ sau vụ xem tướng, cái nhân duyên giữa vua và nàng kể như đã lỡ. Quan bèn chấp thuận cưới cô gái vì quan cũng không muốn làm "ghế ba chân" mãi, lòng chông thế nào !

Thế là đám cưới xảy ra giữa quan Tế tướng và cô con gái nhà tỷ phú. Nhờ tục lệ che mặt, nhà vua

tuy có dự đám cưới cũng không thấy mặt nàng nên khỏi bị ngư ngấn thần hồn. Chỉ mình quan Tể tướng sau khi cưới về mới ngư ngấn trước sắc đẹp siêu phẩm của vợ (chỉ một lúc đầu thôi, sau quen mặt thì không sao). Quan từ đấy cẩn thận khóa cửa mỗi khi vào triều để cho bà vợ có sắc đẹp mê hồn khỏi bị ai thấy, đúng hơn khỏi bị ai thấy, mà phải bán loạn tinh thần.

Tể tướng phu nhân vẫn ôm lòng thù hận nhà vua, và muốn vua phải thấy mặt mình một phen, cho bị điên đảo cho bỏ ghét. Bà để tâm chờ cơ hội.

Hôm ấy gặp ngày mừng quốc khánh. Quan Tể tướng vào triều sớm dặn nàng.

- Hôm nay có xe loan của Hoàng thượng đi ngang đường mình để về cung sau khi xem duyệt binh. Vào giờ xe vua đi ngang em hãy lách mặt kéo vua nhìn thấy, không hay cho Ngai.

Phu nhân già bộ vâng lời :

- Thưa lang quân, vâng ạ !

Nhưng trong lòng mừng khắp khơi vì được dịp báo thù. Đúng giờ vua đi ngang bà trang sức lộng lẫy, ra đứng ở bao lơn cầm sẵn một rổ hoa bấc từng nắm tung xuống xe hoa của vua đang chậm chậm diễn qua dưới đường trước tiếng tung hô vạn tuế

của dân chúng. Những cánh hoa tươi thơm ngào ngạt mưa xuống đầy long bào nhà vua, vua ngẩng lên nhìn thì chao ơi ! Ngài bủn rủn cả tay chân, tâm thần tán loạn không còn biết gì nữa... Đôi mắt mỹ nhân đắm đuối theo dõi nhà vua mãi như một oan hồn. Trở về cung, vua leo lên long sàng nằm dài, không còn thiết gì ngủ nghỉ, ăn uống, hình tướng mỹ miều của Tể tướng phu nhân như dán chặt trước mặt nhà vua. Đau khổ, vua thở dài thườn thượt.

Quan Tể tướng đã biết rõ sự tình, bèn đi vào bên vua tâm sự :

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần xin nhường lại cô vợ cho bệ hạ đó. Xin bệ hạ hãy hồi tỉnh lại để lo việc nước việc dân.

- Khanh tốt bụng quá, làm cho ta thấy hổ thẹn. Không bao giờ ta nỡ đi cướp một báu vật của khanh.

- Tâu bệ hạ, đối với kẻ hạ thần, chỉ có Hoàng thượng là kho báu của cả muôn dân. Để bảo vệ mạng sống của Ngài, thì dù có mất mạng của kẻ hạ thần cũng vui lòng, huống hồ chỉ là một người con gái.

Nhà vua vẫn tư lự u sầu không thuận lời đề nghị hiến dâng ấy. Quan Tể tướng bèn đánh một đòn mạnh hơn.

- Thôi thì kẻ hạ thần sẽ viết tờ khai trừ bà vợ, cho nàng về lại nhà cha mẹ. Bệ hạ muốn thì tuyển nàng vào cung, mà không muốn thì thôi kẻ hạ thần cũng nhất quyết ly dị.

Nhà vua giật mình ngồi dậy mở mắt lớn nhìn quan Tể tướng :

- Nàng có tội gì mà khanh nỡ dứt tình như vậy ?

Quan Tể tướng thấy nhà vua trúng kế của mình, bèn làm tới :

- Nàng có tội rất lớn, đã đem sắc đẹp mê hoặc nhà vua, làm cho nhà vua, cột trụ của muôn dân phải tiêu ma chí khí, thân bại danh liệt. Tội ấy đáng tru di.

Nghe mấy lời ấy, nhà vua như bị một gáo nước lạnh dội từ trên đầu dội xuống, làm cho ngài tỉnh hẳn, khôi ma lực của nữ sắc. Ngài cười xòa đứng dậy :

- Tể tướng, thôi ta đã hiểu. Mọi sự chỉ vì ta mê muội lú lẫn trong chốc lát. Khanh sẽ thấy, cũng đã thấy, là ta không phải hạng mê gái tới chết đâu. Khanh hãy yên tâm ra về. Bùa lực của nàng đã tan biến nơi ta.

Kể xong chuyện, đức Thế Tôn cho biết nhà vua

là tiền thân của Ngài, còn quan Tể tướng chính là
A Nan Tôn già ngày nay.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Người ta lấy lửa thử vàng, lấy vàng thử đàn bà, và lấy
đàn bà thử đàn ông".

Nụ cười em bé

Xưa có một vị Sa di lớn tuổi, chuyên tu khổ hạnh, chứng quả A La Hán. Người thường ở mãi trong núi sâu, không giao tiếp với ai, quyết chí tu luyện các phép mầu và điều phục mọi phiền não để cầu quả vị Vô Thượng Chánh Giác.

Một làng nọ, sát chân núi, có một em bé mới lên bảy tuổi, mặt mày sáng sủa, tư chất thông minh trông có vẻ khác thường lắm. Mặc dù tuổi còn nhỏ, nhưng em rất mến chuộng Phật Pháp, vì vậy mà em đã sớm gỡ bàn tay âu yếm của người mẹ hiền tìm thầy học đạo.

Một hôm, trên đường tìm thầy vất vả trên núi sâu, em gặp một vị A La Hán đang ngồi tham thiền trên tảng đá lớn. Em mừng rỡ quá, tâm hồn bừng sáng lên, em liền đánh lễ vị A La Hán xin làm đệ tử hôm sớm với thầy học đạo. Thấy em bé tướng mạo đẹp đẽ phương phi, có chí hướng xuất trần, vị A La Hán thấu nhận làm đệ tử và trong

tâm tưởng rằng em bé này mai sau sẽ nối sự nghiệp mình để duy trì Phật Pháp.

Trải qua một năm trường học tập, tu dưỡng em bé ấy không lúc nào lãng xao mà mỗi lúc mỗi tinh tiến thêm nữa. Vì vậy mà em sớm được thần thông tự tại, mắt thấy thấu suốt các quốc độ nhiều như vi trần, tai nghe hết mọi thứ tiếng khắp nơi, tùy theo ý mình có thể thay đổi hình dáng bay khắp trong không gian vô biên tự tại. Đồng thời em có thể biết hết các cuộc đời quá khứ của mình, rõ thấu nguồn gốc chân giả trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai.

Một hôm em bé ấy ngồi tham thiền, thấy cuộc đời quá khứ của mình nên mỉm cười, trông có vẻ nên thơ lắm.

Thấy em bé cười rất dễ thương, vị A La Hán hỏi :

- Vì sao đương khi tham thiền con lại cười thế ?

- Bạch Thầy. Con cười với con, đời trước cũng như đời này làm một người con để lại cho năm người mẹ ngày đêm khóc lóc, buồn rầu, tủi phận tình thương con không một phút nguôi phai. Con là đứa con làm cho năm người mẹ đau khổ, thân thể hao mòn, mất hết hạnh phúc. Bây giờ năm người mẹ ấy vẫn còn và còn nhớ con, khóc vì con

quên ăn bỏ ngủ. Thân con như điên chớp, như sương mai, năm bà mẹ con như người nắm hạt châu trong tay, không khổ mà vẫn cứ đi tìm cái khổ. Con ở trong thiền định nhìn lui về quá khứ thấy cuộc đời như thế nên con mỉm cười trước nỗi rắc rối khó tả ấy.

- Bạch Thầy, từ thuở con đến cõi Diêm Phù Đề này đến nay con đâu thai sanh làm một người con trong năm người mẹ :

- Người mẹ thứ nhất khi sanh con ra, thì bên cạnh nhà con cũng có người sanh ra đồng thời với con. Con ra đời được ít ngày, vì nhân duyên hết nên con đi qua đời sống khác. Mẹ con thấy đứa bé bên cạnh học đi, học nói, học cười liền liền tưởng đến con, buồn rầu và than thở :

"Nếu như con tôi còn thì bây giờ cũng đã biết học đi, học nói, học cười rồi. Trời ơi, sao con tôi bỏ tôi đi đâu sớm vậy".

Mẹ con ôm bụng ghen ngào không nói nên lời, hai hàng lệ lăn tròn xuống khoe miệng.

Mẹ đứa bé bên cạnh tươi vui ngắm nhìn đứa con vừa cười vừa đi chập chững, còn mẹ con đau lòng khóc nức nở.

- Khi làm con người mẹ thứ hai, con lại từ già

mẹ con rất sớm. Mẹ con thấy đứa bé ôm vú mẹ vừa bú vừa mân mê rồi ngủ say sưa trong lòng mẹ, bà liền xúc động nhớ đến con rồi khóc.

"Con ơi, mẹ nhớ con quá. Sao con không ở lại bú sữa mẹ, chuyện vãn với mẹ, để cho mẹ dỗ ru con ngủ. Con sao không nhớ mẹ mang nặng đẻ đau mà con vội lìa mẹ để cho mẹ nhớ con đến nỗi hao mòn tàn tạ".

- Khi làm con người mẹ thứ ba, năm mươi tuổi, con từ biệt mẹ con, chuyển qua đời sống khác. Thường thường trong bữa ăn, mẹ con khóc lóc và than rằng :

"Tôi nghiệp cho đứa con tôi, giờ phút này, không cùng ngồi ăn với mẹ như trước. Nào cơm ngon, nào thức ăn quý, một mình mẹ cô độc như thế này sao mẹ nuốt cho vô, con ơi ! Gia tài sự nghiệp lâu nay mẹ dành dụm cho con, sao con không ở lại với mẹ hưởng lấy miếng ngọt miếng ngon, con lại ra nằm ngoài gò hoang vắng.

Nói xong mẹ con lăn ra khóc ròng rã.

- Khi làm con người mẹ thứ tư, tuổi chưa thành niên, con lại sanh qua trong đời này. Bấy giờ bên cạnh nhà con có một người bạn tuổi đã trưởng thành đang làm lễ rước dâu linh đình nhộn nhịp. Mẹ con thấy thế, ra vào than thở :

"Năm nay mà con mình còn thì cũng đã thành gia thất rồi, chớp mắt cũng đã có cháu sum vầy, mình đây cũng hơn hờ vui sướng như ai, có đâu đến nỗi cô đơn, tương lai hiu quạnh !".

Mẹ con buồn bực, khóc than và oán giận cho kiếp số mong manh bé nhỏ.

- Trong đời này, mẹ con nuôi con được bảy năm, con lại từ biệt quê hương, cất tình âu yếm của mẹ con, may mắn được gặp thầy học đạo. Hơn một năm tu dưỡng con đã được thần thông tự tại, biết được bao nhiêu con đường gai góc đã qua và nhìn thấy sự cao đẹp huy hoàng suốt đời vị lai không bến hạn. Mẹ con ở nhà nhớ nhung, ngày đêm luôn luôn than vãn.

"Con ơi ! Con tìm thầy học đạo ở đâu mà mẹ không nghe tin tức chi đến con cả. Con còn bé quá, rủi ro ai biết, dối lạnh ai hay, lỡ có sơ suất điều gì ai đỡ lời chịu tiếng. Ngày đêm nghĩ đến con mẹ trần trọc xót xa và đau lòng cho mẹ quá. Mẹ van xin con về để sống có mẹ có con đầm ấm, ngày mai khôn lớn, con đủ lòng đủ cánh con hãy tìm thầy học đạo mẹ chả ân hận gì. Nhờ ơn trên xui khiến cho con tội sức nhớ đến mẹ để trở về núp dưới bóng mẹ hiền che chở, tội nghiệp !".

Trải qua mấy lần tử biệt sanh ly, con đã để lại cho năm người mẹ con một mối thương tâm thống thiết. Giá như thời gian và không gian rút ngắn lại trong một lúc một nơi, con sẽ lần lượt trở về với năm người mẹ con. Nhưng con e việc đi lại đối với con vẫn tự tại an nhiên không một chút thêm bớt. Song dù có trở lại, những người mẹ ấy có biết con là ai, rồi chớp nhoáng đời qua càng làm cho người mẹ ấy thêm âu sầu buồn thảm hơn nữa. Năm người mẹ ấy vì tình thương ràng buộc, ngày đêm chỉ cuộc hạn trong vòng nhớ thương chật hẹp, nhưng con vẫn là con, con nào có đắm say lưu luyến trong vòng sanh tử trầm luân. Năm người mẹ ấy, người nào cũng tưởng con sống với cuộc đời ba, bốn, năm năm đâu có biết đời con bao la, sống chan hòa trong muôn nghìn sự vật. Giá như con chỉ sống trong tình lưu luyến ấy thì đời con còn vất vưởng mãi trong vòng tham ái thế gian, có đâu được vươn lên một cuộc đời cao rộng, an vui và giải thoát.

Bạch Thầy, con xem thấy thế gian phàm phu không nhận chân sự thành hoại, hợp tan, hễ được thì reo mừng, mất thì đâm ra oán trách, nên cứ mãi tạo ra vô số ác nghiệp rồi suốt đời suốt kiếp bị nghiệp ấy chi phối. Mọi chúng sanh sở dĩ chịu lấy bao nhiêu khổ báo cũng đều bắt nguồn từ tham ái

ấy mà gây ra. Nếu mọi người ai cũng gạt ra ngoài tham ái triền phược, mở mắt vươn lên các đấng Giác Ngộ tối cao để bắt chước làm theo mọi công hạnh tốt đẹp của Người thì cuộc đời biết bao sung sướng.

Thầy là cây đuốc đưa đường cho con làm cho đời con được nhìn xa thấy rộng và giao cảm được với các đấng Như Lai trong mười phương tam thế. Hôm nay con xin tạm biệt cùng Thầy để đem ánh sáng của Thầy gieo rắc mọi chân trời đen tối.

Em bé vì Thầy thừa xông liền bay thẳng lên không bao la, lượn khuất trong bầu trời thanh thanh huyền diệu.

MINH HUẤN

*

"Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Đau khổ thay ! Kiếp sống cứ tái diễn mãi ! Hồi kẻ làm nhà ! Nay ta đã gặp được người rồi. Người không được làm nhà nữa ! Bao nhiêu rui mè của người đều gãy cả rồi, kèo cột của người đã tan vụn cả rồi. Trí ta đã đạt đến vô thượng Niết bàn, bao nhiêu dục vọng đều dứt sạch cả".

(Kẻ làm nhà : nguyên nhân luân hồi, ái dục. Nhà : thân thể. Rui mè : các thứ dục khác. Kèo cột : vô minh).

Gương mặt hoa mè

Thuở xưa có một vị Tiểu thư xinh đẹp, con quan Tri huyện. Nhân một chuyến lễ chùa, nhan sắc mặn mà của nàng, làm động tâm một nhà sư trẻ tuổi.

Vừa trông thấy cô gái, trống ngực Sư đã nện inh ỏi. Sư kêu gọi Đức Bồ Tát Quán Âm đến lúu cả lưỡi mà hình bóng của giai nhân vẫn lảng vảng quanh Sư. Nghĩ mình đã xuất gia đầu Phật, nhất định cắt đứt đường tơ mà nghiệp chướng tiền khiến quá sâu nặng. Sư đổi pháp môn tu, nhờ một chàng thư sinh có đôi tay tài hoa, vẽ giùm hai bức tượng : Một bức là dung nhan chim sa cá lặn của giai nhân, còn bức kia thì tô lên một mặt hoa những nốt đậu mùa để Sư tập quán "bất tịnh". Chàng thư sinh vui vẻ nhận lời trợ giúp cho nhà Sư đáng thương tha thiết cầu đạo này. Để bức họa linh động, chàng tìm cách gỡ gỡ giai nhân. Ngờ đâu thân ái tình lại bắn luôn mũi tên còn lại, chàng dâm ra yêu thiếu nữ mê mết. Và sau khi

hoàn thành hai bức tượng, nhờ nhà Sư chúc phúc cho mình, chàng trở về mượn người đánh tiếng xin cầu hôn người đẹp. Sau bao nhiêu lễ lộc rắc rối, chàng thư sinh được giai nhân nhận lời. Hôn lễ được dự định sẽ cử hành vào mùa đông sắp tới. Mọi chuyện tưởng đâu sẽ xuôi chèo mát mái thì... tình hình có dịch đậu mùa bò đến.

Giai nhân vì chưa quá tuổi vị thành niên, nên đã vướng phải bệnh này. Và gương mặt đẹp như ngọc của nàng bỗng trở nên giống hệt bức tranh thứ nhì mà nhà Sư đang quán tượng.

Đến cuối đông, chàng thư sinh thở dài cưới cô vợ xấu xí vì một lời đã thốt ra thì dù đến bốn ngựa cũng không theo nổi.

Nghĩ rằng dung nhan của vợ mình từ đây sẽ không gây rắc rối cho ai nhất là chư Sư, nên sau tuần trăng mật, chàng đưa vợ đến lễ chùa và luôn tiện thăm nhà Sư si tình dạo nọ.

Nhác trông thấy "người xưa" nhà Sư sững người kinh ngạc và sau đó Sư vui mừng khôn tả.

Đêm hôm ấy nhà Sư lúi húi dựng một giàn hòa và viết một phong thư gửi lại cho Hòa thượng trụ trì báo tin rằng Sư đã đắc đạo nhờ phép quán "bất tịnh", rằng mối tình si, sự vô minh của Sư đã được giải tỏa... bằng cơ là khi chạm mặt giai nhân, Sư

chỉ thấy dung nhan của nàng qua bức tranh mặt
rỗ của Sư. Và đó là một bằng chứng hiển nhiên để
Sư tin rằng khi bước lên giàn hỏa Sư sẽ vào Niết
bàn lập tức. Bức thư được gửi đi trước khi giàn hỏa
được nhen nên sau đó, Hòa thượng trụ trì bắt Sư
khuân hết số củi dựng giàn hỏa vào nhà trù rồi
sắm hành lý cho Sư lên đường tham học...

*

"Sư tham lam nó làm cho con người chìm đắm mãi
trong biển luân hồi. Mà nhứt là cái tham về sắc dục nó
đầy dọ và vui lấp con người một cách ghê gớm".

Đoạn đường phải đến

Lúc Phật ngụ tại Xá Vệ, có một thương gia chở hàng hóa từ thành Ba La Nại đến bán. Vừa đến thành phố, trời đã nhá nhem tối, ông thương gia phải dừng xe cạnh một dòng sông, nghĩ bụng : "Ngày mai ta sẽ qua sông".

Đêm hôm ấy, một cơn dông thổi qua thành phố mưa như trút. Suốt bảy ngày đêm vẫn không ngớt, nước sông dâng cao, đường sá lầy lội, dân chúng đều tìm chỗ trú mưa nên khách thương không có dịp bán hàng. Ông tự nghĩ : "Ta đã đi một đoạn đường khá dài, nếu phải đổi lộ trình chắc là không kịp nữa. Thôi ! Ta đành ở đây hết mùa mưa, mùa đông, và mùa hạ để bán buôn vậy !".

Lúc đó Đức Thế Tôn đi khất thực trên đường phố, ngang qua đoàn xe buôn, Ngài mỉm cười. Tôn giả A Nan hỏi lý do, Ngài đáp :

- A Nan, ông có thấy vị thương gia kia không ?
- Bạch Thế Tôn, con có thấy.

- Đời sống của ông ta sắp hết, vậy mà ông ta còn dự định ngụ tại đây hết mùa này sang mùa khác để bán hàng.

- Bạch Thế Tôn, ông ấy sắp chết sao ?

- Nay A Nan, chỉ bảy ngày nữa, ông ta sẽ rơi vào bụng cá.

Và Ngài nói kệ :

Hãy tỉnh cần nỗ lực

Làm những gì cần làm trong hôm nay

Ai biết được ngày mai sẽ chết ?

Chúng ta đều bất lực trước tử thần

Hạnh phúc thay cho kẻ nào sống

Từng ngày và đêm không lo lắng

Dù chỉ là một đêm

Đó là người khôn ngoan thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn, như vậy con sẽ báo tin cho ông ta biết.

- Được, ông cứ đi.

Tôn giả đến trại vị thương gia khát thực. Ông cung kính cúng dường thức ăn cho Ngài. Tôn giả hỏi :

- Ông định ở đây bao lâu ?

- Bạch Tôn giả, con từ phương xa đến, nếu trở về thì quá tốn kém nên con dự định ở lại đây suốt năm, bao giờ bán hàng xong mới đi.

- Nay cư sĩ, ông nên biết rằng đời người thật ngắn ngủi, không biết sẽ chết vào lúc nào.

- Sao ? Bộ con sắp chết ?

- Phải đó, cư sĩ. Ông chỉ còn bảy ngày nữa thôi.

Quá xúc động, vị thương gia mời Phật đến cúng dường suốt bảy ngày liên tiếp. Đến ngày cuối, ông xin Phật hồi hướng phước báo cho ông. Phật dạy :

- Nay cư sĩ, người khôn ngoan không bao giờ nghĩ rằng ta sẽ ở đây suốt mùa mưa, qua đông sang hạ. Ta sẽ làm việc này việc nọ. Hãy nghĩ đến cái chết của mình.

Ngài nói kệ :

"Ở đây ta an trú suốt mùa mưa mùa đông, mùa hạ. Người ngu tưởng thế, không biết rằng mình sẽ chết". (PC.236)

- Nghe xong vị thương gia chứng quả Dự Lưu, chúng hội cũng được lợi ích.

Thương gia tiễn Phật đi một quãng đường mới trở lại. Ông cảm thấy nhức đầu và đi nằm.

Chẳng bao lâu ông chết, thác sinh lên cõi trời
Đâu Suất.

THÍCH NỮ NHƯ THỦY - NHƯ ĐỨC

*

"Đời sống bị tổn giảm theo từng giây phút, trong từng niệm, không được tăng trưởng, cũng như dòng nước dốc không thể đứng một chỗ, cũng như hạt sương mai thế không đọng lâu, cũng như người mù dẫn đến pháp trường, mỗi bước là gần cõi chết".

Người đốt giắc ngộ

Tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Giả là một đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni, người kém trí tuệ nhất. Tôn giả cũng có tên là Bàn Đặc được sanh ra trong một gia đình nghèo khó, mộc mạc và sự cách biệt của cha mẹ. Cha Tôn giả là người vất vả, thiếu học, cuộc đời chỉ biết làm tôi tớ, còn mẹ lại là con gái của vị Trưởng giả giàu có, học rộng hiểu xa. Hơn nữa bà còn nhanh nhẹn trước những việc khó khăn. Thế mà cuộc hôn nhân của ông bà vẫn được thành tựu tốt đẹp, âu cũng là duyên kiếp.

Cuộc sống êm ả trôi qua, đôi vợ chồng cách biệt này vui sướng khi sắp sửa làm cha mẹ. Bà chuẩn bị về quê để chờ ngày khai hoa nở nhụy. Trên đường về lòng bà tràn ngập niềm vui, miên man nghĩ đến đứa con xinh xắn sắp chào đời mà quên đi quãng đường xa. Chẳng mấy chốc đã gần đến nơi chột bà thấy đau nhói, mỗi lúc càng nhiều. Đến lúc không chịu nổi nữa, bà phải dừng lại bên vệ đường, tìm vào nơi kín đáo, rồi hạ sanh một bé trai

trắng trẻo, mập mạp, ấy chính là Bàn Đặc. Thương thay cho trẻ sơ sinh phải vương mùi khố lụy từ khi lọt lòng mẹ.

Thuở nhỏ Bàn Đặc thật đại khờ, và lại nhà nghèo nên không được đi học, vì vậy mà càng thêm dốt nát. Sau nhờ quả phước báo may mắn được Đức Phật độ cho xuất gia tu hành. Đức Phật dạy ông bài kệ chỉ 4 câu nhưng vì căn tánh ngu độn mà ông học mãi không thông. Bấy giờ Đức Phật dùng phương tiện thực tế giáo hóa ông, chờ khi Châu Lợi Bàn Đặc cầm chổi quét nhà Đức Phật liền chỉ ngay cây chổi mà dạy rằng :

- Này Bàn Đặc ! Khi nào cầm đến cây chổi quét nhà thì con nhớ đọc hai tiếng : "Chổi Quét". Nếu lòng con giữ vững được chánh niệm hai tiếng "Chổi Quét" thì con quyết sẽ chứng Thánh đạo, giải thoát sanh tử luân hồi.

Lúc đầu, chỉ bấy nhiêu đó mà Bàn Đặc cũng không nhớ nổi, hễ nhớ tiếng "Chổi" thì quên tiếng "Quét", mà nhớ tiếng "Quét" lại quên tiếng "Chổi". Thật con người của ông không có một chút trí nhớ nào hết, đến đổi ai gặp ông cũng đều cười chê, đùa cợt.

Một hôm Vương tử Kỳ Vực đến cầu Đức Phật và hàng đệ tử vào cung vua để thọ sự cúng dường,

nhưng không mời Bàn Đạc tham dự. Lúc Đức Thế Tôn cùng hàng đệ tử đến cung thì Vương tử Kỳ Vực sẵn sàng bưng thau nước trong dâng lên Đức Phật để rửa chân (theo phong tục Ấn Độ, đó là phép lịch sự của chủ đối với khách), nhưng Ngài chẳng tiếp lấy. Thấy vậy, Vương tử ngạc nhiên thưa hỏi :

- Kính lạy Đức Thế Tôn ! Con kính dâng thau nước trong này để Ngài rửa chân sao ngài không nhận ?

- Nay Vương tử ! Trong hàng đệ tử của ta đến nhận sự cúng dường có thầy Tỳ kheo Bàn Đạc ở đó không ?

- Kính lạy Đức Thế Tôn ! Thầy Tỳ kheo Bàn Đạc chỉ có hai tiếng "Chối Quét" còn không nhớ nổi, so lại không sánh bằng kẻ chần dè nên con không có mời đến.

- Nay Vương tử ! Không phải vậy, Phật Pháp phải là bình đẳng, không phân giai cấp cao hay thấp, cũng chẳng có kẻ sang người hèn, tất cả đều như nhau. Nếu Vương tử không mời thầy Tỳ kheo Bàn Đạc đến đây thì ta không nhận lấy thau nước này.

Biết mình lầm lạc, làm trái ý Đức Phật, Vương tử vội phái quan đại thần đến thỉnh Tôn giả Bàn Đạc.

Khi tới nơi, Bàn Đạc vào lãnh thọ sự cúng dường. Đức Phật bảo Tôn giả A Nan gấp thức ăn để vào bát cho Bàn Đạc. Thấy vậy Bàn Đạc lấy làm mừng rỡ liền đứng dậy một lúc lâu, đứng ra việc này ông phải chờ lệnh của Đức Phật, bởi vì đem so thì Tôn giả A Nan xuất gia sớm hơn Tôn giả Bàn Đạc.

Tôn giả Bàn Đạc ngồi cách xa Đức Phật nên việc đem bình bát đến bên Đức Phật khi ăn xong không phải là chuyện dễ, nhưng bình bát của Tôn giả Bàn Đạc vẫn được đưa đến đây trước sự ngạc nhiên của mọi người. Đó là nhờ sức oai thần của Đức Phật mà đại chúng không được biết.

Thấy vậy, Vương tử Kỳ Vực vội chấp tay đến quỳ trước Tôn giả Bàn Đạc mà thành tâm sám hối.



Thuở trước Tôn giả Bàn Đạc vốn ngu dốt, có thể là tâm ông không bền vững. Mặc dù bị người đời chê cười, biếm nhả, nhưng ông vẫn không thối chí, nản lòng, mà quyết chuyên đọc hai tiếng "Chối Quét" suốt 6 năm dài, để rồi ông được thức tỉnh, tâm không còn rối loạn, đi đến Giác ngộ và chứng Thánh quả. Từ đó về sau tâm trí phát sanh

rộng lớn, ông thấu hiểu nhiều đạo lý mẫu nhiệm, lãnh hội nhiều pháp ngữ sâu xa của Đức Phật.

Những người trước kia khinh thường, chê biếm ông sẽ thay ông tiêu tai nạn. Bấy giờ không còn một ai dám cười chê ông nữa mà lại càng kính trọng hơn.

Có một lần Tôn giả Bàn Đặc cùng 499 vị Đại đệ tử theo Đức Phật đến cung Long Vương A Nậu Đạt nhận sự cúng dường. Khi đến bờ ao A Nậu Đạt, Đức Phật bảo hàng đệ tử :

- Nay các thầy Tỳ kheo ! Mỗi vị hãy múc lấy nước tám thứ công đức ở trong ao mà uống. Sau đó các vị có thể biết được đời trước của mình.

Khi hàng đệ tử thực hành xong, Đức Phật tiếp :

- Bây giờ các vị hãy thuật lại kiếp đời trước của chính mình nghe ra sao.

Vâng lời Đức Phật dạy, Bàn Đặc liền tự thuật :

- Kính lạy Đức Thế Tôn ! Thừa toàn thể đại chúng : Đời trước con là một người nuôi heo. Một hôm con lừa heo đến chợ bán. Đi được nửa đường thì bị một con sông cản lối, vì muốn đem heo đến chợ sớm nên con không thể dừng lại đó. Con giải quyết bằng cách cột chân bày heo lại và lấy vải

buộc mô chúng để khỏi la òn. Xong xuôi, con cầm dây từ từ kéo bầy heo qua sông. Khi con sang được bờ bên kia thì bầy heo bị ngập thở mà chết cả. Vốn liếng con bị tiêu tan từ đó. Cuộc sống của con trở nên khổ sở, lấm lức như điên dại, thường đứng ở bờ sông ngơ ngác không tìm ra lẽ sống. May gặp được một vị cao Tăng rộng lòng thương xót, Ngài khuyên con xuất gia tu học. Sau khi bỏ thân ấy con được sanh lên cõi Trời. Lúc hưởng hết phước ở cõi Trời rồi mới trở xuống nhân gian làm người.

Do vì kiếp trước buộc mô heo kéo sang sông làm tổn hại rất nhiều sanh mạng nên kiếp này con mắc quả báo ngu dốt. May nhờ kiếp trước có nhơn duyên xuất gia nên đời này con được gặp Phật độ, chứng quả vị A La Hán.

MINH TÂM

"Người tâm không an định, không hiểu biết chánh pháp, không tín tâm kiên cố, thì không thể thành tựu được trí tuệ cao siêu".

Một chút lửa địa ngục

Thuở xưa, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, lúc nào Ngài cũng đem giáo pháp nhiệm màu ban bố cho chúng sanh từ hàng vua chúa quan quyền cho đến kẻ thứ đều thấm nhuần Pháp Bảo. Do đó, khi bóng Ngài xuất hiện nơi đâu là đem cánh thái bình an lạc đến đấy.

Ngài thường ngự nơi Kỳ Viên tịnh xá, một tông lâm vĩ đại của Trường giả Cấp Cô Độc vùng vườn cây cổ thụ xanh tươi của Thái tử Kỳ Đà.

Chung quanh Ngài lúc nào cũng có đại chúng tỳ kheo Tăng và các vị Đại đệ tử uy danh lừng lẫy. Nổi bật nhất là Đại đức Mục Kiền Liên thần thông biến hóa vô cùng, có thể di sơn đảo hải hoặc ngự lên cung trời, bay xuống địa ngục dễ dàng như trở bàn tay.

Một hôm Đại đức Mục Kiền Liên, muốn vào cõi địa ngục để xem chúng sanh thọ hình khổ sở đến mức nào.

Sau khi dành lễ từ giả đấng Thiên Nhơn Sư (Phật) xong. Ngài liền dùng thần thông bay thẳng vào cõi địa ngục. Ngài chứng kiến những cảnh tội nhân rên siết rất đau đớn khổ sở từ địa ngục nhỏ cho đến địa ngục lớn như A tỳ.

Khi Đại đức ngự đến đâu, do oai lực của Ngài, các tội nhân được giảm tội và dừng hình phạt trong giờ phút ấy. Những đồng lửa vĩ đại đang cháy ngùn ngụt bỗng ngưng hạ ngọn, những chảo dầu đang sôi bỗng ngưng khô cạn. Một hoa sen lớn bằng bánh xe hiện ra Đại đức Mục Kiền Liên đến an tọa trên đóa sen tươi ấy.

Các tội nhân vô cùng mừng rỡ khi nhận thấy hình ảnh uy nghi của Đại đức Mục Kiền Liên, tất cả chạy đến vây quanh Ngài quỳ xuống thành kính dâng lễ. Một tội nhân bạch hỏi :

- Bạch Ngài, Ngài từ đâu đến đây ?

Đại đức Mục Kiền Liên đáp :

- Bần tăng từ thế giới loài người đến đây.

Các tội nhân khi nghe Đại đức đáp như thế, lấy làm mừng rỡ, mỗi người kể trường hợp khổ đau của mình, xin Đại đức hoan hỷ báo cho thân bằng quyến thuộc của họ được biết họ đang ở trong cõi địa ngục, khổ sở lắm, rất thương nhớ quyến thuộc.

Xin thân bằng quyến thuộc hãy vui lòng bố thí, làm phước, trai Tăng cúng dường đến chư Tăng rồi hồi hướng phước báu đến họ.

Đại đức Mục Kiền Liên hoan hỷ nhận lời, hứa sẽ nhắc lại cho các thân nhân từng trường hợp một. Sau đó Ngài dùng thần thông thử lấy một chút lửa địa ngục bằng hạt cải gói trong chéo y của Ngài rồi Ngài trở về thế gian.

Khi trở lại cõi Ta bà, Đại đức Mục Kiền Liên thông báo ngay cho thân bằng quyến thuộc của các tội nhân. Hay tin dữ, các thân bằng quyến thuộc than khóc vô cùng thảm thiết. Khi sự đau buồn lắng dịu một phần nào, họ liền tổ chức một buổi lễ trai Tăng rất long trọng để hồi hướng phước báu cho những thân nhân đã quá vãng, dưới sự chứng minh tối thượng của Đức Phật và Đại đức Mục Kiền Liên cùng với chư Tăng.

Do nhờ oai lực chú nguyện của Đức Phật và chư Tăng, những tội nhân được thọ lãnh phần phước báu, được thoát khổ cùng được thọ sanh nơi tiên cảnh.

Sau đó Đại đức Mục Kiền Liên, dùng thần thông bay lên cõi Trời, với ý định quán sát sự an vui và hỷ lạc của chư Thiên ở những cõi Trời.

Ngài ung dung thưởng ngoạn cảnh vui tươi của

cung trời Đạo Lợi. Lúc ấy chư Thiên trong sáu cõi Trời đang sống yên vui hạnh phúc. Bỗng dưng họ cảm thấy nóng bức khó chịu phi thường, cất tiếng hét la vang rền vì bị sức nóng của lửa địa ngục toát ra do Đại đức Mục Kiền Liên mang theo trong chéoi y của Ngài.

Đức Thiên Vương đã thấu hiểu nguyên nhân khiến cho chư Thiên nóng bức, khó chịu đến như thế liền đến ra dấu cho Đại đức Mục Kiền Liên hiểu tình trạng đã xảy ra.

Đại đức Mục Kiền Liên thầm nhủ rằng : "Chư Thiên lại nóng bức khó chịu, náo loạn thiên cung thế này chỉ do một chút xú lửa từ địa ngục ta mang đến đây. Bây giờ phải ném lửa này vào đâu ? Nếu ta ném xuống mặt đất thì mọi vật trên thế gian sẽ bị thiêu hủy hết. Nếu ta ném xuống biển cả thì biển sẽ cạn nước, còn nếu ném vào không gian sẽ bị hạn hán không mưa 12 năm. Như thế thì hãy mau mau trả lửa này lại xuống địa ngục.

Đại đức Mục Kiền Liên lại bay xuống địa ngục một lần nữa, để đem chút xú lửa nguy hại ấy trả về địa ngục như cũ.

Xong rồi Đại đức Mục Kiền Liên bay trở lại trần gian, về Kỳ Viên tịnh xá đánh lễ Đức Thế Tôn và

tường trình lại cho Đức Phật rõ về chuyện chuyển
du hành vào địa ngục và cõi Trời của Ngài.

Nhân cơ hội ấy, Đức Phật liền dùng đề tài trên
để ban bố một thời pháp cho đại chúng nghe, có
câu kệ ngôn như sau :

"Hai trạng thái là : Một là Thiện pháp hai là Ác
pháp, vì hai pháp này kết quả không giống nhau.
Ác pháp đưa chúng sanh vào cảnh khổ, Thiện
pháp đưa chúng sanh đến cảnh an vui...

Khi thời pháp vừa chấm dứt, các hàng Phật tử
trong pháp hội ấy đều được đắc quả, vào khoảng
ba vạn bốn ngàn người trong cùng một lúc.

KIM QUANG

*

"Ác nào bằng ác sân si,
Lửa nào bằng lửa dục tham lan tràn.
Khổ nào bằng khổ trần gian,
Vui nào sánh kịp Niết bàn thanh cao"

Pothila ông sư rỗng

Vào thời Phật tại thế có một vị trưởng lão tên Pothila. Vị sư này lão thông Tam tạng và vẫn thường tuyên đọc giáo lý cho một nhóm 500 vị Tỷ kheo nghe. Chỉ hiếm có một điều là sư chưa chứng được quả Thánh nào cả. Để giúp sư, đức Thế Tôn thường gọi sư là "Pothila rỗng" mỗi khi tiện dịp. Chẳng hạn như mỗi lần sư đến bên Đức Phật. Ngài bảo :

- Hãy đến đây Pothila rỗng !
- Ngồi xuống đi Pothila rỗng !
- Hãy đi đi Pothila rỗng ! v.v...

Và khi trưởng lão Pothila đã rời khỏi ghế, đi ra, Ngài còn nói :

- Pothila rỗng đã đi.

Trưởng lão Pothila thầm nghĩ : "Ta đọc tụng thông thuộc cả Tam tạng và chú giải cũng rành mạch không kém, ta là thầy giáo thọ cho 500 Tỷ

kheo và 18 hội chúng, vậy mà đức Thế Tôn vẫn gọi là "Pothila rỗng" chắc vì ta chưa phát triển chánh định nên Ngài gọi như thế".

Cảm thấy bị kích động, sư tự nhủ : "Ta sẽ vào rừng để thiền định".

Chiều hôm ấy sau khi giảng kinh xong, đợi lúc trời nhá nhem tối, trưởng lão mang y bát, nổi gót theo nhóm thánh chúng cuối cùng ra khỏi pháp đường. Các thầy Tỷ kheo ngồi trong phòng học kinh nhưng chẳng hề hay biết gì về vị pháp sư của mình.

Sau khi đi khoảng 120 dặm đường trưởng lão Pothila gặp một cụm rừng là nơi ẩn cư của 30 vị Tỷ kheo. Sư đến chào vị trưởng chúng thưa :

- Bạch trưởng lão, xin Ngài hãy chỉ dạy cho con.
- Này Tôn giả, Ngài là một vị giảng sư chúng tôi còn phải học với Ngài, sao Ngài nói thế ?
- Thưa trưởng lão, Ngài đừng từ chối, xin hãy chỉ dạy cho con.

Tất cả các vị Tỷ kheo ngụ tại khu rừng này đều đã đắc A La Hán. Vị trưởng chúng nghĩ thầm : "Ông sư này là người học rộng, có lẽ ông đầy lòng kiêu hãnh" nên thầy từ chối chỉ dạy và gởi Pothila xuống cho đệ nhị tòa. Pothila cũng cung kính xin

học hỏi với vị sư này, nhưng đệ nhị tòa lại đầy sáng đệ tam tòa. Và cứ như thế, cho đến người nhỏ nhất trong chúng : một chú tiểu 7 tuổi đang ngồi khâu áo. Kiểu khí của Pothila cũng tụt dần cho đến mức thấp nhất.

Trưởng lão Pothila đến bên chú tiểu, chấp tay cung kính :

- Thưa Tôn giả, xin Ngài hãy chỉ dạy cho con.

-Ồ ! Pháp sư ! Ngài nói gì thế ? Ngài lớn hơn tôi về tuổi tác cũng như học thức tôi còn phải học thêm ở Ngài nữa mà ?

- Bạch Tôn giả, xin Ngài đừng từ chối. Hãy chỉ dạy cho con !

- Thưa Tôn giả, nếu Ngài có đủ kiên nhẫn làm theo lời tôi, tôi sẽ hướng dẫn Ngài.

- Con sẽ kham nhẫn tất cả, nếu Ngài dạy con nhảy vào lửa, con cũng nhảy theo.

Nhìn bộ y phục đắt giá của Pothila, chú tiểu chỉ một cái ao gần đó :

- Xin Ngài hãy để nguyên y phục và nhảy xuống ao.

Thấy y phục của vị trưởng lão này ướt đẫm, chú tiểu bảo :

- Hãy leo lên.

Trưởng lão Pothila liền leo lên đứng cung kính trước mặt chú tiểu. Chú giảng dạy :

- Nay Tôn giả, như một cái hang có sáu cửa ngõ. Một con dế chun vào hang. Ai muốn bắt nó phải bịt năm cửa, chỉ chừa một cửa là tóm được nó ngay. Tôn giả hãy quan sát sáu căn của mình. Đóng năm căn lại và tập trung trọng tâm vào ý căn.

Nghe những lời nói của chú tiểu, Trưởng lão hốt nhiên tỉnh ngộ, nói :

- Bấy nhiêu cũng đủ rồi.

Trưởng lão liền nhập định. Đức Thế Tôn cách đó 120 dặm, biết rằng Tôn giả này sẽ đắc quả, Ngài liền hóa thân đến trước mặt Pothila, đọc kệ. Bài kệ này trở thành câu pháp cú 282, và được lưu truyền cho đến ngày nay :

"THẬT VẬY DO THIỀN ĐỊNH TRÍ TUỆ PHÁT SINH, KHÔNG HÀNH THIỀN TRÍ TUỆ PHAI DẦN, THÔNG SUỐT RÕ NHỮNG ĐIỀU LỢI HẠI NÀY, HÃY TỰ MÌNH LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRÍ TUỆ PHÁT SINH".

THÍCH NỮ NHƯ THỦY - NHƯ ĐỨC

"Dù tuổi cao mày bạc
Không tịnh hạnh tu trì
Tôn xưng là hòa thượng
Danh xưng chứ ích chi"

Dưới gốc mai vàng

Ngày xưa, có đôi vợ chồng Rùa sống rất êm đềm trong một động đá bên dòng sông thơ mộng.

Một hôm, Rùa vợ mắc phải chứng bệnh ăn không tiêu. Rùa chồng cho mời tất cả lương y thủy giới đến chữa, nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm mà có phần trầm trọng hơn.

Một buổi chiều nước lớn, Tôm có dịp đi qua động Rùa, nghe có tiếng rên liên hồi :

- Anh rùa ơi ! Bộ trong nhà có ai đau sao tôi nghe có tiếng rên ? Rùa chồng bước ra trả lời :

- Mấy hôm nay vợ tôi bị bệnh vì ăn không tiêu.

- Chị đau mấy hôm rồi ?

- Ba hôm rồi, đúng hôm kỷ niệm ngày chúng tôi gặp nhau lần đầu, vợ tôi vì vui sướng nên ăn nhiều hơn thường ngày.

Tôm ân cần hỏi :

- Anh có mời ai đến chữa bệnh cho chị chưa ?

- Dù cả rồi, nhưng sao không thấy thuyền giảm tí nào, tôi lo quá anh ơi.

- Tôi biết một thứ thuốc hay lắm, có thể làm chị lành bệnh tức thời, nhưng không biết anh dám tin kinh nghiệm của tôi không ?

- Anh biết làm ơn chỉ giúp, ơn này tôi không dám quên.

- Ơn nghĩa gì, biết chỉ giúp cho nhau, tôi chỉ thuốc sợ khó tìm. Bây giờ, nếu anh muốn chị chóng lành bệnh thì anh phải mau mau đi tìm gan khi đem về phơi khô, rồi cho chị ăn từng miếng nhỏ.

Nói xong Tôm theo dòng nước lội đi. Rùa chồng trở vào nói với vợ :

- Thuốc của anh Tôm chỉ có vẻ hay, nhưng biết làm sao tìm ra được gan khi mà phơi khô.

- Em cũng không biết nữa.

Rùa chồng tìm trong óc mãi lúc lâu mới nhớ ở cách đó khá xa có một hòn đảo có rất nhiều khi thường hay nhảy nhót, đùa giỡn bên dòng sông. Con khi chúa đàn thường hay nhăn nhó mặt mày trêu chọc mỗi khi thấy Rùa lội qua.

- Anh nhất định chữa bệnh cho em bằng thứ thuốc anh Tôm vừa chỉ. Bây giờ anh đi tìm thuốc

đây, em ở nhà nằm yên một chỗ chờ anh, nhớ đừng đi đâu hết nghe không. Anh ráng đi mau về sớm với em.

Dặn dò xong Rùa chồm hăng hái ra đi. Vừa bơi, Rùa vừa suy nghĩ phải ăn nói làm sao cho thật hay để khi chịu theo về động của mình. Rùa bơi đến đảo thì đã quá nửa đêm. Vàng trăng mười sáu nghiêng mình tỏa xuống đảo một màu vàng nhạt, làm cảnh vật trở nên mờ ảo trông thật đẹp mắt.

Vừa bước lên bờ, Rùa đã lên tiếng gọi. Khi nghe tiếng gọi liền hỏi :

- Ai gọi tôi đó ?

- Tôi, Rùa đây.

- À, té ra anh mà tôi tưởng ai đâu xa lạ. Anh đến đây chơi hay tìm tôi có việc gì ?

- Không có việc gì cả. Hôm nay trăng đẹp tôi thả đi chơi, thấy anh tôi có cảm tình, nên ghé hỏi thăm vài lời thế thôi.

- Nếu thế thì còn gì bằng, tôi cũng đang buồn, không biết nói chuyện với ai. Anh nói chuyện nghe có vẻ hiền lành vui vẻ, thế mà ngày trước tới giờ thấy anh xa lạ tôi cứ tưởng là anh dữ dằn và khó chịu.

-Ồ, sao anh lại nghĩ thế, tôi mới là hiền lành, dễ chịu nhứt thế gian. Thôi anh xuống gần đây nói

chuyện chơi vui, anh ở trên cây tôi ngó lên hoài mới
mất quá.

Khi lên thuyền cây xuống ngồi gần Rùa.

- Anh thuyền cây giỏi quá, tôi thật phục tài anh.

Tôi thì được cái sung sướng là chạy nhảy,
chuyền cành không ai bằng, nhất là những đêm
trăng đẹp như thế này, ít khi tôi chịu đi ngủ sớm
lắm, tôi thích ngồi ngắm trăng một mình bên bờ
sông.

Nghe Khi nói, Rùa ganh tức lắm nhưng cũng cố
lấy giọng bình thản nói :

- Anh nói nghe mê quá, anh biết thưởng thức
vẻ đẹp của đêm trăng, nếu nghe được cá hòa nhạc
chắc anh hẳn hài lòng lắm.

- Cá hòa nhạc làm sao ? Anh nói rõ cho tôi nghe
với.

- Ở chỗ động tôi ở, buổi sáng nào lúc mặt trời
vừa mọc, cá cũng hòa nhạc để đón chào bình minh.
Tiếng nhạc của từng loài cá hòa cùng tiếng nước
chảy trên động đá, trên rong rêu nghe tuyệt diệu
lắm sao, không kém gì tiếng nhạc ở thiên thai.

- Nghe anh nói tôi ham quá, nhưng tôi là giống
trời sanh ở trên bờ, nên đành phải thua anh ở
điểm đó chứ biết làm sao.

- Nếu chuyện không biết lợi làm cản trở ước muốn của anh thì có gì khó đâu. Anh cứ việc lên lưng tôi, tôi sẽ đưa anh đi xem hòa nhạc, tôi hứa chắc cho anh khỏi lo là anh sẽ được an toàn, không ướt một sợi lông.

- Tôi cảm ơn lòng tốt của anh, nhưng tôi nặng quá, tôi sợ làm anh mệt nhọc.

- Chỗ anh em mà, anh đừng ngại gì cả. Anh lên mau, chúng ta cùng đi cho kịp giờ. Đoạn khởi đầu bao giờ cũng hay hơn hết...

Không đợi Rùa nói thêm, Khi vội leo lên lưng Rùa.

Rùa vội bỏ xuống sông bơi thật nhanh, lòng cảm thấy sung sướng vì đã gạt được Khi một cách quá dễ dàng. Đi được nửa đường thì trời đã hừng sáng.

- Tôi nghe dường như có tiếng hòa nhạc phải không anh Rùa ?

Rùa không nhìn được phá lên cười làm Khi ngạc nhiên hỏi :

- Chuyện gì làm anh cười có vẻ thích thú thế ?

- Tôi cười anh, cười sự ngây ngô khờ dại của anh. Khi từ xưa tới nay vốn khôn ngoan mà lại thua trí Rùa.

- Anh nói gì lạ vậy ? Không có hòa nhạc sao ?

- Anh là con vật kém thông minh nhất mới đi tin chuyện cá hòa nhạc.

- Nếu không có chuyện hòa nhạc thì tại sao anh lại chờ tôi đi làm gì cho nặng ?

- Tại tôi cần lá gan của anh để chữa bệnh cho vợ tôi.

- À, té ra anh đến tìm tôi để lấy lá gan về làm thuốc cho vợ anh uống ?

- Đúng vậy !

- Nếu thế thì anh làm to rồi. Anh đem tôi về mổ bụng, tìm khắp chỗ cũng không làm sao thấy được gan tôi.

- Tại sao lạ vậy ?

- Anh không biết sao, tôi thì có tính cẩn thận, nên trước khi nhảy chỗ nào nguy hiểm, tôi thường treo lá gan lên một nhánh cây. Như thế sẽ chắc ý hơn và khỏi mất công tìm. Anh không biết sao, loài khi chúng tôi, con nào cũng làm như thế cả. Treo gan rồi chạy nhảy tự do dễ dàng hơn. Hồi nãy, anh hối đi gấp quá nên tôi quên đem gan theo rồi.

Rùa ngạc nhiên ngừng bơi chờ nghe khi nói.

- Phải anh đừng tính gặt tôi mà nói từ từ : "Vợ tôi đau nặng, tôi cần lá gan của anh để chữa bệnh cho vợ tôi", thì tôi không bao giờ từ chối. Anh cũng thừa biết là tôi có cảm tình với anh rất nhiều. Lá gan của tôi để treo nhánh cây hay ở trong bụng chị thì cũng thế thôi. Không có thiệt hại gì cho tôi cả kia mà. Nếu anh nói thật thì tôi sẵn sàng tặng chị lá gan và sung sướng vì đã làm được một điều thiện.

Rùa cảm thấy ngưng ngừng không biết làm sao. Dáng điệu bình thần của khi càng làm cho rùa mắc cỡ hơn.

- Thật tôi không biết làm sao, tôi lấy làm xấu hổ vì đã đi lường gạt một người bạn tốt như anh. Anh không có đem gan theo thì tôi chờ anh về cũng vô ích.

- Tôi hiểu tình cảnh của anh, nên không nỡ giận anh làm gì. Tôi bằng lòng cho lá gan của tôi. Thôi anh chờ tôi về đảo mau để lấy gan làm thuốc cho chị.

Rùa cảm ơn rồi rít quay đầu bơi trở lại. Vừa đến đảo. Khi vọt nhảy lên bờ, leo lên cây chuyền cành này sang cành khác. Chờ một lúc lâu, Rùa sốt ruột hỏi :

- Lá gan của anh đâu ?

Khí lượm một hòn đá to liệng xuống lưng Rùa và nói :

- Gan của tôi đó, đem về mà làm thuốc cho khôn thêm tí nữa.

Hòn đá to của khí liệng trúng lưng tuy không làm tổn thương thể xác, nhưng làm xao động tinh thần của Rùa rất nhiều. Về mặt giận dữ của Khí không làm Rùa tức giận, mà trái lại làm Rùa hối hận vô cùng. Rùa nghĩ thầm : "Chỉ tại mình có lòng hiểm ác định giết hại bạn để cứu mạng vợ mình. Cũng may Khí lạnh trí, nếu không thì đã tán mạng rồi. Khí oán giận mình là phải. Mà anh Tôm cũng độc, bày chi phương thức ác quá, mà mình thì cũng không hiền gì. Không biết thuốc làm bằng lá gan có trị bệnh được không mà dù là thần dược đi nữa cũng chẳng nên dùng. Ai nỡ giết oan một mạng người để cứu một người. Dù kẻ được cứu là người thân, mà kẻ bị giết là người thù...".

Chỉ trong phút giây mà trong trí Rùa thoáng qua không biết bao ý nghĩ. Rùa ngược nhìn Khí với đôi mắt lạnh, đầy vẻ hối hận :

- Tôi rất ân hận về hành động gian ác của tôi vừa rồi, xin anh từ bi hỷ xả cho tôi.

Nãy giờ Khí cũng ngạc nhiên không thấy Rùa có phản ứng gì, khi bị liệng đá trúng lưng, mà

trái lại có vẻ trầm ngâm suy nghĩ. Bao nhiêu hờn giận đã theo viên đá đổ trút xuống lưng Rùa rồi, nên khi nghe Rùa tỏ vẻ hối hận. Khi cảm thấy hả dạ ngay, vì bản tánh của Khi vốn cởi mở, không hiểm ác.

- Tôi xin anh tha lỗi về cử chỉ tàn bạo của tôi vừa rồi. Anh có sao không ? Lên đây tôi xem, tôi sẽ đi hái thuốc chữa trị cho anh.

- Cám ơn lòng tốt của anh, tôi không sao cả. Viên đá tuy to, nhưng lưng tôi cũng khá cứng. Lòng tốt của anh làm tôi cảm động và thẹn thùng vô cùng.

Rùa từ từ bò lên khỏi mặt nước.

Khi cũng tuột xuống khỏi cây. Khi đến gần Rùa thân mật hỏi :

- Anh thật không sao cả phải không ?

Quan sát Rùa thật kỹ lưỡng rồi Khi cười nói :

- Thấy anh an lành tôi mới an tâm. À mà chị nhà đau ra sao ? Bệnh gì vậy anh ?

Rùa kê rõ căn bệnh của vợ mình, nghe xong Khi nói :

- Không sao đâu, anh đừng lo, tôi biết có thứ lá cây này trị bệnh đó hay lắm để tôi hái, rồi anh chờ

tôi đi trị bệnh cho chị. Anh chờ tôi một tí. Khi chuyển cây đi một lúc trở lại với một nắm lá.

- Nào bây giờ chúng ta cùng đi.

Lại cái màn Rùa chở Khi, nhưng lần này lòng dạ hai đảng khác hẳn, không còn rắp tâm hại nhau, mà lại thông cảm thích giúp đỡ nhau. Với lòng chân thật và mến thương vô hạn. Thật khác xa tâm địa xấu xa lúc ban đầu. Mỗi đảng đều im lặng đeo đuổi ý nghĩ riêng của mình. Một lúc Khi bỗng nói :

- Trong rừng của chúng ta dạo này có một vị Tăng đến ở tu. Những đêm trăng sáng Ngài thường hay thuyết pháp, anh có đi nghe không ?

Tôi thường đi nghe lắm, nhưng buồn quá anh ơi ! Nghe giảng hoài mà sao tâm tánh vẫn còn mê mờ, chưa sửa đổi được gì nhiều cả. Cũng vẫn ích kỷ, nhỏ nhen, cũng vẫn hẹp hòi đố kỵ, thấy ai hơn thì ganh tị, thấy ai thua thì khinh khi. Chúng ta đối với Thầy thì tỏ ra kính mến còn đối với nhau thì chẳng ra gì. Trước mặt Thầy chúng ta chào hỏi nhau xem chừng như lưu luyến lắm, còn sau lưng Thầy thì ghét nhau như chó với mèo.

- Tôi cũng nhận thấy như anh, chúng ta còn xa đạo không biết bao nhiêu cây số. Anh biết bây giờ tôi nghĩ gì không ? Tôi nghĩ đến câu Thầy giảng

hôm rằm : *"Tâm dục vọng chỉ để dối gạt, trái nghịch với đạo. Người vào đạo phải dùng tâm đoan chánh, ngay thẳng làm gốc"*. (Kinh Di Giáo). Vậy mà chúng ta lại làm trái ngược, dùng tâm dối trá, gian ác để dối xử với nhau, nên mới sanh chuyện. Mà cũng lỗi tại tôi có tâm khinh người, thấy anh chậm chạp, nên nhấn nhó trên chọc.

- Cũng lỗi tại tôi thấy anh nhanh nhẹn khôn ngoan nên tôi sanh tâm đố kỵ, thấy anh trên chọc sanh tâm thù ghét, cố chấp mong có dịp trả thù. Cũng may là chúng ta đã dừng lại kịp thời, nếu không thì *"Ác do tâm sanh, trở lại hại tâm, như sét hay sanh sét, sét lại tiêu sét"* (Kinh Bột). Khi gạt gù nói :

- Thật đúng : *"Nói ác, mắng chửi, kiêu căng, khinh người. Các điều ác ấy khởi ra là ganh ghét, oán hận sanh ngay. Nói lời khiêm tốn, tôn kính, bỏ oán, nhẫn ác là ganh ghét, oán hận tự dứt. Là người sanh ở đời, cái búa tại trong miệng sẽ đi giết thân cũng do lời nói dữ"*. (Kinh Pháp Cú).

- Mãi bàn luận, mảy chốc cả hai về đến hang Rùa. Khi trở tài làm lương y. Uống thuốc Khi cho chẳng bao lâu chị Rùa cảm thấy khỏe khoắn và từ từ khỏi bệnh. Trước khi ra về Khi căn dặn :

- Anh chị nhớ tối hôm nay đi nghe giảng nghe.

Chúng ta cố đi nghe để sửa đổi tâm tánh, theo thiện, bỏ ác. "Còn đức nghe pháp được ra khỏi sanh tử" đó anh ơi ! Anh chị nhớ đi đúng giờ, đừng đi trễ có lỗi, nhớ chờ tôi dưới gốc mai vàng nhé !

Nói xong Khi nghiêng mình chào chị Rùa, vị chủ nhà chậm chạp trà lễ và không quên cảm tạ ơn chữa bệnh của khách. Xong đâu đấy. Rùa chờ Khi thông thả bơi đi. Đến mé rừng, Khi nhây vội lên bờ, hái một cành hoa mai nhò thật đẹp đưa cho Rùa và nói :

- Nhân dịp xuân về tôi xin biểu chị ở nhà và cầu chúc anh chị một mùa xuân nhiều hạnh phúc.

- Rùa ngậm cành mai vàng, chào anh bạn quý rồi sung sướng bơi đi...

BẢO LIÊN

*

Lấy từ bi thắng nóng giận

Lấy hiền lành thắng hung dữ

Lấy bố thí thắng xan tham

Lấy chân thật thắng ngạo nguy

Ngọc báu trong túi áo

Có một thanh niên háo khách, ưa tiếp bạn bè, tính hòa hiệp, dễ sống chung với mọi người. Anh có rất nhiều bạn ở khắp nơi xa gần trong nước. Anh vốn là con của một đại phú ông, của cải trong nhà vô số, không cần phải mua bán kinh doanh. Cả ngày ngoài việc tiếp khách đãi bạn, người ta không thấy anh làm gì vất vả. Tuy nhiên, "mùa xuân nào rồi cũng phải hết", điều bất hạnh đã xảy đến cho anh. Khi anh vừa đúng 20 tuổi thì phụ thân anh qua đời. Từ đây anh phải sống những ngày cô độc của tuổi trẻ.

Vốn là người chỉ giỏi về sự giao du rộng với bạn hữu, không thạo về nghề buôn bán làm ăn, anh dần dần tiêu sạch bao nhiêu tài sản của phú ông để lại. Khi tất cả đều không còn gì, anh cô thân chích bóng lưu lạc xứ người, một ngày một đồng cũng không có, với ý tưởng quay gót thăm lại cố hương. Vì trước kia anh từng giao tiếp rộng, anh bước chân đến đâu đều có bạn bè tiếp

đón. Lần lượt anh đến thăm những người bạn cũ năm xưa.

Anh không chịu làm một thực khách lâu ngày của ai. Tính khảng khái và tự tôn của tuổi trẻ, bảo anh phải làm thế. Tiền trong mình hết hẳn. Đã có lúc qua hai ba ngày liên tiếp mà không có hạt cơm nào trong bụng. Tuy thế anh vẫn không dám đến cầu sự giúp đỡ lần nữa của bạn bè. Cuối cùng khi mà sức lực đã kiệt như không chịu nổi nữa, anh mới chịu lần đến nhà một người bạn cũ. Anh ký của thuê nào. Lâu ngày được gặp lại tình bạn hữu tha thiết bội phần. Anh muốn cố giữ không cho bạn biết sự nghèo khó của mình, mặc dầu cái vẻ bần cùng của anh rất dễ bị khám phá.

Bữa nọ, bóng chiều vừa xuống, nhân bữa ăn, chủ khách hai người đã than thở với nhau về sự thay đổi vô thường của nhân tình thế thái. Những sầu muộn tích tụ trong lòng anh trong những năm qua, hôm nay được khơi dậy nhân sự tiếp xúc với bạn. Anh vừa tâm sự vừa ăn uống. Nói thật nhiều và uống thật nhiều, bất chấp tính toán so đo. Kết quả anh đã say mèm "bất tri nhân sự". Bây giờ người bạn đưa anh qua phòng ngủ, để anh nằm trên chiếc "giường an lạc" và ngồi bên cạnh trông nom. Người bạn nhìn chăm vào dung nhan của anh trong khi ngủ, và khi đã cùng đường mới tìm

đến người bạn này để nhận sự giúp đỡ. Hôm nay ta giàu có như thế này - Ý tưởng của người bạn mà bạn ta bàn cùng khốn khổ. Xem qua hình dạng nhất định anh đã chịu hết mọi thống khổ của cảnh "thương hải tang điền". Tuy nhiên anh không đề cập một câu nào về điều ấy. Khí sắc của anh không còn chút nào giống như ngày trước. Bao nhiêu của cải ta có hôm nay đều là của anh cho cả. Giá như phải đem tất cả tặng lại cho anh, ta cũng phải làm. Nhưng ta biết tính khí của anh tâm tự tôn rất cao, anh nhất định không nhận sự bố thí của người dẫu... Nghĩ đoạn người bạn rời khỏi giường, để anh tiếp tục ngủ, vào phòng mở tủ lấy một viên ngọc báu vừa sáng lớn, rồi một cách rất kín đáo nhét viên ngọc vào túi áo của anh. Đây là viên ngọc vô giá, có thể giúp anh nuôi sống trọn đời không hết.

Qua hôm sau, người thanh niên từ cõi mộng trở dậy. Mở mắt ra, anh thấy mình đã ngủ một giấc dài trên chiếc giường lớn lộng lẫy. Anh cảm thấy xấu hổ khi nghĩ về cuộc say sưa chiều hôm qua. Anh hối hận vô cùng, biết rằng mình làm một người khách ở nhà bạn sao lại có thể quá tùy tiện như vậy. Người bạn đến, tiếp theo là một nữ bộc bưng thau nước. Sau khi lau chùi sơ sài, anh theo bạn vào phòng ăn. Bữa ăn sáng hôm ấy quá thịnh soạn.

Mặc dù bạn ăn cần thế nào, anh vẫn thấy bất an. Sau khi ăn xong từ biệt bạn để ra đi. Một lần nữa bạn mời ở lại, nhưng anh nhất quyết ra đi. Cuối cùng không biết làm sao hơn nữa, người bạn chỉ còn cách là đưa anh ra cửa. Từ đấy, anh lại sống qua những ngày của một người vô gia cư lưu lạc. Từ thôn này qua thôn khác, thành này qua thành khác, thời gian cũng theo bước chân anh, đi mau như dòng nước chảy. Bị sự thúc bách của sinh hoạt anh mất hết thần khí, cúi đầu lặng đi. Cuối cùng, anh đã làm việc hết sức khổ nhọc hoặc phải đến từng nhà xin ăn. Chỉ cần một bữa cơm, khổ bao nhiêu anh cũng ráng chịu, không một biểu tượng từ nan. Anh đã biết : Sức sống và sự sống của chính mình quan hệ lẫn nhau.

Anh xa cách người bạn trên đã hai năm, không hề có một ý tưởng mong được gặp lại. Nhưng việc đời làm sao ta có thể ngờ trước. Vì vậy trong một lúc tình cờ, anh gặp lại người bạn đó. Anh đã bị bạn mình phát hiện trong lúc hì hục làm công cho một nhà giàu. Người bạn rất đổi ngạc nhiên hỏi :

- "Bạn, trong khi chúng ta xa cách nhau, sao anh lại nghèo như thế này ? Nhớ lại ngày sau bữa rượu anh đã say tại nhà tôi, đưa anh lên giường, rồi lấy một viên ngọc quý đặt vào túi áo của anh.

Đó là viên ngọc vô giá, dùng trọn đời không hết, anh đã bỏ mất rồi sao ?".

Qua lời chỉ dạy của bạn, anh mới bắt đầu đưa tay mò túi áo của mình, và viên ngọc quý sáng rõ đã được anh moi ra, lúc ấy mới cảm động than rằng :

- "Ngu si quá chừng ! Ngu si quá chừng ! Trong người mang ngọc quý, lại chịu khổ trong cảnh bần cùng. Vì sự sinh kế mà phải vất vả, lo buồn, quả tôi là một thằng khùng nhất trong đời vậy".

THÍCH TÂM THIỆN

"Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật. Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành".

Tam nghiệp hằng thanh tịnh

Một vị thiền sư đi hành cước ngang thôn ấp nọ, tìm tới nghỉ tại một ngôi chùa bỏ vắng lâu năm. Dân làng kéo đến khuyên thầy đi chỗ khác, thầy hỏi duyên cớ, họ kể :

- Bạch Thầy, ngôi chùa này có con quỷ xuất hiện vào lúc nửa đêm, khóc than thảm thiết rừng rợn, khiến chúng con phải dời nhà đi chỗ khác không dám ở gần. Nguyên do là ngày xưa nghe đâu có vị trụ trì ở đây chết hóa thành quỷ.

- Tại sao chết ?

- Dạ bạch, vị sư ấy đã già khi ốm nặng, các đệ tử theo lời y sĩ, đổ súp gà cho thầy lai tinh. Lúc tỉnh dậy thầy hỏi đã cho thầy uống thuốc gì và khi được biết họ đã đổ súp gà, thầy giận đến ngất đi và chết luôn. Từ đó đêm nào cũng có quỷ xuất hiện ngâm lên hai câu :

*Lâm bệnh ngộ tại sàng
Nhất dạ ẩm kê thang
(Liệt giường bệnh hành ta
Nên uống phải súp gà)*

Rồi khóc lên tru tréo rất thê thảm.

Vị thiền sư nghe qua câu chuyện quyết định ở lại ngôi chùa hoang đêm ấy. Ngài thức chờ khi quý xuất hiện ngâm hai câu :

*Lâm bệnh ngộ tại sàng
Nhất dạ ẩm kê thang*

Ngài bèn ngâm tiếp :

*Tam nghiệp hằng thanh tịnh
Đồng Phật vãng Tây phương.*

(Ý nói dù uống lợ súp gà, nhưng ba nghiệp thân khẩu ý thường thanh tịnh, thì vẫn có thể sang Tây phương gặp Phật).

Quý nghe xong, biến mất, từ đấy không xuất hiện nữa.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Đoạn trừ phiền não trùng tâm bệnh
Xu hướng chân như tổng thị tà
Tùy thuận chúng sanh vô quái ngại
Niết bàn sanh tử thị không hoa".

Phạm Chí ngạo mạn

Ngày xưa, tại Ấn Độ có một Phạm Chí học văn uyên thâm, biện tài vô ngại. Ông thường dùng xảo ngôn để lập thuyết, lấy hư làm thực, lấy thực làm hư, chưa một ai địch lại, ông rất lấy làm tự đắc.

Một hôm ông đến thành Xá Vệ, giữa ban ngày ông đốt đuốc cầm đi, mọi người thấy lạ chạy theo coi, có người trong đám ấy hỏi ông :

- Này đạo sĩ, giữa thanh thiên bạch nhật như thế này sao đạo sĩ lại đốt đuốc mà đi ?

- Trong nước tối tăm, không có ánh sáng, nên ta phải đốt đuốc mà đi.

Câu chuyện được đồn đến tai vua, nhà vua rất lấy làm hổ thẹn, nghĩ cả nước chẳng có người tài giỏi, để phải bị kẻ xảo ngôn nhục mạ. Nhà vua liền sắc các quan quân mang trống lệnh treo trên cửa thành dóng lên từng hồi vang vọng để cầu các bậc biện tài vô ngại, hàng phục kẻ ngông cuồng, xảo ngôn ấy.

Bấy giờ có một vị Sa môn tài cao đức lớn, đi ngang qua thành, thấy trống lệnh đóng lên liên hồi, liền kêu quân giữ thành hồi :

- Nhà vua cầu việc gì mà đánh trống lệnh liên hồi vậy ?

- Thưa Sa môn, vua muốn cầu bậc biện tài để tranh luận với vị Phạm Chí xảo ngôn kia.

Nghe vậy, vị Sa môn vào thành yết kiến nhà vua. Nhà vua lấy làm mừng rỡ, cho lập đàn tranh luận và báo cho Phạm Chí cùng dân chúng biết.

Ngày khai đàn tranh luận được quy định, vị Sa môn đến thật sớm, lên ngồi nơi tòa cao nhất. Phạm Chí đến sau nên ngồi dưới thấp. Vị Sa môn nói :

- Nay Phạm Chí, ai ngồi trên thì được nói trước, ông bằng lòng chăng ?

Phạm Chí tự nghĩ : "Ta là bậc biện tài xưa nay chưa hề có ai địch lại, vậy sợ gì. Hãy cho Sa môn này nói trước".

- Nay Sa môn, ông cứ nói trước rồi đến phiên ta.

- Lành thay, nay Phạm Chí ông là kẻ trí tuệ, minh đạt, là bậc chơn như đạo cốt, chứ chẳng phải kẻ đầy tớ, tôi đòi, binh lính, xe ngựa hay kẻ vác xác chết ngoài bãi tha ma.

Khi ấy Phạm Chí suy nghĩ mông lung chẳng biết trả lời sao cho được. Nhà vua thấy Phạm Chí cúi đầu làm thinh, không đối đáp, rất lấy làm mừng rỡ, dọn tiệc thiết đãi, rồi ra lệnh cho Phạm Chí hốt phân đội trên đầu mà đi và đuổi ra khỏi nước.

GIỚI ĐỨC

**"Không biết mà nói là ngu,
Biết mà không nói là hiểm".**

Sự tích ông bình vôi

Ngày xưa, có một người con gái con một nhà giàu có. Cô rất đẹp nhưng cũng rất kiêu. Cô đã từng làm cho các bạn gái xa lánh mình. Cô làm cho các chàng trai ghét cô vô hạn. Cũng vì thế đến tuổi lấy chồng, cô gái vẫn chưa có đám nào vừa ý. Chàng trai nào cũng bị cô sổ toẹt, vì "cao chề ngồng, thấp chề lùn, béo chề béo trọc béo tròn, gầy chề xương sống xương sườn bày ra".

Nhưng rồi cô cũng lấy được chồng. Chồng cô yêu vợ nhưng lại bực mình vì thói ghen của vợ. Cô ghen chồng làm cho xóm giềng luôn luôn cau mặt vì những lời qua tiếng lại của họ. Cuối cùng hai người không vừa ý nhau và ly dị. Buồn bực vì duyên phận, cô bỏ đi tu.

Cô xuất gia ở một ngôi chùa cổ trên núi suốt hai mươi năm. Những con chim, con thú rừng hầu như quen thuộc bóng dáng của người sư nữ. Hai mươi năm qua cô vẫn chưa đắc đạo. Cô thất mắc,

vì tự cho mình thông kinh kệ hơn người và chịu đủ mọi thứ khổ hạnh của nhà thiền. Một ngày kia cô quyết định sang Tây Trúc một phen để tìm cho ra lẽ. Đường sang Tây Trúc thiên nguy vạn hiểm nhưng cô quyết định đi cho bằng được.

Một hôm, sau khi vượt qua một trái núi, sư nữ tìm vào một ngôi nhà hẻo lánh dọc đường để nghỉ chân. Hai mẹ con chủ nhân tuy người rừng núi quê mùa nhưng vốn là kẻ ăn chay niệm Phật, nên thấy khách là nhà tu hành thì tiếp đãi rất hậu. Khi họ được nghe kể công trình tu luyện của sư nữ thì họ càng cung kính, coi như bậc thầy. Và khi họ biết ý định của sư nữ thì họ cũng xin phép bỏ nhà bỏ cửa đi theo thầy để mong được đắc đạo. Nghe họ cầu khẩn, sư nữ cười : "Hai mẹ con nhà này cũng muốn thành Phật ư ? Được cứ đi theo ta !" Nhưng bụng nàng bảo dạ : - "Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chính vút ngoài bờ tre".

Từ hôm đó nhà sư nữ có thêm hai người bạn đồng hành chân bột mồi, đường bột dài, họ đi chả mấy chốc mà đã tới đất thánh. Từ trước đến sau, hai mẹ con nhà họ vẫn cung kính, coi sư nữ như thầy. Còn sư nữ đối với họ không được như trước : - "Không biết chừng họ được thành Phật trước ta. Họ sẽ hơn ta... Bọn này mà đắc đạo, thật là một điều nhục cho Thiền môn".

Nói chuyện đức Phật khi vừa nghe tin có người tìm đường đến Tây Trúc cầu đạo, vội hóa thân đi theo dõi. Từ đầu đến cuối, đức Phật vẫn không bỏ sót một lời nói, một cử chỉ nào của sư nữ. Khi họ sắp qua một con sông rộng, đức Phật hóa phép hiện ra ở bên kia bờ một tòa cổ tự, trước cửa có một cây bồ đề rất lớn để chờ họ.

Muốn cho hai mẹ con khỏi lẻo đẻo theo mình đến đất Thánh, nên khi qua sông sư nữ giả cách ngạc nhiên, chỉ ngôi chùa và cây bồ đề mà bảo rằng :

- Kia, chúng ta đã tới Tây Trúc. Chớ thật ! Chính là cây bồ đề của Thế Tôn tu luyện ngày xưa. Thôi ! Hai mẹ con cứ việc trèo lên một cành cao niệm kinh rồi buông tay rơi xuống tức khắc thành Phật !

Tin tưởng ở lời nói của bậc thầy, hai mẹ con mừng rỡ làm theo không chút ngần ngại. Nhưng khi họ buông tay cho người rơi xuống thì đức Phật đã đón họ đưa lên trời. Có bốn vị A La Hán mang tòa sen đến rước đi. Tay hai mẹ con vẫy vẫy như có ý gọi người bạn đồng hành.

- "Đúng là họ thành Phật rồi ! Sư nữ vừa kinh ngạc vừa mừng, vội trèo lên cây để làm như họ. Nhưng đức Phật đã có ý trừng phạt người đàn bà

kiêu ngạo và độc ác ấy một cách đích đáng, nên đã để cho cái xác rơi thịch xuống đất, tan xương vỡ sọ. Và sau đó đức Phật lại bắt người khốn nạn ấy hóa thành bình vôi. Tại sao lại cho hóa thành bình vôi. Có người bảo chính là đức Phật muốn bắt những kẻ trong lòng bất nhân, nhưng lại đeo bộ dạng tử bi phải để cho người đời luôn luôn móc ruột.

NGUYỄN ĐỒNG CHI

Truyện cổ Việt Nam tập II

*

**"Một kiếp không tu muôn kiếp khổ,
Một đời vô đạo vạn đời sầu".**

Oan nghiệt

Thuở xưa, vào thời chánh pháp của đức Phật Thích Ca, tại một nơi nọ có một vị trưởng giả giàu có. Vị này có hai người vợ, người vợ lớn không con, người vợ nhỏ sinh được một đứa con trai khôi ngô tuấn tú, cả gia đình nhờ thế mà sinh vui vẻ.

Khi ấy người vợ lớn sinh lòng đố kỵ, luôn tìm cách để hại đứa bé con người vợ nhỏ, nhưng bên ngoài bà tỏ ra hết lòng thương yêu, chiều chuộng, không một chút ganh tị nào.

Một hôm người vợ nhỏ đi vắng, người vợ lớn lén lấy cái kim ghim vào đỉnh đầu đứa bé. Đứa bé từ ấy phát bệnh la khóc suốt ngày, bỏ ăn bỏ uống, thân hình tiêu tụy, qua bảy hôm thì chết. Trong nhà ai cũng sầu khổ. Người vợ lớn cũng tỏ ra đau đớn, tiếc thương. Còn người vợ nhỏ thì vật mình xuống đất, khóc than thảm thiết suốt cả ngày đêm. Nhưng cả nhà chẳng ai biết được vì sao đứa bé ấy chết. Về sau bà vợ nhỏ biết được do lòng

ganh tị của người vợ lớn và chính bà ấy giết. Bà vợ nhỏ lập tâm báo thù. Bà đến chùa hỏi các thầy Tỳ kheo.

- Bạch đại đức muốn toại nguyện lòng mong cầu, phải làm công đức gì ?

Các thầy Tỳ kheo đáp :

- Muốn toại nguyện lòng mong cầu thì phải thọ trì bát quan trai giới, điều cầu xin sẽ được như ý.

Nghe xong, bà xin thọ bát quan trai giới. Sau đó bảy ngày bà chết đầu thai làm con gái bà vợ lớn, thân tướng đẹp đẽ. Bà vợ lớn thương yêu, quý trọng hơn vàng, nhưng oan nghiệt thay, đứa bé gái ấy chỉ sống được một năm rồi chết, khiến cho người mẹ khổ sở đau đớn khôn cùng, khóc lóc thảm thương bỏ ăn, quên ngủ. Oan oan tương báo như thế đến bảy lần, bà vợ lớn đoán biết đây là sự báo oán của người vợ nhỏ.

Cho đến lần cuối cùng, bà vợ lớn sinh được một bé gái lại càng đẹp đẽ, thân thể đoan trang hơn mấy lần trước, nhưng lần này đứa bé sống được 14 tuổi, sắp có gia đình. Một hôm đang đêm nàng bước ra khỏi cửa, liền ngã ra chết. Bà mẹ khóc lóc kêu gào la hét suốt ngày, lòng thương con cùng cực, khiến bà phát cuồng, không còn biết chi nữa. Bà để xác con giữa nhà, chẳng chịu táng liệm càng

nhìn xác con càng thấy đẹp lạ thường. Để như thế hơn 20 ngày.

Một buổi sáng nọ, các thầy Tỳ kheo thiền định, dùng từ tâm quán khắp tâm chúng sinh, thấy người đàn bà ấy bị một chuỗi oan nghiệt nối dài và nay chính là lúc nhờ sự đau khổ cùng tột có thể làm tâm bà bừng sáng. Sau khi dùng từ tâm quán sát, thầy Tỳ kheo liền khoát y ôm bát, đến nhà bà vợ lớn khất thực. Đến nơi trước nhà vắng vẻ, bên trong nghe tiếng khóc than quần quai. Thầy rung tích trượng, hồi lâu có kẻ đẩy tờ mang cơm ra cúng :

- Bạch Ngài, bà chủ con bận việc không thể ra, xin Ngài từ bi nạp thọ.

Thầy Sa môn im lặng, không mở bát ra mà nói :

- Ta muốn gặp thí chủ.

Người đẩy tờ trở vào thưa cùng bà vợ lớn rằng :

- Thầy Sa môn muốn gặp bà.

- Ta có chuyện buồn khổ, chỉ muốn chết thôi, ta không muốn gặp ai cả. Mày hãy mang cơm ra cúng dường thầy Sa môn ấy và xin Ngài hãy đi đi.

Nhưng khi đưa đầy tờ mang cơm ra, Ngài cũng không nhận và nói như trước. Bà vợ lớn tự nghĩ :
"Ta đang lúc khổ sở mà vị Sa môn này chẳng hiểu

được tâm ta, sai người đem cúng dường mà chẳng nhận, quyết muốn gặp ta. Khổ quá ! Thôi ta cứ ra coi Ngài muốn gì ?" Nghĩ xong bà bước ra. Thầy Sa môn vừa trông thấy liền hỏi :

- Này thí chủ, vì sao bà có vẻ sầu khổ, đầu tóc rối bù, mặt mày hốc hác tiêu tụy đến thế ?

- Bạch Ngài, từ ngày tôi có gia đình đến nay, sanh bảy đứa con gái đứa nào cũng đẹp dễ dễ thương, nhưng khi đến một hoặc hai hoặc ba tuổi thì chết, duy chỉ có đứa con này đến 14 tuổi, đêm hôm vừa bước ra khỏi nhà liền té xuống đất chết ngay. Thật tôi quá khổ sở, chỉ còn có muốn chết nữa mà thôi. Nói xong bà khóc nức nở. Thầy Sa môn bảo :

- Hãy rửa mặt, chải đầu rồi ta sẽ nói cho bà nghe.

Nhưng bà ta vẫn khóc. Thầy Sa môn nói :

- Này bà, người vợ nhỏ của ông chủ nhà này vì sao chết ?

Bà vợ lớn nghe nói trong lòng bối rối sợ hãi, tự nghĩ : "Vì sao vị Sa môn này lại biết được việc của nhà ta ?".

- Hãy quay đầu ra đây ta sẽ nói cho bà nghe.

Bà liền quay đầu ra.

- Người vợ nhỏ của nhà này sanh được một đứa con trai, vì sao đứa con ấy lại chết đi ? Bà vợ lớn nghe nói trong lòng càng sợ hãi, run rẩy chẳng nói lên lời.

- Nay bà, do bà giết đứa bé ấy, nên người mẹ của nó đau khổ rồi chết theo, vì oan oan tương báo, người mẹ của đứa bé quyết báo thù, nên bảy lần sanh làm con của bà rồi lại chết, để bà phải đau khổ mà chết theo như bà đã gây ra cho người vợ nhỏ. Giờ đây đứa con bà vừa mới chết, bà hãy xa ra thì sẽ biết đứa con ấy thế nào ? Nghe vị Sa môn nói, bà quay lại thì toàn thân đứa con ấy tan rã, hơi thổi vô cùng, trong lòng cảm thấy hổ thẹn, khủng khiếp. Bà cúi đầu đánh lễ vị Sa môn cầu xin cứu độ.

- Ngày mai bà hãy đến chùa ta sẽ làm lễ qui y cho. Ngay khi ấy, xác đứa con gái liền biến thành rắn độc, biết được bà vợ lớn sẽ đi thọ giới, nên rắn nằm ngang chặn giữa đường. Sáng ngày bà vợ lớn đi đến chùa, rắn đuổi theo. Bà sợ hãi nói :

- Ta đến chùa thọ giới qui y, tại sao mày lại chặn đường không cho tao đi ?

Lúc ấy, thầy Sa môn biết được, đến nơi, người vợ lớn trông thấy vô cùng mừng rỡ. Thầy Sa môn nói với rắn :

- Oan nghiệt, đã trải qua mấy đời nhiều hại, người vợ lớn chỉ giết có một người con của nhà người, thì tại sao nhà người lại làm khổ người ta đến bảy lần. Tội nhà người rất lớn, hôm nay lại muốn cản đường không cho người ta đi qui y Tam Bảo nữa, tội này đời đời sẽ đọa vào địa ngục, hiện tại nhà người chỉ là thân rắn đâu được thân người.

Rắn nghe nói, liền nhớ lại kiếp trước, đau đớn trong lòng, vắn mình uốn khúc, đập đầu xuống đất, hướng về vị Sa môn mà sám hối."

- Hai người đời trước đã tạo oan nghiệt gây khổ cho nhau. Vậy kể từ nay tội lỗi mỗi người sẽ được chấm dứt, đời đời đừng có ý niệm giết hại nhau nữa.

Cả hai đều ăn năn, khi ấy rắn độc nhờ sức chú nguyện của thầy Sa môn, liền được thác sanh làm thân người, tâm ý khai mở. Rồi cũng được qui y Tam Bảo, tinh tấn tu hành.

GIỚI ĐỨC

*

"Luân hồi nhân quả không sai
Không tu ác phải đọa đầy khổ thân".

Hoa vương

Ngày xưa, ngày xưa có một Minh Quân cai trị một quốc gia thanh bình trù phú. Mọi việc đều xuôi chèo mát mái, ngoại trừ một điều là dù tuổi đã khá cao, nhà Vua hiền đức của chúng ta vẫn chưa có được Hoàng nam nối dõi.

Một bữa tốt trời đức Vua cho yết bảng, truyền lệnh cho vời các đồng tử lên 7 đến 12 vào sân rồng cho Ngài tuyển chọn người kế nghiệp.

Các thần dân của đức Vua trong số tuổi ấn định lũ lượt kéo nhau về kinh dâng ký. Bất kể gia tộc sang hèn, nghèo giàu mỗi cậu bé đều được nhận một hạt giống tí tẹo. Các thí sinh phải đem hạt giống về tự tay gieo trồng và chăm bón. Đến bao giờ hạt giống nẩy mầm, nứt lộc, đâm chồi, ra nụ kết hoa thì sẽ mang đến Hoàng cung dự thí.

Ngày khảo thí được ấn định vào đêm rằm tháng tám, chậu hoa nào được đức Vua chấm giải nhất thì người gieo trồng nó sẽ được vào cung làm Hoàng tử. Người sẽ kế vị đức Vua sau này.

Cái ngày chờ đợi đó đã đến, vườn ngự uyển chật đầy các lăng hoa do thí sinh đem nộp, không chê vào đâu được, vì loài hoa nào cũng rực rỡ ngát hương. Nhưng đức Vua và Hoàng hậu xem chừng vẫn chưa chọn được thứ nào vừa mắt.

Cuối cùng một chú bé khoảng 8 tuổi, áo quần rách rưới nhưng mặt mũi dễ thương, xin được vào chầu đức Vua của chú. Mọi người cười ò khi thấy chú khư khư ôm một cái chậu bằng đất nung chứa đầy phân và rác bẩn. Vị thần dân tí hon này quỳ trước bệ rồng, nước mắt chảy quanh, sụt sịt nói :

- Muôn tâu, con đã làm hết sức mình, con đã chọn chiếc chậu lành lặn nhất, để vào đó thứ đất mịn nhất, trộn vào đất thứ phân đã hoai và tốt nhất... rồi mới đặt hạt giống của đức Vua ban cho con vào đó... Con đã phơi sương ủ nắng và tưới nước cho nó... Vậy mà nó không chịu nứt cái mầm nào cả.

Đức Vua nghe xong không dấu được sự xúc động, ôm chầm lấy cậu bé reo :

- Ôi ! Con chính là vị Hoàng tử mà ta chờ đợi.

Mọi người kinh ngạc lẫn bất bình. Đức Vua vuốt râu mỉm cười giải thích :

- Tất cả các hạt giống trao cho thí sinh đều đã được hấp chín... Nó chỉ có thể nở hoa trung thực mà thôi...

Đưa tay chỉ chiếc chậu đầy đất bán của chú bé dân giả, đức Vua tiếp :

- Đóa hoa trung thực ấy chỉ đâm chồi nảy lộc trong mỗi một chiếc chậu này. Con người đã gieo trồng được loại hoa ấy, nhất định sẽ là vị anh quân mà đất nước ta chờ đợi.

Đức Vua đã không làm trong sự lựa chọn ấy.

*

Vô bệnh là điều bất lợi, biết đủ là kẻ rất giàu,

Thành tín ở nơi chí thân, Niết bàn là vui tối thượng".

Tham y hóa rận

Thuở Phật còn tại thế, ở vườn Cấp Cô Độc, có một vị tân Tỷ kheo được cúng một bộ y lụa tuyệt đẹp. Thầy mân mê bộ y không rời, tối dùng làm gối ngủ. Đêm ấy rui thay thầy bị trúng gió nặng, cấm khẩu, các vị đồng phạm hạnh tìm đủ cách cứu chữa, nào cạo gió, nào thoa bóp đầu nóng, nào hồ hấp nhân tạo... song đều vô hiệu. Thầy trút hơi thở cuối cùng. Vì tâm thức cuối cùng của thầy là ham thích bộ y mới, nên khi thoát xác, thần thức thầy thác sanh vào loài rận, làm một con rận đeo cứng vào bộ y lụa. Con rận khôn ngoan chui tuốt vào cái giải "Bần bà" (*) để mọi người khỏi thấy.

Sau khi vị Tỷ kheo qua đời, y lệ nhà chùa chúng Tăng chia đều nhau cái tài sản nhỏ bé của thầy,

* Tương truyền, khi nhiều người cúng vải để may y cho Phật, cái y sắp xong thì có một bà nghèo tới cũng một mảnh vải. Đức Thế Tôn thương xót nhận của hiền cũng muốn màng để gieo phước cho bà, và bảo thị giả A Nan may vào hai góc y để làm giây buộc y. Do đó sợi dây buộc y ngày nay có tên là "bần bà" để nhớ đến bà già nghèo khổ đã cúng dường mảnh vải cho Phật.

trong đó có bộ y. Với Phật nhân đức Thế Tôn rõ biết vị Tỳ kheo đã hóa làm con rắn đang ôm giữ chiếc y nên Ngài bảo đại chúng :

- Các ông có "quần Tăng"(*) tài sản của tôn Tỳ kheo ấy, thì hãy chừa bộ y lại, để tuần sau hãy cắt chia.

Các Tỳ kheo không hiểu vì sao Thế Tôn bảo chừa bộ y, nhưng không dám trái mệnh bèn đem bộ y ấy xếp để một nơi, Vừa khi bộ y bị dời chỗ, con rắn đã cưỡng cưỡng lên, la lối ồm sòm :

- Trời đất quý thần ơi ! Người ta cướp giựt của tôi bộ y nè ! Ai cứu cho với ! Bộ y này là của tôi, không phải của các người ! Các người toan mang nó đi đâu, bố làng nước ơi ! Quân cướp giựt !

Con rắn la khan cả cổ họng mà nào có ai hay ! Có chăng chỉ đức Từ phụ thần thông quảng đại thấy nghe được nỗi khổ đau của nó. Trong tuyệt vọng con rắn chạy quanh cái giải bần bà để cầu cứu lính tuần đến bắt bọn cướp, đã cướp cái y của nó. Chạy rã giò chẳng có ma nào đến cứu, người ta vẫn ngang nhiên nhắc bổng bộ y mang theo khổ chủ không biết đi đâu. Đức Phật thương xót gọi thị giả A Nan đang ôm bộ y để cắt vào tủ :

* Chia đều cho Tăng chúng

- Con hãy đem bộ y vào trong tịnh thất của ta.

Tôn giả A Nan vâng lệnh. Đức Thế Tôn đến bên bộ y, thuyết pháp cho rạn nhớ tiền kiếp của mình :

- Nay rạn, con vốn là một Tỳ kheo vừa thọ giới. Cái y này là của thí chủ cúng cho con. Con đã quên quán sát rằng : *"Không có gì là ta, không có cái gì là của ta. Cái này không phải là ta, cái này không phải là của ta, cái này không phải tự ngã của ta"*. Vì một phút bất giác cận tử nghiệp (nghiệp xảy ra lúc lâm chung) đã khiến con phải sa đọa vào loài súc sanh. Con hãy tịnh tâm nhớ lại tiền kiếp. Ta đức Như Lai, đang ở trước mặt con.

Do mãnh lực từ tâm nơi Phật, con rạn thoát nhớ lại kiếp vừa qua của mình, lòng trở nên nhẹ nhàng thanh thân. Rạn nằm im bảy ngày không ăn rồi trút hơi cuối cùng. Thần thức rạn thác sanh lên cõi trời tứ thiên thác sanh của những vị Tỳ kheo siêng tu thiền định.

Khi rạn thoát xác, đức Phật mới bảo tôn giả A Nan đem bộ y cắt ra chia đều cho mỗi người một mảnh để làm khăn lau mặt. Các vị Tỳ kheo hỏi lý do vì sao Ngài đợi đến bảy ngày mới phân chia bộ y, đức Thế Tôn kể lại câu chuyện và dạy :

- Nếu các ông chia ngay lúc đó, con rạn sẽ nổi

sân và bị dọa vào loài quỷ. Nay nhờ nghe pháp, nhờ thần lực của Như Lai, lại nhờ bản thân đã từng tu hành thanh tịnh, mà vị Tỳ kheo hóa rận ấy đã được sanh lên cõi trời.

Các vị Tỳ kheo nghe xong, ai nấy toát mồ hôi hột, ngăn ngấm cho cái "cận tử nghiệp" ác ôn kia. Sợ thay, mà lại mừng thầm cho ai !

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Làm muốn nhiều là khổ. Sống chết khổ đau là do lòng tham dục, trừ bớt dục vọng thì thân tâm tự tại".

Sự tích con nhái

Ngày xưa có một vị Hòa thượng trẻ tuổi nổi tiếng chân tu. Mọi "thị dục" của bản thân, Hòa thượng đều kiên quyết cắt đứt, chỉ một lòng chuyên chú vào lẽ hư vô của đạo Thiền. Nhà Vua nghe tiếng, vô cùng kính trọng, vời về cung, ban tước Quốc sư và sai tu bổ một ngôi chùa ở phía Nam kinh thành để cho sư trụ trì. Nhưng Hòa thượng từ tạ vua, chỉ xin phép đi xem chùa chiền, cảnh đẹp trong thiên hạ.

Một hôm, Hòa thượng một mình tìm đến một ngôi chùa xa ở vùng Bắc. Ở đó có một vị sư bạn trụ trì mà Hòa thượng lâu ngày chưa gặp.

Từ lâu Phật Bà Quan Âm đã nghe tiếng đồn về Hòa thượng. Lần này nhân cuộc đi chơi của Hòa thượng, Phật Bà định bụng thử xem con người đó như thế nào. Nếu quả đúng là chân tu thì Phật Bà sẽ đưa về Tây Trúc, cho hóa thành Phật.

Lúc Hòa Thượng sắp qua một con sông rộng,

Phật Bà hóa ngay làm một cô gái rất đẹp chống dò cập bến chờ khách quá giang. Hôm ấy cũng theo phép màu nhiệm của Phật Bà, khúc sông đó trở nên vắng vẻ, người và thuyền bè qua lại rất ít. Khi Hòa thượng chui vào trong khoang dò thì cô gái nhỏ sào chèo ra giữa sông. Đoạn nàng chèo thuyền đến một bãi cát vắng đậu lại. Hòa thượng lấy làm lạ hỏi cô lái vì sao không đi thẳng qua bờ bên kia. Cô lái chỉ đợi có câu hỏi ấy là buông chèo, cười một nụ cười rất tinh tứ rồi cũng chui vào khoang, trả lời một cách trắng trợn là thấy sư đẹp trai quá nên cầm lại dây cầu xin một chút tình yêu. Hòa thượng vốn nghe nói con gái ở vùng này có nhiều người đáo đê nên nghiêm nét mặt lại :

- A Di Đà Phật ! Mong người trần giới buông tha cho kẻ tu hành này.

Nhưng cô lái dò đâu có buông tha, cô cố sấn lại gần gợi tình. Hòa thượng không nói gì, lẳng lặng mở gói lấy quyển kinh Kim Cương Tam Muội ra tụng. Tiếng đọc của sư mỗi lúc mỗi lớn, át cả tiếng của cô lái dò. Nhưng cô lái dò vẫn cười cười nói nói. Rồi cô che tay lên quyển kinh. Hòa thượng ngoái cổ nhìn ra ngoài dò rồi nghiêm khắc cảnh cáo :

- A Di Đà Phật ! Trong người bần Tăng có một tờ lệnh chi của Hoàng đế. Trong đó Hoàng đế đã ra lệnh là hễ người nào phạm vào người bần Tăng

sẽ bị án trăm quyết. Vậy bản Tăng mong người đừng phạm vào phép của thiên tử.

Lời dọa của nhà sư không làm cho cô lái nhụt một tí nào. Cô nói :

- Em đang muốn chết đây ! Em chỉ mong chàng đoái thương một tí rồi chết cũng thỏa.

Nhưng hồi lâu, thấy lòng nhà sư không chuyển, cô lái dò lại thi hành một mưu khác, cố quyến rũ cho bằng được. Cô bắt đầu cởi áo ra. Khi chiếc yếm có đuôi nhọn bỏ xuống thì Hòa thượng nhắm mắt lại. Hòa thượng quay về phía cái gói lấy chiếc áo của mình khoác vào người nàng. Trong khoang dò chặt chội, tay Hòa thượng vẫn lần tràng hạt, miệng vẫn lầm nhảm đọc kinh. Trong khi đó những tiếng cô gái như mật rót vào tai :

- Chàng thương em một tí... Chàng nhìn ra ngoài xem, không có một ai cả.

Nhưng vô hiệu.

Phật Bà Quan Âm rất cảm động. Những người con Phật như thế này rất xứng đáng chiếm một chỗ ngồi trên Niết bàn. Nhưng đã thử thì phải thử cho trót. Lần tấn công thứ chín, cô lái vẫn bị cự tuyệt. Hơi thở của cô con gái trẻ và đẹp phảng

phất ở trên má, nhưng nét mặt của Hòa thượng vẫn không thay đổi.

Nhưng đến lần thứ mười, cô gái không ngờ thành lũy tưởng là kiên cố lại bị hạ một cách bất ngờ như thế. Bàn tay Hòa thượng tự nhiên bỏ lên mình nàng. Thời thế là chỉ trong một phút, vứt bỏ hơn hai ba mươi năm tu luyện.

Thế là chuyển đó Phật Bà Quan Âm không được hài lòng. Giận vì Hòa thượng đã thiếu kiên trì trước sức cám dỗ của "thị dục", mà đã như thế thì thanh danh cũ không còn đáng đếm xỉa nữa, nên Phật Bà lại nắm lấy cổ Hòa thượng vứt ngay xuống sông như người ta vứt một cái xác. Như thế mà Phật Bà còn cho là chưa đáng tội, mà còn bắt hóa làm loài nhái là một loài động vật hạ đẳng. Cũng vì thế mà người ta nói rằng ngày nay dòng dõi của loài nhái vẫn còn giữ cái thói quen của tổ tiên, ví dụ khi chúng bị chặt đầu, chúng vẫn chấp hai chân trước lại với nhau như người đang vái.

NGUYỄN ĐỒNG CHI

Truyện cổ Việt Nam Tập II



"Giới là phao nổi để vượt qua bể khổ, nên người qua biển quý trọng phao nổi như thế nào, thì người tu hành cũng giữ gìn quý trọng giới luật như thế ấy".

Tôn giả A Nan

**"PHẬT PHÁP NHƯ ĐẠI HẢI THỦY,
LƯU NHẬP A NAN TÂM"**

Tiền thân A Nan :

Trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, bấy giờ chúng Tỷ kheo vây quanh với nhau mà bàn luận rằng : "Không rõ hiền giả A Nan vào thời quá khứ đã tu tập công đức gì, mà đời này, hiền giả hiểu sâu biết rộng, nhớ dai và lại đẹp đẽ quá vậy ?". Các Tỷ kheo nghĩ rồi bèn đi đến bạch Phật :

- Kính bạch đức Thế Tôn, chúng con chẳng hiểu đời trước của hiền giả A Nan đã tu tập công đức gì mà hiền giả được làm thị giả Thế Tôn, và thông minh đỉnh ngộ quá vậy ? Xin Thế Tôn ân cần chỉ giáo cho chúng con sáng tỏ.

- Nay các Tỷ kheo, hãy lắng nghe kỹ. Vào thời quá khứ, có một vị Tỷ kheo, nuôi một chú Sa Di,

ngày ngày bắt chú phải tụng kinh và đủ thời. Vì vậy mà khi nào chú Sa Di tụng đủ thời đã qui định thì vị Tỷ kheo vui vẻ, khen thưởng cho chú Sa Di, còn khi nào bận công việc mà chú Sa Di tụng trễ hoặc thiếu thời khóa thì vị Tỷ kheo ấy buồn hiu, và quở trách chú Sa Di nữa.

Vì trách nhiệm như vậy nên lúc nào chú Sa Di cũng lo lắng và sợ sệt, vì ngoài công việc tụng kinh ra, chú còn phải đi khát thực suốt buổi sáng nữa. Có khi đàn việt vui lòng cúng dường nhiều thì được về sớm, rồi lo tụng kinh. Còn khi nào ít người cúng dường thì chú phải đi khát thực cho đủ hai phần ăn, như vậy là đã trưa rồi, làm sao tụng kinh được nữa. Vì vậy mà được ăn thì mất tụng, được tụng thì mất ăn.

Thực tế đã xảy ra là hôm nay chẳng may ít ai cúng dường quá, nên chú về trễ, đành bỏ thời tụng buổi sáng, vì vậy mà bị thầy quở trách, buồn quá, sang ngày hôm sau, vừa đi khát thực vừa khóc. Khi ấy, gặp ông Trưởng già, ông ta hỏi :

- Có việc gì mà chú lại khóc lóc vậy ?

- Thưa Trưởng già, thầy tôi thật nghiêm khắc, bắt tôi phải tụng kinh đủ thời giờ thầy tôi đã qui định, nhưng khổ nỗi, tôi còn phải đi khát thực,

nữa, ngày nào đàn việt thương nhiều thì tôi được về sớm và tụng kinh đầy đủ, còn chẳng may ít người bố thí thì tôi phải trở về trễ, như vậy là bỏ mất thời tụng kinh và chắc chắn bị thầy quở trách, vì vậy mà tôi buồn tôi khóc.

- Tưởng gì chú thầy muốn chú sốt sắng tu hành như vậy thì tốt quá. Được rồi, kể từ nay về sau, đến giờ chú cứ đến nhà tôi lấy thức ăn về cho hai thầy trò đủ dùng, còn hầu hết các thì giờ chú cứ việc lo tụng kinh niệm Phật cho đúng giờ giấc và đủ thời khóa đã qui định, đừng buồn việc khát thực xin ăn gì nữa.

Như vậy kể từ hôm đó, tới bữa chú Sa Di mang bình bát đến nhà ông Trưởng giả để mang đồ ăn về cho hai thầy trò dùng, còn bao nhiêu thì giờ chú đều chuyên tâm trong việc tụng kinh niệm Phật tu hành đầy đủ, nhờ đó mà cả hai thầy trò đều vui vẻ.

Đến đây, Đức Thế Tôn nhắc lại :

- Nay các thầy Tỳ kheo, các thầy biết không, vì Tỳ kheo của chú Sa Di đó là chính là đức Phật Định Quang, ông Trưởng giả cúng dường thức ăn, hàng ngày chính là Ta, còn chú Sa Di tụng niệm đó chính là A Nan bây giờ.

A Nan nhờ phước báo tụng kinh đời trước mà đời này được trí tuệ đa văn, nhớ rõ từng câu kinh chẳng sai một chữ và thừa Phật trùng tuyên giáo pháp.

Thân thế :

A Nan chào đời trong đêm Phật thành đạo, nên còn có tên là Khánh Hỷ, thuộc dòng dõi quý tộc, nơi vương cung của vua Bạch Phạn, là em ruột của Đề Bà Đạt Đa mà cũng là em con chú của Thế Tôn.

Trong hạng đồng thời đó, ngài A Nan là người nhỏ tuổi nhất, nếu so với La Hầu La thì còn nhỏ thua nửa số tuổi.

Là một Thế tử được vua cha chiều chuộng, bảo bọc, đời sống vương giả chẳng thiếu một món gì, nhưng đối với tánh tình thuần hậu, hoan hỷ đó, A Nan không quyến luyến những vật dục, sang giàu của hoàng cung, cùng chơi đùa với chúng bạn chẳng phân giai cấp. Mặc dù tuổi còn nhỏ, nhưng với tư cách một con vua, bẩm tính sẵn có lúc nào A Nan cũng vui vẻ, hiền hòa, dễ thương đáo dể. Vì đời sống của một phước báo tiền kiếp xa xưa, nên đã trưởng thành A Nan một con người khôi ngô, tuấn tú. Về sau này, có thể nói trong hàng đệ tử Phật, A Nan là người đẹp đẽ, đoan trang nhất, với thân hình cân đối, nét mặt hào hoa, tươi nhuận,

lúc nào cũng tỏ ra dễ dãi với mọi người. Vì sự đẹp trai và tánh tình dễ dãi ấy mà sau này có lắm chuyện rắc rối đã đến với A Nan.

Gia nhập Tăng đoàn :

Ngày Thế Tôn trở về thăm Ca Tỳ La Vệ đầu tiên, trong dáng đi trầm hùng, sắc diện trang nghiêm, dung mạo rực rỡ, chiếu diệu như vàng trắng lồng lộng giữa khoảng trời bao la, đã soi sáng mọi vật, cảm hóa được lòng người. Chú bé A Nan nhìn say sưa dung nhan thậm kỳ diệu, sắc diện như núi vàng đoan nghiêm của Thế Tôn cảm thấy chấn động tâm linh, bèn vào trình vua cha xin đi xuất gia theo Phật, cùng với bảy vương tử thời bấy giờ. Được vua cha chấp nhận, trong lòng hoan hỷ vô cùng, như vậy kể từ đây A Nan theo sát chân Phật, là một người tùy tùng thân cận với đức Thế tôn, và sau này, chẳng bao lâu được đại chúng cử làm thị giả hầu hạ Phật.

Thị giả :

Bấy giờ, các Tỳ kheo, Trưởng lão thượng tôn danh đức, đại đệ tử của Phật được mọi người hiểu biết : Tôn giả Câu Lan Nhã, Tôn giả A Nhiếp Bối, Tôn giả Bạt Đề Thích Ca Vương, Tôn giả Ma Ha Nam Câu Lặc, Tôn giả Hòa Pháp, Tôn giả Da Xá, Tôn giả Bàn Nậu, Tôn giả Duy La Ma, Tôn giả Già Hòa

Ba Đề, Tôn giả Na Đề, Tôn giả Kim Tỳ La, Tôn giả Ly Bà Đa, Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, Tôn giả Đại Ca Diếp, Tôn giả Đại Câu Hy La, Tôn giả Đại Châu Na, Tôn giả Đại Ca Chiên Diên, Tôn giả Bán Nậu Gia Nậu Tả Trưởng lão, Tôn giả Da Xá hành trụ trưởng lão, rất nhiều các vị Tỳ kheo Trưởng lão, danh đức đại đệ tử cùng đi đư hóa tại thành Vương Xá, tất cả đều ở chung quanh ngôi nhà lá của Phật.

Lúc ấy đức Thế Tôn bảo các Tỳ kheo rằng :

- Nay các thầy, hiện nay ta tuổi đã già, thân thể càng ngày càng suy yếu, nên ta cần có một thị giả nhất định để chăm sóc và mang y bát cho ta, làm vừa lòng ta và ghi nhớ những lời thuyết pháp rõ ràng, không quên nghĩa lý. Vậy các thầy hãy chọn giùm Ta một vị.

Nghe vậy, Tôn giả Câu Lan Nhã, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo sửa y chấp tay hướng về Thế Tôn, bạch rằng :

- Bạch Thế Tôn, con tự nguyện hầu hạ Thế Tôn, làm vừa lòng Thế Tôn và ghi nhớ rõ ràng những lời Thế Tôn dạy.

- Nay Câu Lan Nhã, thầy tuổi cũng đã già rồi thân thể chẳng hơn gì Ta, như vậy, chính thầy cũng cần phải có một thị giả, để chăm sóc hầu hạ

thầy trong cơn bệnh hoạn, thôi được rồi thầy hãy về chỗ cũ ngồi đi.

Bấy giờ, các Trưởng lão tôn túc lần lượt bạch Thế Tôn để xin tự nguyện làm thị giả hầu Thế Tôn, nhưng cuối cùng tất cả đều được Thế Tôn bảo hãy lui về chỗ cũ mà ngồi.

Kết quả cuộc tự nguyện làm thị giả, chẳng có vị nào được Thế Tôn ghi nhận, Tôn giả Mục Kiền Liên, suy nghĩ : "Đức Thế Tôn muốn chọn vị nào làm thị giả, ý Ngài đặt vào vị nào muốn cho ai chăm sóc Ngài, tự nãy đến giờ chẳng có vị Tỳ kheo nào được điểm phúc ấy cả, có lẽ ta nên nhập "Như Kỳ Tượng Định" để quan sát tâm của đại chúng xem sao. Thế là Tôn giả nhập "Như Kỳ Tượng Định", xem từng tâm niệm của đại chúng Tỳ kheo, lần lượt, lần lượt, đến ngài A Nan, Tôn giả dừng lại, đây rồi, Thế Tôn đang hướng đến A Nan, muốn chọn A Nan làm thị giả, liền xuất định, Tôn giả Mục Kiền Liên thưa với đại chúng rằng :

- Thưa chư hiền, đức Thế Tôn muốn chọn hiền giả A Nan làm thị giả, ý Ngài đã đặt vào A Nan để thỉnh thầy làm thị giả. Nói xong các vị thượng tôn trưởng lão, cùng Tôn giả Mục Kiền Liên đồng đi đến chỗ A Nan, tất cả đều chào hỏi rồi ngồi xuống. Lúc ấy, Tôn giả Mục Kiền Liên đại diện trình bày :

- Này hiền giả A Nan, thầy thật là diễm phúc, thầy có biết không đức Thế Tôn muốn chọn thầy làm thị giả đó, để chăm sóc Thế Tôn, khi mang y, khi dâng bát và ghi nhớ những lời Thế Tôn giảng giải rõ ràng nghĩa lý. Cũng như ngoài thôn xóm không xa, có một tòa lâu đài to lớn, cửa sổ ở phía đông mở ra, khi mặt trời mọc lên, ánh sáng sẽ rọi thẳng vào vách phía tây. Này hiền giả A Nan, đức Thế Tôn cũng vậy, chú ý muốn thầy hầu Thế Tôn. Vậy thầy nên làm thị giả mà săn sóc Thế Tôn được phước hựu lớn.

- Thưa Tôn giả Mục Kiền Liên, tôi không thể lãnh trách nhiệm hầu hạ Thế Tôn nổi. Vì đối với các đức Thế Tôn, khó xứng ý, khó hầu hạ, nghĩa là khó làm thị giả lắm, xin Tôn giả thông cảm cho tôi. Cũng giống như con voi rất hùng mạnh, đã hơn 60 tuổi, kiêu bạo, sức mạnh cường thịnh, dù ngã, dù vóc, khó mà làm cho xứng ý gần gũi, chăm sóc được. Thưa Tôn giả với những bậc Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác cũng vậy, khó làm vừa lòng và gần gũi của một trách nhiệm thị giả được.

- Này hiền giả A Nan, chưa chi sao vội từ chối quá vậy, Thầy hãy nghe tôi ví dụ thì sẽ hiểu rõ ý nghĩa, cũng như hoa Ưu Đàm Bát La đúng thời mới xuất hiện thế gian, thì đức Như Lai, bậc Vô

Sở Trước Đẳng Chánh Giác cũng vậy, đúng thời Như Lai mới thị hiện ra đời, vậy Thầy còn chần chờ gì nữa, hãy mau làm thị giả đức Thế Tôn đúng lúc ?

Bị Tôn giả Mục Kiền Liên ép nài, A Nan túng thế phải chịu, nhưng với những điều kiện như sau, nếu Thế Tôn thỏa mãn :

- Thừa Tôn giả, nhờ Tôn giả bạch lại Thế Tôn, nếu Thế Tôn thỏa mãn cho ba điều nguyện của tôi, thì chừng ấy tôi mới chịu làm thị giả, bằng không thì thôi. Một, tôi nguyện không đáp y của Thế Tôn dù mới hay cũ; hai, tôi nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Thế Tôn; ba, tôi nguyện không gặp Thế Tôn chẳng đúng lúc.

Thấy A Nan đã chịu làm thị giả rồi, Mục Kiền Liên cùng các vị trưởng lão, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả A Nan ba vòng rồi đi về chỗ Phật, làm lễ xong, ngồi xuống một bên, Tôn giả Mục Kiền Liên liền thuật lại sự việc :

- Bạch Thế Tôn, vừa rồi con đã khuyên dụ hiền giả A Nan làm thị giả cho Thế Tôn, nhưng hiền giả A Nan đã xin Thế Tôn thỏa thuận cho ba điều tự nguyện : Không đáp y của Thế Tôn, dù mới hay cũ, không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Thế Tôn và không gặp Thế Tôn chẳng đúng thời. Nếu Thế

Tôn cho phép A Nan được ba điều ấy thì A Nan mới làm thị giả hầu Thế Tôn.

Này Đại Mục Kiền Liên, Tỳ kheo A Nan thông minh, trí tuệ, dự đoán biết trước có những lời tỳ hiêm, hoặc các vị đồng phạm hạnh sẽ cho rằng : "A Nan vì cơm áo mà hầu hạ đức Thế Tôn". Đây là pháp vị tăng hữu của A Nan.

Tỳ kheo A Nan thông minh dự đoán biết trước những lời tỳ hiêm : "A Nan vì thực phẩm nên hầu hạ Thế Tôn".

Tỳ kheo A Nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, khéo biết lúc nào tự mình cần gặp đức Như Lai. Lúc nào nên cho và không nên cho Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, chúng Ưu Bà Tắc, chúng Ưu Bà Di, hay Sa môn Phạm Chí, dị học đến gặp đức Như Lai, thuận lợi hay không thuận lợi. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm mà đức Như Lai thường dùng được an ổn, và loại thức ăn nào đức Thế Tôn dùng rồi không được an ổn, nhẹ nhàng.

Tỳ kheo A Nan mặc dù chưa có tha tâm trí, nhưng có thể biết trước được đức Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai, khi Như Lai từ chỗ tịnh tọa dậy, vào buổi xế, hôm nay đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc thọ như vậy, nhận xét đúng lời Thế tôn nói, chắc chắn không thể sai khác.

Khi A Nan nói như vậy : "Thưa chư hiền, tôi đã hầu hạ đức Thế Tôn suốt 25 năm, trong thời gian đó tôi chưa hề khởi tâm cao ngạo bao giờ".

Khi A Nan nói như vậy : "Thưa chư hiền, tôi đã hầu hạ đức Thế Tôn suốt 25 năm cho đến ngày hôm nay tôi chưa hề gặp đức Thế Tôn chẳng phải lúc".

Khi A Nan nói như vậy : "Thưa chư hiền, tôi đã hầu hạ đức Thế Tôn suốt 25 năm, chưa hề bị Phật quở trách, trừ một lỗi, nhưng lỗi đó cũng vì người khác".

Khi A Nan nói như vậy : "Thưa chư hiền, tôi theo đức Thế Tôn thọ tám vạn pháp tu, thọ trì không quên, không bao giờ khởi tâm cống cao, tự đắc".

Khi A Nan nói như vậy : "Thưa chư hiền, tôi theo đức Thế Tôn thọ trì tám vạn pháp tu, chưa hề hỏi lại một lần thứ hai, trừ có một câu, câu ấy như vậy cũng không phải dễ".

Khi A Nan nói như vậy : "Thưa chư hiền, tôi theo Như Lai thọ trì tám vạn pháp tu, trước hết không có tâm này : tôi thọ trì pháp ấy là để giáo hóa cho người khác. Nay chư hiền, tôi chỉ muốn tự điều ngự, tự tịch tịnh, tự bát Niết bàn thôi".

Khi A Nan nói như vậy : "Thưa chư hiền, có điều rất kỳ lạ này, đó là bốn bộ chúng đi đến chỗ tôi để nghe pháp, nếu tôi vì thế mà khởi tâm cống cao, điều ấy chắc chắn không thể có được. Tôi cũng không hề tác ý trước, để khi có người đến hỏi, thì tôi trả lời như vậy : này chư hiền, bây giờ tôi ngồi đây, rồi tùy theo phía của người kia hỏi mà ứng đối".

Khi A Nan nói như vậy : "Thưa chư hiền, có điều rất kỳ lạ này : đó là có số Sa môn, Phạm Chí, dị học đến hỏi việc nơi tôi, nếu vì thế mà tôi sợ sệt, hái hùng, lông tóc dựng đứng, không thể có sự kiện đó. Tôi cũng không hề tác ý trước để khi có người đến hỏi thì tôi sẽ trả lời như vậy : thưa chư hiền, bây giờ tôi ngồi đây, rồi theo nghĩa ấy mà ứng đối".

Lại nữa, có một hôm Tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Mục Kiền Liên, Tôn giả A Nan, trụ tại nước Xá Vệ, trong núi Bà La Là. Bấy giờ Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi rằng : "Này hiền giả A Nan, thầy hầu hạ Thế Tôn suốt 25 năm, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không ?".

- Thưa Tôn giả Xá Lợi Phất, tôi còn là hàng hữu học, chưa ly dục.

- Này A Nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học

hay vô học, tôi chỉ hỏi thầy suốt 25 năm qua, thầy hầu hạ bên đức Thế Tôn có khi nào thầy khởi dục tâm không ?

Xá Lợi Phất hỏi ba lần như vậy, thì A Nan cũng trả lời ba lần như vậy. Khi ấy Tôn giả Mục Kiền Liên ngồi một bên nắm chéo áo A Nan thúc mà nói :

- Hiền giả A Nan đáp nhanh đi, hiền giả đáp nhanh đi, đừng xúc nhiều đến bậc thượng tôn trưởng lão mà tội.

- Thưa Tôn giả Xá Lợi Phất, tôi hầu hạ đức Thế Tôn suốt 25 năm, tôi nhớ lại chưa hề khi nào phát khởi dục tâm, vì tôi thường hướng đến Thế Tôn và các vị đồng phạm hạnh với tâm niệm hổ thẹn.

Lại nữa, có một thời đức Thế Tôn du hóa tại thành Vương Xá, trụ trong Nham Sơn. Bấy giờ Thế Tôn bảo :

- Nay A Nan, thầy nên nằm như cách nằm của sư tử chúa.

- Bạch Thế Tôn, sư tử chúa nằm như thế nào ?

- Sư tử chúa ban ngày đi tìm ăn, xong rồi vào hang, khi muốn ngủ, bốn chân xếp chồng lên nhau, ngay đuôi ra sau, nằm bằng hông bên phải. Qua đêm ấy, đến sáng hôm sau, quay ra nhìn thân

thể, nếu sư tử thấy thân thể mình không ngay ngắn thì chẳng ưng buồn bã, còn nếu ngay ngắn tròn trịa thì hơn hờ vui mừng, nó từ chỗ nằm đứng dậy, ở trong hang đi ra, đi ra rồi vươn mình, vươn mình rồi tự ngắm thân thể, tự ngắm thân thể xoay nhìn bốn hướng, xoay nhìn bốn hướng rồi liền rống lên vài ba tiếng, rồi đi tìm ăn, cách thức nằm của sư tử chúa là như vậy.

- Bạch Thế Tôn, đó là cách nằm của sư tử chúa, còn cách nằm của Tỳ kheo như thế nào ?

- Nếu Tỳ kheo trụ nơi thôn ấp, qua một đêm đến sáng hôm sau, khoát y ôm bát, đi vào thôn khát thực, khéo hộ trì thân thể, nhiếp thủ các căn, trụ nơi chánh niệm. Vị ấy từ thôn ấp lần lượt khát thực xong, chải bát xếp y, rửa sạch tay chân, vắt ni sư dằn lên vai đi đến chỗ rừng vắng hoặc đến dưới gốc cây, hoặc trong nhà trống, hoặc kinh thành, hoặc tọa thiền, trừ các phép chướng ngại trong tâm. Ban ngày đã tịnh trừ chướng ngại trong tâm, rồi lại vào đầu hôm, tịnh tấn tọa thiền, tư duy để thân tâm được vắng lặng, cho đến nửa đêm, xả thiền đi vào tịnh thất đất nằm, xếp làm bốn Uất Đa La Tăng trải lên giường, gấp đôi Y Tăng Già Lê làm gối, nằm xuống phía hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, ý buộc vào minh tướng chánh niệm, chánh trí, hằng hướng đến ý tướng sẽ ngồi dậy. Khi đêm

đã qua, mau ngồi dậy, đi kinh thành, hoặc tọa thiền để tịnh trừ sự chướng ngại của tâm. Như vậy là cách nằm sư tử của Tỷ kheo. Kể từ đó A Nan nằm xuống như sư tử chúa không hề có lần nào nằm về hướng bên trái.

Lại nữa, có lúc đức Thế Tôn du hóa Câu Thi Na Kiệt, trụ trong rừng Ta La của Hòa Bạt Đàm lục sĩ. Bây giờ là lúc tối hậu, đức Thế Tôn muốn thủ bát Niết bàn, Thế Tôn bảo :

- Nay A Nan, thầy hãy đi đến giữa hai cây Ta La song thọ, trải một giường nằm, đầu quay về hướng bắc cho Như Lai, vì nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ bát Niết bàn.

Tôn giả A Nan vâng lời, liền đến giữa hai cây Ta la, trải giường nằm, trải xong trở về đức Thế Tôn, cúi đầu lễ Phật, đứng sang một bên, bạch Thế Tôn :

- Con đã trải giường nằm, quay đầu về hướng bắc cho Như Lai, ở giữa hai cây Ta La song thọ rồi, kính mong Như Lai tự quyết.

Bấy giờ đức Thế Tôn dẫn A Nan đến giữa hai cây Ta La song thọ, xếp làm bốn Uất Đa La Tăng trải lên giường, gấp đôi Y Tăng Già Lê làm gối, nằm về phía hông bên phải, hai chân chồng lên nhau.

Lúc tối hậu, Thế Tôn sắp bát Niết bàn, Tôn giả A Nan quạt hầu Phật giờ tay gạt nước mắt, nghĩ như vậy : "Trước kia có đời chúng Tỳ kheo ở các nơi muốn đến thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường, lễ bái thì đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng, cúng dường, lễ bái. Bây giờ họ nghe được Thế Tôn sắp bát Niết bàn thì sẽ không còn đến thăm viếng, cúng dường, lễ bái nữa. Riêng ta cũng vậy, chẳng còn đâu để tùy lúc thăm viếng, cúng dường Thế Tôn nữa".

Khi ấy đức Thế Tôn hỏi các Tỳ kheo : "Tỳ kheo A Nan giờ ở đâu ?"

- Bạch Thế Tôn, A Nan đang cầm quạt hầu Phật và khóc lóc nghĩ ngợi.

- Nay A Nan, thầy chớ khóc lóc, cũng chớ buồn rầu, vì Thầy hầu Ta thân hành từ hòa, khẩu và ý hành từ hòa, chưa từng có hai tâm, an lạc vô lượng, vô biên, vô hạn. Nay A Nan, trong đời quá khứ, các bậc Như Lai, Vô Sở trước, Chánh Đẳng Chánh Giác có người thị giả hầu cận nào cũng đều không thể hơn thầy được, và nếu trong vị lai, các Bậc Thế Tôn có thị giả hầu cận, thì cũng không thể hơn thầy được, nay Ta là bậc Như Lai, Ứng cúng trong đời hiện tại, nếu có người thị giả nào thì người thị giả đó cũng không thể hơn thầy được, vì thầy khéo biết thời,

khéo phân biệt thời, điểm và hiểu ý Như Lai trong mọi trường hợp.

Bấy giờ Thế Tôn muốn làm cho Tôn giả A Nan vui vẻ, bèn bảo các Tỷ kheo rằng :

- Vị Chuyển Luân Thánh Vương có bốn pháp vị tăng hữu, mà mỗi khi các hàng Sát đế lợi, cư sĩ hoặc Sa môn đến yết kiến, Chuyển Luân Thánh Vương dù nói hay im lặng, họ thấy mặt đều sanh tâm hoan hỷ, vui vẻ. Tỷ kheo A Nan cũng vậy, A Nan có bốn pháp vị tăng hữu mà mỗi khi chúng Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đến tham vấn thì dù A Nan có nói hay im lặng, họ thấy A Nan rồi thì liền sanh tâm hoan hỷ, vui mừng.

Lại nữa, A Nan thuyết pháp cho đại chúng có bốn điểm vị tăng hữu. Mỗi khi A Nan thuyết pháp cho chúng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, bằng lời chỉ tâm thành kính, cả chúng nghe rồi nghĩ như vậy : "Mong Tôn giả A Nan thuyết pháp không dừng lại nữa chừng".

Khi nghe Tôn giả A Nan thuyết pháp, các chúng hoàn toàn tâm không chán nản, và Tỷ kheo A Nan vẫn ngồi im lặng.

Lại nữa thuở ấy, Thế Tôn đã bát Niết bàn chưa được bao lâu, A Nan du hóa tại Kim Cang, trụ ở thôn Kim Cang. Bấy giờ thuyết pháp cho vô lượng

trăm nghìn đại chúng vây quanh. Hiện đó, có Tôn giả Kim Cang Tử cũng ở trong chúng, Tôn giả trong lòng suy nghĩ : "Hiền giả A Nan vẫn còn là bậc hữu học chưa ly dục sao, ta thử nhập Như Kỳ Tượng Định để quán sát tâm A Nan như thế nào ?". Nghĩ rồi bèn nhập định, Tôn giả biết A Nan vẫn còn là bậc hữu học chưa ly dục, Tôn giả liền xuất định hướng về A Nan, nói bài tụng :

Núi rừng vắng tư duy

Niết bàn khiến vào tâm

Thiền Cù Đàm không loạn

Sẽ sớm chứng tịch tịnh.

Bấy giờ A Nan nghe lời dạy của Tôn giả Kim Cang Tử, rời bỏ chỗ đông người, sống một mình nơi yên tĩnh, tinh tấn không tán loạn, thời gian chẳng bao lâu các lậu dữ sạch, cho đến khi vừa mới nghiêng đầu chưa đụng gối lòng bỗng nhiên khai ngộ, chứng tâm giải thoát. Nếu Tôn giả A Nan nói như vậy thì đó là pháp vị tăng hữu của A Nan.

Nếu sau khi chứng tâm giải thoát rồi, A Nan nói rằng : "Tôi sẽ ngồi kiết già để bát Niết bàn, thì đó chính là pháp vị tăng hữu của A Nan".

Bị nạn ma đẳng giả :

(Xem chuyện Tỉnh Giác Mơ Hoa ở Truyện cổ Phật giáo Tập I)

ĐỐI VỚI NI CHÚNG :

Một con người đa cảm, giàu tình thương nên lắm lúc thấy ai đau khổ hay ý nguyện không tròn thì A Nan sẵn sàng giúp đỡ mọi cách. Với một tình thương, giàu nhân ái đó mà A Nan đã đề bạt và bạch Phật cho hàng nữ nhân được xuất gia theo học giáo pháp Phật, trông khi đó cả Thánh chúng chẳng ai dám làm.

Một thời đức Thế Tôn du hóa giữa dân chúng Thích Ca, tại Ca Tỳ La Vệ, trong khu vườn Nigrodha.

Đêm đã qua, vừa tờ mờ sáng bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề đi đến Thế Tôn, lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin làm lễ Thế Tôn, mong Thế Tôn hứa khả cho nữ nhân được xuất gia tu học theo giáo Phật, sống đời không nhà để cầu đạo giải thoát.

- Thôi ! Vừa rồi, Kiều Đàm Di chỗ có ưa thích mà xin cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống trong pháp và luật do Như Lai thuyết giảng.

Lần thứ hai rồi lần thứ ba bà đề nghị, nhưng rồi Đức Thế Tôn cũng ba lần từ chối.

Hiếu ý Đức Thế Tôn chẳng muốn cho nữ nhân xuất gia, sống đời không gia đình, nên bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề quá đau khổ, sầu muộn, khóc lóc nước mắt chảy đầy mặt rồi đứng dậy đánh lễ Đức Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi đi.

Khi ấy Đức Thế Tôn rời khỏi Ca Tỳ La Vệ để đi đến Vệ Xá Ly trú tại đại lâm, trong ngôi nhà nóc nhọn. Biết được Thế Tôn hiện trú tại Vệ Xá Ly, bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề bèn tự cạo đầu đắp áo cà sa cùng với 500 nữ nhân khác kéo đến Vệ Xá Ly quyết cầu Phật cho xuất gia bằng được, trông thân thể tiêu tụy, lấm lem cát bụi, đôi chân sưng vù, đôi tay uớt dầm, đau khổ sầu muộn mặt mày ràn rụa nước mắt, khóc than, đứng ngoài cổng chính. Khi ấy A Nan thấy tình huống như vậy, bèn đến :

- Thưa Kiều Đàm Di, vì sao lại đứng ngoài cửa, và thân thể đến nỗi này ? Trông thảm thương quá vậy ?

- Thưa Tôn giả A Nan, Thế Tôn chẳng cho nữ nhân xuất gia, sống đời không nhà trong chánh pháp luật của Ngài, nên tôi mới làm ra việc này.

- Thưa Kiều Đàm Di, hãy đứng chờ ở đây, tôi sẽ vào xin phép Thế Tôn cho.

Rồi Tôn giả A Nan đi đến bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn, có Kiều Đàm Di đứng ngoài cửa, thân thể lấm lem cát bụi, tay chân sưng vù, trông thiếu não, nguyện xin Thế Tôn cho phép được xuất gia. Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống đời không nhà trong chánh pháp luật do Thế Tôn thuyết giảng cũng tốt vậy.

- Thôi, vừa rồi A Nan, chớ có ưa thích mà xin cho nữ nhân xuất gia trong chánh pháp luật của Ta.

A Nan lại thưa đến ba lần, nhưng rồi Thế Tôn cũng từ chối ba lần. Túng thế quá, A Nan tự nghĩ : "Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, sống trong giáo pháp, vậy ta hãy dùng phương pháp khác để xin Thế Tôn".

- Bạch Thế Tôn, chẳng biết nữ nhân sau khi xuất gia tu học chơn chánh trong giáo pháp thì có thể chứng đắc tứ quả của bậc Thánh không ?

- Nay A Nan, sau khi xuất gia, sống đời không nhà, tinh tấn tu hành trong chánh pháp luật thì nữ nhân chắc chắn chứng đắc quả Dự lưu, Nhất lai hoặc A La Hán.

- Bạch Thế Tôn, như vậy, Ma Ha Ba Xà Ba Đề đã giúp đỡ Thế Tôn rất nhiều khi Thế Tôn còn nhỏ, trong bốn phạm của một người di, người Kế

mẫu, cho Thế Tôn bú sữa thay mẹ, khi bà mẹ Thế Tôn từ trần. Bà đã thay mẹ nâng niu nuôi nấng Thế Tôn cho đến ngày khôn lớn. Vậy Thế Tôn hãy nghĩ tình mà cho phép nữ nhân được xuất gia.

Vì sự chân thành khẩn khoản của A Nan, nên cuối cùng đức Thế Tôn đã chấp nhận.

Kể từ đây, hàng nữ nhân được sống trong chánh pháp luật, cuộc đời không nhà, và tổ chức thành Giáo Hội Ni Chúng.

PHÁP VỊ TĂNG HỮU :

Từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến Thế Tôn, A Nan cúi đầu đánh lễ rồi ngồi qua một bên, bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn, con nghe Đức Thế Tôn đến thời Phật Ca Diếp mới bắt đầu phát nguyện Phật đạo, thực hành phạm hạnh, rồi sinh lên cõi trời Đâu Suất. Thế Tôn sinh lên sau, nhưng có ba việc thù thắng hơn các vị trời Đâu Suất sinh trước, đó là thọ mạng, sắc tướng và danh dự của hàng trời. Vì vậy, các vị trời Đâu Suất vui mừng, hớn hở, tán thán rằng : "Kỳ diệu thay, hy hữu thay vị thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hụ, có đại oai thần. Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe khi Đức Thế Tôn ở cung trời Đâu Suất, ở nơi đó mạng chung biết sẽ sinh vào thai mẹ, lúc ấy chấn động cả trời đất, có ánh sáng quang đại vi diệu chiếu khắp thế gian, cho đến những nơi u ám tối tăm cũng không có gì ngăn che được, trong khi đó ánh sáng của mặt trăng, mặt trời không thể lọt qua, chúng sanh các nơi ấy do thấy được ánh nhiệm màu này mà phát khởi sự hiểu biết rằng : "Có một chúng sinh kỳ diệu, hi hữu ra đời". Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe Đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải, nằm duỗi dài, ẩn kín trong thai, không bị máu dơ làm ô uế, cũng không bị các thứ bất tịnh khác làm ô uế. Rồi Thế Tôn biết mình sắp ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chấn động cả đất trời, có ánh sáng vi diệu, quang đại, chiếu khắp thế gian cho đến những nơi u tối cũng không có gì ngăn che được. Khi Đức Thế Tôn duỗi dài để ra khỏi thai mẹ và không bị máu mẹ làm ô uế. Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe khi Đức Thế Tôn vừa sinh ra có bốn vị Thiên tử, tay cầm áo mịn, đứng trước thai mẹ, làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng : "Đồng tử này rất kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc,

có đại oai thần". Rồi Thế Tôn vừa mới sinh ra liền đi bảy bước, không khiếp sợ, không kinh hãi, quán sát các phương, thì ngay khi ấy phía trước người mẹ bỗng nảy sinh một hồ nước lớn, nước tràn bờ, làm cho người mẹ ở nơi đó được tắm rửa thanh tịnh, còn Thế Tôn thì từ trên hư không nước mưa rưới xuống, một luồng ấm, một luồng lạnh để tắm thân thể của Thế Tôn, Chư thiên đánh trống tấu nhạc của trời, hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, hoa mạn đà la của trời, và bột hương chiên đàn rưới trên Đức Thế Tôn. Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe khi Đức Thế Tôn ở trong hoàng gia của phụ vương Bạch Tịnh vào một ngày đi dự lễ hạ điền, ngồi dưới gốc cây diêm phù, ly dục, ly ác và pháp bất thiện, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiền và thành tựu an trụ, bấy giờ là buổi xế, tất cả bóng của các cây khác đều ngã dần dần chỉ có cây diêm phù ấy là bóng không ngã để che mát thân thể Thế Tôn. Lúc ấy vua Bạch Tịnh đến quan sát công tác hạ điền, đi đến chỗ người làm ruộng, hỏi rằng : "Này nông phu, Vương tử ở chỗ nào ?" - Vị Vương tử ấy hiện ở dưới gốc cây diêm phù. Rồi vua Bạch Tịnh đi đến cây diêm phù, ngài ngạc nhiên thấy bóng cây diêm phù không ngã

như những bóng cây khác, liền nghĩ : "Vị Vương Tử này thật là kỳ diệu, có phúc hụ lớn lao". Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe có một thời Đức Thế Tôn du hóa ở đại lâm, lúc đó qua một đêm, đến buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y, mang bát vào thành Tỳ Xá Ly khát thực, khát thực xong, thâu y, ôm bát, rửa tay chân, vắt ni sư đàn lên vai đi vào rừng, đến dưới một gốc cây đa la, trải ni sư đàn ngồi kiết già dưới bóng mát cây đa la. Khi ấy Thích Ma Ha Nam, ung dung đi đến đại lâm, thấy Thế Tôn đang tĩnh tọa dưới bóng cây che mát, Ma Ha Nam nghĩ : "Sa môn Cù Đàm rất kỳ diệu, rất hy hữu và có đại công đức lớn".

Cũng có một thời đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ Xá Ly, trong đại lâm. Bảy giờ, các thầy Tỳ kheo để bát ngoài đất trống, lúc ấy, bát Thế Tôn cũng có trong số đó, có một con khi ôm bát của Thế Tôn mà đi, các thầy Tỳ kheo la gọi, sợ rằng nó làm bể bát của Thế Tôn, nhưng Phật bảo các Tỳ kheo : "Hãy để yên đừng la, nó không làm bể bát đâu". Thế rồi khi ôm bát của Thế Tôn đi đến một cây Sa la, chậm rãi leo lên, lấy mặt đầy bát, rồi chậm rãi leo xuống, trở về chỗ Đức Phật, đem dâng bát mặt ấy lên cho Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn không

nhận. Lúc đó, khi liền ôm qua một bên, nhặt bỏ rác và sâu bọ, sau khi lựa bỏ rác xong, nó ôm bắt trở lại dâng lên Thế Tôn, nhưng Thế Tôn cũng không nhận. Khi lại ôm qua một bên, mức nước đổ vào trong mặt, rồi ôm trở lại dâng lên Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn thọ nhận. Khi thấy Thế Tôn lấy bát mặt rồi, vui mừng hơn hờ, múa may nhảy nhót rồi bỏ đi.

Hoặc một thời Đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ Xá Ly, cao lâu đài quán, bên bờ ao di hầu, bấy giờ Thế Tôn đang phơi tọa cụ, rử bụi phù đất, lúc ấy có một đám mây kéo tới trái thời, che kín khắp hư không, muốn mưa nhưng dừng lại chờ Đức Thế Tôn phơi tọa cụ. Sau khi rử bụi phơi xong, xếp đem vào nhà, bấy giờ đám mây lớn ấy mới mưa xuống thật to, từ đất cao cho đến thấp, nước ngập lại láng. Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe Đức Thế Tôn khi ở trong miếu A Thần Phù, bấy giờ sau một đêm, đến buổi sáng Đức Thế Tôn khoác y ôm bát vào thôn A Phù để khát thực. Sau khi khát thực xong, thâu bát xếp y, rửa tay chân, Thế Tôn vắt ni-sư-đàn lên vai đi vào miếu thần ngồi nghỉ. Bấy giờ trời mưa to và sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày, lúc chôn cất cho hai người chết đó, thật đông đảo

ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động. Bấy giờ vào xế trưa, khi Đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, trong miếu thần đi ra chỗ đất trống để kinh hành, trong đám đông, có người thấy Thế Tôn, liền đi đến cúi đầu làm lễ rồi đi kinh hành theo Phật. Đức Thế Tôn thấy người ấy ở phía sau, nên hỏi rằng : "Vì có gì mà đông đảo ồn ào, nhiều người vậy". Người ấy thưa : "Bạch Thế Tôn, khi trưa trời mưa to và sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày, họ chôn cất các người ấy, nên đông đảo ồn ào như vậy. Bạch Thế Tôn, vừa rồi Ngài ngủ sao ? - "Không phải" - Lúc ấy Ngài tĩnh mà không nghe âm thanh lớn ấy sao ?" "Quả thật như vậy". Rất là kỳ diệu, rất là hy hữu, sở hành của Như Lai, bậc Vô sở Trước Đẳng Chánh Giác rất là vắng lặng, rất là tịch tịnh. Vì sao ? Vì lúc tĩnh mà vẫn không nghe các âm thanh to lớn này. Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn.

Rồi có lần Đức Thế Tôn trụ tại Uất Tỳ La bên bờ sông Ni Liên thuyền ngồi dưới cây A Xà Hòa La Ni Câu Loại lúc mới thành đạo. Bấy giờ mưa lớn đến bảy ngày, từ chỗ cao đến thấp bị ngập nước, từng luồng nước lớn chảy ngang dọc, trong vùng đất đó, Đức Thế Tôn đi kinh hành đến chỗ nào thì chỗ ấy đều khô ráo. Hoặc nữa, ma vương

trong suốt sáu năm theo Phật để tìm chỗ sơ suất mà không được, liền chán nản bỏ về, chẳng phá hoại được gì nơi Thế Tôn. Lại nữa, Thế Tôn suốt bảy năm suy niệm về thân, luôn luôn suy niệm không gián đoạn, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng :

- Nay A Nan, thầy hãy nghe Như Lai nói và thọ trì thêm pháp vị tăng hữu. Nay A Nan, Như Lai biết thọ sanh, biết trú, biết diệt, luôn luôn biết chẳng có lúc nào không biết. Nay A Nan, Như Lai biết tư và tưởng sanh, biết diệt, luôn luôn biết không lúc nào không biết. Cho nên , này A Nan, hãy nghe Như Lai mà thọ trì pháp vị tăng hữu như vậy.

BẢY ĐIỀM MỘNG :

Thời gian sau này, khi Đức Thế Tôn gần bát Niết bàn, một đêm A Nan nằm mộng thấy bảy điều quái dị, trong lòng hoang mang lo sợ, sáng ngày đến bạch Thế Tôn :

- Bạch Thế Tôn, đêm vừa qua con nằm ngủ thấy bảy điều mà lâu nay con chưa hề bao giờ thấy mộng mị hay chiêm bao. Bạch Thế Tôn, bảy điềm mộng mà con thấy là :

1. Lửa dữ khắp nơi, thiêu đốt làm khô biển ngòi sông rạch.

2. Mặt trời rụng xuống, thế gian tối tăm, đầu con cao ngang núi Tu di.

3. Tỳ kheo bỏ giới luật, vứt áo cà sa.

4. Tỳ kheo y áo tả tơi, xuôi theo thế gian khổ sở.

5. Heo rừng kéo đến ủi bức gốc rễ cây chiên đàn to lớn.

6. Voi con không nghe lời voi mẹ rong chơi khắp nơi, lạc đường bị chết đói.

7. Sư tử chết, bị các vi trùng trong thân bò ra lúc nhúc, rúc rĩa.

- A Nan, biết rằng mộng là do tâm sanh, nhưng bây giờ vừa rồi thầy đã thấy đó chính là điềm báo trước trong tương lai Tăng đoàn sẽ suy đồi, giáo pháp sẽ bị mai một.

Này A Nan, điềm thứ nhất, đó là trong đời mặt pháp có hạng Tỳ kheo được đàn na thí chủ cúng dường đầy đủ, rồi lại sanh lòng tranh cãi chia rẽ.

Thứ hai, mặt trời sụp xuống, thế gian tối tăm và đầu A Nan vươn cao như núi Tu Di, đó là sau khi Ta bát Niết bàn, đại chúng, chư thiên sẽ cử thầy trùng tuyên lại giáo pháp.

Thứ ba, Tỳ kheo mà vứt bỏ cà sa, hủy hoại giới pháp đó là điếm trong đời mạt pháp có hạng Tỳ kheo chỉ lý thuyết suông mà chẳng chuyên tâm tinh tấn tu hành.

Thứ tư, Tỳ kheo lặn đận, khốn đốn, y áo tả tơi, đó là điếm trong đời mạt pháp có Tỳ kheo bị vợ con ràng buộc, bỏ giới chạy theo thế tục.

Thứ năm, heo rừng ừ tung rể chiến đàn, đó là điếm trong đời mạt pháp có hạng Tỳ kheo buồn bán Như Lai, xem giáo pháp như món hàng để trao đổi sự lợi dưỡng.

Thứ sáu, voi con không nghe lời voi mẹ, cuối cùng phải chết đói, đó là điếm trong đời mạt pháp có hạng Tỳ kheo trẻ tuổi, hậu học, không chịu nghe lời chỉ dạy của bậc Tôn túc, không tin tội phước nhân quả, chết đều rơi vào địa ngục.

Thứ bảy, đòi bỏ từ trong thân sư tử chết bỏ ra rúc rĩa thịt xương của sư tử, đó là điếm trong đời mạt pháp chính đệ tử của Như Lai phá hoại Phật Pháp, chứ chẳng do ngoại đạo, bên ngoài có sức phá nổi.

Bảy điếm mộng của A Nan, để chứng minh cho hôm nay, thực tế đã xảy ra, vậy chúng ta biết rằng giai đoạn này chính là thời mạt pháp.

SÁU TỘI ĐỘT KIẾT LA :

"Các đệ tử Phật

Nếu nghĩ đến Phật

Nên báo ân Phật

Chớ nhập Niết bàn"

Một hoàn cảnh thật đau lòng, sau khi Phật diệt độ, trong hàng đệ tử vị nào đã chứng đắc A La Hán thì cũng lần lượt Niết bàn theo Phật, còn những ai chưa đạt đến quả vị tự thâu thân tịch diệt được thì ưu sầu thương tiếc. Tâm tư của hàng đệ tử bấy giờ bị chấn động mãnh liệt, ai cũng đầy ắp nỗi lòng nhớ nhung, bàng hoàng trước sự ra đi của Thế Tôn vào nơi tịch mặc, chẳng ai có lòng dạ nào để suy nghĩ việc gì hơn nữa. Trước cảnh bi thương ấy, Ngài Đại Ca Diếp quán xuyên tâm tư của hàng Thánh chúng bị xáo trộn, lung lay. Ngài nghĩ nếu như vậy tiếp tục diễn tiến thì chắc chắn Phật Pháp sẽ bị mau tiêu diệt, giáo pháp sẽ chóng lãng quên và chúng ta chẳng tròn bổn phận với đức Như Lai và đắc tội với chúng sanh, xa thời chánh pháp. Trước một trọng trách nên làm và phải hoàn thành trước nhất, ấy là kiết tập giáo pháp của Đức Thế Tôn, suốt thời gian 45 năm Ngài đã hoằng hóa.

Tiếng kiềng chùy được gióng lên trên đỉnh núi Tu Di, vang dội khắp thế giới ba ngàn :

"Hỡi các Thánh đệ tử, những bậc vô sanh, các hàng tôn túc, hãy nhớ lời Phật dạy, thương xót chúng sanh, chớ vội thâu thần thị tịch, thế gian tăm tối hàng chúng sanh trong đời mạt pháp sẽ bơ vơ, vì con mắt trí tuệ của thế gian đã nhắm lại rồi. Vì lòng thương tưởng cho đời, mở lượng từ bi, xin các ngài hãy kiết tập giáo pháp, xâu những viên ngọc vô giá thành từng chuỗi mà Đức Thế Tôn đã trao truyền cho chúng ta, để sau này hàng chúng sanh được ân triêm công đức".

Lời triệu thỉnh được truyền đi và hội chúng tụ tập, vây quanh giảng đường để báo ân Phật, kiết tập giáo pháp.

Trước khi bắt tay vào công việc, Ngài Ca Diếp nhập đại định, để quán sát tâm đại chúng, xem ai chưa đoạn tận các lậu, và thấy A Nan hãy còn những kiết sử vụn vặt của một vị Tu Đà Hoàn. Xuất định, Đại Ca Diếp đi đến chỗ A Nan, thân nhiên nắm tay A Nan kéo ra khỏi đại hội và nói rằng : "Trong hàng Thánh chúng tất cả các lậu hoặc đều đã đoạn trừ và đang làm việc thanh tịnh, ông hãy còn nhiễm ô, chưa sạch, vậy xin mời ra khỏi đại hội. Đó là tội đột kiết la thứ nhất.

Như cả một bầu trời sụp đổ, mây đen giăng kín cả lòng, thật là một điều không ngờ, làm thị giả suốt 25 năm trời gần Phật để đến giờ phút này A Nan phải lãnh chịu hậu quả tan nát cả lòng, bị đuổi ra khỏi đại hội chẳng được duyên lành báo đáp ân Phật. Tội phận mình, A Nan tự nghĩ : "Khi còn Phật tại thế, ta theo hầu Ngài từ khi mới xuất gia cho đến khi Ngài thị tịch, chưa có lần nào bị tội hổ và khổ não như bây giờ".

- Thừa Tôn giả Đại Ca Diếp, từ khi làm thị giả cho Thế Tôn đến bây giờ, không phải tôi không đủ khả năng để hoàn thành một vị A La Hán, nhưng vì trong pháp Phật, một vị A La Hán không thể làm công việc của một thị giả, hầu cận Phật được, vì lý do đó nên tôi còn giữ lại một ít kiết sử nhỏ nhiệm để trọn bốn phận của mình.

Trước nỗi lòng tha thiết đó, Ngài Ca Diếp vẫn lạnh nhạt, tiếp tục hạch tội :

- Khi Đức Thế Tôn còn ở đời, ý Ngài không muốn cho nữ nhân xuất gia sống theo pháp luật của chúng Tăng, nhưng do ông ân cần thưa thỉnh nên Đức Thế Tôn nhận lời, để cho thời chánh pháp của Đức Thế Tôn bị giảm 500 năm, đó là tội đột kiết la thứ hai.

Rồi đến khi Phật sắp nhập Niết bàn, Ngài đau lưng phải trải bốn lớp áo Uất Đa La Tăng để nằm. Lúc đó, Đức Thế Tôn nói với ông hãy múc nước cho Thế Tôn. Khi ấy sao ông không chịu múc nước, đó là tội Đột Kiết La thứ ba.

Một hôm nọ trong rừng Ta La, Đức Thế Tôn hỏi : "Bậc có bốn Thần túc, có thể duy trì đời sống trong một kiếp hay một phần kiếp "Ông vẫn làm thính, Đức Thế Tôn hỏi tới ba lần mà ông cũng không đáp. Do nguyên nhân đó mà Đức Thế Tôn quyết định nhập Niết bàn, đó là tội Đột Kiết La thứ tư.

Trong khi trải Tăng Già Lê của Phật mà ông lại dẫm chân lên đó là tội Đột Kiết La thứ năm.

Sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết bàn tại sao ông lại vén y cho nữ nhân thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn, một việc phi pháp, đó là tội Đột Kiết La thứ sáu.

Trước những lời buộc tội gay gắt, nhưng A Nan bình tĩnh, xin giải bày :

- Đối với tội thứ nhất tôi đành chịu, vì thương Phật nên tôi lưu lại một ít phiền não. Còn tội thứ hai vì thấy tình cảnh của bà Kiều Đàm Di thâm thương quá, hơn nữa lại là di mẫu của Thế

Tôn, nên tôi cầu xin như vậy, vì trong chư Phật ba đời thấy đều có bốn bộ chúng, thì Đức Thế Tôn của chúng ta cũng phải có đủ. Tội thứ ba chẳng phải tôi không dâng nước cho Phật, mà vì do ngựa voi lội trên sông làm cho nước vẩn đục. Tội thứ tư, là khi ấy ma vương muốn hại nên che kín cả tâm tôi, chứ không phải tôi có ác ý muốn Thế Tôn nhập Niết bàn sớm. Tội thứ năm, lúc ấy vì gió lớn quá, một mình tôi nắm chẳng hết nên bị gió tung và rớt y xuống chân chứ không phải tôi cố tình dẫm lên y Phật. Cuối cùng tội thứ sáu, tôi tự nghĩ rằng cho các nữ nhân thấy tướng âm tàng của Thế Tôn để tự xấu hổ thân hình nữ của mình mà siêng năng tu hành và cầu làm thân nam, tướng hảo, chứ chẳng phải làm điều phi pháp chẳng biết xấu hổ.

Sau những lời luận giải rõ ràng, nhưng ngài Ca Diếp vẫn bắt A nan sám hối trước đại chúng, và nói rằng : "Khi nào ông hết các kiết sử thì mới được vào đây".

Thầm lặng A Nan bước ra khỏi giảng đường và về phòng riêng. Trong đêm đó, A Nan tọa thiền, nhập định cho đến nửa đêm, thấy mỏi quá, bèn nghiêng mình nằm xuống nghỉ, nhưng đầu chưa chấm gối thì hoát nhiên đại ngộ. Tiếp tục A Nan

nhập Kim Cang định và phá đổ hết thầy các lậu hoặc vi tế, chứng đắc tam minh lục thông, trở thành vị A La Hán.

Trong đêm đó, A Nan liền đến phòng riêng của Đại Ca Diếp gõ cửa để trình bày sở đắc của mình, nhưng ngài Ca Diếp chẳng mở cửa mà nói rằng : "Hãy chui lỗ khóa mà vào" A Nan bèn dùng thần thông sẵn có lách mình qua lỗ khóa vào đánh lễ ngài Ca Diếp. Đại Ca Diếp vui mừng, xoa đầu A Nan nói rằng : "Này A Nan, hiền giả chớ giận ta nghe, mục đích ta muốn hiền giả tự tác chứng, như vẽ hình giữa hư không, không dính mắc vào đâu cả, hơn nữa, giáo pháp của Thế Tôn tồn trữ trong tâm của hiền giả, vì vậy mà ta muốn tâm hiền giả vắng lặng trong ngần như biển sâu để tuyên hoằng lại cho hàng hậu chúng".

Một lần nữa Đại Ca Diếp vỗ đầu A Nan, tỏ một nỗi niềm kính mến thiết tha, vì A Nan sẽ chủ trì trọng trách kiết tập giáo pháp, sẽ xâu lại những lời vàng, tiếng ngọc để làm mặt trời huệ cho hàng hậu lai.

Tiếng kiêng chùy lại giống lên và buổi kiết tập giáo pháp được bắt đầu. Ngài Đại Ca Diếp đi trước, A Nan theo sau khoan thai tiến vào hội chúng, trong bước đi trầm hùng như sư tử, đồng dặc như

tượng vương, sắc mặt rạng rỡ tươi sáng. Đại chúng đều im lặng, cung thỉnh A Nan thăng làm pháp tòa sư tử, và suối pháp tuôn chảy từ A Nan, như hải triều âm bất tuyệt.

NHẬP NIẾT BÀN :

Một thời A Nan du hành tại Tỳ Xá Ly.

Sau buổi du hóa, Ngài đi đến các vị Tỳ kheo đang nhóm dưới những gốc cây thanh vắng tĩnh tọa, tư duy, hay cùng nhau đàm đạo những lời Đức Thế Tôn đã giảng thuyết.

Trong nhóm Tỳ kheo trẻ đang luận bàn về đề tài thế gian vô thường Phật Pháp sanh diệt, con người cũng nằm trong định luật ấy. Có kẻ sinh ra đời rồi lớn lên trải qua đời mười năm rồi chết đi, luống qua một kiếp người vô tích sự, không làm lành, cũng chẳng tạo phước hay ích lợi cho ai, vậy sự sống của kẻ ấy có trải qua trăm năm hay ngàn năm rồi cũng vô dụng.

Khi bàn luận đến đây, có vị Tỳ kheo trẻ phát biểu :

- Thế gian vô thường, đời người chóng vánh, sinh ra đời sống hằng trăm năm mà không gặp Phật Pháp, không tạo duyên lành tô bồi cho kiếp sau thì rồi cũng luống trôi qua, chẳng bằng kẻ

sống một ngày mà thấy được con hạc già đứng cạnh bờ ao. Rồi vị Tỳ kheo ấy đọc lên bài kệ :

"Như nhơn sinh bách tuế

Bất kiến thủy lão hạc

Bất như sinh nhứt nhứt

Nhi đắc kiến chi".

Bấy giờ Tôn giả A Nan cũng ngồi gần đó nghe vị Tỳ kheo trẻ đọc bài kệ như vậy, Ngài thầm nghĩ : "Vị Tỳ kheo này sao đọc lạ vậy, Đức Thế Tôn có dạy như vậy bao giờ đâu, chắc có lẽ vị ấy đã nhầm lẫn". Nghĩ xong Tôn giả đứng dậy đi đến bên vị Tỳ kheo ấy nói rằng :

- Nay hiền giả, vừa rồi hiền giả đọc bài kệ như vậy là nhầm rồi, Thế Tôn không phải dạy như vậy, mà như thế này, hiền giả hãy nghe kỹ :

"Nhược nhơn sinh bách tuế

Bất kiến sanh diệt pháp

Bất như sanh nhứt nhứt

Nhi đắc kiến chi".

Nghe xong vị Tỳ kheo trẻ không biết đâu là sai, đâu là đúng.

Sau khi trở về tịnh xá, vị Tỳ kheo trẻ ấy đem

sự việc bài kệ mà ngài A Nan đã đính chính đọc lại cho thầy mình nghe. Vị bốn sư của thầy Tỷ kheo trẻ này nghe rồi liền nói :

- Tôn giả A Nan bây giờ đã già nên sanh ra lắm cảm, có nhớ rõ ràng gì đâu mà nói đúng. A Nan biết được điều này, Ngài tự nghĩ : "Hàng chúng sanh hậu học căn cơ chậm lụt chẳng nhận ra đâu là chánh pháp của Thế Tôn, và đâu là tà thuyết của ngoại đạo, của sự mê mờ, chấp giữ sai lầm, thật thương thay ! Giáo pháp của đấng Thế Tôn rồi đây sẽ mai một. Thôi, giờ ta hãy vào Niết bàn, vì đã già nua lắm cảm". Nghĩ vậy, A Nan quyết định nhập Niết bàn.

Trước khi vào nơi tịch mặc vĩnh viễn, A Nan bèn kêu đệ tử của mình là Thương Na Hòa Tu dạy rằng :

Này Pháp tử, khi Đức Thế Tôn sắp nhập Niết bàn Thế Tôn đã trao truyền chánh pháp nhân tạng lại cho Tôn giả Đại Ca Diếp, sau đó Tôn giả cũng nhập Niết bàn nên đã trao lại cho ta, nay ta cũng sắp nhập Niết bàn, vậy ta phó chúc lại cho ông, ông nên truyền thừa ngọn đuốc giáo pháp để soi sáng thế gian làm con mắt huệ cho đời và báo Phật ân đức, lợi lạc chúng sanh. Ông hãy giữ gìn cẩn thận.

- Kính bạch Thầy, xin Thầy hãy vì lòng từ bi thương tưởng cho đời, vì lợi ích hàng Tăng chúng, làm điểm tựa cho hàng hậu học còn đang cần Thầy, chớ vội vào Niết bàn.

- Đã đến lúc ta vào Niết bàn, ông hãy lắng lòng nghe bài kệ mà thọ trì pháp Như Lai :

"Bản lai phổ hữu pháp

Phổ liễu ngôn vô pháp

Các các tu tự ngộ

Ngộ liễu vô vô pháp".

Tin Ngài A Nan sắp vào Niết bàn, từ vua quan đến dân chúng ai nấy đều rơi lệ thương tiếc. Vòm trời trần gian mất đi bóng sáng của ánh sao mai và hàng chúng Tăng mất đi một bậc kỳ đức tôn-túc.

Khi ấy vua A Xà Thế và vua nước Tỳ Xá Ly rắp tâm đến giành Xá lợi đem về nước xây bảo tháp thờ.

Thấy trước tình cảnh như vậy, Tôn giả A Nan quyết định nhập Niết bàn giữa sông để tránh khỏi sự tranh giành của hai vua gây sự náo loạn và khổ đau.

Tôn giả A Nan đi thẳng về phía bờ sông Hằng, lên một chiếc thuyền và ngồi kiết già thả trôi ra giữa dòng sông mà nhập Niết bàn.

Vua A Xà Thố liền cùng quan quân, tùy tùng tìm đến bờ sông, vua thấy Tôn giả A Nan kiết già phu tọa trên thuyền ở giữa dòng sông, liền cúi đầu đánh lễ và đọc bài kệ :

*"Khế thủ tam giới tôn
Khí ngã nhi chí thủ
Tạm bằng bi nguyện lực
Thả mặc bát Niết bàn".*

Đồng thời, vua nước Tỳ Xá Ly cũng rầm rộ voi ngựa kéo đến bờ bên kia sông Hằng, cúi đầu và đọc bài kệ :

*"Tôn giả nhất hà tặc
Nhi qui tịch diệt trường
Nguyện trụ tu du gian
Nhi thọ ư cúng dường".*

Trước nỗi lòng khuyến thỉnh của hai vua, Tôn giả A Nan đọc bài kệ :

*"Nhị vương thiện nghiêm trụ
Vật vi khổ bi luyến
Niết bàn đương ngã tịnh
Nhi vô chư hữu cố".*

Liên khi ấy, tôn giả A Nan nhập đại định và bát Niết bàn.

GIỚI ĐỨC

"Làm cho ông lưu chuyển sanh tử, là lỗi tại cái tâm cùng với con mắt, vậy nếu ông không biết cái tâm cùng với con mắt ở chỗ nào ? Thì ông không hàng phục được phiền não trần lao. Cũng như vị quốc vương bị giặc đến xâm chiếm, đem binh dẹp trừ; nếu không biết được giặc ở chỗ nào, thì không bao giờ dẹp trừ giặc được".

Độ đệ tử

Lúc Phật còn tại thế, có một vị tân Tỷ kheo tên là Hòa Tiên, cùng đi với một người đệ tử đến yết kiến đức Thế Tôn. Đức Phật lấy tay chỉ người cùng đi, hỏi vị tân Tỷ kheo rằng :

- Thầy này là gì với Thầy ?

Vị Tân Tỷ kheo ấy tỏ vẻ sung sướng :

- Kính bạch đức Thế Tôn, Thầy này là đệ tử của con !

Đức Thế Tôn ngạc nhiên :

- Thầy được bao nhiêu tuổi hạ ?

- Bạch Thế Tôn, con được hai tuổi hạ, vị tân Tỷ kheo trịnh trọng thưa Đức Thế Tôn tiếp lời :

- Người đệ tử của Thầy đây được mấy tuổi hạ ?

- Bạch Thế Tôn, Thầy này được một tuổi hạ, vị tân Tỷ kheo trả lời.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn liền kêu riêng vị tân Tỳ kheo ấy mà dạy rằng :

- Thầy độ người như vậy là không đúng phép, không đúng pháp của Sa môn... Thầy không nên làm như vậy.

Chính Thầy chưa biết chi, lấy chi Thầy dạy độ tử ? !

Đức Thế Tôn la rầy quở trách ông Hòa Tiên Tỳ kheo xong liền bảo các Thầy Tỳ kheo rằng :

Từ nay về sau, vị nào muốn độ người xuất gia phải đủ những điều căn bản sau đây :

1/ Phải đủ 10 tuổi Hạ - chứ không phải tuổi đời hay tuổi thọ giới.

2/ Phải thành tựu giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến...

3/ Phải biết thế nào là khai, giá, trì, phạm, khinh, trọng v.v....

Nếu không hội đủ những điều tất yếu như vậy thì không được độ người xuất gia làm đệ tử. Ngoài ra, vị nào xét thấy mình đủ những yếu tố trên nhưng trước khi bắt đầu độ người xuất gia phải (bạch nhị yết ma) và Tăng đoàn chấp thuận mới được.

*

Lại có một vị Tỷ kheo Ni, ham nuôi độ tử, có năm độ đến hai ba người xuất gia mà rồi không chu đáo được vấn đề giáo dục cho họ nên gây ảnh hưởng không hay cho Tăng đoàn. Đức Thế Tôn liền kêu vị Tỷ kheo Ni ấy hỏi rằng :

- Ngoài đời có ai một năm sanh hai ba người con không ? Nếu có thì sự nuôi dạy có chu toàn không v.v...

Đức Thế Tôn quả trách vị Tỷ kheo Ni ấy xong liền khuyên bảo các Tỷ kheo rằng :

Từ nay các vị đừng nên làm việc phi pháp, phi Sa môn... như vậy nữa !

THÍCH ĐỒNG MINH

"Giới luật là mạng mạch của Tăng già, là thuyền bè đưa chúng sanh thoát khỏi bể khổ".

Đạo tràng của Bồ Tát

Ngày xưa ở một ngôi chùa lớn tại Trung Quốc, có một vị sư nổi tiếng là khùng. Thầy không bao giờ ở chùa, quanh năm mặc cái áo rách đi lang thang la cà khắp các trà đình tửu điểm, bạn với những kẻ côn đồ, nghiện ngập. Những kẻ này sau khi giao thiệp với thầy, phần lớn dám ra hiến lương và trở thành những hiệp sĩ ưa giúp đời. Chúng tụ tập tại các bến chợ, đỡ đàn gánh nặng cho những người già yếu, sản phụ, trẻ con. Sau những giờ làm việc nghĩa chúng hội họp lại ôn những lời dạy bảo của vị sư khùng. Được biếu món gì ngon chúng để dành cúng dường vị thầy yêu mến vì lâu lâu chúng mới thấy được bóng dáng Thầy ngất ngưỡng trở về đô thị một lần. Thầy đi đâu ? Thì ra chỗ hóa duyên của Thầy là một làng đánh cá ở biển. Thầy thường ở trong làng ấy, thỉnh thoảng mới trở về chùa một ngày, vào các dịp giỗ lớn.

Chúng Tăng trong chùa rất bức bối về bề ngoài

của Thầy không, thật là mất hết thể thống của một vị Tăng nhất là khi họ thấy Thầy không trường trai như quy luật ở chùa. Thầy không đòi ăn gì khác hơn đại chúng mỗi khi về chùa, nhưng buổi sáng Thầy về thì buổi chiều họ đã thấy "bốn đạo" của Thầy ở biển gánh tới chùa một gánh cá biển, tôm, cua, đủ thứ sơn hào hải vị để cúng dường. Thầy quát mắng :

- Tiên sư tụi bay, tao ăn gì hết mà gánh tới nhiều dữ vậy ? Lần sau có muốn đem cho thì chỉ đem cho tao một con cá là đủ.

Một điều quái lạ, là mặc dù Thầy đối với họ có vẻ thô lỗ cục cằn, mà những dân đánh cá xem ra rất kính trọng Thầy. Họ xoa tay cười nịnh :

- Dạ để Thầy biếu bà con trong chùa... Chúng con nghĩ là chùa đông người.

- Ý, tụi bay ngu. Các Thầy chùa không nạp thứ này, hiểu chưa ? Chỉ có tao. Thôi, về đi.

Họ riu riu kéo nhau về, hớn hờ sau khi cúng dường Thầy vài con cá, và được gặp Thầy. Đến giờ thọ trai, Thầy ngồi vào bàn chư Tăng, xách theo con cá biển mới lộc. Tăng chúng không chịu nổi mùi tanh, vác chén chạy, tránh ngồi gần Thầy. Thầy cười điềm nhiên gắp cá lộc, hề hề chấm nước tương ăn qua bữa.

Chỉ có vị Phương trượng hình như rất hiểu và thương Thầy, do đó Tăng chúng không dám bàn ra tán vào mặc dầu thái độ ngênh ngang của Thầy. Vì lâu lắm Thầy mới về chùa, nên Phương trượng cùng ngồi chung bàn với các đệ tử vào những dịp ấy. Đó là một biểu lộ rõ rệt của lòng ưu ái nơi bậc Thầy khả kính. Có thầy, Phương trượng vui hẳn lên. Hai Thầy trò đàm đạo rất tương đắc. Phương trượng dường như không quan tâm mấy may tới mùi tanh nồng nặc của con cá Thầy đang ăn, mặc dù chính Ngài đang dùng rau luộc.

Trong bữa ăn ấy, Thầy khùng lơ đánh rắm kêu cái đùng. Thầy diêm nhiên bỏ đũa, ra trước đại chúng lạy ba lạy sám hối. Lạy xong, trở về chỗ cũ tiếp tục ăn. Vài người không nhịn cười được, vừa ăn vừa cười khúc khích. Thầy quắc mắt, mắng :

- Tiên sư tụi bay, ta đã lạy sám hối, còn cười cái gì ? Ngồi ăn trước mặt Thầy không được cười giỡn.

Băng đi một dạo khá lâu, Thầy không trở về chùa. Một buổi chiều họ Tăng chúng thấy Thầy thất thểu bước lên đồi, dần dần chùa, mặt mày nghiêm trang khác hẳn mọi khi. Chúng ra chào Thầy :

- Hôm nay sao sư huynh nghiêm trang thế ?

- Nay mai giỗ Tổ, về bái biệt Thầy đây.
- Sư huynh đi đâu.
- Về châu Tô.

Đại chúng cười rộ, không tin lời Thầy. Nhưng đến giờ ngọ hôm sau tắm rửa xong Thầy vào nhà thiền lay Phương trượng ba lay từ biệt và bảo đại chúng :

- Hãy lên chuông trống bát nhã đi. Tây phương Tam Thánh sắp đến rước ta rồi.

Đại chúng chưa tin hẳn, nhưng nhìn ra thì cả làng đánh cá ùn ùn kéo lên chùa tiễn đưa Sư phụ của họ về Tây phương. Một mùi hương lạ xông khắp, và trên hư không, mọi người đều trông thấy ba luồng ánh sáng chói lòa của Tây phương Tam Thánh (Đi Đà, Quán Âm, Thế Chí) đến rước người con yêu dấu của các Ngài khi vị này đã mãn duyên hóa độ.

Ba hồi chuông trống vang rền trong khi Sư khùng diêm nhiên tọa tịch trong tư thế kiết già. Đại chúng rơi lệ sụp lạy sám hối trước con người mà họ thường báng bổ vì không thể hiểu thấu hành tung của Ngài. Sau khi Ngài thị tịch, đại chúng hỏi phương trượng :

- Bạch Thầy, thì ra sư huynh chúng con tu mật hạnh khó nghĩ bàn. Nhưng tại sao người phải làm

như vậy, sao không sống bình thường như những vị khác.

- Để hóa độ những dân đao búa, đệ tử ta phải làm như vậy. Nhờ ông ấy mà cả làng đánh cá mới quy y theo Phật, đa số bỏ hẳn nghề ác. Cho nên xét người, các ông chớ nên chỉ xét bề ngoài. Đức Phật đã dạy : *"Nếu thấy tướng mà không chấp tướng mới thấy được Phật"*, các ông phải nhớ lấy điều ấy.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Hoa nở hoa tàn việc thế gian
Đường tu tự tại cảnh thanh nhàn
Việc gì cần đến thì ta đến
Như vậy trần gian tức Niết bàn".

MỤC LỤC

	Trang
Hồn ma nhà đạo sĩ	5
Chiếc cầu muốn thươ	23
Tôn Giả tí hon	29
Không đau ruột bằng...	43
Dạy khi nói	48
Mục Kiền Liên	50
Bát cơm cúng đường	62
Vườn Nai	67
Duyên xưa nghiệp cũ	74
Ca Lưu Đà Di	78
Phật pháp nan văn	83
Tâm nhìn	87
Nắm tro tàn	89
Sự tích chim tu hú	91
Ông trưởng giả keo kiệt	97
La Hầu La xuất gia	106
Đạo đức trở về	114
Không biết mình điên	125
Chuyện chàng 4 vợ	128
Chú tiểu hiền triết	132
Nhờ nghe Phật pháp khỏi phải tự thiêu	147
Ông sư Huyền Trân	151
Nguyễn Minh Không	161
Vọng phu	165
Hồ ly vượt bể một vàng	170
Trư hòa thượng	181
Sự tích con muỗi	185
Phước Huệ song tu	191
Quạ cú thù nhau	194

Vô duyên với Phật thì không được Phật độ	198
Bà lão kỳ dị	201
Voi trung nghĩa	209
Nhà sư vương lý	219
Sự tích cây huyết dụ	223
Công đức xuất gia	226
Vị Sa Di giữ giới	247
Vạ mẹ	249
Hòa thượng của	252
Hải hoa cúng Phật	255
Con trâu	257
Sư bác quần tượng	264
Cây táo núi Thiết Sơn	266
Chàng ngốc	278
Mảnh lục bời nguyên	282
Nụ cười em bé	295
Gương mặt hoa mè	302
Đoạn đường phải đến	305
Người đốt giác ngộ	309
Một chút lửa địa ngục	315
Pothila ông sư rồng	320
Dưới gốc mai vàng	324
Ngọc báu trong túi áo	336
Tam nghiệp hằng thanh tịnh	341
Phạm chí ngạo mạn	343
Sự tích ông bình voi	346
Oan nghiệt	350
Tham y hóa rận	359
Sự tích con nhái	363
Tôn giả A Nan	367
Độ đệ tử	409
Dạo tràng của Bồ Tát	412

TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO

do MINH CHẾU sưu tập

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ấn hành



- Chịu trách nhiệm ấn hành : TT. THÍCH GIÁC TOÀN
- Biên tập kỹ thuật : ĐĐ. THÍCH THIỆN MINH
ĐĐ. THÍCH ĐỒNG BÓN
- Sửa bản in : MINH THANH
- Kỹ thuật in & trình bày bìa : PHÁP TUỆ — TÂM CAO

In tại nhà in Báo Sài Gòn Giải Phóng. Số lượng : 5.000 cuốn.
Do Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.
Giấy phép số 81/XBNT - GP ngày 2-4-1992
của Sở Văn hóa Thông tin TP. Hồ Chí Minh.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

佛教古代故事